HỘI GIÁO DỤC LỊCH SỬ
(HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM)

NHỮNG BÀI ĐẠT GIẢI TRONG KỲ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA

MÔN LỊCH SỬ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HỘI GIÁO DỤC LỊCH SỬ
(Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam)

NHỮNG BÀI ĐẠT GIẢI TRONG KỲ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA MÔN LỊCH SỬ

(Dùng cho: Thi học sinh giỏi quốc gia môn Lịch sử; thi tuyển sinh vào các trường Cao đẳng và Đại học khối C; giáo viên dạy môn Lịch sử)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NHỮNG BÀI ĐẠT GIẢI TRONG KỲ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA MÔN LỊCH SỬ

Phan Ngọc Liên – Nguyễn Sỹ Quế – Trịnh Đình Tùng

Tuyển lựa – Giới thiệu – Nhận xét

Các tác giả

- Phạm Thu Hằng (1997, Hà Nội)
- Nguyễn Thị Huyền Trang (1998, Nam Định)
- Đặng Thu Hà (1999, Hải Dương)
- Trần Thị Hoài Thu (1999, Bà Rịa - Vũng Tàu)
- Hoàng Hồng Trang (1999, Bà Rịa – Vũng Tàu)
- Lưu Thị Phương Loan (2000, Vĩnh Phúc)
- Bùi Thị Nga (2000, Thái Nguyên)
- Trần Thị Phương Thảo (2000, Cần Thơ)
- Nguyễn Việt Thùy Uyên (2000, Cần Thơ)
- Nguyễn Thị Hoài Thu (2001, Vĩnh Phúc)
- Vũ Thị Lý (2001, Hải Phòng)
- Nguyễn Thùy Linh (2001, Hà Nội)
- Bạch Hồng Nhung (2001, Tuyên Quang)
- Phạm Thị Phương Thảo (2001, Hoà Bình)
- Nguyễn Thị Thu Hiền (2002, Vĩnh Phúc)
- Nguyễn Thị Thanh Tùng (2002, Hưng Yên)

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU 5

Đề thi học sinh giỏi quốc gia 1997, bảng A 18

Bài của Phạm Thu Hằng, Hà Nội 21

Đề thi học sinh giỏi quốc gia 1998, bảng A 32

Bài của Nguyễn Thị Huyền Trang, Nam Định 35

Đề thi học sinh giỏi quốc gia 1999, bảng A 46

Bài của Đặng Thu Hà, Hải Dương 51

Đề thi học sinh giỏi quốc gia 1999, bảng B 67

Bài của Trần Thị Hoài Thu, Bà Rịa – Vũng Tàu 70

Bài của Hoàng Hồng Trang, Bà Rịa – Vũng Tàu 83

Đề thi học sinh giỏi quốc gia 2000, bảng A 93

Bài của Lưu Thị Phương Loan, Vĩnh Phúc 99

Bài của Bùi Thị Nga, Thái Nguyên 116

Đề thi học sinh giỏi quốc gia 2000, bảng B 128

Bài của Trần Thị Phương Thảo, Cần Thơ 134

Bài của Nguyễn Việt Thuỳ Uyên, Cần Thơ 146

Đề thi học sinh giỏi quốc gia 2001, bảng A 160

Bài của Nguyễn Thị Hoài Thu, Vĩnh Phúc 165

Bài của Vũ Thị Lý, Hải Phòng 179
Bài của Nguyễn Thùy Linh, Hà Nội 190

Đề thi học sinh giỏi quốc gia 2001, bảng B 204
Bài của Bạch Hồng Nhung, Tuyên Quang 209
Bài của Phạm Thị Phương Thảo, Hoà Bình 220

Đề thi học sinh giỏi quốc gia 2002, bảng A 232
Bài của Nguyễn Thị Thu Hiền, Vĩnh Phúc 239
Bài của Nguyễn Thị Thanh Tùng, Hưng Yên 254

LỜI MỞ ĐẦU

Làm sao đạt được giải cao và làm tốt bài thi Lịch sử? Đó là câu hỏi được đặt ra cho học sinh tham gia các đội tuyển Lịch sử các kỳ thi cấp tỉnh, olympic khu vực, quốc gia và thí sinh thi các trường Đại học và Cao đẳng (khối C).

Trước hết, cần khẳng định rằng, không phải là học sinh kém mới thi vào khối C, không phải đạt giải học sinh giỏi quốc gia môn Lịch sử thì không giá trị bằng được giải các môn khác. Quan niệm sai lầm này xuất phát từ chỗ không đánh giá đúng giá trị, vai trò, chức năng của các môn học ở trường phổ thông. Mục tiêu giáo dục của Đảng ta từ trước đến nay luôn nhấn mạnh đến việc đào tạo thế hệ trẻ thành những công dân tương lai, có lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, có phẩm chất, đạo đức, hiểu biết khoa học, văn hoá ở trình độ phổ thông, có năng lực tư duy và thực hành để tiếp tục học cao hơn hay tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước. Vì vậy, các môn học, các hình thức hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường đều có nhiệm vụ góp phần tích cực vào thực hiện mục tiêu đào tạo . Mọi môn học đều "bình đẳng" trong việc thực hiện nhiệm vụ này, không hề có "môn chính", "môn phụ", môn dễ, môn khó ở trường phổ thông. Bởi vì, các môn học ở trường phổ thông đều là những kiến thức cơ sở của một khoa học, đòi hỏi phải phát huy tinh thần, phương pháp dạy học tích cực, thông minh, sáng tạo. Tuy nhiên, trong quá trình học tập, học sinh dần dần hình thành hứng thú, năng khiếu về một môn học, cần được chăm lo, vun trồng. Công việc này vẫn đảm bảo sự phát triển toàn diện của giáo dục phổ thông, không rơi vào khuynh hướng học "lệch", "phiến diện" của học sinh.

Việc phân ban ở bậc Trung học phổ thông, việc tổ chức kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi quốc gia các môn học, việc tuyển sinh các trường Cao đẳng, Đại học theo các khối thể hiện việc hướng học sinh phát triển tài năng, năng khiếu trong việc chọn nghề một cách đúng đắn, về lý tưởng phục vụ cách mạng, trên cơ sở trình độ văn hoá phổ thông, toàn diện.

Nhận thức như vậy, học sinh khi chọn phân ban Trung học phổ thông, dự kỳ thi chọn vào đội tuyển một môn học, một khối thi vào trường Cao đẳng và Đại học đều dựa trên cơ sở tự nguyện, năng lực và sự phấn đấu cao với phương pháp học tập thông minh, sáng tạo, kiên nhẫn. Việc học tập môn Lịch sử cũng đòi hỏi, yêu cầu như học tập bất cứ môn học nào khác.

Các kỳ thi tuyển học sinh giỏi (quốc gia, khu vực, tỉnh), thi tốt nghiệp Trung học phổ thông, tuyển sinh vào trường Cao đẳng và Đại học đều là kết quả của việc học tập về mặt nhận thức bộ môn, về phương pháp học tập, nắm vững đề và làm tốt bài thi. Kết quả mà những học sinh giỏi quốc gia môn Lịch sử đạt được đã chứng minh điều này.

Qua kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Lịch sử, từ 1997 đến 2002, chúng tôi rút ra một số vấn đề cần lưu ý về phương pháp học tập và làm bài thi để giúp cho học sinh đạt giải và được tuyển vào các trường Đại học và Cao đẳng (các ngành Khoa học xã hội và nhân văn).

Trước hết, cần phải hiểu đề thi. Thường thường thí sinh không đọc kỹ đề thi mà chỉ đọc thoáng qua rồi vội vàng làm, do đó dễ bị *lạc đề, xa đề*, không tập trung vào vấn đề được nêu ra. Các đề thi chọn học sinh giỏi quốc gia trong mấy năm qua thường được xác định trên cơ sở một chủ điểm và đòi hỏi học sinh phải giải quyết một số vấn đề có liên quan.

Ví như, đề thi "Trên cơ sở trình bày cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý, hãy nêu:

- Chiến lược và nghệ thuật quân sự trong việc tấn công, phòng ngự và chấm dứt chiến tranh.

- Một trong những bài học kinh nghiệm trên được vận dụng như thế nào trong cuộc kháng chiến chống xâm lược, giải phóng dân tộc của tổ tiên ta (tự chọn)".

Đọc kỹ đề, thí sinh sẽ nhận thấy rằng, vấn đề chủ yếu ở đây không phải là trình bày chi tiết về cuộc kháng chiến của nhân dân ta thời nhà Lý mà là phác họa một đôi nét về cuộc kháng chiến để tập trung vào những vấn đề trọng tâm được nêu ra. Đó là chiến lược, nghệ thuật quân sự trong tấn công, phòng ngự, kết thúc chiến tranh và một trong những bài học này được vận dụng như thế nào trong một cuộc kháng chiến (tự chọn). Ngược lại, không chú ý đến vế đầu: "Trên cơ sở trình bày cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý..." mà đi sâu, phân tích các vế sau thì lại biến bài lịch sử thành một bài chính trị chung chung, nặng về luận giải,không dựa trên cơ sở sự kiện lịch sử chính xác, cụ thể.

Khi đọc đề thi, chúng ta lại cần chú ý đến một số điểm có ý nghĩa quan trọng, nhưng thường bị bỏ qua. Ví như, đề thi: "Lập bảng thống kê các nước trong khối ASEAN trên các mặt: Thủ đô, Ngày độc lập, Những nét chủ yếu về kinh tế, xã hội, chính trị" (Đề thi năm 1999). Do không đọc kỹ đề thi, không phân biệt khối ASEAN với các quốc gia Đông Nam Á nên rất đông thí sinh trình bày cả 10 nước Đông Nam Á, trong khi Cămpuchia chưa phải là quốc gia thành viên

ASEAN. Một số ít thí sinh chỉ làm 9 nước thành viên ASEAN là đúng; một vài thí sinh tuy nêu 10 nước Đông Nam Á nhưng chú thêm Cămpuchia chưa phải là quốc gia thành viên. Về những nét chủ yếu kinh tế, xã hội, chính trị của các nước ASEAN, hầu hết học sinh đều nói đến các quốc gia giành được độc lập và bị rơi vào cuộc khủng hoảng năm 1997; chỉ có một số ít học sinh đề cập đến tính thống nhất trong sự đa dạng của các nước ASEAN và nhấn mạnh Việt Nam kiên trì đi theo con đường xã hội chủ nghĩa đã được lựa chọn.

Như vậy, việc *đọc kỹ đề thi* trước khi làm bài có ý nghĩa quan trọng đối với kết quả bài thi.

Thứ hai, vạch đề cương sơ lược bài làm. Khi đọc kỹ đề thi, học sinh cần chú ý mấy điểm sau đây trước khi thực hiện bài làm:

a. Chú ý số điểm dành cho mỗi câu. Tổng số điểm đối với kỳ thi học sinh giỏi quốc gia là 20, kỳ thi tuyển sinh thường là 10, trong đó số điểm câu hỏi về Lịch sử Việt Nam thường là 14/20 (hay 7/10 trong tuyển sinh); về Lịch sử thế giới là 6/20 (hay 3/10). Trong đề thi Lịch sử Việt Nam hay Lịch sử thế giới lại gồm 2-3 câu hỏi nhỏ, mỗi câu hỏi nhỏ có thể ghi số điểm. Trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, các câu hỏi về Lịch sử Việt Nam đều nhằm vào chủ đề được nêu ở phần mở đầu câu (xem các đề thi kèm sau); câu hỏi về Lịch sử thế giới (thường 2 câu), không tập trung theo một chủ đề, song cũng có thể liên quan với nhau. Do đó, khi làm bài, thí sinh có thể thực hiện trước câu hỏi về Lịch sử Việt Nam hay Lịch sử thế giới, miễn là *đảm bảo thời gian hợp lý cho nội dung mỗi bài, tương ứng với số điểm được nêu*. Khi phân phối thời gian làm bài, cần chú ý khắc phục việc "sa lầy" vào một câu "trúng tủ", được nắm vững, mà không đạt được nhiều điểm. Thí sinh nên phân phối thời gian để hoàn thành tất cả các câu hỏi. Thí sinh không nhất thiết phải thực hiện các câu hỏi theo trình tự được nêu ra, mà có thể đảo lộn một chút phù hợp với sự hiểu biết của mình. Tuy nhiên, trong đề thi Lịch sử Việt Nam, các câu hỏi nhỏ thường được liên kết với nhau trong một hệ thống, theo một chủ đề nhất định nên phải theo trình tự (như đề thi Lịch sử Việt Nam, năm 2002,nói về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn). Trong nhiều trường hợp sau khi làm xong các câu hỏi nhỏ về lịch sử Việt Nam, thí sinh nên rút ra kết luận chung, nêu rõ mối liên hệ giữa các vấn đề đã được giải quyết. Trong kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông, hay tuyển sinh vào các trường Cao đẳng, Đại học, trình tự các câu hỏi nhỏ của đề thi Lịch sử Việt Nam hay Lịch sử thế giới có thể không có mối quan hệ chặt chẽ lắm và thí sinh có thể đảo lộn trình tự câu hỏi khi làm bài.

Nội dung của đề thi Lịch sử (chủ yếu kỳ thi học sinh giỏi quốc gia) rất phong phú, đa dạng: *câu hỏi lý thuyết* (*biết* và *hiểu* sự kiện), *câu hỏi thực hành* (*điền vào bản đồ câm* cho sẵn - đáng lý thí sinh phải tự vẽ – chữ viết, con số, ký hiệu theo một chủ đề), *lập niên biểu, bảng thống kê, vận dụng kiến thức đã học để giải thích một sự kiện mới, liên hệ thực tế*...). Vì vậy, sau khi đọc kỹ đề bài, thí sinh cần nhận thức rõ các loại bài thi được nêu ra và phân phối thời gian hợp lý, đừng mất quá nhiều thì giờ về một câu hỏi nào (đặc biệt các câu hỏi được ít điểm).

b. Đối với từng câu hỏi, giáo viên *ghi rõ những vấn đề cơ bản nào phải trình bày, những sự kiện nào không thể thiếu được khi làm bài*. Điều này giúp học sinh không lúng túng, không bị động về thời gian, lúc đầu thì ung dung viết dài dòng, khi đi vào vấn đề chủ yếu mà thời gian còn ít lại vội vàng, làm thiếu hay có nhiều sai sót. Ví như, đối với câu hỏi “Nguồn gốc và thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai và ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển của nhân loại", thí sinh ghi rõ trong đề cương cần phải tập trung giải quyết 3 vấn đề: *nguồn gốc, thành tựu, ảnh hưởng* của cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ hai và mỗi vấn đề cần nêu những sự kiện nào. Có một đề cương sơ lược như vậy, thí sinh sẽ chủ động, bình tĩnh khi làm bài, đảm bảo thực hiện tất cả các câu hỏi, với đầy đủ nội dung, phù hợp với yêu cầu của đề thi.

Thứ ba, nắm vững nội dung lịch sử là yêu cầu quan trọng bậc nhất để đạt được kết quả thi.

Việc nắm vững nội dung lịch sử để làm bài thi *không phải chỉ là ghi nhớ sự kiện*, dù đây là điều kiện đầu tiên, không thể thiếu khi học Lịch sử cũng như học bất cứ môn học nào. Cần *phải biết, ghi nhớ sự kiện chính xác, cơ bản* khi làm bài. Điều chủ yếu không phải là học thuộc lòng sự kiện, nhồi nhét, chất đống tài liệu, mà *phải có phương pháp tiếp nhận, ghi nhớ tài liệu – sự kiện để hiểu*. Trên cơ sở lý luận về phương pháp dạy học Lịch sử theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh, qua kinh nghiệm và kết quả học tập của học sinh giỏi – những thí sinh các kỳ thi quốc gia môn Lịch sử – chúng tôi nêu một số vấn đề cần lưu ý khi học tập (chuẩn bị các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, tuyển sinh vào các trường Cao đẳng và Đại học).

a. Trước hết cần *nắm được kiến thức cơ bản của chương trình học*. Chương trình thi học sinh giỏi quốc gia nói chung, môn Lịch sử nói riêng, chủ yếu là chương trình lớp 12 Trung học phổ thông, nhưng do yêu cầu của việc học Lịch sử, đặc biệt là kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và phần nào đối với kỳ thi tuyển sinh vào các trường Cao đẳng và Đại học, thí sinh cần phải nắm hệ thống kiến thức có liên quan đến một chủ đề nào đó. Ví như, khi đi sâu vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thí sinh cần phải nắm vững các vấn đề có liên quan đã học, như: truyền thống đánh giặc, cứu nước của nhân dân Việt Nam; nghệ thuật quân sự tài giỏi của ông cha, kết quả tất yếu của chiến tranh...

Trong khi nắm kiến thức cơ bản của chương trình Lịch sử, thí sinh cần hiểu biết lịch sử một cách toàn diện trên nhiều lĩnh vực của quá khứ – kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, giáo dục, tư tưởng..., chứ không chỉ tập trung vào diễn biến quân sự, cách mạng. Một điều cần lưu ý là nội dung chương trình Lịch sử ở trường phổ thông gồm có hai khoá trình riêng, song lại quan hệ chặt chẽ với nhau – Lịch sử Việt Nam và Lịch sử thế giới. Thông thường học sinh không biết liên kết kiến thức của hai khoá trình này để hiểu sâu sắc hơn các vấn đề lịch sử. Ví như, đề thi nói về trách nhiệm của triều đình Nguyễn trong việc để nước ta rơi vào tay thực dân Pháp, đòi hỏi thí sinh không chỉ hiểu biết tình hình nước ta lúc bấy giờ mà cần nhận thức thêm về sự phát triển của các nước tư bản phương Tây, âm mưu xâm chiếm thuộc địa, tình hình chung của các nước phương Đông, đặc biệt là Trung Quốc và Nhật Bản. Trên cơ sở những kiến thức như vậy, thí sinh sẽ nêu rõ các nguyên nhân dẫn tới việc mất nước ta và xác định trách nhiệm của triều đình Huế làm cho việc mất nước không phải là tất yếu trở thành tất yếu.

b. Trên cơ sở kiến thức cơ bản, toàn diện về lịch sử (dân tộc và thế giới) như vậy, thí sinh cần *nắm một số vấn đề chủ yếu và dự đoán những vấn đề sẽ gặp trong các đề thi*. Thật ra trong khuôn khổ chương trình Lịch sử Trung học phổ thông – nội dung cơ bản của các đề thi học sinh giỏi quốc gia và tuyển sinh vào các trường Cao đẳng, Đại học – cũng chỉ xoay quanh một số vấn đề. Dĩ nhiên, từ những vấn đề chủ yếu này lại có nhiều khía cạnh khác nhau để ra đề thi. Ví như, vấn đề vai trò, công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam từ khi Người ra đi tìm đường cứu nước (1911), có rất nhiều nội dung cho đề thi: cơ sở xác định nội dung, con đường cứu nước đúng đắn của Hồ Chí Minh, ý nghĩa đối với sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam; quá trình chuẩn bị cho việc thành lập Đảng về các mặt tổ chức, tư tưởng, cán bộ...

Do đó, trong học thi không phải là "đoán mò", "học tủ" mà chủ yếu là nắm những vấn đề cơ bản để có thể "ứng phó" với mọi "tình huống" được đặt ra. Trên cơ sở những kiến thức cơ bản về cuộc đời và hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ 1911, thí sinh tuỳ theo yêu cầu, nội dung của câu hỏi mà sử dụng một cách thích hợp , giải quyết vấn đề được đặt ra.

c. Kiến thức cơ bản về lịch sử không phải chỉ có sự kiện mà *bao gồm nhiều yếu tố khác nhau: nhân danh, địa danh, thời gian, các hiện tượng, biến cố lịch sử, các thuật ngữ, khái niệm, quy luật, nguyên lý*... Vì vậy, khi học, thí sinh không chỉ tập trung ghi nhớ một số sự kiện mà phải hiểu biết các yếu tố nêu trên, có liên quan đến đề thi. Học sinh cần chú ý nắm các thuật ngữ, khái niệm lịch sử được sử dụng trong nhiều khoá trình, như "chiến tranh nhân dân", "giai cấp", "đẳng cấp"..., hoặc trong một thời kỳ, giai đoạn lịch sử nhất định, như "Sát Thát", "Cần Vương", "Đông Du", "Kháng chiến toàn quốc", "Chiến tranh một phía", "Chiến tranh cục bộ"...

Mặt khác, kiến thức lịch sử mang tính tổng hợp, vì nó đề cập đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Vì vậy, thí sinh phải được trang bị những kiến thức cơ bản, có liên quan đến lịch sử như văn học, địa lý, giáo dục chính trị, kể cả những kiến thức về khoa học tự nhiên, phù hợp với trình độ của học sinh và yêu cầu làm bài thi. Tuy vậy, không nên quá sa vào các loại kiến thức bổ trợ này, các vấn đề về văn học, nghệ thuật, khoa học - kỹ thuật, văn hoá - tư tưởng chỉ được *xem xét ở góc độ những sự kiện lịch sử*, chứ không phải là những kiến thức của một lĩnh vực khoa học chuyên sâu. Các kiến thức này chỉ nhằm làm sáng tỏ thêm thời kỳ lịch sử đang học.

Thứ tư, kết quả, thành công của một bài thi không chỉ giới hạn ở việc nắm vững nội dung, tuy đây là một điều kiện rất quan trọng, mà còn ở *phương pháp học tập, làm bài*. Không ít thí sinh, trong các kỳ thi học sinh giỏi, các kỳ tuyển sinh vào trường Cao đẳng và Đại học tuy thuộc bài nhưng vẫn không đạt được điểm cao, thậm chí không đạt giải hoặc thi trượt, là do thiếu phương pháp học tập, làm bài một cách thông minh, chủ động. Trong khi trình bày về việc nắm yêu cầu đề thi, lập đề cương, xác định nội dung kiến thức cơ bản khi làm bài, chúng tôi đã đề cập, nhấn mạnh đến phương pháp học tập và làm bài. Tuy nhiên, cũng cần hệ thống một số điểm chủ yếu để nhớ và thực hiện tốt.

a. Trước hết, cần có *quan niệm đúng về phương pháp học tập lịch sử.* Học lịch sử không phải chỉ nhớ, thuộc lòng mà phải hiểu. Cũng như các môn khác, *học tập lịch sử cũng đòi hỏi sự thông minh, phải có tư duy, phải làm các loại bài tập, thực hành*. Như đã nói, trên cơ sở nắm vững kiến thức cơ bản, cần phải phát hiện các vấn đề có thể gặp, có *điều kiện và bản lĩnh giải quyết* bất cứ đề thi nào trong khuôn khổ của chương trình thi, *phù hợp với trình độ thí sinh*. Đặt "tình huống có vấn đề" là một yêu cầu của việc học tập tích cực, thông minh, sáng tạo, dưới dạng giả định các câu hỏi, những khía cạnh có thể gặp trong các đề thi, để chủ động trong giải quyết bất cứ đề nào.

b. Việc *tổng kết* các vấn đề đã học theo "*lịch đại*" (trình tự diễn ra các sự kiện), "*đồng đại*" (các sự kiện xảy ra cùng một thời gian) là yêu cầu cần thiết để hiểu rõ sự phát triển của các sự kiện lịch sử, hay so sánh các sự kiện để rút ra bản chất, bài học, kinh nghiệm lịch sử, mối liên hệ quá khứ với hiện tại và đoán định sự phát triển tương lai.

c. Rèn luyện *phương pháp giải quyết các loại bài tập lịch sử* cũng là một vấn đề cần được chú ý. Bởi vì, trong việc đổi mới phương pháp dạy học, việc kiểm tra, thi cử, đánh giá được thực hiện với nhiều hình thức phong phú, chứ không chỉ giới hạn chủ yếu ở các đề thi chỉ đòi hỏi học thuộc, hay tự luận. Trước mắt, cần rèn luyện các loại bài tập, ngoài bài tự luận lịch sử. Đó là:

- Bài tập với *câu hỏi trắc nghiệm*, chủ yếu là xác định đúng, sai về một sự kiện lịch sử, về mối quan hệ giữa một số sự kiện...

- Bài tập về *bình luận tài liệu lịch sử* một cách ngắn gọn, chặt chẽ, theo một chủ đề nhất định.

- *Bài tập thực hành*, gồm việc trình bày một vấn đề lịch sử qua một bài viết nhỏ, qua một bản đồ (cho sẵn hay tự vẽ), lập các bảng thống kê, niên biểu, sơ đồ, đồ thị...

- *Giải thích thuật ngữ, khái niệm lịch sử cơ bản...*

Những loại bài tập này đã được sử dụng trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Lịch sử Về cơ bản, thí sinh hiểu và làm được. Tuy nhiên, qua các bài thi cũng nhận thấy những *mặt lúng túng, bất cập của đa số thí sinh về năng lực thực hành* (nhất là việc vẽ bản đồ, điền các ký hiệu vào bản đồ câm...), về *trình độ khái quát những nội dung cơ bản trong* *một bảng thống kê* (thí sinh thường liệt kê các sự kiện hơn là biết chọn lựa sự kiện để giải quyết vấn đề được nêu...).

d. Việc trình bày bài thi rất quan trọng đối với việc đánh giá và đạt được điểm cao.

Giá trị một bài thi không chỉ được xem xét, đánh giá ở nội dung, tuy là yếu tố chủ yếu của bài, mà còn ở mặt phương pháp trình bày, thể hiện nội dung. Rất nhiều bài có nội dung tốt, song không đạt kết quả cao, vì những sai phạm sau:

- Câu văn lủng củng, viết sai chính tả, sai ngữ pháp, trình bày tối nghĩa, không rõ ràng...

- Lập luận thiếu lôgic, không chặt chẽ, không tập trung vào chủ đề; hay trình bày lan man theo kiến thức có sẵn, không hiểu yêu cầu đề thi, dẫn tới việc xa đề, lạc đề.

- Có những sai sót về tài liệu, sự kiện, như tên nhân vật, địa danh, niên đại...; thậm chí có những nhầm lẫn không nhỏ về nội dung có thể do không có thời gian đọc lại bài làm hay kiến thức chưa vững chắc.

- Chữ viết quá xấu, không rõ, làm mất hứng thú, cảm tình của người chấm...

Những thiếu sót trên có thể khắc phục được *nếu thí sinh được luyện tập làm bài* (mỗi tuần 1 – 2 bài trong cả đợt tập trung ôn tập), được phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm. Điều quan trọng là phải nắm chắc nội dung đề thi, bố trí thời gian hợp lý, cân đối khi làm bài, không vội vàng, hấp tấp, chạy đuổi thời gian, không kịp suy nghĩ, đọc lại bài. Những bài như thế này chắc chắn không đạt được giải, không thu được kết quả cao.

Để minh hoạ cho những vấn đề được trình bày trên, chúng tôi chọn một số bài đạt giải nhất, nhì của cả bảng A và

B (chủ yếu là bảng A và giải nhất). Do khuôn khổ của sách, không thể công bố nhiều bài khác cùng đạt kết quả tương đương. Các bài được sắp xếp theo thứ tự năm thi, có kèm theo đề thi và đáp án của kỳ thi năm ấy. Sau mỗi bài thi, chúng tôi có đôi lời nhận xét của mình để giúp cho người đọc rút kinh nghiệm khi làm bài.

Đảm bảo tính trung thực, thể hiện trình độ của thí sinh, chúng tôi giữ nguyên văn bài thi của thí sinh. Tuy nhiên, bài thi còn là tài liệu tham khảo cho học sinh Trung học phổ thông, đặc biệt là học sinh lớp chuyên Sử, cho các thí sinh dự thi tuyển vào Đội học sinh giỏi các tỉnh, dự kỳ thi tuyển học sinh giỏi quốc gia môn Lịch sử và vào các trường Cao đẳng, Đại học, nên chúng tôi có biên tập (chủ yếu về câu văn), chú thích những kiến thức sai trong bài.

Qua năm kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, chúng tôi nhận thấy trình độ, chất lượng học tập của thí sinh rất khá, vượt hẳn nhiều học sinh Trung học phổ thông khác. Những em được giải vào thẳng các trường Đại học và Cao đẳng, hoặc thi đỗ (phần lớn thi đỗ) vào các trường Đại học đều trở thành những sinh viên giỏi, nhiều em được tuyển vào các lớp "sinh viên tài năng", "lớp chất lượng cao" của khoa Lịch sử trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Một vài em được chọn đi học nước ngoài hay được bồi dưỡng tiếp ở bậc học cao hơn...

Tài liệu này cũng thể hiện thành tựu của việc dạy học Lịch sử ở trường Trung học phổ thông nước ta, không chỉ xác nhận trình độ của thầy giáo và học sinh đối với môn Lịch sử, tạo điều kiện cho việc nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường Đại học và Cao đẳng, mở ra triển vọng tốt đẹp của việc xây dựng đội ngũ các thầy, cô giáo Lịch sử, các nhà sử học tương lai.

Chúng ta tỏ lòng biết ơn Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường Trung học phổ thông và các thầy, cô giáo đã quán triệt và thực hiện có kết quả đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển giáo dục và khoa học công nghệ, cụ thể đối với bộ môn Lịch sử, trong việc khuyến khích dạy học tốt, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

GS. TS Phan Ngọc Liên
(Chủ tịch Hội Giáo dục Lịch sử
– Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN
No LC/651

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA, 1997
BẢNG A

CÂU A. LỊCH SỬ VIỆT NAM - (14 ĐIỂM)

Bình luận câu nói sau đây của lãnh tụ Hồ Chí Minh trên cơ sở phân tích bối cảnh lịch sử nước ta trươc khi Cách mạng tháng Tám bùng nổ: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập".

Anh (chị) hãy chọn và phân tích một sự kiện lịch sử trong tiến trình lịch sử Việt Nam trước 1858 để thấy được tầm quan trọng của thời cơ trong cuộc chiến đấu chống xâm lược.

CÂU B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

Trình bày và phân tích nguyên nhân của sự phát triển kinh tế của Mỹ và Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Từ đấy, anh (chị) hãy phát biểu nhận thức của mình về bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ 1

Yêu cầu chung: Bài làm thể hiện nhận thức tương đối sâu sắc về vai trò quan trọng của thời cơ trong cuộc đấu tranh chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta, và trong thực tế lịch sử, nhân dân ta đã nhiều lần tận dụng được thời cơ để huy động sức mạnh tổng hợp của dân tộc, biến yếu thành mạnh, biến khó khăn thành thuận lợi... Biết thể hiện, vận dụng bài học lịch sử này vào thực tế học tập, công tác...

Yêu cầu cụ thể:

1. Phần bình luận câu nói của lãnh tụ Hồ Chí Minh

(7 điểm)

a) Cần phân tích rõ bối cảnh lịch sử nước ta trước khi Cách mạng tháng Tám bùng nổ:

- Tình hình thế giới: Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc... đặc biệt nhấn mạnh ở mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, Nhật bị thua nặng nề ở nhiều nơi.

- Tình hình Đông Dương: Pháp ráo riết hoạt động... Nhật hành động trước (9-3-1945). Những thủ đoạn chính trị và kinh tế của Nhật...

- Hội nghị Trung ương Đảng 12-3-1945..., nhấn mạnh Nhật là kẻ thù chính, cụ thể trước mắt và duy nhất.

- Thời cơ đang chín muồi nhanh chóng...

- Phân tích rõ khoảng thời gian của thời cơ bùng nổ Cách mạng tháng Tám.

b) Dùng các sự kiện cụ thể để chứng minh nhân dân ta đã quyết tâm, dù hy sinh tới đâu..., đã nhanh chóng chớp đúng thời cơ, giành thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám.

2. Liên hệ tới một sự kiện trong tiến trình lịch sử Việt Nam trước 1858 (An Dương Vương bỏ lỡ thời cơ tiêu diệt Triệu Đà khi nỏ thần có tác dụng mạnh; Triệu Quang Phục đã chớp thời cơ khi ở Trung Quốc xảy ra loạn Hầu Lương; Quang Trung đã chớp thời cơ khi quân Thanh đang say sưa

với chiến thắng quá nhanh chóng, lại chủ quan đón Tết mà không phòng bị... để tiến quân thần tốc tiêu diệt quân Thanh...)

(5 điểm)

- Dù liên hệ tới một sự kiện nào cũng phải phân tích nổi bật vai trò quan trọng của thời cơ và nhân dân ta đã kịp thời chớp được để giành thắng lợi. .

3. *Phần liên hệ rút ra bài học* (2 điểm)

ĐỀ 2

Yêu cầu chung:

- Không trình bày về sự phát triển kinh tế của Mỹ và Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai mà tập trung vào nguyên nhân phát triển.

- Nêu những nét chính về bản chất chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Yêu cầu cụ thể:

a. Nguyên nhân chung của sự phát triển kinh tế của Mỹ, Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

b. Những nguyên nhân về sự phát triển của mỗi nước và có thể rút ra những nét đặc thù trong sự phát triển kinh tế của Mỹ và Nhật.

c. Có thể trình bày về nội dung, đặc trưng của chủ nghĩa tư bản hiện đại, song chủ yếu là nêu những nét cơ bản.

Ý (a) – 1 điểm.

Ý (b) – 3 điểm.

Ý (c) – 2 điểm.

BÀI LÀM*

CÂU A: LỊCH SỬ VIỆT NAM

Chủ đề của bài nói về việc nắm thời cơ và hành động trong Cách mạng tháng Tám 1945 và liên hệ với những sự kiện trong lịch sử dân tộc.

Trong bất cứ cuộc chiến đấu nào, thời cơ cũng là một yếu tố vô cùng quan trọng. Xác định thời cơ, nắm bắt và phát huy triệt để thời cơ chiến lược trong chiến đấu có thể tạo nên thắng lợi quyết định, chiến lược, xoay chuyển và làm thay đổi toàn bộ cục diện chiến tranh. Lịch sử của dân tộc Việt Nam là lịch sử dựng nước và giữ nước. Chúng ta nhiều lần phải đương đầu với những kẻ thù xâm lược hung bạo và cường thịnh để bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc Việt Nam. Trong những cuộc chiến đấu đó, vấn đề thời cơ quyết chiến chiến lược luôn luôn được cha ông ta nắm bắt, khai thác và sử dụng triệt để, góp phần tạo nên thắng lợi quyết định để giữ vững độc lập và chủ quyền của Tổ quốc.

Cách mạng tháng Tám năm1945 là một cuộc Tổng khởi nghĩa của toàn dân, dưới sự lãnh dạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đã vùng dậy giành thắng lợi nhanh chóng trong 15 ngày, trong quá trình đó, việc nắm thời cơ để hành động là một nhân tố quan trọng tạo nên thắng lợi. Thời cơ của Cách mạng tháng Tám 1945 là thời cơ ngàn năm có một... Dân tộc ta đã nắm bắt và tiến hành đấu tranh với một quyết tâm rất cao; đúng như lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập". Câu nói vừa thể hiện thời cơ đã đến, vừa nêu rõ quyết tâm chiến đấu giành thắng lợi. Thực tiễn đã chứng minh điều này.

---

* Phạm Thu Hằng (Hà Nội)

Trước khi Cách mạng tháng Tám bùng nổ, không khí cách mạng trong nước ngày càng sôi nổi, hào hùng. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đang trong những ngày đấu tranh sôi nổi và mạnh mẽ nhất. Lúc đó, Bác Hồ ốm nặng, tưởng không qua khỏi, như lời trăn trối của một người sắp đi xa, Bác đã dặn dò Đại tướng Võ Nguyên Giáp như trên. Lời nói của Bác là sự khái quát và đúc kết cô đọng tình hình cách mạng Việt Nam trước tháng Tám, về nắm vững thời cơ cách mạng và thể hiện một ý chí quyết tâm tới cao độ, quyết giành cho được độc lập, tự do của dân tộc ta.

Cách mạng tháng Tám chỉ diễn ra và giành thắng lợi trong 15 ngày, nhưng là kết quả đấu tranh cách mạng của nhân dân ta trong 15 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Từ lúc Đảng ra đời (3-2-1930), với đường lối cách mạng đúng đắn, soi đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam, nhân dân ta đã tiến hành cuộc diễn tập lần thứ nhất – phong trào cách mạng 1930 – 1931, cuộc diễn tập thứ hai - phong trào dân chủ 1936 - 1939, rồi phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945 với sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược tại Hội nghị Trung ương VI (11-1939) và hoàn chỉnh tại Hội nghị Trung ương VIII (5-1941), đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên vị trí hàng đầu, chủ trương khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang ngày càng lớn mạnh, hình thức đấu tranh ngày càng phong phú, quyết liệt. Tới năm 1945, tình thế cách mạng xuất hiện với không khí tiền khởi nghĩa.

Ở trong nước, ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương, gây ra tình trạng khủng hoảng về chính trị. Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị "Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", phát động cao trào "Kháng Nhật cứu nước" sôi động trong toàn quốc, nêu cao khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật", giành độc lập và lập nên Chính phủ dân chủ cộng hoà. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, cả dân tộc ta đã đứng dậy đấu tranh, từ miền xuôi đến miền ngược, từ thành thị đến nông thôn, khắp nơi sôi sục không khí khởi nghĩa và cuộc đấu tranh ở các thành phố cũng sẵn sàng nổ ra. Việt Minh tổ chức những cuộc diễn thuyết chớp nhoáng, tố cáo tội ác phát xít Nhật, trừ khử những tên Việt gian gian ác. Khởi nghĩa Ba Tơ (Quảng Ngãi, ngày 11-3-1945) nổ ra với sự ra đời của Đội du kích Ba Tơ, tăng thêm lực lượng vũ trang của cách mạng. Ở vùng nông thôn, phong trào phá kho thóc, diệt ác, trừ gian diễn ra sôi nổi. Nhìn chung, trong cao trào "Kháng Nhật cứu nước", toàn dân ta đứng dậy, đầy quyết tâm, sôi nổi; tình thế cách mạng đã tới.

Ngoài nước, Chiến tranh thế giới thứ hai đang đi vào hồi kết thúc. Quân Đồng minh phản công, tiêu diệt phát xít trên khắp các chiến trường, phe phát xít liên tục thất bại. Ở châu Âu, Đức đầu hàng (5-1945), phát xít Italia đã thất bại; Ở châu Á, phát xít Nhật thảm bại trên các chiến trường, giãy giụa trong cơn hấp hối. Tình hình thế giới đang hết sức sôi động, cao trào cách mạng ở Việt Nam cũng hoà trong không khí như vũ bão của quân Đồng minh, khiến quân Nhật tại Đông Dương và Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim ở trong tình thế vô cùng khó khăn, lung lay và rệu rã.

Bối cảnh lịch sử của Việt Nam và thế giới năm 1945 cho thấy thời cơ cách mạng đã tới gần. Đó thực sự là một "thời cơ thuận lợi" cho cả dân tộc ta trong cuộc nổi dậy giành chính quyền. Đảng và nhân dân ta trên dưới một lòng, tràn trề quyết tâm và khí thế, “dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”, với lúc này không chỉ là "thời cơ thuận lợi” theo đà tiến triển của tình hình, nó trở thành thời cơ "ngàn năm có một" đối với dân tộc ta.

Ngày 14-8-1945, phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, quân Nhật ở Đông Dương suy sụp và khủng hoảng tinh thần trầm trọng, kéo theo sự khủng hoảng của chính quyền bù nhìn.

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, theo thoả thuận tại hội nghị Pôtxđam, quân Đồng minh sẽ vào nước ta giải giáp quân đội Nhật.

Như vậy, thời cơ cách mạng chỉ tồn tại từ khi Nhật đầu hàng đến lúc quân Đồng minh vào Đông Dương. Ta phải nắm bắt đúng thời cơ này, nếu cách mạng nổ ra sớm, quân Nhật còn tinh thần sẽ gây khó khăn cho ta; nếu muộn,quân Đồng minh vào Việt Nam thì thời cơ không còn nữa. Đảng ta đã xác định đúng thời cơ cách mạng, phát lệnh Tổng khởi nghĩa sau Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ 13 đến 15-8-1945) trong cả nước.

Nắm bắt đúng thời cơ là một nhân tố quyết định khiến cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu.

Tóm lại, lời nói của Bác là sự đúc kết cô đọng và trọn vẹn về thời cơ của cách mạng Việt Nam năm 1945, về tinh thần quyết chiến, quyết thắng của toàn dân tộc khi đứng lên Tổng khởi nghĩa. Lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh – con người của những bước ngoặt lịch sử - luôn sáng suốt, đúng đắn, soi đường, chỉ lối cho cách mạng Việt Nam. Điều này được chứng minh một cách rõ rệt với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945. Lời nói của Bác không chỉ có ý nghĩa đối với giai đoạn lịch sử đương thời mà còn có tác dụng trong cả tiến trình lịch sử Việt Nam; nó thể hiện quyết tâm của toàn dân tộc trong những thời điểm có ý nghĩa quyết định của lịch sử, khi dân tộc ta đánh những trận quyết chiến chiến lược, như Điện Biên Phủ (1954), chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) để hình thành cục diện chiến tranh có lợi cho ta, giành thắng lợi hoàn toàn cho dân tộc. Ghi nhớ lời nói của Bác sẽ giúp các thế hệ Việt Nam có tinh thần, có quyết tâm bảo vệ, xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay và mai sau.

Có thể nói, Cách mạng tháng Tám 1945 là sự thể hiện khả năng nắm bắt tài tình thời cơ chiến lược quân sự của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, tầm quan trọng của thời cơ trong cuộc chiến đấu chống xâm lược đã là một trong những nghệ thuật quân sự Việt Nam từ lâu đời, nó đã được chứng minh tầm quan trọng trong nhiều trận chiến lịch sử của dân tộc, như Bạch Đằng, Chi Lăng, Xương Giang, Đống Đa... Bài viết này, em xin đề cập tới chiến thắng Ngọc Hồi, Đống Đa (1789) của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo thiên tài của Quang Trung, đánh thắng quân Thanh xâm lược, để thấy rõ tầm quan trọng của thời cơ trong cuộc chiến đấu chống xâm lược.

- Năm 1788, ông vua đớn hèn Lê Chiêu Thống - triều vua cuối cùng của nhà hậu Lê - đã chạy sang Trung Quốc cầu viện và rước 29 vạn quân Mãn Thanh sang xâm lược đất nước ta.

- Quân Tây Sơn rút về phòng thủ tại Tam Điệp và cấp báo với Nguyễn Huệ tại Phú Xuân. Nhận được tin báo, Nguyễn Huệ tập trung lực lượng, lên ngôi vua, lấy hiệu là Quang Trung, chia quân làm 5 cánh thủy bộ tiến ra Bắc tiêu diệt quân xâm lược.

- Với cuộc hành quân thần tốc, lực lượng quân Tây Sơn không ngừng lớn mạnh trên đường tiến ra Bắc. Vào dịp Tết âm lịch 1789, vua Quang Trung cho quân ăn Tết sớm và hẹn quyết chiến tới mồng 7 Tết sẽ vào Thăng Long, đánh địch trong lúc chúng sơ hở, chủ quan về lực lượng và ưu thế của chúng.

- Thời cơ quyết chiến mà Quang Trung lựa chọn là vào dịp Tết nguyên đán - một thời cơ chiến lược. Quân ta đánh nhanh trong 5 ngày, với chiến công rực rỡ ở Hạ Hồi, Ngọc Hồi, Đống Đa... đánh tan quân tinh nhuệ và đông đảo của Mãn Thanh...

Chiến thắng của Quang Trung trong trận Ngọc Hồi - Đống Đa (1789) là một trong những trận chiến thể hiện sự mẫu mực về nghệ thuật quân sự Việt Nam. Lực lượng ta nhỏ nên phải tiến nhanh, thần tốc, đánh đúng thời cơ, lúc địch sơ hở, chủ quan để nhanh chóng giành thắng lợi. Trận Đống Đa, nếu Quang Trung không nắm bắt đúng thời cơ để quyết chiến chiến lược, giành thắng lợi quyết định thì không biết kết quả chiến tranh sẽ ra sao, cho thấy thời cơ là một yếu tố vô cùng quan trọng trong cuộc chiến đấu chống xâm lược, giúp ta xoay chuyển cục diện và nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Trận Đống Đa trên đây chỉ là một dẫn chứng tiêu biểu theo sự lựa chọn chủ quan của bản thân em. Ngoài trận Đống Đa, lịch sử dân tộc Việt Nam còn rất nhiều trận đánh, mẫu mực về nghệ thuật quân sự và nắm bắt thời cơ, là những mốc son trong lịch sử nước nhà: Bạch Đằng (938), Bạch Đằng (1288), Chi Lăng - Xương Giang, Đống Đa, Điện Biên Phủ (1954), chiến dịch Hồ Chí Minh (1975).

CÂU B: LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Nội dung chủ yếu của đề là nói về sự phát triển kinh tế của Mỹ, Nhật từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tìm hiểu nguyên nhân, bản chất của nó.

Hiện nay Mỹ, Nhật là những cường quốc kinh tế trên thế giới. Đặc biệt từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945), cả hai nước có những bước dài trên chặng đường phát triển kinh tế, trở thành siêu cường nhất, nhì thế giới. Vậy nguyên nhân nào đã dẫn tới những bước phát triển đó? Chúng ta hãy cùng tìm hiểu về vấn đề này.

** Đối với Mỹ*

- Hoa Kỳ là một quốc gia được thiên nhiên đặc biệt ưu đãi, diện tích rộng, giàu tài nguyên, đặc biệt có nhiều tài nguyên quý, tạo cơ sở cho việc phát triển kinh tế: vàng, than, dầu mỏ...

Về lịch sử, nhờ có Đại Tây Dương và Thái Bình Dương bao bọc, lại cách xa trung tâm chiến tranh thế giới nên không bị tàn phá và thiệt hại. Cho nên Mỹ luôn thu lợi nhờ buôn bán vũ khí và phương tiện chiến tranh; đặc biệt sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945), Mỹ phát triển đến đỉnh cao, là giai đoạn hoàng kim của Mỹ (1945 - 1950), Mỹ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính số một của thế giới tư bản chủ nghĩa.

- Chính phủ Mỹ đặc biệt quan tâm tới việc phát triển khoa học - kỹ thuật, là một trong những quốc gia đầu tiên có đầu tư lớn nhất cho nghiên cứu khoa học. Chính vì thế, Mỹ luôn là nước đi đầu trong việc phát minh khoa học và áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra sức phát triển mạnh mẽ và cường thịnh của nền kinh tế Mỹ.

- Vấn đề giáo dục - đào tạo con người cũng được Mỹ đặc biệt chú trọng nhằm đào tạo ra các thế hệ lao động có trình độ văn hoá - kỹ thuật để góp công sức vào việc phát triển kinh tế ngày càng vững mạnh. Đặc biệt môn Lịch sử rất được coi trọng trong giáo dục Mỹ để sinh viên, học sinh hiểu và tự hào về lịch sử nước mình.

Sự phát triển về kinh tế giúp Mỹ có ưu thế về chính trị, quân sự trên toàn cầu. Ngược lại, ưu thế chính trị, quân sự giúp Mỹ có điều kiện phát triển kinh tế mạnh và chắc hơn.

- Đối với Nhật Bản

Về điều kiện tự nhiên, lịch sử, Nhật Bản không được "ưu đãi" như Mỹ. Hơn nữa, Nhật ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ hai là kẻ thất bại, gặp nhiều khó khăn nhưng đã vươn lên đứng vững và ngày càng phát triển.

- Chính phủ Nhật tỏ ra năng động và linh hoạt trong việc hoạch định đường lối, chiến lược phát triển phù hợp với từng giai đoạn lịch sử. Cho nên, kinh tế Nhật cũng có sự phát triển năng động, linh hoạt nhờ những chủ trương, biện pháp đúng đắn của Chính phủ.

- Nhật Bản rất chú trọng tới vấn đề đào tạo và giáo dục. Người lao động Nhật Bản luôn giữ vững bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp nhận tri thức và văn minh nhân loại. Họ được đào tạo một cách cơ bản, khoa học và có khả năng thích nghi nhanh nhạy với những tiến bộ mới, cho thấy nhân tố con người là một nguyên nhân quan trọng đối với sự phát triển kinh tế Nhật Bản.

- Sự giúp đỡ của Mỹ trong chiến tranh có tác động lớn đến nền kinh tế Nhật Bản. Đặc biệt qua các cuộc Chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953), Chiến tranh Đông Dương (1954 - 1975), những đơn đặt hàng quân sự của Mỹ thực sự là những "ngọn lửa thần" thổi vào nền kinh tế Nhật Bản.

- Nhật Bản cũng là một quốc gia rất chú trọng và đầu tư nhiều cho khoa học - kỹ thuật. Từ việc tiếp nhận các thành tựu khoa học - kỹ thuật, Nhật Bản đã dần tự lực và nâng cao trình độ khoa học - kỹ thuật của bản thân để thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Cuối cùng phải kể tới sự thay đổi linh hoạt cơ cấu kinh tế của Nhật Bản. Đặc biệt sau khủng hoảng dầu mỏ (1973), Nhật chú trọng phát triển các ngành có hàm lượng kỹ thuật cao, sử dụng nhiều "chất xám", sử dụng ít nguyên liệu nhưng hiệu quả kinh tế rất cao (điện tử, vi tính...).

* Qua việc tìm hiểu nguyên nhân phát triển kinh tế Mỹ, Nhật từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945), ta có thể nhận thức một số nét cơ bản về bản chất chủ nghĩa tư bản hiện đại.

- Chủ nghĩa tư bản hiện đại là chủ nghĩa tư bản độc quyền,lũng đoạn nhà nước. Các công ty lớn, các chủ doanh nghiệp vừa là những nhà kinh doanh, vừa có vị trí to lớn trong đời sống chính trị của quốc gia.

- Cách mạng khoa học - kỹ thuật luôn được chú trọng, đặc biệt sau khủng hoảng năng lượng (1973), các nước tư bản đều đi sâu vào khoa học - kỹ thuật, chú ý tới phát triển công nghệ, cải cách cơ cấu kinh tế, tìm cách thích nghi về chính trị – xã hội để thoát khỏi khung hoảng và phát triển mạnh mẽ.

- Các nước tư bản rất chú trọng tới vấn đề con người, coi trọng giáo dục, đào tạo đội ngũ lao động có tay nghề làm "nguồn lực" phát triển kinh tế.

Sự liên minh quốc tế của chủ nghĩa tư bản ngày càng sâu sắc, với sự hình thành những công ty đa quốc gia. Tuy nhiên, trong sự phát triển chung của nhân loại, mối quan hệ giữa các nước tư bản phát triển với các nước đang phát triển ngày càng có những thay đổi đáng kể.

- Chủ nghĩa tư bản hiện đại chỉ thay đổi về hình thái chứ không thay đổi về bản chất. Trong lòng chủ nghĩa tư bản hiện đại luôn chứa đựng những mâu thuẫn, hạn chế, không thể nào khắc phục được. Đó là mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau, mâu thuẫn giữa những người quá giàu và quá nghèo trong xã hội.

Trong xã hội có nhiều hiện tượng tiêu cực, mức sống chênh lệch, tệ nạn xã hội, ma tuý và bạo lực...

Có thể nói, chủ nghĩa tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945) chuyển sang một giai đoạn mới, được gọi là chủ nghĩa tư bản hiện đại. Chủ nghĩa tư bản hiện đại ngày càng có những bước phát triển mạnh mẽ, nhảy vọt về kinh tế, song nó chỉ thay đổi về mặt hình thái chứ không thay đổi bản chất, nó chứa đựng những mâu thuẫn và hạn chế không thể nào khắc phục được. Tuy nhiên, cũng không thể hoàn toàn phủ nhận mọi thành tựu của nó. Vận mệnh của chủ nghĩa tư bản hiện đại phụ thuộc vào tinh thần, yêu cầu và sự đấu tranh của nhân dân nước này, vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội...

NHẬN XÉT BÀI THI

- *Câu Lịch sử Việt Nam*: Trình bày khá đầy đủ những vấn đề được nêu ra. Ở đây, thí sinh nắm được phương pháp làm một bài lịch sử là không bình luận chung chung câu nói của Bác Hồ về thời cơ trong cách mạng, mà trên cơ sở những sự kiện cụ thể, trình bày về bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, nhằm làm rõ thời cơ cho một cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã chín muồi. Qua đó, nhấn mạnh rằng, Đảng ta đã *nắm được thời cơ* và *quyết tâm lãnh đạo nhân dân* đứng lên đấu tranh giành chính quyền. Đây là thời cơ nghìn năm có một.

Như vậy, qua sự kiện lịch sử, thí sinh đã trình bày đầy đủ cả hai vấn đề: Đảng ta, dưới sự lãnh đạo của Bác Hồ, đã nhận thức được thời cơ cách mạng và kiên quyết lãnh đạo nhân dân đấu tranh khi thời cơ đến. Điều này chứng tỏ sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng và tinh thần cách mạng của quần chúng nhân dân.

- *Câu Lịch sử thế giới:* Thí sinh đã trình bày một số sự kiện cơ bản, rồi tập trung phân tích nguyên nhân sự phát triển kinh tế của Mỹ và Nhật từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Tuy không trình bày nhiều về nguyên nhân chung,sự phát triển kinh tế của hai nước, song qua sự phân tích nguyên nhân phát triển của mỗi nước, thí sinh cũng làm rõ được một vài nguyên nhân chung.

Thí sinh cũng không trình bày cụ thể về chủ nghĩa tư bản hiện đại, song thể hiện được sự nhận thức của mình về bản chất.của nó khá đầy đủ.

Bài đạt giải nhì (không có giải nhất).

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA - 1998
BẢNG A

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

Bằng những sự kiện lịch sử cụ thể của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống thời Lý (1075 – 1077), anh (chị) hãy:

1. Trình bày và phân tích những nét nổi bật trong việc phòng thủ, tấn công và kết thúc cuộc chiến tranh này.

2. Bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến nêu trên đã được vận dụng như thế nào trong công cuộc giữ nước của các thế hệ sau (qua trình bày một cuộc kháng chiến, do anh (chị) tự chọn).

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

1. Các cuộc cách mạng tư sản trong những thế kỷ XVII-XVIII đã được diễn ra dưới những hình thức nào?

2. Lập bảng so sánh về sự khác nhau giữa cách mạng tư sản và cách mạng vô sản theo các mục sau:

	Lãnh đạo	Động lực	Tính chất	Kết quả
Cách mạng tư sản				
Cách mạng vô sản				

HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ 1

Yêu cầu chung: Không trình bày chi tiết cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý, mà chỉ dựa vào một số sự kiện cơ bản, cụ thể, để làm rõ hai vấn đề được đặt ra:

1. Những nét nổi bật trong việc *phòng thủ* (chuẩn bị lực lượng, tiến quân nhanh chóng, bất ngờ làm tiêu hao lực lượng và ý chí xâm lược của quân Tống; xây đắp phòng tuyến sông Cầu...), *kết hợp phòng ngự với tấn công* để tiêu diệt địch, buộc địch *giảng hoà*. 8 điểm

2. Bài học, kinh nghiệm rút ra và được thể hiện thông qua một cuộc kháng chiến (tự chọn). 6 điểm

ĐỀ 2

Câu 1

Yêu cầu chung:

- Không phải trình bày về diễn biến các cuộc cách mạng tư sản mà về *hình thức diễn ra*.

- Cần nêu kết luận, tuy có những hình thức khác nhau, song *bản chất* các cuộc cách mạng tư sản chỉ là một.

Yêu cầu cụ thể: Cần nêu các hình thức chủ yếu:

- Nội chiến (Anh).

- Chiến tranh giành độc lập (Mỹ).

- Chiến tranh bảo vệ thành quả cách mạng và tổ quốc (Pháp).

- Đấu tranh thống nhất đất nước (Đức, Italia).

3 điểm

Câu 2

Yêu cầu chung:

- Không trình bày dưới dạng bài viết mà điền vào các cột những ý cơ bản, ngắn gọn, chính xác.
- Thể hiện được sự khác nhau về nguyên tắc giữa cách mạng tư sản và cách mạng vô sản.

Yêu cầu cụ thể:

Nội dung từng cột cụ thể, chính xác song không chi tiết về từng cuộc cách mạng, mà có tính khái quát chung.

3 điểm

BÀI LÀM*

Lịch sử dân tộc ta là lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Ngay từ khi dựng nước, ông cha ta đã phải chống lại biết bao kẻ thù lớn mạnh, tàn bạo, nung nấu ý đồ thôn tính nước ta. Nhưng với một tinh thần yêu nước nồng nàn, kiên cường, bất khuất, dân tộc ta đã từng bước đánh bại được quân xâm lược. Từ khởi nghĩa hai Bà Trưng năm 40, khởi nghĩa Lý Bí (542 - 545), lịch sử dân tộc ta đã được lật sang một trang mới với chiến thắng Bạch Đằng năm 938. Đó là sự ra đời của nhà nước đầu tiên, đưa dân tộc bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập lâu dài và phát triển đất nước.

Với ý thức tự chủ sâu sắc, niềm tự hào và sức mạnh đang lên của dân tộc mình, ngay sau đó, dân tộc ta đã đánh bại cuộc xâm lược của nhà Tống. Cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý (1075 - 1077) đã đè bẹp ý chí xâm lược của nhà Tống, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Chiến công lẫy lừng đó đã thể hiện nổi bật nghệ thuật quân sự độc đáo của dân tộc ta: sự kết hợp tài tình giữa phòng thủ, tấn công và kết thúc chiến tranh. Chính nghệ thuật quân sự được rút ra từ cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống thời Lý đã là những bài học vô cùng quý báu đối với những cuộc kháng chiến giữ nước của các thế hệ sau này.

Đối với mỗi một trận đánh cũng như với một cuộc kháng chiến, đường lối chiến lược có vai trò rất quan trọng, nó quyết định sự thay đổi cục diện chiến tranh. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống thời Lý (1075 - 1077) thắng lợi rực rỡ do có đường lối, sách lược, chiến lược đúng đắn của những người lãnh đạo kháng chiến, đứng đầu là vị chỉ huy quân sự tài ba Lý Thường Kiệt.

---

* Nguyễn Thị Huyền Trang, học sinh trường chuyên Lê Hồng Phong – Nam Định.

Nhà Tống tiến hành xâm lược Đại Việt nhằm củng cố và mở rộng quyền lực của mình. Vào thế kỷ XI, trong nước Tống luôn xảy ra hạn hán, mất mùa, đói kém. Chính vì vậy mà nông dân ở khắp nơi liên tục nổi dậy, buộc nhà Tống phải đàn áp rất vất vả. Không những thế, các dân tộc người Liêu, Hạ thường xuyên nổi lên quấy phá nhà Tống. Tình hình nước Tống trở nên rất phức tạp. Năm 1068, Tống Thần Tông lên ngôi đã phải dùng viên quan Vương An Thạch làm Tể tướng. Vương An Thạch một mặt đề ra các biện pháp nhằm ổn định tình hình trong nước, một mặt xin vua Tống cho quân sang đánh Đại Việt vì theo Vương Anh Thạch "nếu thắng, thế Tống sẽ tăng, các nước Liêu, Hạ sẽ phải kiêng nể". Mặc dù vẫn bị ám ảnh bởi thất bại nhục nhã trong lần xâm lược trước (năm 981), nhưng Tống Thần Tông vẫn chấp nhận đề nghị của Vương An Thạch. Công việc chuẩn bị cho cuộc xâm lược Đại Việt được tiến hành, các viên quan coi Hoa Nam được lệnh mộ quân, rèn vũ khí, tích trữ lương thảo. Những hành động lộ liễu của nhà Tống đã không qua được mắt quân dân nhà Lý. Đại Việt lúc này đang ở vào giai đoạn thịnh trị, ý thức độc lập, tự chủ của vua tôi nhà Lý rất sâu sắc. Chính vì vậy mà nhà Lý đã chủ trương đưa ra kế hoạch đối phó với giặc. Trong cuộc họp các tướng lĩnh, Lý Thường Kiệt đã đưa ra chủ trương "Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc". Đó thực chất là tư tưởng chủ động tiến công để tiêu diệt sinh lực địch, giành thế chủ động cho ta. Đây là một tư tưởng táo bạo, bất ngờ mà các cuộc chiến tranh trước chưa hề có. Không chỉ thế, quân dân nhà Lý còn chủ trương tiêu diệt địch ngay trên đất Tống. Việc làm đó đã thể hiện niềm tin vào sức mạnh của dân tộc. Lý Thường Kiệt đã được cử làm chỉ huy cuộc kháng chiến, ông đã huy động cả lực lượng quân của các tù trưởng dân tộc phía Bắc, tạo thành một đạo quân lớn do Tông Đản, Vi Thủ An, Thân Cảnh Phúc chỉ huy. Quân đội nhà Lý được chia làm hai đạo: một đạo tiến vào Ung Châu (Nam Ninh - Quảng Tây), còn một đạo quân do Lý Thường Kiệt chỉ huy đánh vào Khâm Châu (Quảng Đông), sau đó sẽ tiến về Ung Châu, phối hợp với đạo quân thứ nhất bao vây thành Ung Châu, tiêu diệt lực lượng của địch. Tháng 1 - 1076, hai đạo quân của ta gặp nhau tại Ung Châu, tiến hành bao vây thành, quân giặc bị bao vây bất ngờ đã bị ta tiêu diệt gọn, toàn bộ lực lượng chuẩn bị cho cuộc xâm lược của quân Tống đã bị phá tan. Cuộc hành quân vào đất Tống là một việc làm hết sức chủ động của quân dân nhà Lý, nó vừa tiêu diệt được lực lượng chuẩn bị của quân xâm lược, làm cho chúng hoảng loạn, vừa tăng thêm niềm tin của quân sĩ, của nhân dân vào sức mạnh của dân tộc. Quân dân nhà Lý đã thực hiện thành công nghệ thuật "tiên phát chế nhân", chủ động đánh địch, cầm chân địch, tiêu diệt lực lượng của địch, đồng thời củng cố và phát triển lực lượng của mình. Nó đã thể hiện ý thức độc lập, tự chủ mạnh mẽ của dân tộc, không run sợ trước kẻ thù, quyết tâm gìn giữ nền độc lập của Tổ quốc. Ngay sau đó, quân dân nhà Lý còn tổ chức thành công cuộc hành quân chinh phạt Chămpa, đập tan mưu đồ của quân Tống câu kết với Chămpa, biến Chămpa làm bàn đạp tấn công Đại Việt. Với cuộc hành quân vào đất Tống và cuộc hành quân chinh phạt Chămpa, quân dân nhà Lý đã giành thế chủ động, củng cố và phát triển lực lượng của mình, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài chống quân xâm lược.

Sau khi lực lượng chuẩn bị cho cuộc xâm lược Đại Việt bị quân ta phá tan tành, Tống Thần Tông tức giận cho quân sang trả thù Đại Việt. Đạo quân của nhà Tống gồm 50 vạn bộ binh và hơn 20 vạn dân binh, do hai viên tướng Quách Quỳ và Triệu Tiết chỉ huy, ồ ạt tiến vào nước ta theo hai hướng: đạo thứ nhất tiến xuống theo đường Lạng Sơn, đạo thứ hai tiến theo đường thuỷ vào cửa biển Bạch Đằng rồi sẽ cùng phối hợp với nhau để tiêu diệt quân dân nhà Lý. Về phía quân dân nhà Lý, sau khi tổ chức thành công cuộc hành quân "tiên phát chế nhân" trên đất Tống, đã rút về nước bảo toàn lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống. Nắm bắt được hướng đi của giặc, Lý Thường Kiệt đã cho xây dựng phòng tuyến phòng thủ trên sông Như Nguyệt, vì đây là một vị trí rất quan trọng, là chỗ gặp nhau của các tuyến đường Bắc - Nam. Để chống lại lực lượng quân giặc đông và mạnh, quân dân nhà Lý đã tổ chức phòng ngự chặt chẽ, kết hợp phòng ngự với tấn công, chọn đúng thời điểm để tiêu diệt quân địch. Tháng 1 - 1077, quân Tống tràn qua ải Nam Quan, sau khi tiêu diệt lực lượng của ta ở đây, chúng đã tiến được đến bờ Bắc sông Như Nguyệt và đóng quân ở đây, chờ quân thuỷ để cùng qua sông. Nhưng chúng chờ mãi vẫn không thấy đạo quân thuỷ, vì đạo quân này đã bị quân ta đánh tan tác ở cửa sông Bạch Đằng. Quân dân nhà Lý tổ chức phòng ngự chặt chẽ, trong khi quân Tống đã bắt đầu rơi vào tình trạng suy yếu, binh sĩ chán nản, ốm đau nhiều, ý chí xâm lược của quân Tống đã suy giảm. Chính lúc này, quân dân nhà Lý đã biết phát huy, lợi dụng yếu tố khách quan lúc kẻ thù đang dao động, hoang mang để tấn công tiêu diệt chúng, giành thắng lợi quyết định. Quách Quỳ trước tình trạng quân sĩ mất tinh thần đã quyết định cho làm bè vượt qua sông nhưng cả hai lần sang sông thì cả hai lần bị quân ta đánh bại. Bài thơ "Thần" của Lý Thường Kiệt ra đời vào chính lúc này, khẳng định quyền độc lập, tự chủ của dân tộc ta, tố cáo tội ác xâm lược của giặc, đã khích lệ tinh thần chiến đấu của quân dân ta, làm cho quân giặc càng lún sâu vào thế hoang mang, dao động. Tháng 3-1077, Lý Thường Kiệt đã tổ chức trận đánh quyết định tiêu diệt địch, giành thắng lợi hoàn toàn, rồi cho người sang "bàn hoà" để quân Tống rút về nước trong "danh dự". Chủ động tiến công với tư thế hiên ngang, bất khuất, đạp lên đầu kẻ thù, đồng thời quân dân nhà Lý đã tổ chức phòng ngự chặt chẽ, kết hợp giữa phòng ngự với tấn công để giành thắng lợi quyết định. Trước sức mạnh ồ ạt ban đầu của quân Tống, nhà Lý đã thông minh, sáng suốt phán đoán được hướng tiến công của địch, từ đó tổ chức phòng ngự, chọn vị trí để xây dựng hệ thống phòng ngự, bảo toàn lực lượng, chống trả lại địch. Như Nguyệt đã được ta chọn làm vị trí để xây dựng hệ thống phòng ngự và sau đó trở thành điểm quyết chiến chiến lược của cuộc kháng chiến chống Tống. Tổ chức phòng ngự để bảo toàn lực lượng nhưng tư tưởng chiến lược của quân dân nhà Lý là tư tưởng chủ động tiến công. Ta đã đánh tan đạo quân thuỷ của địch, khoét sâu thêm khó khăn của chúng, đánh vào tinh thần, ý chí xâm lược của giặc. Nghệ thuật độc đáo của quân dân nhà Lý là đã chọn đúng thời điểm để đánh địch. Đó là lúc kẻ thù đang ở vào tình trạng hoang mang, binh lính chán nản, ý chí xâm lược đã suy giảm. Chính lúc đó quân dân nhà Lý đã biết tận dụng yếu tố khách quan thuận lợi, huy động sức mạnh đoàn kết của cả dân tộc để tiêu diệt địch, giành thắng lợi quyết định, làm thay đổi cục diện chiến tranh có lợi cho ta. Cuộc kháng chiến chống Tống đã tiêu diệt được đạo quân Tống, buộc chúng phải giảng hoà với ta để rút về nước trong danh dự. Đó cũng là một nghệ thuật kết thúc chiến tranh độc đáo của quân dân nhà Lý, biết kết hợp vừa "đánh" vừa "đàm", kết hợp biện pháp quân sự với biện pháp ngoại giao khôn khéo nhằm bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Lý Thường Kiệt vừa tổ chức tiêu diệt địch, vừa tổ chức đàm phán với quân Tống để giữ hoà hiếu giữa hai nước, vừa khẳng định nền độc lập, tự chủ của dân tộc.

Thắng lợi tiếp theo đó đã thể hiện nghệ thuật quân sự cũng như nghệ thuật ngoại giao khôn khéo của quân dân nhà Lý, đứng đầu là vị chỉ huy quân sự tài ba, nhà ngoại giao kiệt xuất Lý Thường Kiệt. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống thời Lý (1075- 1077) đã thể hiện tinh thần chủ động tiến công, tư thế hiên ngang, bất khuất, đạp lên đầu kẻ thù và ý thức sâu sắc về độc lập, tự chủ của dân tộc. Nhờ kết hợp tài tình, khéo léo giữa phòng thủ, tấn công và cả ngoại giao, cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Lý đã đè bẹp hoàn toàn ý chí xâm lược của quân Tống trọng khoảng 200 năm về sau, giữ vững độc lập, chủ quyền của dân tộc ta. Bài học kinh nghiệm rút ra từ cuộc kháng chiến đã được kế thừa, phát huy trong các cuộc kháng chiến giữ nước về sau của dân tộc ta, điển hình là cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1975. Với đường lối kháng chiến được phát huy từ cuộc kháng chiến chống Pháp là toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh, ta đã huy động sức mạnh toàn dân, đánh địch trên tất cả các mặt trận: quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao, đánh lâu dài với địch vì lực lượng của ta yếu hơn địch nhưng lúc nào ta cũng giữ thế chủ động tiến công. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, miền Bắc - bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tuc hoàn thành nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Thế trận ở miền Nam lúc này là đánh địch từng bước, giành thắng lợi từng bước tiến lên tổng tiến công tiêu diệt địch hoàn toàn. Quân dân miền Nam đã từng bước đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ.

Năm 1960, với Đồng khởi, ta đã làm thất bại chiến lược chiến tranh đơn phương của Mỹ. Từ năm 1961 đến 1965, quân dân ta đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ, mà xương sống cơ bản là kế sách "dồn dân, lập ấp chiến lược". Ta đã phá tan hàng mảng ấp chiến lược của địch. Từ năm 1965 - 1968, Mỹ đã tiến hành "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ nhất đối với miền Bắc. Từ năm 1969, Mỹ tiến hành chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh". Nhưng tất cả đều bị thất bại, Mỹ càng tăng thêm quân đội, cố vấn, vũ khí vào miền Nam, đánh ra miền Bắc thì càng thất bại nặng nề. Quân dân ta với lực lượng yếu hơn địch, đã biết phát huy nghệ thuật "lấy ít địch nhiều" vừa tổ chức phòng thủ, củng cố hậu phương vững mạnh là miền Bắc, vừa tổ chức tấn công địch trên từng chiến trường miền Nam nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, nâng cao uy tín của Đảng. Kết quả là sau trận "Điện Biên Phủ trên không" năm 1972, Mỹ đã phải ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Pari, công nhận nền độc lập của Việt Nam và phải rút hết quân về nước. Với Hiệp định Pari năm 1973, ta đã đánh vào ý chí muốn kéo dài chiến tranh xâm lược Đông Dương của đế quốc Mỹ, tạo tiền đề cho ta tiến lên Tổng tiến công giành thắng lợi vào mùa Xuân năm 1975.

Như thế, từ cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý đến đại thắng mùa Xuân 1975, nghệ thuật quân sự, nghệ thuật đánh giặc của ta đã được kế thừa và phát huy một cách xuất sắc. Với thắng lợi năm 1975, ta đã hoàn thành nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, thống nhất Tổ quốc, giữ vững độc lập cho nước nhà.

Có thể khẳng định một lần nữa là lịch sử của dân tộc ta là lịch sử đánh thắng giặc ngoại xâm. Ta đã đánh thắng nhiều kẻ thù lớn mạnh, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, đưa nghệ thuật quân sự của dân tộc đạt đến đỉnh cao. Lớp con cháu chúng ta ngày nay có quyền tự hào về những gì mà cha ông ta đã đạt được trong công cuộc giữ nước.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1

Cuộc cách mạng ở Nêđeclan năm 1566 đã mở đầu cho các cuộc cách mạng tư sản. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Nêđeclan phát triển nhưng bị phong kiến Tây Ban Nha kìm hãm nên giai cấp tư sản đã đứng lên lãnh đạo quần chúng đấu tranh lật đổ chế độ phong kiến Tây Ban Nha, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Kết quả là chế độ phong kiến Tây Ban Nha đã bị lật đổ, nhà nước cộng hoà đã được thành lập có tên là các tỉnh liên hiệp. Cuộc cách mạng ở Nêđeclan mang tính chất của cuộc cách mạng tư sản nhưng diễn ra dưới hình thức đấu tranh giải phóng dân tộc.

Cùng với hình thức đấu tranh giải phóng dân tộc có cuộc đấu tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ vào năm 1775. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Bắc Mỹ phát triển nhưng bị thực dân Anh kìm hãm. Nhân dân đã tổ chức tấn công vào tàu chở chè của thực dân ở cảng Bostơn, tấn công vào quân Anh. Tại Đại hội Philađenphia, 13 thuộc địa Bắc Mỹ đã tuyên bố tách khỏi sự lệ thuộc vào Anh và thông qua Tuyên ngôn độc lập – một bản tuyên ngôn có ý nghĩa tư tưởng tích cực và tiến bộ.

Cùng với hình thức đấu tranh giải phóng dân tộc ở Nêđeclan và Bắc Mỹ, ở Anh, Pháp đã tiến hành cuộc cách mạng tư sản nhằm lật đổ chế độ phong kiến trong nước - nguyên nhân kìm hãm sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa. Cuộc Cách mạng tư sản Anh năm 1640 đã nhằm vào chế độ phong kiến, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ, đưa nước Anh trở thành trung tâm của thế giới. Cách mạng tư sản Anh 1640 đạt đến đỉnh cao với việc xử tử vua Saclơ I. Cuộc Cách mạng tư sản 1789 ở Pháp là cuộc cách mạng tự sản triệt để nhất của thời kỳ lịch sử cận đại. Ngày 14-7-1789, quần chúng đã phá nguc Baxti, đánh đổ nền quân chủ chuyên chế ở Pháp. Đỉnh cao của cuộc cách mạng tư sản Pháp là nền chuyên chính Giacôbanh với nhiều việc làm tiến bộ: xoá bỏ nghĩa vụ phong kiến cho nông dân, chia ruộng đất cho nông dân, xoá bỏ đặc quyền đặc lợi của địa chủ, ban hành mức lương tối đa cho công nhân. Cuộc Cách mạng tư sản Pháp đã lật đổ chế độ phong kiến, phát triển kinh tế, thiết lập nền Cộng hoà ở Pháp.

Như vậy đến cuộc Cách mạng tử sản Pháp năm 1789 thì chủ nghĩa tư bản đã được xác lập ở các nước. Từ thế kỷ XVIII chủ nghĩa tư bản tiếp tục phát triển để trở thành một hệ thống trên thế giới.

Lúc này đã diễn ra cuộc đấu tranh thống nhất Đức và Italia. Cuộc nội chiến ở Mỹ đánh vào chế độ chiếm nô - nguyên nhân cản trở sự phát triển kinh tế ở Mỹ, thiết lập nền Cộng hoà ở Mỹ.

Nước Nga đã tiến hành cải cách về quân sự, về kinh tế... để xây dựng một nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Nước Nhật từ một nước nông nghiệp lạc hậu đã trở thành một nước tư bản chủ nghĩa, sau trở thành một nước đế quốc hùng mạnh với cuộc cải cách Minh Trị năm 1898.

Như vậy, đến đây chủ nghĩa tư bản đã từ phạm vi một nước trở thành một hệ thống trên thế giới, từ châu Âu sang châu Á và đến tận châu Mỹ. Sự thắng lợi đó bắt nguồn từ các cuộc cách mạng tư sản với nhiều hình thức khác nhau, từ hình thức đấu tranh giải phóng dân tộc, đến hình thức nội chiến, cải cách. Tất cả những hình thức đều nhằm mục đích tiêu diệt thế lực phong kiến hoặc một lực lượng cản trở sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, thiết lập nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Sau các cuộc cách mạng tư sản này, chủ nghĩa tư bản đã được hình thành, phát triển thành hệ thống trên thế giới, đóng góp nhiều thành tựu về kinh tế, văn hoá vào sự phát triển của nhân loại.

	Lãnh đạo	**Động lực**	**Tính chất**	**Kết quả**
Cách mạng tư sản	Giai cấp tư sản và tầng lớp quý tộc mới.	Quần chúng nhân dân.	Là các cuộc cách mạng không triệt để, đã tạo điều kiện cho kinh tế tư bản phát triển nhưng không giải quyết quyền lợi cho nhân dân, giai cấp tư sản sau đó quay trở lại đàn áp nhân dân.	Tiêu diệt thế lực phong kiến hoặc một thế lực khác kìm hãm sự phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.
Cách mạng vô sản	Giai cấp công nhân với chính đảng vô sản.	Quần chúng nhân dân thực hiện liên minh công nông.	Các cuộc cách mạng đã đoàn kết mọi tầng lớp đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa tư bản dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.	Đã làm suy yếu, tiến tới thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, bắt đầu từ Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, đã đưa giai cấp vô sản lên nắm quyền, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

NHẬN XÉT BÀI THI

Câu Lịch sử Việt Nam

Thí sinh không trình bày về cuộc kháng chiến chống Tống (làm bài như vậy chỉ đạt được yêu cầu) mà biết chọn một số sự kiện cơ bản, nhằm:

- Phác họa bức tranh chung về mấy lần kháng chiến, diễn biến chính của các trận đánh mà không trình bày quá chi tiết.

- Tập trung vào các vấn đề mà đề thi nêu ra: những nét nổi bật trong *phòng thủ, tấn công và kết thúc chiến tranh.*

- Bài học rút ra từ cuộc kháng chiến chống Tống ở ba mặt nêu trên được vận dụng chủ yếu vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Câu Lịch sử thế giới

- Thí sinh đã nều được nguyên nhân chung làm bùng nổ các cuộc cách mạng tư sản, nhưng cũng trình bày khá cụ thể rằng, tuỳ theo điều kiện của mỗi nước, cuộc cách mạng tư sản đã nổ ra dưới các hình thức khác nhau, giải phóng dân tộc, nội chiến, chiến tranh cách mạng, cải cách nông nô và đạt được mức độ chiến thắng khác nhau, song đều giải quyết được nhiệm vụ chung là mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

- Làm rõ sự khác nhau về nguyên tắc giữa cách mạng vô sản và cách mạng tư sản.

Bài đạt 18 điểm-giải nhất.

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA - 1999
BẢNG A

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

1. Trên cơ sở trình bày và phân tích những nét lớn về diễn biến của cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông thế kỷ XIII, anh (chị) hãy nêu những bài học về huy động sức mạnh toàn dân và nghệ thuật tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta thời Trần.

2. Những bài học đó đã được vận dụng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975), của nhân dân ta như thế nào?

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

1. Lập bảng kê các nước tham gia khối ASEAN theo nội dung sau:

STT	Tên nước	Thủ đô	Ngày giành độc lập	Nét nổi bật trong tình hình hiện nay

2. Trật tự thế giới mới được thiết lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) như thế nào?

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THI BẢNG A

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

Câu 1. Trình bày và phân tích những nét lớn về diễn biến:

- *Cuộc kháng chiến lần thứ nhất (1258).* Năm 1258, 3 vạn quân Mông Cổ do Ngột Lương Hợp Thai đã tràn vào nước ta theo đường sông Thao, tiến xuống vùng Bình Lệ Nguyên (Vĩnh Phú). Để bảo toàn lực lượng, quân dân nhà Trần thực hiện "vườn không nhà trống" và rút khỏi Thăng Long về Thiên Mạc... Khi thời cơ đến, ta phản công ở Đông Bộ Đầu (Hàng Than–Hà Nội). Quân giặc tháo chạy khỏi Thăng Long... ta truy kích ... "giặc Phật".

- *Cuộc kháng chiến lần thứ hai (1285).* Giữa hai lần kháng chiến lần 1 và 2 là những năm tháng đấu tranh ngoại giao: niềm nở đón tiếp sứ giả, nộp cống... nhưng kiên quyết thoái thác mọi đòi hỏi vô lý (đòi vua Trần sang chầu, phải quỳ lạy khi nhận sắc phong...), bên cạnh đó ta tích cực chuẩn bị lực lượng vì biết chắc sớm muộn quân Nguyên – Mông sẽ lại sang xâm lược (Hội nghị Bình Than, Trần Hưng Đạo viết "Hịch tướng sĩ", Hội nghị Diên Hồng). Năm 1285, 50 vạn quân Nguyên – Mông tấn công xâm lược. Đại quân ta từ vùng biên giới rút về Vạn Kiếp, rồi lại thực hiện "vườn không nhà trống" và rút khỏi Thăng Long về Thiên Trường. Tháng 5-1285, ta phản công, Thoát Hoan thua chạy.

- *Cuộc kháng chiến lần thứ ba (1287-1288).* Tháng 12-1287, quân Mông – Nguyên lại kéo sang xâm lược, quân ta lại thực hiện "vườn không nhà trống", bỏ Thăng Long rút về Thiên Trường. Ta phản công, Thoát Hoan rút quân khỏi

Thăng Long về Vạn Kiếp, ta đánh Vạn Kiếp, giặc phải rút chạy. Chiến thắng Bạch Đằng.

* *Chú ý*: Chỉ nêu những nét lớn về diễn biến, không cần tường thuật chi tiết từng trận đánh. Cần rút ra những bài học về nghệ thuật tiến hành cuộc chiến tranh ở những mặt sau:

+ Về huy động sức mạnh toàn dân.

- Vấn đề đoàn kết toàn dân: Hội nghị Diên Hồng, thực hiện "vườn không nhà trống", tổ chức lực lượng đánh giặc...

+ Về chỉ đạo chiến lược: Lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh.

- Khôn khéo bảo toàn lực lượng khi quân giặc đang hùng mạnh.

- Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao.

Câu 2. Liên hệ tới cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Trên cơ sở những bài học nêu trên, nêu những sự kiện cụ thể:

+ Về huy động sức mạnh toàn dân: Chính sách mặt trận, về sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng (Tập trung nhiệm vụ giải phóng dân tộc), chính sách xây dựng, củng cố hậu phương về mọi mặt...

+ Về nghệ thuật chỉ đạo...

- Khôn khéo bảo toàn lực lượng... Việc đồng ý cho quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân Tưởng; cuộc chiến đấu ở các đô thị những ngày đầu cuộc kháng chiến toàn quốc; tiến hành chống chiến lược chiến tranh đặc biệt và cục bộ...

- Kết hợp đấu tranh quân sự – ngoại giao: Ký Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Tạm ước 14-9-1946, Hiệp định Giơnevơ về

Đông Dương (20-7-1954), Hiệp định Pari (tháng 1-1973). Có thể nêu kết quả việc vận dụng sáng tạo các bài học nêu trên.

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

Câu 1. Bảng kê:

1. Việt Nam	Hà Nội	2-9-1945	Phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.
2. Lào	Viêng Chăn		Ổn định chính trị-xã hội, giữ tốc độ phát triển kinh tế.
3. Mianma	Rangun		
4. Thái Lan	Băng Cốc		Khủng hoảng tài chính 1997.
5. Malaixia	Cuala Lămpơ		Khủng hoảng tài chính 1997.
6. Xingapo	Xingapo		Con rồng châu Á.
7. Inđônêxia	Giacácta	19-8-1945	Nước công nghiệp NIC.
8. Philippin	Manila		Khủng hoảng tài chính 1997.
9. Brunây	Banđa Xêri Bêgaoan		Thu nhập quốc dân tính theo đầu người cao.

Câu 2. Trật tự thế giới...

+ Tình hình sau chiến tranh (Hệ thống xã hội chủ nghĩa ra đời, phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ, đế quốc Mỹ đứng đầu thế giới tư bản...)

+ Nội dung trật tự hai cực Ianta: Theo nội dung sách giáo khoa, chú ý nhấn mạnh: Đối đầu hai cực và chiến tranh lạnh.

+ Trong khi làm bài, học sinh có thể dự báo tình hình thế giới:

- Xu thế hoà hoãn.

- Mặc dù sự sụp đổ của Liên Xô và tan vỡ chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Mỹ muốn vươn lên làm bá chủ toàn cầu → "một cực" nhưng tình hình có thể là: Xu thế đa cực.

- Hướng phát triển của thế giới về cơ bản không thể thay đổi, chủ nghĩa xã hội là lý tưởng cao đẹp mà loài người phải vươn tới dù lâu dài, đấu tranh gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi.

BÀI LÀM*

PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1. Lập bảng kê các nước tham gia khối ASEAN theo nội dung sau:

STT	Tên nước	Thủ đô	Ngày giành độc lập	Nét nổi bật trong tình hình hiện nay
1	Xingapo	Xingapo	9-8-1965	Hiện nay, Xingapo có nền kinh tế phát triển nhanh, là một trong những "con Rồng" châu Á. Thu nhập bình quân đầu người trên 20 nghìn đôla/1 năm, xếp vào loại cao trên thế giới. Xingapo là một nước đi đầu trong phong trào bảo vệ môi trường. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên dưới 10%.
2	Inđônêxia	Giacacta	18-8-1945	Inđônêxia vừa trải qua một cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính (của chung khu vực) mà hậu quả của nó là nặng nhất và chưa hoàn toàn

---

* Đặng Thu Hà, học sinh Trường chuyên Hải Dương, đạt giải nhất.

				khắc phục được. - Là nước đông dân nhất trong tổ chức ASEAN: trên dưới 200 triệu người.
3	Lào	Viêng Chăn	2-12-1975	Là thành viên thứ 8 của tổ chức ASEAN. Từ khi gia nhập ASEAN, được hội nhập vào xu thế phát triển của khu vực, nước Lào đã phát triển theo hướng đi lên, tuy vẫn là một nước nghèo.
4	Malaixia	Cualalămpơ	16-9-1963	- Malaixia là một quốc gia có vai trò quan trọng trong ASEAN. - Là nước có cấp bậc trên thế giới về trồng cao su... - Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình 7%.
5	Thái Lan	Băng Cốc	Không mất độc lập.	- Là nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. - Thái Lan vừa trải qua khủng hoảng,nhưng gần như đã khắc phục được hậu quả của nó.
6	Brunây	Banđaxêribêg-aoan	1-1-1984	- Là nước có dân số ít nhất trong ASEAN. - Có thu nhập bình quân đầu người tương đối cao, trên dưới 20.000 đô la/năm.
7	Việt Nam	Hà Nội	2-9-1945	- Vừa qua, Hội nghị lần thứ 6 của ASEAN vừa họp tại Hà

				Nội, đánh dấu bước phát triển mới của Việt Nam trong tổ chức ASEAN. - Hiện nay là một nước đang phát triển, nhận được rất nhiều sự giúp đỡ cũng như hợp tác từ bên ngoài. - Tỷ lệ lạm phát đã giảm xuống còn 2 con số.
8	Mianma	Rănggun	4-1-1947	- Sau một thời gian khép kín cửa, từ khi gia nhập ASEAN, Mianma đã mở rộng giao lưu hợp tác với nước ngoài. - Là nước đang phát triển.
9	Philippin	Manila	4-7-1946	

Hiện nay ASEAN mới có 9 thành viên nhưng trong một thời gian nữa, Campuchia sẽ trở thành thành viên chính thức của ASEAN.

Câu 2. Trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai

Năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn chót, chiến thắng nghiêng về phe Đồng minh. Trong nội bộ phe Đồng minh chống phát xít nổi lên nhiều mâu thuẫn tranh chấp gay gắt. Nổi bật ba vấn đề cần giải quyết là: nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở châu Âu, châu Á - Thái Bình Dương; thiết lập một trật tự thế giới mới sau chiến tranh, và phân chia khu vực đóng quân ở các nước theo chế độ quân quản; phân chia phạm vi thế lực giữa các nước tham gia chiến tranh chống phát xít.

Để giải quyết những vấn đề trên, Hội nghị cấp cao ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh đã họp tại Ianta, từ ngày 4 đến 12-2-1945. Hội nghị diễn ra gay go, quyết liệt vì thực chất là cuộc phân chia và tranh giành quyền lợi giữa các nước thắng trận. Sau những cuộc tranh cãi, mặc cả, thương lượng, Hội nghị đi đến quyết định như sau:

Nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở châu Âu, châu Á - Thái Bình Dương, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật sau khi chiến tranh kết thúc ở châu Âu.

Hội nghị thống nhất thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc dựa trên nền tảng và nguyên tắc cơ bản và sự nhất trí giữa 5 cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc và nguyên tắc dân tộc tự quyết.

Hội nghị thoả thuận về khu vực đóng quân ở các nước để giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng: Ở châu Âu, quân đội Liên Xô chiếm Đông Đức, Đông Béelin và một số nước Đông Âu do Hồng quân Liên Xô giải phóng; quân đội Mỹ - Anh - Pháp chiếm đóng Tây Béclin, Tây Đức, Italia. Áo và Phần Lan là hai nước trung lập.

Ở châu Á, Hội nghị chấp nhận những điều kiện để Liên Xô tham chiến chống Nhật, như bảo vệ nguyên trạng và công nhận nền độc lập của Mông Cổ; trả lại Liên Xô những quyền lợi của đế quốc Nga ở Viễn Đông trước Chiến tranh Nga - Nhật 1904; Liên Xô chiếm 4 đảo Curin, Mỹ chiếm đóng Nam Triều Tiên, Liên Xô chiếm đóng Bắc Triều Tiên; Mỹ chiếm đóng Nhật và Nhật thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mỹ, Mỹ có những quyền lợi ở Trung Quốc.

Những quyết định của Hội nghị Ianta đã trở thành những khuôn khổ của một trật tự thế giới mới được thiết lập dần trong những năm 1945 - 1947.

Theo Quyết định của Hội nghị Ianta, Hội nghị đại biểu 50 nước đã họp ở Xanphranxixcô từ ngày 25 - 4 đến ngày 26 – 6 1945,thông qua Hiến chương Liên Hợp Quốc và thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc. .

Tổ chức Liên Hợp Quốc thành lập với nguyên tắc hoạt động là: dựa trên sự tôn trọng quyền bình đẳng giữa các quốc gia và quyền dân tộc tự quyết, tôn trọng độc lập chính trị và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước, giải quyết tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hoà bình, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, dựa trên sự nhất trí giữa 5 cường quốc.

Mục đích thành lập tổ chức này là duy trì hoà bình và an ninh thế giới, thúc đẩy quan hệ giao lưu, hợp tác giữa các nước hội viên.

Các cơ quan chính của Liên Hợp Quốc gồm có Đại Hội đồng, Hội đồng Bảo an và Ban Thư ký. Đại Hội đồng là hội nghị của tất cả các nước·hội viên họp mỗi năm một lần để thảo luận những vấn đề quan trọng có trong Hiến chương Liên Hợp Quốc. Hội đồng Bảo an là cơ quan chính trị cao nhất và hoạt động thường xuyên, gồm 5 ủy viên Thường trực là Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc. Ban Thư ký là cơ quan hành chính của Liên Hợp Quốc, đứng đầu là Tổng Thư ký. Ngoài ra, Liên Hợp Quốc còn hàng trăm tổ chức chuyên môn khác.

Việc thiết lập trật tự thế giới mới sau chiến tranh còn thể hiện ở việc giải quyết các nước phát xít chiến bại. Các nước phát xít chiến bại gồm Đức, Ý, Nhật (tội phạm chiến tranh) và các chư hầu của phát xít Đức.

Việc giải quyết vấn đề Đức là vấn đề trung tâm của tình hình châu Âu sau chiến tranh. Hội nghị cấp cao ở Pôtxđam đã quy định những biện pháp nhằm dân chủ hoá, hoà bình hoá nước Đức. Việc giải quyết vấn đề Đức được thực hiện như sau: mở Toà án quốc tế ở Nuyrămbe để trừng trị các cá nhân và tổ chức tội phạm chiến tranh. Trong vòng hơn một năm đã mở hơn 400 phiên toà, xử những tên trùm sỏ phát xít nổi tiếng; tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa quân phiệt và phát xít.

Ở Đông Đức, Liên Xô thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Hội nghị Pôtxđam; còn ở Tây Đức, Mỹ, Anh, Pháp đã không thực hiện một cách triệt để, như vẫn duy trì các cơ sở công nghiệp quân sự, chưa giải tán thực sự các công ty độc quyền, giúp đỡ các lực lượng phản động...

Việc giải quyết vấn đề Nhật cũng là một vấn đề quan trọng. Trong Tuyên cáo kêu gọi Nhật đầu hàng đã đưa ra những biện pháp để giải quyết vấn đề Nhật, và việc giải quyết đó được thực hiện như sau: hạn chế lãnh thổ của Nhật trên đất Nhật chính thống, mở Toà án quốc tế ở Tôkyô để xử tội phạm chiến tranh; thực hiện những cải cách tiến bộ, như cải cách ruộng đất, giải tán các công ty Đaibátxư, Hiến pháp 1946 với những nội dung tiến bộ. Những biện pháp này đã xoá bỏ những tàn tích lạc hậu, đưa Nhật phát triển trở thành siêu cường trên thế giới.

Việc giải quyết các nước đồng minh phát xít cũng là một việc quan trọng. Tại Hoà hội Pari (2-1947), Hoà ước với các nước chư hầu của phát xít Đức cũng đã được ký kết, quy định biên giới, thể chế chính trị... của các nước này.

Như vậy, từ Hội nghị Ianta (2-1945) đến Hoà hội Pari (2-1947), một trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã được xác lập, đó là trật tự hai cực Ianta (hai cực là Xô - Mỹ).

Đến cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90, khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Đông Âu sụp đổ, khi các nước phát xít chiến bại như Đức, Nhật đã vươn lên trở thành siêu cường thì trật tự hai cực Ianta dần dần bị sói mòn và sụp đổ hẳn. Mỹ muốn vươn lên thế "một cực", còn các cường quốc khác muốn vươn lên thế "đa cực". Trật tự thế giới mới sẽ được hình thành, phụ thuộc vào các nhân tố sau: sự phát triển của các cường quốc như Nhật Bản và các nước Tây Âu, sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới, sự phát triển của chủ nghĩa xã hội.

PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1: Trên cơ sở trình bày và phân tích những nét lớn về diễn biến của cuộc kháng chiến chống Mông-Nguyên thế kỷ XIII, Anh (chị) hãy nêu những bài học về huy động sức mạnh toàn dân và nghệ thuật tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta thời Trần.

Có ý kiến cho rằng, nếu muốn phác họa về đất nước Việt Nam hãy vẽ hình thanh kiếm và dòng máu đỏ. Thật vậy, lịch sử của dân tộc Việt Nam là một chuỗi những cuộc kháng chiến trường kỳ và gian khổ để bảo vệ độc lập và chủ quyền của dân tộc. Giặc ngoại xâm luôn hùng hổ, mạnh mẽ nhưng hầu hết các cuộc kháng chiến của ta đều giành được thắng lợi, đó là nhờ chúng ta đã huy động được sức mạnh toàn dân và sử dụng nghệ thuật tiến hành chiến tranh đúng đắn, độc đáo. Điều đó được thể hiện rõ nét qua cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975).

Đầu thế kỷ XIII, giặc Mông đã trở thành cơn ác mộng của mọi quốc gia trên thế giới. Vó ngựa của chúng đi đến đâu là cướp bóc, giết chóc thảm khốc diễn ra ở đó đến nỗi cỏ không mọc được. Với tài cưỡi ngựa, bắn cung và tinh thần cương nghị phi thường của người dân du mục, giặc Mông đã tiến hành những cuộc chiến tranh chinh phục khủng khiếp ở khắp thế giới, làm cho Á - Âu thời trung đại kinh hoàng, khiếp đảm. Chúng thống trị một đế quốc rộng lớn kéo dài từ bờ biển Thái Bình Dương đến bờ Hắc Hải. Năm 1258, sau khi đã thôn tính hầu hết Trung Quốc, giặc Mông Cổ quyết định xâm lược Đại Việt để mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam và hình thành thế gọng kìm tiêu diệt Nam Tống.

Trong nước, sau hơn 30 năm lên ngôi, nhà Trần đã thực hiện được nhiều biện pháp về kinh tế, chính trị và đã đạt được những thành tựu to lớn. Đất nước vững mạnh, nhân dân ấm no, quan hệ vua - tôi gần gũi, thuận hoà.

Khi sứ giả Mông Cổ đến thách thức một cách hống hách, vua Trần đã ra lệnh bắt giam sứ giả, và phát động toàn dân kháng chiến chống xâm lược. Thế giặc mạnh, vua Trần đã ra lệnh và kêu gọi toàn dân thực hiện kế "thanh dã" (vườn không nhà trống). Tháng 1 năm 1258, 3 vạn quân Mông Cổ đã vào đến Đại Việt. Vua Trần và các tướng sĩ lãnh đạo quân dân thực hiện cuộc tiến công ở Bình Lệ Nguyên, rồi chủ động rút về Thiên Mạc. Giặc Mông tiến vào thành Đông Quan nhưng chúng bất ngờ khi lọt vào một toà thành trống vắng, không có người ở, không có của cải. Quân dân ta ẩn sâu, nấp kỹ, tiến hành chiến tranh du kích làm cho địch hoang mang, rời rã. Sau nửa tháng đóng trong thành vắng, thiếu lương thực, lũ giặc hùng hổ, hống hách ban đầu đã mệt mỏi, mất hết nhuệ khí chiến đấu. Thời cơ đã đến, vua tôi nhà Trần tiến hành cuộc phản công ở Đông Bộ Đầu, tiêu diệt quân địch. Cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ nhất kết thúc thắng lợi ròn rã. Khi quân địch rút chạy, ta còn truy kích tiêu diệt địch. Trong cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ nhất này, câu nói khảng khái của Thái sư Trần

Thủ Độ: "Đầu thần chưa rơi xuống đất xin bệ hạ đừng lo" đã củng cố thêm ý chí, sĩ khí cho quân dân toàn quốc.

Sau khi đã xâm chiếm toàn bộ Trung Quốc, lập nên nhà Nguyên, vua Nguyên - Mông là Hốt Tất Liệt đã quyết định tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai. Lần này, rút kinh nghiệm lần trước, quân Nguyên đã rất thận trọng khi tiến sang nước ta. Hốt Tất Liệt đã nói với con rằng: "Đừng coi Giao Chỉ là nước nhỏ mà coi thường". Nhà Nguyên huy động 60 vạn quân, một đạo do Toa Đô từ phía Bắc Chămpa đánh lên, một đạo do Thoát Hoan từ phía Nam Trung Quốc đánh xuống, hình thành thế gọng kìm tiêu diệt nước ta. Như vậy, lần này thế giặc mạnh hơn gấp bội.

Trong nước, nhà Trần có sức mạnh của một triều đại đang lên, sau kháng chiến chống Mông - Nguyên lần thứ nhất, các vua Trần đã tiến hành xây dựng đất nước, thu phục được lòng dân. Nhân dân tin tưởng và quyết tâm bảo vệ nhà Trần. Triều đình đã rất coi trọng và biết phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân ta từ những thời Văn Lang, Âu Lạc. Năm 1282, vua Trần đã triệu tập Hội nghị Bình Than để hỏi ý kiến các vương hầu, quý tộc về việc đánh giặc. Cả triều đình nhiệt tình ủng hộ. Như vậy, ý chí quyết tâm đánh giặc của cả nước được xuất phát từ trong triều đình. Nhà Trần đã biết lấy sự đoàn kết, nhất trí trong triều đình nhân ra thành khối đoàn kết vĩ đại trong cả nước. Năm 1285, khi giặc Nguyên đã ngấp nghé ngoài biên giới, vua Trần triệu tập Hội nghị Diên Hồng để hỏi ý kiến các bô lão nên hàng hay nên đánh. Các bô lão đã nhất trí và quyết tâm đánh giặc. Quyết tâm ấy được các bô lão truyền bá trong toàn dân, tạo thành một sức mạnh vĩ đại của dân tộc. Toàn dân ta gấp rút chuẩn bị kháng chiến.

Thế giặc quá mạnh, triều đình lại tiếp tục kêu gọi nhân dân thực hiện "vườn không nhà trống". Lời nói của Quốc công Tiết chế Trần Quốc Tuấn: "Tất cả các quận huyện nếu thấy giặc thì phải đánh, nếu không đánh được thì trốn sâu vào rừng, không được đầu hàng" đã thổi bùng ngọn lửa quyết giết giặc vào quần chúng nhân dân. Khi quân giặc đến, quân ta dưới sự chỉ huy của Trần Quốc Tuấn chủ động kéo lên gần biên giới đánh địch, rồi chủ động rút về Vạn Kiếp. Khi quân giặc điên cuồng lùng sục, bắt bớ bộ chỉ huy nhà Trần và nhân dân, thì toàn quân, toàn dân ta đã hỗ trợ, góp sức tiến hành cuộc rút lui kỳ diệu buộc địch phải "hồn bay phách lạc". Sau một thời gian bất lực, không tìm được quân ta để tiêu diệt, quân giặc lại lâm vào cảnh thiếu lương thực, bệnh tật, nhuệ khí chiến đấu không còn. Ta chủ động mở những cuộc phản công lớn tiêu diệt địch ở Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết. Tiêu biểu là tấm gương nhỏ tuổi của Trần Quốc Toản, trong trận Tây Kết, giết chết Toa Đô; Trận Vạn Kiếp làm cho Thoát Hoan phải chui vào ống đồng mới thoát.

Thất bại nhục nhã, thảm hại, lũ giặc Tácta một thời làm cả thế giới kinh hoàng, quyết định tạm hoãn cuộc chiến tranh xâm lược Nhật Bản, dốc sức mở cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ ba. Lần này (1287), quân Nguyên chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt. Một đạo quân bộ do Thoát Hoan cầm đầu tiến vào đóng tại Vạn Kiếp. Một đạo quân thuỷ do Ô Mã Nhi dẫn đầu tiến vào nước ta theo đường sông Bạch Đằng, dự định về hội tụ với Thoát Hoan ở Vạn Kiếp. Một đạo thuyền lương do Trương Văn Hổ chỉ huy chở 76 thuyền lương thực tiến vào nước ta. Tiếp tục thực hiện kế "thanh dã", ẩn trốn sâu, cất dấu kỹ, vua quan, tướng sĩ cùng nhân dân không thực hiện cuộc phản công ở Vạn Kiếp mà trước hết đánh đạo quân chở lương thực. Quân Nguyên lại rơi vào đường mòn cũ, tinh thần rời rạc, mệt mỏi, đói ăn. Lần này, giặc chủ động rút lui, ta thực hiện thế trận mai phục ở sông Bạch Đằng, tiêu diệt toàn bộ quân thuỷ, sau đó truy kích quân bộ.

Cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông thắng lợi đã cứu nước ta và các nước ở khu vực thoát khỏi nạn giặc Tácta từng làm giáo hoàng La Mã ngày đêm run sợ. Cuộc kháng chiến thắng lợi đã củng cố uy tín nhà Trần và ngược lại làm cho nhà Nguyên nhục nhã, ê chề, vì thất bại trước một dân tộc nhỏ bé. Trong cuộc kháng chiến này, yếu tố huy động sức mạnh toàn dân và nghệ thuật chiến tranh nhân dân đóng vai trò quyết định.

Trước hết, nhà Trần đã "khoan thư sức dân để làm sâu gốc bền rễ", tạo được niềm tin của nhân dân đối với triều đình. Nhờ đó, khi có giặc tới, toàn dân đã hưởng ứng sự lãnh đạo của nhà Trần, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc.

Nhà Trần đã biết phát huy triệt để vai trò của quần chúng nhân dân để thực hiện kế hoạch tác chiến của mình. Kế "thanh dã" với sự giúp đỡ của toàn dân trong cả nước là cơ sở đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Nhà Trần đã biết xây dựng sự đoàn kết, quyết tâm đánh giặc trong triều đình để rồi phát triển thành khối đoàn kết trong toàn dân. Lực lượng lãnh đạo đã nêu cao ý chí quyết tâm chiến đấu. Trần Quốc Tuấn chủ động dẹp thù nhà để lo việc nước, chủ động hoà giải với Trần Quang Khải để cho khối đoàn kết thêm vững mạnh. Ý chí quyết tâm đánh giặc của Quốc công Tiết chế qua câu nói "Nếu bệ hạ muốn hàng xin hãy chém đầu thần trước đã"; của Trần Bình Trọng "Ta thà làm ma nước Nam, còn hơn làm vương đất Bắc" đã là một ngọn lửa thổi bùng lên ý chí đánh giặc của toàn dân. Hội nghị Diên Hồng và hai chữ "Sát thát" khắc trên cánh tay quân lính là sức mạnh, lòng quyết tâm từ đầu đến cuối cuộc kháng chiến.

Không chỉ trong việc chuẩn bị kháng chiến, nhà Trần còn biết triệt để phát huy sức mạnh của toàn dân trong các trận chiến đấu. Trần Quốc Tuấn đã chỉ đạo, động viên nhân dân phá cầu đường... để tách đạo kỵ binh của Trình Bằng Phi ra khỏi đạo quân thuỷ trong cuộc kháng chiến lần thứ ba. Trần Quốc Tuấn đã biết kết hợp chặt chẽ sức mạnh của quân đội triều đình với quân đội địa phương các vùng có chiến sự. Nhân dân đã tích cực tham gia kháng chiến, như bà hàng nước đã chỉ cho Trần Quốc Tuấn biết con nước sông Bạch Đằng lên xuống. Nhân dân đã dốc sức xây dựng thế trận mai phục ở sông Bạch Đằng. Sức mạnh đoàn kết đã làm nên tất cả. “Bấy giờ Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây nhưng nhờ vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục, cả nước góp sức nên quân giặc bị bắt" (Trần Quốc Tuấn).

Nhà Trần đã biết vận dụng và phát hủy một cách sáng tạo nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta. Kế "thanh dã” thời nhà Thục chống giặc Tần đã được phát huy một cách triệt để. Kế sách đánh giặc độc đáo của Ngô Quyền (938), của Lê Hoàn (981) cũng được phát huy đầy sáng tạo.

Ta đã chủ động trong rút lui cũng như tiến công. Ta chủ trương tránh sức mạnh ban đầu của địch, tổ chức đánh du kích để tiêu hao sinh lực địch, khi thời cơ thuận lợi đến thì tiến hành phản công, tập trung lực lượng tiến hành một trận quyết chiến chiến lược đánh tan quân thù. Nghệ thuật "khi giặc đuổi thì ta chạy, khi giặc đóng thì ta phá, khi giặc chạy thì ta đuổi" đã phát huy triệt để, có hiệu quả.

Câu 2: Những bài học chống Nguyên - Mông được vận dụng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975) của nhân dân ta như thế nào?

Những bài học của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông về huy động sức mạnh toàn dân và nghệ thuật tiến hành chiến tranh đã được vận dụng một cách sáng tạo, hiệu quả trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975).

Trong từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể, Đảng chủ trương thành lập các Mặt trận dân tộc thống nhất cho phù hợp để đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân. Trong kháng chiến chống Pháp, Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên Việt, sau là Mặt trận Liên Việt đã trở thành nơi tập hợp sức mạnh của toàn dân. Trong chống Mỹ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã trở thành nơi tập hợp cả nước kháng chiến.

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng đã chỉ ra cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến toàn dân, do toàn dân tiến hành, toàn dân tham gia kháng chiến, "mỗi người dân là một chiến sỹ", "mỗi làng xã là một pháo dài", “cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ, hậu phương thi đua với tiền phương".

Đảng và Chính phủ luôn quan tâm tới công tác hậu phương. Trong suốt cuộc kháng chiến 30 năm, các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, đều được quan tâm chú ý; có sự phối hợp chặt chẽ giữa hậu phương và tiền tuyến, giữa chiến trường chính và các chiến trường khác trong cả nước. Hậu phương mạnh thì tiền tuyến mạnh và ngược lại, tiền tuyến đánh thắng sẽ bảo vệ hậu phương vững chắc hơn. Hậu phương là nơi cung cấp nhân lực, vũ khí, thuốc men..., vì thế hậu phương vững mạnh toàn diện đã quyết định thắng lợi của tiền tuyến. Nhờ đường lối đó mà trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân ta đã "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người".

Nghệ thuật quân sự của cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông được vận dụng và phát huy. Đảng đã xác định cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến lâu dài. Địch mạnh hơn ta về vật chất, kỹ thuật ban đầu, ta mạnh hơn địch về tinh thần chính trị. Địch âm mưu đánh nhanh thắng nhanh, ta phải đánh lâu dài để chuyển dần lực lượng của ta từ yếu sang mạnh.

Ta chủ trương tránh thế mạnh ban đầu của địch. Thời kỳ hoà để tiến năm 1946 đã giúp ta có thời gian chuẩn bị kháng chiến. Ta tiến hành sơ tán, tiêu thổ kháng chiến để cho giặc "đói khát, mù, điếc, tiêu hao, mệt mỏi, chán nản".

Tuỳ vào tương quan lực lượng mà ta đánh du kích, đánh công kiên hay phản công địch. Lúc đầu ta tiến hành đánh tiêu hao, giam chân địch trong các thành phố mà tiêu biểu là cuộc chiến đấu oanh liệt ở Thủ đô Hà Nội từ cuối tháng 12-1946 đến tháng 2-1947.

Khi thời cơ đến, ta tập trung quân, vừa tiến hành chiến tranh tiêu hao địch ở phía sau lưng, vừa mở những chiến dịch lớn tiêu diệt địch.

Chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947 đã đập tan hoàn toàn âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của địch, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

Chiến dịch Biên Giới Thu - Đông 1950, ta đã tiêu diệt bộ phận lớn sinh lực địch, phá được thế bao vây, giành thế chủ động trên chiến trường chính, mở rộng liên lạc quốc tế.

Chiến cục Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ đã làm phá sản kế hoạch Nava có Mỹ giúp sức, buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ và lập lại hoà bình ở Đông Dương.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã thực sự làm cho "Mỹ phải cút, ngụy phải nhào". Độc lập, chủ quyền của đất nước được bảo toàn.

Như vậy, những bài học về huy động sức mạnh của toàn dân và nghệ thuật tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử chiến đấu giữ nước của nhân dân ta.

Đó là nhân tố quan trọng tạo nên thắng lợi vẻ vang, huy hoàng của một dân tộc "lấy yếu đánh mạnh, lấy ít địch nhiều".

NHẬN XÉT BÀI THI

Phần Lịch sử thế giới

Câu 1: Câu hỏi tổng hợp mang tính chất bài tập thực hành. Bài làm khá đầy đủ, nêu được những nét nổi bật của tình hình hiện nay, như tốc độ phát triển kinh tế cao; cuộc khủng hoảng tài chính 1997, nhưng chưa nêu rõ khuynh hướng chính trị - xã hội: Việt Nam, Lào phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội các nước khác tiếp tục theo con đường tư bản chủ nghĩa

Câu 2. Bài nêu được:

- Tình hình sau Chiến tranh thế giới thứ hai quy định trật tự thế giới mới.

- Nội dung trật tự "hai cực Ianta", nhưng chưa nhấn mạnh đối đầu hai cực và chiến tranh lạnh, chưa nêu đầy đủ dự báo tình hình thế giới đi vào xu thế hoà hoãn .... Mỹ không thực hiện được ý đồ làm "bá chủ" thế giới “một cực” mà sẽ hình thành “nhiều cực".

Phần Lịch sử Việt Nam

Câu 1: Trình bày đầy đủ, gọn và phân tích khá sâu sắc những nét lớn về diễn biến mà không tường thuật chi tiết về từng trận đánh.

Tập trung vào hai bài học được nêu:

- Huy động sức mạnh toàn dân, thể hiện ở vấn đề đoàn kết toàn dân (Hội nghị Diên Hồng) và toàn dân đánh giặc (thực hiện vườn không nhà trống, tổ chức lực lượng đánh giặc).

- Về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh: Lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh, biết bảo toàn lực lượng, tránh quân địch khi chúng hùng mạnh, rồi phản công đánh bại chúng, kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao.

Câu 2: Đã nêu ra những sự kiện cụ thể về việc vận dụng các bài học trên vào cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1975).

- Đoàn kết toàn dân: Xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, tiến hành chiến tranh nhân dân phát triển đến đỉnh cao, xây dựng hậu phương.

- Nghệ thuật chỉ đạo chiến lược: Nhân nhượng có nguyên tắc (ký Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946, Tạm ước 14-9-1946, Hiệp định Pari 1973), kiên quyết chiến đấu, tiến công, song phải bảo toàn được lực lượng...

Trình bày rõ ràng, câu ngắn gọn, không có sai sót đáng kể về tính chính xác, về hành văn.

Bài đạt 18 điểm – giải nhất.

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA – 1999
BẢNG B

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

1. Trình bày và phân tích quá trình diễn biến của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427).

2. Từ đó, anh (chị) nêu lên mục đích và tính chất của cuộc khởi nghĩa được thể hiện qua lời Nguyễn Trãi viết trong bài "Phú Núi Chí Linh" sau đây:

"Đến như thần võ không giết
Đức lớn hiếu sinh
Nghĩ về kế lâu dài của nhà nước
Tha hàng mười vạn sĩ binh
Sửa hoà hiếu cho hai nước
Tắt muôn đời chiến tranh
Chỉ cần vẹn đất, cốt sao cho an ninh"

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

1. Lập bảng kê các nước tham gia khối ASEAN theo nội dung sau:

STT	Tên nước	Thủ đô	Ngày giành độc lập	Nét nổi bật trong tình hình hiện nay

2. Trật tự thế giới mới được thiết lập sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) như thế nào?

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

Câu 1: Diễn biến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

- 1416 Hội thề Lũng Nhai.

- Mùa xuân 1418 (mồng 2 Tết Mậu Thân), phát động khởi nghĩa.

- Ba lần bị vây hãm ở núi Chí Linh (1418, 1419 và 1423)

- Tiến vào Nghệ An, giải phóng Thanh Hoá, Tân Bình và Thuận Hoá (1425).

- Tiến quân ra Bắc (1426)... chiến thắng Tốt Động, Chúc Động, Vương Thông cố thủ Đông Quan, giả vờ xin hoà nhưng cử người xin viện binh. Cuộc giảng hoà đôi bên.

- Chiến thắng Chi Lăng–Xương Giang (1427), hội thề Đông Quan, chiến tranh chấm dứt.

Câu 2.

+ Nội dung cơ bản viết trong bài Phú: Lòng nhân đạo, quyết tâm giành độc lập, yêu chuộng hoà bình... của dân tộc ta.

+ Mục đích của cuộc kháng chiến: Độc lập dân tộc, giải phóng nhân dân, giữ gìn lãnh thổ.

+ Tính chất: Chính nghĩa, nhân đạo, yêu chuộng hoà bình.

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

Câu 1. Như hướng dẫn ở bảng A.

Câu 2. Trật tự thế giới mới...

Hệ thống Hoà ước Vecxai-Oasinhtơn và kết thúc chiến tranh (theo nội dung SGK).

Trong khi làm bài, học sinh có thể đề cập tới xu hướng phát triển của mối quan hệ quốc tế sau Vecxai – Oasinhtơn:

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và sự phát triển của Liên Xô.
- Sự khủng hoảng kinh tế thế giới, chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh.

BÀI LÀM[*]

I. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

1. Các nước ASEAN

STT	Tên nước	Thủ đô	Ngày giành độc lập	Nét nổi bật trong tình hình hiện nay
1	Thái Lan	Băng Cốc		Nền kinh tế tăng trưởng khá nhanh, với tốc độ phát triển kinh tế cao. Thái Lan đang đứng trước ngưỡng cửa của những nước công nghiệp mới (NIC), xuất khẩu gạo đứng thứ 2 trên thế giới.
2	Malaysia	Kuala Lămpua	7-10-1957 (16-9-1963, BT chú)	Là nước công nghiệp tiên tiến ở khu vực Đông Nam Á. Đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đứng thứ hai ở khu vực Đông Nam Á (sau Singapore)
3	Singapore		7-10-1967	Là một trong bốn “con Rồng nhỏ” ở châu Á. Đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất khu vực Đông Nam Á.
4	Philippin		1946 (4-7-1946,	Nền kinh tế đang có những bước chuyển mạnh mẽ, đạt

---

[*] Trần Thị Hoài Thu, trường Trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn (Bà Rịa – Vũng Tàu).

			BT chú).	tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao.
5	Inđônêxia	Giacácta	18-8-1945	Là nước công nghiệp tiên tiến ở khu vực Đông Nam Á, kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao.
6	Việt Nam	Hà Nội	2-9-1945	Đang trong quá trình đi lên CNXH. Đạt được những thành quả to lớn trong công cuộc đổi mới đất nước.
7	Lào	Viêng Chăn	18-10-1945 (2-12-1975, BT chú).	Kinh tế đang dần ổn định, đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao.
8	Mianma		10-1948 (4-1-1947, BT chú).	Sau nhiều cuộc cải cách, kinh tế hiện nay đạt tốc độ tăng trưởng khá cao.
9	Brunây			Nền kinh tế có nhiều bước tiến đáng kể.

Hiện nay, hầu hết các nước Đông Nam Á đang phát triển kinh tế và đã đạt được những thành tựu to lớn, rực rỡ. Các nước Đông Nam Á vừa trải qua cơn khủng hoảng kinh tế năm 1998, nhưng hầu hết đã tiến hành cải tổ, khắc phục, nên đa số đã vượt qua cơn khủng hoảng, tiếp tục phát triển để xây dựng một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh, ngày càng nâng cao vị trí trên trường quốc tế.

2. Trật tự thế giới mới được thiết lập sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là trật tự được hình thành sau Hoà ước Vecxai- Oasinhtơn.

a. Hội nghị Técxai

- Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc (1918), các nước thắng trận trong chiến tranh đã triệu tập “Hội nghị hoà bình" ở Vécxai (Pháp) vào tháng 9-1919. Thực chất của Hội nghị Vécxai là sự phân chia thành quả của các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- Tham dự Hội nghị gồm 27 nước, trong đó quyền lãnh đạo Hội nghị thuộc về năm nước: Anh, Pháp, Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc, nhưng thực chất quyền quyết định Hội nghị thuộc về ba nước Anh, Pháp, Mỹ.

Hội nghị đã quyết định các vấn đề:

1. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở châu Âu, châu Á - Thái Bình Dương.

2. Thành lập một trật tự mới sau chiến tranh.

3. Ký Hoà ước với các nước bại trận.

Nội dung các văn bản được ký kết ở Hội nghị Vécxai gồm 3 văn kiện về:

1. Quyết định thành lập Hội Quốc liên để duy trì hoà bình và an ninh thế giới. Quyết định này được Hội nghị thông qua.

2. Các nước thắng trận đều đồng ý các biện pháp chống lại nước Nga Xôviết.

3. Ký Hoà ước với Đức và các nước bại trận. Hoà ước Vécxai là một điều ước sỉ nhục đối với nước Đức, Đức bị mất quá nhiều quyền lợi:

- Về lãnh thổ, giao cho Pháp hai tỉnh Andát và Loren, quốc tế hoá cảng Đăngzíc, giao cho Hội Quốc liên vùng hạt Xara, cắt một phần lãnh thổ cho Ba Lan. Như vậy Đức bị mất 1/5 lãnh thổ, 1/10 dân số.

- Về quân sự, bị hạn chế đến mức tối đa: không có không quân, lục quân, hải quân, không được tổ chức quân đội quá 10 vạn quân.

- Đức phải bồi thường chiến phí 132 tỷ Mác vàng.

Như vậy, sau Hoà ước Vecxai, Anh, Pháp được quá nhiều quyền lợi, còn Đức lại bị mất hết quyền lợi. Do đó, sau Hoà ước Vecxai, một mâu thuẫn đang dần hình thành giữa Anh, Pháp với Đức.

b. Hoà ước Oasinhtơn

Không thoả mãn với Hoà ước Vecxai, Mỹ đã triệu tập Hội nghị Oasinhtơn tại "sân nhà" để hưởng đặc quyền, đặc lợi, giành quyền bá chủ thế giới.

Hội nghị Oasinhtơn diễn ra từ 12-1921 đến 2-1922 với sự tham gia của 9 nước Anh, Pháp, Mỹ, Liên Xô, Bỉ, Hà Lan, Trung Quốc, Nhật, Ý.

Hội nghị Oasinhtơn đã thông qua các Hiệp ước:

1. Hiệp ước 4 nước (Anh, Pháp, Mỹ, Nhật): Các nước cam kết tôn trọng quyền lợi của nhau ở thuộc địa, nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng phương pháp hoà bình.

2. Hiệp ước 5 nước (Anh, Pháp, Mỹ, Ý, Nhật): Quy định việc hạn chế hải quân của các nước như sau: Anh: 5; Mỹ: 5; Nhật: 3; Pháp: 1,75; Ý: 1,75.

Như vậy, với Hiệp ước này, Mỹ đã giành được quyền phát triển lực lượng hải quân ngang bằng với Anh, vốn là nước đứng đầu hải quân thế giới.

3. Hiệp ước 9 nước:

9 nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền của Trung Quốc, đồng thời Trung Quốc phải có chính sách mở cửa đối với 9 nước trên.

Như vậy, với Hiệp ước 9 nước, Mỹ đã thâm nhập được vào thị trường Trung Quốc, hạn chế sự bành trướng của Nhật đối với Trung Quốc

Như vậy, Hoà ước Oasinhtơn đã hoàn thành việc phân chia thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Hoà ước "Vecxai - Oasinhtơn" đã tạo ra một "trật tự thế giới mới" giữa các nước tư bản thắng trận, giữa một bên là các nước thoả mãn với hệ thống Vecxai - Oasinhtơn (Anh, Pháp, Mỹ) với một bên là các nước bại trận (Đức, Ý, Nhật), có ít quyền lợi bất mãn với hệ thống Vecxai - Oasinhtơn. Trật tự thế giới sau chiến tranh ngay từ đầu đã chứa đựng những mâu thuẫn nên nó đã thai nghén trong lòng mầm mống của một cuộc chiến tranh thế giới mới.

II. LỊCH SỬ VIỆT NAM

1. Đầu thế kỷ XV, nhà Minh lợi dụng tình hình nước ta suy yếu đã đem quân xâm lược và đặt ách thống trị. Sự thống trị của nhà Minh vô cùng dã man, tàn bạo: "Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống hầm tai vạ" (Nguyễn Trãi). Do đó, nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân đã bùng nổ khắp nơi. Vì đi ngược lại lòng dân, không được nhân dân ủng hộ, nên cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ bị thất bại. Nhân dân Đại Việt cuối cùng đã tập hợp dưới ngọn cờ nghĩa của Lê Lợi – Nguyễn Trãi. Sau mười năm kiên trì chiến đấu (1418-1427), "đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo", cuối cùng nhân dân ta đã đánh bại quân Minh. Lê Lợi lên ngôi vua, sáng lập ra triều Lê. Trong khoảng 100 năm đầu, với 9 đời vua, nước ta phát triển về mọi mặt, trở thành một quốc gia phong kiến hùng mạnh.

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là Lê Lợi, một người học rộng, tài cao, yêu nước, thương dân; ông là người mưu trí, sáng tạo, căm thù ách thống trị bạo ngược của nhà Minh, đã nổi dậy dựng cờ khởi nghĩa.

Bên cạnh với Lê Lợi, là cánh tay phải đắc lực của ông trong cuộc khởi nghĩa là Nguyễn Trãi, một con người thông minh, uyên bác, văn võ song toàn, yêu nước nồng nàn, thương dân hết mực. Ông đã cùng Lê Lợi lãnh đạo cuộc khởi nghĩa thời kỳ "măng rừng cháo bẹ", cho đến khi thắng lợi hoàn toàn.

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn kéo dài 10 năm (1418-1427), chia làm hai giai đoạn:

- *Giai đoạn 1 (1418-1425):* Đây là giai đoạn xây dựng và củng cố lực lượng. Nghĩa quân đã trải qua những năm tháng vô cùng gian lao, vất vả. Dựa vào vùng núi rừng Thanh Hoá, nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, quả cảm, đánh lui nhiều đợt tấn công của giặc. Nhiều lần bị quân giặc truy kích, bao vây, ba lần nghĩa quân phải rút lên núi Chí Linh, để bảo toàn lực lượng.

- *Giai đoạn 2 (1425-1427):* Giai đoạn tổng phản công để giành thắng lợi.

+ Năm 1425, theo kế hoạch của Nguyễn Chích, nghĩa quân đã rời khỏi vùng núi rừng Thanh Hoá, tiến vào hạ thành Trà Lân.

+ Cuối năm 1425, nghĩa quân đã giải phóng được Tân Bình, Thuận Hoá.

+ Đặc biệt là từ 1426 đến 1427, nghĩa quân đã mở những trận đánh lớn, giành những thắng lợi quyết định ở Tốt Động – Trúc Động, Chi Lăng – Xương Giang, đánh bại cuộc xâm lược của quân Minh.

- Cuối giai đoạn 2,nghĩa quân tiến ra Bắc, mở rộng vùng giải phóng.

Sau khi giải phóng được vùng đất rộng lớn từ Thuận Hoá trở ra, nghĩa quân đã có hậu phương rộng lớn và lực lượng vững mạnh.

Tháng 9-1426, bộ chỉ huy khởi nghĩa Lam Sơn quyết định tiến quân ra Bắc. Nghĩa quân Lam Sơn được chia làm ba đạo: đạo thứ nhất gồm 3000 quân tiến ra giải phóng vùng Tây Bắc; đạo thứ hai gồm 4000 quân tiến vào giải phóng vùng Đông Nam - Đông Quan; đạo thứ ba gồm 2000 quân tiến thẳng ra thành Đông Quan.

Nghĩa quân đi đến đâu được nhân dân ủng hộ đến đó. Lương thực, thực phẩm, vũ khí, binh lực thường xuyên được bổ sung, nên chiến thắng liên tiếp, làm cho quân địch bị tổn thất nặng nề, tinh thần hoang mang, dao động, phải lui vào cố thủ trong thành Đông Quan.

Chiến thắng Tốt Động – Trúc Động.

Tháng 10-1426, 5 vạn viện binh giặc do Vương Thông chỉ huy ồ ạt tràn vào nước ta, phối hợp với đạo quân ở trong thành tạo thành một lực lượng hùng hậu. Vương Thông quyết định mở cuộc tấn công vào Cao Bộ (Hà Tây) để tiêu diệt chủ lực quân ta.

Tháng 11-1426, quân Minh ồ ạt tiến xuống Cao Bộ (Hà Tây). Nhờ mật báo, nắm vững tình hình tiến quân và hướng tấn công của giặc Lê Lợi đã cho quân bố trí, mai phục ở Tốt Động – Trúc Động.

Khi đại quân của Vương Thông lọt vào ổ phục kích, quân ta bất ngờ xông ra giáp chiến, đánh thẳng vào hàng ngũ của địch, băm nát đội hình giặc, dồn chúng xuống cánh đầm lầy để tiêu diệt. Vương Thông bị thương, thục mạng chạy về Thanh Hoá. Sau này, trận Tốt Động – Trúc Động đã được Nguyễn Trãi tổng kết:

"Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh hôi vạn dặm,
Tốt Động thây chất đầy nội, nhơ để nghìn năm".

Thừa thắng, quân ta đuổi theo truy kích giặc, giải phóng được nhiều châu, huyện. Sau những thất bại to lớn, Vương Thông buộc phải xin rút quân, giảng hoà với Lê Lợi và về nước xin viện binh. Trận Tốt Động – Trúc Động của nghĩa quân Lam Sơn đã thắng lợi giòn giã, tiêu diệt được đạo quân to lớn của kẻ thù, mở màn cho chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang ở giai đoạn sau.

Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang

- Tháng 10-1427, nhận được cầu viện của Vương Thông, vua Minh sai 15 vạn quân sang xâm lược nước ta, chia làm hai đạo:

+ Đạo thứ nhất, gồm 10 vạn quân do Liễu Thăng chỉ huy từ Quảng Tây – Trung Quốc kéo vào nước ta theo đường Lạng Sơn.

+ Đạo thứ hai, gồm 5 vạn quân do Mộc Thạnh chỉ huy từ Vân Nam kéo sang.

- Ngày 8-10-1427, đại quân của Liễu Thăng ồ ạt tràn vào nước ta. Ta cho quân ra khiêu chiến, rồi nhử quân giặc lọt vào ổ phục kích của ta ở Chi Lăng.

Liễu Thăng không biết kế hoạch của ta, liều lĩnh thúc quân, hăm hở đuổi theo và lọt vào ổ phục kích. Quân ta bất ngờ từ các hướng tấn công vào quân giặc làm cho đội hình giặc bị rối loạn, rồi bao vây tiêu diệt 1 vạn tên.

Địch cố chấn chỉnh đội ngũ, tiến xuống Xương Giang. Ta thừa thắng đuổi theo truy kích giặc ở Cần Trạn, Phố Cát. Số quân giặc bị tiêu diệt lên tới 3 vạn tên. Khi tiến đến Xương Giang thì thành đã bị hạ, quân giặc hoảng hốt co cụm lại giữa đồng chơ vơ, không đường tiến thoái.

Giữa lúc ấy, Lê Lợi sai người đem chiến lợi phẩm thu được ở Xương Giang lên Lê Hoa trao cho Mộc Thạnh. Nhìn thấy ấn, kiếm, Mộc Thạnh biết quân của Liễu Thăng đã bị tiêu diệt, vội vàng ra lệnh thu quân về nước. Quân lính giẫm đạp lên nhau mà chạy; thừa thắng quân ta truy kích tiêu diệt gần 1 vạn tên.

Tin thắng trận từ Lê Hoa, bay về Xương Giang làm cho quân Vương Thông hoang mang, dao động. Chớp lấy cơ hội ấy, Lê Lợi cho quân tấn công thẳng vào doanh trại giặc, tiêu diệt gần 5 vạn tên.

Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang đã đánh bại hoàn toàn cuộc tấn công của quân Minh, buộc Vương Thông phải thu quân về nước và giảng hoà với ta ở Đông Quan.

- Tháng 12-1427, hội thề ở Đông Quan đã được tổ chức. Vương Thông cam kết rút quân về nước, không dám quay trở lại xâm lược nước ta. Lê Lợi cho người cấp thuyền bè và ngựa, tạo điều kiện cho quân Minh mau chóng rút về nước.

Như vậy, đến cuối năm 1427, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã thắng lợi hoàn toàn. Quân Minh rút khỏi bờ cõi nước ta, đất nước sạch bóng quân thù. Nguyễn Trãi đã thảo bài "Cáo Bình Ngô", nêu rõ cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, khẳng định nền độc lập, tự chủ hoàn toàn của nước ta. Sau khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, Lê Lợi – người con ưu tú của dân tộc - đã lên ngôi vua, sáng lập ra triều Lê. Trong khoảng 100 năm đầu, nhà Lê đã đưa nước ta phát triển thành một quốc gia phong kiến hùng mạnh.

2. Tính chất và mục đích của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Sau mười năm đấu tranh kiên trì, anh dũng, nghĩa quân Lam Sơn đã đánh bại hoàn toàn cuộc tiến công xâm lược của nhà Minh, kết thúc ách thống trị bạo tàn của quân Minh trên đất nước ta, đem lại hoà bình, ấm no cho nhân dân Đại

Việt. Sau khi cuộc khởi nghĩa thắng lợi, Nguyễn Trãi đã viết bài "Phú Núi Chí Linh". Bài phú này đã thể hiện rõ mục đích và tính chất của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Mục đích của cuộc khởi nghĩa

Do ách thống trị dã man, tàn bạo của nhà Minh, nhân dân Đại Việt đã đứng lên khởi nghĩa để giải phóng đất nước, giải phóng mình. Từ đó, ta thấy được mục đích của cuộc khởi nghĩa là lật đổ ách thống trị dã man, tàn bạo của nhà Minh, khôi phục lại nền độc lập dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no cho trăm họ. Lời phú của Nguyễn Trãi đã khẳng định điều đó:

"Tắt muôn đời chiến tranh,
Chỉ cần vẹn đất, cốt sao an ninh".

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn còn khẳng định với bọn phong kiến phương Bắc sự tồn tại độc lập của nước Đại Việt, một đất nước có độc lập, chủ quyền, có nền văn hoá lâu đời,không một dân tộc nào, một đất nước nào có quyền xâm phạm. Cuộc khởi nghĩa cũng nhằm mục đích khẳng định sức mạnh to lớn, tiềm tàng của dân tộc Đại Việt, một dân tộc tuy nhỏ bé, nhưng lại giàu lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết chiến đấu vì độc lập, tự do của dân tộc.

Như vậy, ta thấy rằng, mục đích của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là lật đổ ách thống trị của nhà Minh, khôi phục nền độc lập của dân tộc, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam. Đây là một mục đích hoàn toàn chính đáng, đúng đắn.

Tính chất của cuộc khởi nghĩa:

- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trước hết là cuộc kháng chiến chính nghĩa. Cuộc khởi nghĩa ấy diễn ra hoàn toàn xuất phát từ nguyện vọng chính đáng của nhân dân, đó là nguyện vọng được sống trong hoà bình, độc lập; nguyện vọng thoát khỏi ách đô hộ, giải phóng đất nước và giải phóng nhân dân ra khỏi mọi sự áp bức, thoát khỏi thân phận nô lệ.

- Cuộc khởi nghĩa thể hiện rõ tình hoà hiếu của dân tộc Việt Nam với Trung Quốc và lòng khoan dung, độ lượng của con người Việt Nam.Tấm lòng ấy, tinh thần ấy được thể hiện rõ nét ở những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Đó là việc hai lần Lê Lợi chấp nhận hoà nghị với kẻ thù.

Lần một, khi nghĩa quân Lam Sơn giành thắng lợi to lớn ở trận Tốt Động – Trúc Động, Vương Thông xin cầu hoà và ta đã chấp nhận.

Lần hai, sau khi giành chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang, ta đã tiêu diệt toàn bộ đạo quân của Vương Thông cũng như đạo quân tiếp viện của Mộc Thanh, Liễu Thăng, Vương Thông đã xin giảng hoà và ta đã mở hội thề ở Đông Quan, chấp nhận giảng hoà, mặc dù ta đã toàn thắng. Đặc biệt hơn, Lê Lợi còn cấp ngựa xe, thuyền bè cho quân Minh mau chóng rút về nước. Đó là thể hiện hết sức cao đẹp của sự hoà hiếu, của tấm lòng khoan dung, độ lượng của người Việt Nam. Nguyễn Trãi đã viết:

"Đến-như thần võ không giết,
Đức lớn hiếu sinh.
Nghĩ kế lâu dài của đất nước,
Tha hàng mười vạn sĩ binh,
Sửa hoà hiếu cho hai nước".

- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn cũng thể hiện tính chất nhân dân rộng rãi, ở việc nghĩa quân đi đến đâu cũng được nhân dân ủng hộ đến đấy, thường xuyên cung cấp lương thực, thực phẩm, vũ khí, nhân lực, dẫn đến thắng lợi cuối cùng của cuộc khởi nghĩa.

- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thể hiện truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết chiến đấu của quân và dân ta. Truyền thống ấy được hình thành trong ngót 4000 năm dựng nước và giữ nước đầy vinh quang, chói lọi, đến đây truyền thống ấy được phát huy cao độ. Đó chính là gốc nguồn sức mạnh vô địch làm nên chiến thắng oanh liệt của khởi nghĩa Lam Sơn.

Cùng với chiến thắng Bạch Đằng, Hàm Tử, Chương Dương, Tây Kết, khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, góp phần bồi đắp, tôn thêm truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam.

Phát huy tinh thần hoà hiếu của khởi nghĩa Lam Sơn, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ sau này, chúng ta luôn luôn chú ý đến đàm phán, thương lượng để kết thúc chiến tranh, nhưng vẫn giữ được độc lập. Đồng thời chúng ta cũng đã phối hợp, giúp đỡ nhân dân hai nước láng giềng Lào và Cămpuchia giành nhiều chiến thắng to lớn.

NHẬN XÉT BÀI THI

Câu Lịch sử thế giới: Trình bày tương đối đầy đủ nội dung đặt ra. Về các nước ASEAN, đã nêu được lịch sử của 9 nước lúc bấy giờ với những nét đặc trưng về kinh tế, xã hội, chính trị của mỗi nước (Việt Nam xây dựng chủ nghãi xã hội, đang đổi mới). Tuy nhiên, còn có một vài nhầm lẫn về niên đại, sự kiện (thiếu chính xác).

Về các Hoà ước Vecxây và Oasinhtơn, thí sinh không chỉ trình bày khá đầy đủ về nội dung mà còn nêu được một số kết luận, khái quát, thể hiện đúng nhận thức lịch sử của mình.

Câu Lịch sử Việt Nam: Thí sinh trình bày ngắn gọn các giai đoạn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và trên cơ sở ấy phân tích vị trí, tác dụng của các chiến thắng lớn, đưa đến thắng lợi hoàn toàn.

Trên cơ sở trình bày về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, thí sinh đã nêu rõ *mục đích, tính chất* cuộc khởi nghĩa, làm rõ nội dung bài "*Phú Núi Chí Linh*".

Tuy nhiên, câu văn còn đôi chỗ lủng củng, diễn đạt không tốt.

Bài đạt 17,5 điểm.

BÀI LÀM[*]

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM

1. Trong lịch sử nhân loại, hiếm có một dân tộc nào phải trải qua nhiều cuộc kháng chiến chống quân xâm lược như nhân dân Việt Nam. Hơn một ngàn năm độc lập, tự chủ, sau khi thoát khỏi ách Bắc thuộc, dân tộc ta đã phải thực hiện chín cuộc kháng chiến và một cuộc khởi nghĩa để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, làm cho đất nước tự do và hoà bình. Trong số đó, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã ghi vào lịch sử dấu ấn không thể phai mờ, mãi mãi là niềm kiêu hãnh và tự hào của mỗi người con đất Việt.

Năm 1400, nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần, đất nước ta lúc này đang suy yếu cả về kinh tế, chính trị và quân sự. Cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ đã hoàn toàn thất bại do lòng dân không quy phục Hồ Quý Ly. Đất nước ta rơi vào cảnh tôi đòi, nô lệ, giặc Minh thống trị nước ta vô cùng tàn bạo:

"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,
Vùi con đỏ xuống hầm tai vạ".

Trong hoàn cảnh ấy, nghĩa quân Lam Sơn đã quy tụ được nhân dân, làm nên những chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang, Tốt động, Trúc Động và đã kết thúc cuộc kháng chiến chống quân Minh thắng lợi. Năm 1428,Lê Lợi lên ngôi vua, lập nên triều Lê (Hậu Lê), đất nước ta được độc lập, hoà bình và phát triển rực rỡ.

---

[*] Hoàng Hồng Trang, trường Trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn (Bà Rịa – Vũng Tàu).

Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là Lê Lợi. Ông là người thông minh, hào hiệp, có uy tín lớn ở địa phương. Đau lòng trước cảnh nước mất, nhà tan, Lê Lợi đã dốc hết tài sản, chiêu mộ binh sỹ, phất cờ nổi dậy chống quân xâm lược bạo tàn. Kề vai sát cánh bên Lê Lợi, cánh tay đắc lực của ông là Nguyễn Trãi, một người thông minh, học rộng, tài cao, yêu nước, thương dân hết mực. Ông đã cùng chiến đấu với nghĩa quân từ "những ngày măng rừng cháo bẹ" ở núi rừng Thanh Hoá cho đến những ngày thắng lợi cuối cùng.

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) có thể chia làm hai giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất (1418-1424) là thời kỳ xây dựng và củng cố lực lượng.

Căn cứ của nghĩa quân ở Lam Sơn, Thanh Hoá, một vùng núi rừng hiểm trở. Nhân dân hết mực thuỷ chung với sự nghiệp của dân tộc, đồng lòng, đồng sức, góp sức mình xây dựng nghĩa quân ngày càng lớn mạnh. Như vậy, mảnh đất của người anh hùng dân tộc Lê Lợi đã hội tụ được những yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hoà. Đây là những yếu tố rất thuận lợi cho phong trào giải phóng thành công. Ở giai đoạn này, nghĩa quân đã trải qua biết bao gian nan, khổ cực với những ngày đói rét, hiểm nguy. Quân giặc tiến đánh, nghĩa quân đã ba lần phải rút lên núi Chí Linh. Trong những tháng năm đó, không ai có thể quên được người anh hùng Lê Lai đã cùng đội cảm tử, hy sinh thân mình để cứu chúa. Hành động dũng cảm đó là một tấm gương ngời sáng, động viên tinh thần đánh giặc của nghĩa quân. Chính vì vậy mà những gian khổ ấy không thể ngăn cản được sự tin yêu, góp sức mình để hoàn thành sứ mệnh cao cả của đất nước. Lê Lợi đã chiêu tập binh sĩ, lực lượng lớn mạnh dần lên, với tinh thần quyết chiến, đã lập nên những chiến công vang dội.

Giai đoạn thứ hai (1424-1427) là thời kỳ phản công.

Năm 1425, theo kế hoạch của Nguyễn Chích, nghĩa quân đã chuyển căn cứ vào Nghệ An, một vùng đất "địa linh nhân kiệt". Được sự ủng hộ của nhân dân, nghĩa quân đã lập được chiến thắng đầu tiên là hạ thành Trà Lân (Nghệ An) bằng một sức mạnh, như Nguyễn Trãi đã nói "Thành Trà Lân trúc chẻ tre bay". Chiến thắng này đã cổ vũ tinh thần và niềm tin của mọi người dân. Với khí thế chiến thắng, nghĩa quân tiến vào giải phóng Tân Bình và Thuận Hoá. Như vậy, suốt một vùng đất rộng lớn ở miền Trung đã được giải phóng, thanh thế của nghĩa quân lan rộng, bọn giặc Minh phải hoảng hốt.

Đến những năm 1426-1427, Lê Lợi quyết định tấn công ra Bắc. Nghĩa quân đi đến đâu cũng được nhân dân ủng hộ, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trước sức mạnh của nghĩa quân, quân giặc ở Thăng Long hoảng sợ, phải xin viện binh từ Trung Quốc.

Năm 1427, quân ta chia làm ba đạo: một đạo tiến vào phía Nam Đông Quan, đạo thứ hai tiến thẳng vào Đông Quan và đạo thứ ba chặn đường rút lui của địch.

Quân giặc ở Đông Quan lo sợ, hoảng hốt, lui vào trong thành cố thủ chờ viện binh tới; nhưng quân ta nhờ do thám nên biết được kế hoạch của địch, đã bố trí trận địa mai phục ở Tốt Động – Trúc Động. Địch vừa mới đến nước ta, tinh thần đang hoang mang, rối loạn, lại bị đẩy vào thế bị động. Nghĩa quân thừa thắng xông vào đánh địch, quân giặc bị đánh tơi bời. Chiến thắng Tốt Động – Trúc Động đã đập tan hàng vạn viện binh của giặc, giúp nghĩa quân hứng khởi tinh thần, giữ vững thế chủ động trên chiến trường và đẩy kế hoạch của giặc vào thế sa lầy.

Chiến thắng tiếp theo và có ý nghĩa quyết định là chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang. Quân của Liễu Thăng đã bị nghĩa quân tấn công, tiêu diệt nhanh chóng. Chúng bị dồn vào cánh đồng hoang, trơ trọi giữa một vùng rộng lớn, rồi lại bị quân ta đánh tỉa; quân địch hao mòn dần. Những trận đánh liên tiếp đã tiêu diệt được lực lượng đông đảo của địch.

Tướng giặc ở Lê Hoa, biết rõ chiến thắng của nghĩa quân, hiểu được tình thế của mình, nhận thấy khó tránh khỏi sự thất bại thạm hại như đồng bọn, nên hoảng hốt cho quân rút chạy về nước. Nghĩa quân thừa thắng xông lên chém giặc , xác giặc ngổn ngang. Quân giặc chạy thục mạng về biên giới. Nguyễn Trãi đã miêu tả quân giặc thua chạy nhục nhã:

"Trận Ninh Kiều máu chảy thành sông, hôi tanh vạn dặm,
Tốt Đông thây phơi đầy nội nhơ để ngàn thu."

Thấy tình hình như vậy, Vương Thông vội vã xin hàng, hội thề đã được tổ chức. Lê Lợi đã cấp ngựa, thuyền, lương thảo cho chúng về nước, trao trả những tên giặc bị bắt.

Trong suốt mười năm kháng chiến, nghĩa quân Lam Sơn đánh bại hoàn toàn cuộc xâm lược, lật đổ ách đô hộ của giặc Minh. Trên toàn cõi Việt Nam, nghĩa quân đã đem lại hoà bình cho đất nước, nhân dân trở lại yên bình, ấm no và hạnh phúc. Buổi đầu triều Lê (do Lê Thái Tổ – Lê Lợi lập nên) đã thực hiện nhiều chính sách tiến bộ, thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Chế độ phong kiến Việt Nam đạt đến trình độ phát triển cao nhất, rực rỡ nhất.

Sự thành công của cuộc khởi nghĩa là thành quả của mười năm đấu tranh gian khổ, dưới sự lãnh đạo tài tình của

Lê Lợi, Nguyễn Trãi. Tinh thần đoàn kết toàn dân được phát huy cao độ, nhân dân ta đã gìn giữ và phát triển truyền thống cao quý của dân tộc. Khởi nghĩa Lam Sơn đã ghi những trang vàng lịch sử, để lại cho hậu thế những bài học và niềm tự hào của một dân tộc, tuy nhỏ bé nhưng rất giàu truyền thống yêu nước, yêu chuộng hoà bình và tự do.

2. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã thể hiện được tinh thần và bản chất anh hùng, nhân đạo của dân tộc, được xác định ở mục đích và sự kết thúc của cuộc chiến, như Nguyễn Trãi viết trong bài "Phú Núi Chí Linh":

"Đến như thần võ không giết,

Đức lớn hiếu sinh.

Nghĩ về kế lâu dài của đất nước,

Tha hàng mười vạn sỹ binh.

Sửa hoà hiếu cho hai nước,

Tắt muôn đời chiến tranh.

Chỉ cần vẹn đất, cốt sao an ninh".

Nội dung của bài phú phản ánh thực tế lịch sử đó. Quân Minh sang xâm lược nước ta, đặt nhân dân ta dưới ách đô hộ tàn nhẫn, dã man, chà đạp lên mọi quyền lợi của dân tộc. Non sông Việt Nam bị xâm phạm, Tổ quốc thương đau, dân tình khổ nhục. Trước nỗi đau đó, thì giải phóng đất nước đánh tan quân xâm lược hung bạo là mục tiêu của cuộc khởi nghĩa. Mục tiêu này đã đáp ứng được nguyện vọng của toàn dân tộc Việt, vốn có truyền thống đánh giặc, giữ nước, giữ làng, quyết chiến đấu để giữ từng tấc đất mà tổ tiên đã hy sinh biết bao xương máu mới giành lại được.

Chính vì mục đích cao cả đó mà tính chất của cuộc kháng chiến này là một cuộc chiến tranh chính nghĩa, chiến tranh giải phóng. Những người dân Việt Nam, khi chiến đấu rất dũng cảm, kiên cường, trong cuộc sống rất nhân hậu, vị tha. Điều này thể hiện ở việc, sau khi đánh bại quân giặc, Lê Lợi đã không hề "nhổ cỏ nhổ rễ" mà đã cung cấp thuyền, ngựa cho kẻ bại trận trở về đất nước. Đó là hành động cao đẹp, tiêu biểu của một dân tộc nhân đạo, khoan dung:

"Đem đại nghĩa thắng hung tàn,
Lấy chí nhân thay cường bạo".

Điều này cũng mong đạt được mục tiêu mà ít hao tổn xương máu:

"Chỉ cần vẹn đất, cốt sao an ninh".

Cuộc chiến đấu của dân tộc ta với mục tiêu cao đẹp độc lập, hoà bình, mang tính chất của cuộc chiến tranh chính nghĩa. Nhân dân ta với mong ước "tắt muôn đời chiến tranh", chính vì vậy đã đối xử nhân nghĩa, coi trọng "đức lớn hiếu sinh". Đây là một vẻ đẹp của dân tộc Việt, vẻ đẹp ngời sáng trong con người Việt Nam. Toàn bộ quá trình kháng chiến anh dũng của nhân dân đã được Nguyễn Trãi ghi lại trong bài "Cáo Bình Ngô" – một bản anh hùng ca về lịch sử hùng hồn của dân tộc. Khởi nghĩa Lam Sơn là tinh hoa của đất Việt. Người dân Việt Nam chiến đấu vì độc lập, chủ quyền đất nước, vì hạnh phúc của mọi người. Chính vì vậy mà tình yêu thương con người đã hoà vào biển,sông, mở ra với toàn nhân loại.

Kết thúc cuộc chiến tranh không phải chỉ còn là súng, mác, gươm đao mà là những hành động nhân nghĩa của mình. Thấm nhuần tình cảm, đạo lý tốt đẹp đó, sau này trong các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đảng ta chủ trương trao trả tù binh, mở thêm mặt trận ngoại giao để giành chiến thắng với mong muốn kết thúc chiến tranh trong hoà bình. Bài học lịch sử từ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã được nhân dân ta kế thừa và phát huy rực rỡ.

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

1. Các nước ASEAN

STT	Tên nước	Thủ đô	Ngày giành độc lập	Nét nổi bật trong tình hình hiện nay
1	Việt Nam	Hà Nội	2-9-1945	Sau hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thành công, Đảng và nhân dân Việt Nam bắt tay vào công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội. Gia nhập vào tổ chức ASEAN (7-1995), Việt Nam đang cố gắng góp phần xây dựng cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh, hoà nhập với thế giới.
2	Thái Lan	Băng Cốc		Những năm gần đây, nền kinh tế Thái Lan phát triển rất mạnh, trở thành một nước có tiềm lực lớn ở Đông Nam Á, đang đứng trước ngưỡng cửa của các nước NIC. Cuộc khủng hoảng từ 1997 đến nay đang dần được khắc phục.
3	Indônêxia	Giacacta	18-8-1945	Từ năm 1965 đến nay, kinh tế Indônêxia đã có nhiều biến chuyển, sản lượng công – nông nghiệp tăng lên. Cùng

				với sự tăng trưởng về kinh tế, Inđônêxia cũng có nhiều hoạt động để bảo vệ bản sắc văn hoá của mình. Inđônêxia là nước có quan hệ tốt với Việt Nam từ trước đến nay.
4	Lào	Viêng Chăn	10-1945 (2-12-1975, BT chú).	Cùng với Việt Nam, Lào cũng phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đất nước Lào ngày nay đã có nhiều đổi mới, đời sống nhân dân đã được cải thiện. Tuy vậy, nền kinh tế Lào vẫn gặp khá nhiều khó khăn. Lào là nước đã kề vai sát cánh với nhân dân Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ.
5	Xingapo	Xingapo	1960 (9-8-1965, BT chú)	Là một trong bốn con Rồng của châu Á, có nền kinh tế phát triển mạnh, có mức thu nhập bình quân đứng thứ nhì sau Nhật.
6	Brunây		(1-1-1984, BT chú).	Là một nước nhỏ có nền kinh tế khá giàu, có nguồn dầu mỏ phong phú.
7	Malaixia		1960	Nền kinh tế có nhiều biến chuyển, phát triển hơn trước, vươn lên mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu.
8	Philippin			Là nước nhỏ, kinh tế có nhiều biến chuyển, song còn nghèo, cần được phát triển hơn.
9	Mianma		1949	Nền kinh tế chưa mạnh lắm, đang có nhiều bước tiến theo

				xu thế của khu vực và thời đại.

2. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, các nước thắng trận đã họp Hội nghị hoà bình ở Vecxai và sau đó, Mỹ triệu tập Hội nghị Oasinhtơn. Những điều khoản quy định ở hai Hội nghị này là nhằm thiết lập một trật tự thế giới mới, gồm hai khối đối địch: các nước thắng trận Anh, Pháp, Mỹ và các nước bại trận Đức, Áo-Hung.

Tại Hội nghị Vecxai, Hiệp ước giữa các nước thắng trận đã được ký kết, quan trọng nhất là Hoà ước với Đức ký năm 1919. Theo Hoà ước này, Đức mất 1/8 lãnh thổ và 1/10 dân số, ngoài ra còn phải bồi thường chiến phí rất nặng nề, hệ thống thuộc địa đã bị chiếm hết. Hoà ước Vecxai là một điều sỉ nhục đối với lịch sử nước Đức, do vậy, người Đức nuôi chí phục thù. Trong Hoà ước về Áo - Hung, đế quốc Áo – Hung bị xoá bỏ, chia thành các nước nhỏ.

Như vậy, tại Hội nghị Vecxai, các nước Anh, Pháp được hưởng quá nhiều quyền lợi; các nước thua trận, đặc biệt là Đức lại chịu những điều khoản hết sức nặng nề.

Không được quyền lợi gì tại Hội nghị Vecxai, Tổng thống Mỹ Uynsơn đã triệu tập Hội nghị Oasinhtơn ngay tại "sân nhà" để hưởng những đặc quyền, đặc lợi.

Trong Hiệp ước 9 nước, Mỹ đã giành được ảnh hưởng to lớn ở Trung Quốc, gạt bỏ sự xâm nhập của Nhật và Ý. Trong Hiệp ước 5 nước, Mỹ giành được quyền phát triển lực lượng hải quân ngang hàng với hải quân Anh, đất nước được mệnh danh là "sư tử biển". Đồng thời, Mỹ cũng hạn chế được tham vọng phát triển hải quân của Nhật Bản.

Như vậy, mặc dù dưới vỏ bọc là "bảo vệ hoà bình thế giới", nhưng trật tự thế giới được thiết lập sau Hội nghị Vecxai -

Oasinhtơn chỉ là "nền hoà bình đứng trên núi lửa". Nó đã chất chứa những mâu thuẫn đối địch giữa hai khối đế quốc - Anh, Pháp, Mỹ, những kẻ được hưởng quá nhiều quyền lợi và các nước Đức, Ý, Nhật là những kẻ hoặc chịu quá nhiều tổn thất, hoặc chẳng được quyền lợi gì. Trong khi nền kinh tế đang dần phát triển mạnh lên, các nước đó đã tìm cách thoát khỏi trật tự Vecxai- Oasinhtơn. Nước đầu tiên làm điều đó là Đức.

Tóm lại, "trật tự thế giới mới" được thiết lập sau Chiến tranh thế giới thứ nhất được quy định ở Hội nghị Vecxai - Oasinhtơn. Trật tự này rất mong manh, chứa nhiều bất công và cần nhiều thay đổi.

NHẬN XÉT BÀI THI

Câu Lịch sử Việt Nam

Trình bày khá đầy đủ về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn: Bối cảnh nổ ra, các giai đoạn của cuộc khởi nghĩa, kết thúc thắng lợi.

Thí sinh dựa vào đoạn trích trong bài "Phú Núi Chí Linh" của Nguyễn Trãi để trình bày về mục đích, tính chất của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Tuy nhiên, bài viết thiên về diễn giải, minh hoạ hơn là trình bày với tính chất một bài lịch sử.

Câu Lịch sử thế giới

Về các nước ASEAN, nêu được những ý cơ bản của 9 nước trong khối ASEAN, song còn thiếu sót về thủ đô, ngày giành độc lập của các nước.

Về Hiệp ước Vecxai - Oasinhtơn, nêu được những nội dung cơ bản, song chưa đầy đủ.

Câu văn còn lủng củng, diễn đạt không tốt.

Bài đạt 17 điểm.

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA - 2000
BẢNG A

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

Nghị quyết của UNESCO về kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh có đoạn viết: "Người là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam...'".

1. Trên cơ sở trình bày những nét chính về cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh từ năm 1911 đến năm 1969, anh (chị) hãy:

- Nêu những công lao to lớn của Người đối với dân tộc.

- Rút ra những phẩm chất tiêu biểu của Anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh, và giải thích nguồn gốc của những phẩm chất đó.

2. Từ đó, anh (chị) hãy phát biểu suy nghĩ của mình về sự đánh giá của UNESCO đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

Anh (Chị) hãy trình bày và phân tích nét chính của 3 sự kiện lịch sử có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội loài người từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay.

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

Sử dụng một số sự kiện tiêu biểu để trình bày các vấn đề lớn dưới đây, nhưng cần chú ý trình bày nổi bật cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, để tập trung làm rõ:

1. Những công lao to lớn của Người đối với dân tộc (6 điểm)

+ Tìm được con đường cứu nước đúng đắn (kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.)

+ Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930...

+ Xác định đường lối đúng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Cùng Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo Cách mạng tháng Tám- 1945 thành công, lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc.

+ Cùng Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo đấu tranh bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng chế độ mới ở những năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám...

+ Cùng Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi...

+ Cùng Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội Miền Bắc...

(Có thể nêu thêm, cụ thể về một số công lao khác như đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, văn hoá, giáo dục...).

2. Những phẩm chất tiêu biểu..., nguồn gốc của những phẩm chất đó (6 điểm)

+ *Phẩm chất tiêu biểu:*

- Hy sinh, cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thể hiện lòng yêu nước thiết tha, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân "Không có gì quí hơn độc lập tự do" và đấu tranh cho thắng lợi của cách mạng thế giới.

-Tinh thần đấu tranh bất khuất, dù gian khổ, hy sinh đến đâu cũng không nản chí.... "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất mước, không chịu làm nô lệ".

- Người là trung tâm của sự đoàn kết toàn dân... "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công"

- Biểu tượng của tinh thần yêu nước kết hợp với tinh thần quốc tế chân chính.

- Tiêu biểu cho đạo đức cách mạng.

+ *Nguồn gốc:*

- Truyền thống gia đình, quê hương, đất nước.

- Kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của các vị anh hùng dân tộc trước đó và những tinh hoa văn hoá nhân loại, đặc biệt chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Do thực tiễn đấu tranh cách mạng.

- Sự phấn đấu của bản thân.

3. Suy nghĩ về sự đánh giá (2 điểm)

+ Đánh giá đúng về công lao và đóng góp của Hồ Chí Minh đối với dân tộc và phẩm chất tiêu biểu của Người, như

Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam tại buổi lễ tang Hồ Chủ tịch "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta".

+ Mỗi dân tộc đều có những người anh hùng riêng của mình. Nhưng không phải nhất thiết là anh hùng dân tộc thì cả thế giới phải biết đến. Hồ Chí Minh là một trong những trường hợp đặc biệt: một anh hùng dân tộc được cả thế giới biết đến và ca ngợi. Đó là niềm vinh quang và tự hào của dân tộc ta...

+ Chưa nêu được đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thế giới mà loài người tiến bộ đã thừa nhận và ca ngợi (một chiến sỹ cách mạng quốc tế).

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

Học sinh cần nêu 3 trong 5 sự kiện dưới đây; nếu là những sự kiện khác , cần thảo luận trong hội đồng chấm thi.

1. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa

(1,5 điểm)

Các nước Dân chủ nhân dân Đông Âu thành lập, hệ thống chủ nghĩa xã hội hình thành và phát triển.

Học sinh cần nói cụ thể ngày, tháng các nước Dân chủ nhân dân Đông Âu thiết lập; nếu không, ít nhất phải nói được khi Hồng quân Liên Xô tiến công truy kích phát xít Đức... nhân dân và lực lượng vũ trang các nước Đông Âu đã nổi dậy phối hợp tiêu diệt phát xít, giành chính quyền và thành lập các nước Dân chủ nhân dân.

Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ cần nói được những nét khái quát: đã đạt được nhiều thành tựu.

+ Thắng lợi của Đảng Cộng sản trong cuộc nội chiến cách mạng ở Trung Quốc (1946-1949) và việc thành lập nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa...

+ Phân tích ảnh hưởng: Chủ nghĩa xã hội thành hệ thống thế giới, có ảnh hưởng ngày càng rộng lớn... (Học sinh có thể nêu thêm những thiếu sót, khuyết điểm trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, dẫn tới những hậu quả gì?...).

2. Hội nghị Ianta và việc hình thành trật tự thế giới hai cực Ianta (1,5 điểm)

+ Hội nghị Ianta (2-1945), các nước Đồng minh thắng trận, trong đó chủ yếu là hai cường quốc Mỹ và Liên Xô đã thiết lập nên một trật tự thế giới sau chiến tranh theo khuôn khổ thoả thuận ở Ianta... (nội dung trật tự thế giới mới?).

+ Phân tích ảnh hưởng: Cuộc chiến tranh lạnh và sự đối đầu hai khối Đông - Tây.

3. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh (1,5 điểm)

+ Nêu nét khái quát các nước châu Á, Châu Phi và Mỹ Latinh trước chiến tranh (là thuộc địa, nửa thuộc địa...), sau chiến tranh đến nay (giành được độc lập và đạt nhiều thành tựu trong xây dựng kinh tế, xã hội).

+ Phân tích ảnh hưởng: Kết thúc thời kỳ thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới..., khoảng cách phát triển giữa các nước phát triển và đang phát triển ngày càng thu hẹp...

4. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và tan vỡ của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết

(1,5 điểm)

+ Trong những năm 1989-1991, cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu đã dẫn tới biến động lớn Ba Lan, Hunggari, Tiệp Khắc... quay trở lại đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, Đảng của giai cấp công nhân đổi tên và chia rẽ..., tên nước, quốc kỳ, quốc khánh đều thay đổi... Tóm lại, chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu đã sụp đổ..

+ Sự tan vỡ của Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết...

+ Phân tích tác động: Bộ mặt thế giới thay đổi, khu vực ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội bị thu hẹp, nhưng chủ nghĩa xã hội vẫn tồn tại và nhất định thắng lợi.

5. Cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật (1 điểm)

+ Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc cách mạng KHKT lần thứ ba bắt đầu và chỉ trong thời gian ngắn (40 năm) đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng ở mọi lĩnh vực, và đã tạo ra được lượng của cải vật chất bằng 19 thế kỷ rưỡi trước đó cộng lại. (Nội dung cơ bản các thành tựu).

+ Phân tích tác động: Tạo ra bước nhẩy vọt của lực lượng sản xuất và năng xuất lao động..., tạo ra sự thay đổi lớn lao về cơ cấu dân cư, phương thức sinh hoạt và tiêu dùng trong đời sống xã hội..., chuyển sang nền văn minh mới..., nhiều vấn đề có tính chất toàn cầu được đặt ra... Nhưng cách mạng KHKT không thể thay thế cho cuộc cách mạng xã hội để thủ tiêu các giai cấp bóc lột, xây dựng xã hội công bằng, văn minh.

BÀI LÀM*

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM

1.

Nguyễn Ái Quốc là vị lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Cuộc đời 79 tuổi xuân của Người đã cống hiến trọn vẹn cho non sông, đất nước, cho độc lập, ấm no của toàn thể dân tộc. Công lao trời bể của Người không gì có thể so sánh được:

"Đố ai đếm được vì sao,
Đố ai đếm được công lao Bác Hồ".

Khi đánh giá về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử, chủ nghĩa Mác – Lênin đã nhấn mạnh vai trò to lớn của cá nhân kiệt xuất trong từng bước ngoặt lịch sử. Những chiến công oanh liệt của dân tộc Việt Nam làm nên trong công cuộc giải phóng đất nước là công lao của toàn thể nhân dân anh dũng, song trong đó nổi bật lên vai trò kiệt xuất của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, các phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam đều không đi tới thắng lợi. Thất bại của phong trào yêu nước theo tư tưởng phong kiến (phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX), phong trào nông dân Yên Thế,đã đánh dấu chấm hết cho con đường cứu nước phong kiến ở Việt Nam. Trong những năm đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản, với các đại diện Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Lương Văn Can... cũng không giành được thắng lợi. Lúc này, yêu cầu lịch sử đặt ra là cần phải có con đường cứu nước đúng để đưa cách mạng Việt Nam thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng về đường lối lãnh đạo.

---

* Lưu Thị Phương Loan – trường Trung học phổ thông chuyên Vĩnh Phúc.

Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 - 1929) của thực dân Pháp làm cho xã hội Việt Nam tồn tại hai mâu thuẫn cơ bản: mâu thuẫn về dân tộc và mâu thuẫn về dân chủ. Yêu cầu lịch sử đặt ra cần có đường lối cứu nước đúng đắn để giải quyết đồng thời hai mâu thuẫn trên.

Trong bối cảnh lịch sử có nhiều đòi hỏi cần giải quyết đó, Nguyễn Ái Quốc, với lòng yêu nước nồng nàn và hoài bão cứu dân, cứu nước, đã xuất hiện và đáp ứng yêu cầu của lịch sử.

Nguyễn Ái Quốc, tên là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19-5-1890, quê làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước, chịu ảnh hưởng cách mạng sâu sắc từ người cha và các anh, chị, lại lớn lên trên mảnh đất Nghệ An giàu truyền thống đấu tranh, được tiếp xúc với nhiều nhà cách mạng đương thời, được chứng kiến sự thất bại của các phong trào yêu nước. Tất cả điều trên đã hun đúc ở Nguyễn Ái Quốc lòng yêu nước nồng nàn và quyết tâm cứu dân, cứu nước.

Từ lòng yêu nước nồng nàn, Người ra đi tìm đường cứu nước vào năm 1911. Từ 1911 đến 1919, Người bôn ba ở Pháp, ở các nước Tây Âu, và nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc để tìm hiểu cách mạng, tìm hiểu phong trào công nhân, giải phóng dân tộc. Năm 1920, sau khi đọc bản "*Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*" của Lênin, Người đã tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc. Từ 1921 đến 1927, Người tích cực chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức cho sự ra đời của Đảng. Ngày 3-2-1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc trực tiếp sáng lập ra Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Từ năm 1930 đến 1941, mặc dù hoạt động ở nước ngoài nhưng Người vẫn theo dõi sát sao và lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước phát triển. Từ 1941 đến 1945, Người về nước, trực tiếp tổ chức chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công. Từ 1945 đến 1946, Người điều khiển con thuyền cách mạng cập bến an toàn, bảo vệ vững chắc thành quả Cách mạng tháng Tám. Từ năm 1946 đến 1969, cùng với Trung ương Đảng, Người lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi 9 năm kháng chiến chống Pháp, rồi từng bước phá tan âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ.

Trong gần 60 năm hoạt động cách mạng (1911-1969), Nguyễn Ái Quốc đã đóng góp nhiều công lao to lớn cho dân tộc:

1. Người tìm ra con đường giải phóng đất nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.

Năm 1911, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước,vì không tán thành con đường cứu nước của các vị tiền bối trước đây. Người quyết định sang Pháp, sang các nước Âu – Mỹ để xem họ làm cách mạng như thế nào về giúp đồng bào ta tự giải phóng. Trước Nguyễn Ái Quốc, từng có Phan Bội Châu cũng ra đi tìm đường cứu nước, nhưng nơi cụ hướng tới không phải là các nước Tây Âu xa xôi với nền văn minh tiên tiến mà là nước Nhật để mong tìm sự cầu viện đánh Pháp.

Có thể nói, ngay từ bước đi đầu tiên, Nguyễn Ái Quốc đã kế thừa tinh thần yêu nước của các vị tiền bối, đồng thời không ngừng phát triển tư tưởng đó thêm một bước nữa để chọn con đường cứu nước mới. Để đi đến quyết định này, Người đã phải lựa chọn trước con đường, phong kiến hay tư sản, bằng phương pháp bạo động (Phan Bội Châu) hay cải cách (Phan Châu Trinh). Cuối cùng, Người quyết định đi theo con đường riêng của chính mình chọn, đánh dấu bước chuyển biến trong tư tưởng Nguyễn Ái Quốc.

Từ 1917 đến 1919, Người hoạt động phần lớn ở Pháp, tìm hiểu phong trào công nhân. Khi Cách mạng tháng Mười thành công, Người bắt đầu chú ý đến tư tưởng của Mác – Lênin. Năm 1919, Người gửi bản "*Yêu sách 8 điểm*" tới Hội nghị Vecxai, đòi các quyền cho dân tộc Việt Nam, nhưng không được chấp thuận. Từ đó, Người đã rút ra được nhận xét quan trọng: không thể dựa vào đế quốc mà phải tiến hành tự giải phóng.

Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã đọc bản "*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*" của Lênin, Người như muốn reo lên trước dân tộc "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta". Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc, con đường đi theo chủ nghĩa Mác – Lênin.

Cuối năm 1920, Người tham dự Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp. Tại đây, Người bỏ phiếu tán thành Đảng gia nhập Quốc tế III, trở thành một trong những người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện năm 1920, đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc: từ một người yêu nước, qua thực tế hoạt động trong phong trào công nhân, đón nhận chủ nghĩa Mác – Lênin, Người trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam. Có thể nói không có sự kiện năm 1920 thì không có sự kiện năm 1930.

Trước khi Nguyễn Ái Quốc gặp và đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, thì Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường đã từng gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, song hai ông có thái độ khác nhau. Phan Châu Trinh gặp nhưng thờ ơ không đến, còn Phan Văn Trường gặp, có đến, nhưng cuối cùng không theo chủ nghĩa Mác – Lênin.

Như vậy, Nguyễn Ái Quốc đã gặp, tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin rồi hình thành quan điểm chiến lược giải phóng cho dân tộc Việt Nam: Người vạch ra nhiệm vụ của cách mạng Việt nam là đánh Pháp, đánh phong kiến; lực lượng cách mạng phải là đoàn kết, liên minh công – nông, cách mạng Việt Nam đặt trong mối quan hệ với cách mạng thế giới...

Quan điểm chiến lược của Hồ Chí Minh (gồm 7 điểm) đã nêu rõ được những vấn đề cốt yếu của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc là theo cách mạng vô sản, chứng tỏ Người đã nắm được những.luận điểm cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin. *Nguyễn Ái Quốc đã đem về cho dân tộc Việt Nam con đường cứu nước đúng đắn*.

2. Nguyễn Ái Quốc có công sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ năm 1921 đến 1927, Người hoạt động tích cực ở Pháp, Liên Xô, rồi Trung Quốc để truyền bá tư tưởng chủ nghĩa Mác – Lênin về nước, đồng thời chuẩn bị chu đáo về tư tưởng, chính trị, tổ chức và cán bộ cho sự ra đời của Đảng.

Bằng nhiều biện pháp, như viết sách,báo, tham gia học tập, nghiên cứu tại Liên Xô, đào tạo, giảng dạy quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin cho các thanh niên yêu nước, giúp họ trở thành những người cộng sản trong tổ chức "Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội". Cho tới năm 1927, Nguyễn Ái Quốc có nhiều tác phẩm xuất sắc, như *"Bản án* *chế độ thực dân Pháp*", "Đường Cách mệnh" để truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào trong nước, đào tạo cán bộ cách mạng, kêu gọi toàn thể nhân dân chống Pháp. Đặc biệt Người đã thành lập tổ chức "Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội" với nhiều hoạt động tích cực,trở thành tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong những năm 1920 đến 1929, bằng hoạt động tích cực của mình,Nguyễn Ái Quốc đã truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin về nước, giúp phong trào cách mạng Việt Nam phát triển mạnh mẽ. Giả sử không có chủ nghĩa Mác – Lênin thì phong trào yêu nước không thể đi từ đấu tranh theo khuynh hướng tư sản sang vô sản, phong trào công nhân không thể phát triển từ tự phát lên tự giác, cùng lắm chỉ là phong trào công đoàn mà thôi.

Năm 1929, do nhận thức khác nhau mà ở Việt Nam xuất hiện ba tổ chức cộng sản – An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Hoạt động của ba tổ chức này gây cản trở không tốt tới quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Năm 1930, được sự uỷ nhiệm của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hương Cảng (Trung Quốc).

3. Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công.

Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước và Người cùng với Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân chuẩn bị cách mạng giành chính quyền. Người triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 và đã hoàn thành sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam. Tiếp đó, Người cùng với Đảng tích cực chuẩn bị về lực lượng, căn cứ, bộ máy lãnh đạo cho Tổng khởi nghĩa. Khi Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), Người dự đoán thời cơ cho cách mạng đã đến, Người phát động cao trào kháng Nhật khắp cả nước, triệu tập Hội nghị Đảng toàn quốc và quốc dân Đại hội Tân Trào, phát động Tổng khởi nghĩa tháng Tám. Từ ngày 19-8-1945 đến 28-8-1945, Nguyễn Ái Quốc đã cùng Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước chớp thời cơ, Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Người đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam, trong đó Nguyễn Ái Quốc giữ vai trò to lớn làm nên thắng lợi này.

4. Nguyễn Ái Quốc đã chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua thác ghềnh, bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Tám (1945-1946).

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước ta ở thế "ngàn cân treo sợi tóc". Những khó khăn chồng chất về giặc đói, giặc dốt, thiếu thốn tài chính và đặc biệt là sự đe doạ của giặc ngoại xâm – phía Bắc, quân Tưởng kéo vào trên danh nghĩa quân Đồng minh; phía Nam, quân Anh dọn đường cho thực dân Pháp trở lại xâm lược. Tất cả đã đe doạ nghiêm trọng đến chính quyền cách mạng non trẻ mà ta vừa giành được.

Trước hoàn cảnh đó, Nguyễn Ái Quốc đã sáng suốt đề ra chính sách mềm dẻo về sách lược, cứng rắn về nguyên tắc , nhằm phân hoá, đối phó với kẻ thù để bảo vệ thành quả cách mạng.

Ngày 6-3-1946, Người đã ký Hiệp định Sơ bộ, đồng ý cho Pháp đưa quân ra Bắc, để đuổi 20 vạn quân Tưởng về nước.

Trong việc ký kết Hiệp định này, Nguyễn Ái Quốc đã hết sức sáng suốt làm cho cách mạng Việt Nam tránh cùng một lúc phải đối chọi với hai kẻ thù. Việc làm của Người có thể ví như việc Lênin ký với Đức hoà ước Brétlitốp tháng 3 năm 1918, tạo thời gian hoà hoãn quý báu để củng cố lực lượng, chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Tiếp đó, ngày 14-9-1946, Hồ Chủ tịch ký với Pháp Tạm ước, tạo thêm thời gian hoà hoãn nữa cho cách mạng Việt Nam.

Như vậy, bằng những chính sách đúng đắn, sáng suốt, Hồ Chủ tịch cùng với Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta bảo vệ được thành quả Cách mạng tháng Tám, tạo cơ sở, lực lượng để ta bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp.

5. Từ năm 1946 đến 1969, Hồ Chủ tịch cùng Đảng đã lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp 9 năm, từng bước đánh bại âm mưu xâm lược của Mỹ.

Trong thời gian này, vai trò của Người gắn liền với Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong kháng chiến chống Pháp, Người cùng Đảng đề ra đường lối kháng chiến, chính sách xây dựng hậu phương, phát triển kinh tế, văn hoá, đặc biệt thu được thắng lợi to lớn trên mặt trận quân sự, buộc Pháp phải rút khỏi Việt Nam năm 1954.

Từ 1954 đến 1969, Người cùng Đảng lãnh đạo các phong trào đấu tranh chống Mỹ ở miền Nam, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Có thể nói, công lao lớn nhất của Hồ Chủ tịch ở thời kỳ này đó là đã cùng với Đảng lãnh đạo nhân dân tiến hành một lúc hai nhiệm vụ chiến lược: bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Suốt quá trình hoạt động cách mạng của mình, Người đã đóng góp cho dân tộc ta nhiều công lao to lớn. Ngày nay, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, những phẩm chất sáng ngời của Hồ Chủ tịch còn mãi soi sáng trong từng bước đi của toàn Đảng, toàn dân ta.

Nguyễn Ái Quốc là người có ý chí dũng cảm, đảm đương sứ mệnh lịch sử lãnh đạo nhân dân ta tiến hành công cuộc giải phóng đất nước thắng lợi.

Các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đều đi đến thất bại, Cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng về đường lối lãnh đạo. Lúc này, yêu cầu lịch sử đặt ra là cần tìm con đường cứu nước mới, giải quyết hai mâu thuẫn dân tộc, dân chủ. Nguyễn Ái Quốc với lòng yêu nước nồng nàn, với hai bàn tay trắng đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước.

Trước tiên, để ra đi tìm đường cứu nước, Người đã dũng cảm lựa chọn cho mình con đường riêng. Khi lớn lên, chứng kiến cảnh thất bại của các phong trào yêu nước, với nhiều con đường khác nhau – phong kiến, dân chủ tư sản, chàng thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã dũng cảm nhìn ra những hạn chế, thiếu xót của các vị tiền bối, đồng thời bằng suy nghĩ bản thân, Người đi đến quyết định tìm con đường mới, con đường cứu dân tộc khỏi đoạ đày, đau khổ.

Có thể nói, một chàng thanh niên yêu nước nồng nàn, khi hơn hai mươi tuổi đã đứng ra gánh vác trọng trách lịch sử, quyết tâm đi tìm con đường cứu nước thì rõ ràng Người đó là người ý chí, quyết tâm cao độ.

Quyết tâm, lòng dũng cảm của Nguyễn Ái Quốc còn được thể hiện trong suốt chặng đường hoạt động cách mạng để tìm đường cứu nước. Từ năm 1911 đến 1920, bằng hai bàn tay trắng, nhờ sức lao động cần cù, Người không quản gian khó tìm đường cứu nước đúng cho dân tộc. Sau 30 năm, Người trở về nước hoạt động không mệt mỏi cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Ngay khi lâm bệnh nặng (1944), Người vẫn quyết tâm căn dặn các đồng chí mình bằng mọi giá phải chớp thời cơ Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi của Cách mạng tháng Tám."Dù khó khăn đến đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập".

Trong các văn kiện như "*Tuyên ngôn Độc lập*" (2-9-1945), "*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*" (12-1946), những lời quyết tâm của Người đã trở thành khẩu hiệu, hành động cho cả dân tộc: "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

Năm 1966, khi đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh ở miền Nam và bắn phá khốc liệt ở miền Bắc, Người đã nêu quyết tâm cho cả dân tộc: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm, Hà Nội, Hải Phòng và các thành phố khác có thể bị tàn phá ... Không có gì quý hơn độc lập tự do".

Cả cuộc đời mình, không lúc nào Người không quyết tâm. Ý chí quyết tâm, dũng cảm của Hồ Chủ tịch đã trở thành một phẩm chất sáng ngời, tiêu biểu cho một dân tộc anh hùng. Phẩm chất đó được Người kế thừa các anh hùng dân tộc xưa: Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo... và ở Người, phẩm chất ấy được nâng lên thành những khẩu hiệu hành động cho cả dân tộc.

Phẩm chất chung của các anh hùng dân tộc là quyết tâm lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng hay chiến tranh bảo vệ Tổ quốc thắng lợi. Đối với Nguyễn Ái Quốc, ngoài ý chí quyết tâm, lòng dũng cảm, Người hiểu rằng muốn chiến thắng được kẻ thù phải có nghệ thuật chiến tranh độc đáo, sáng tạo. Do vậy, trong quá trình lãnh đạo nhân dân ta làm cách mạng, Hồ Chủ tịch là người kế thừa và phát huy sáng tạo nghệ thuật chiến tranh giữ nước của ông cha ta.

Trong gần 60 năm làm cách mạng, Nguyễn Ái Quốc vừa kế thừa, đồng thời vừa sáng tạo nghệ thuật chiến tranh độc đáo. Trong phạm vi bài viết này, em chỉ xin đề cập tới một số phẩm chất tiêu biểu: Chiến lược đoàn kết toàn dân và chiến tranh nhân dân (kế thừa của Trần Hưng Đạo), nghệ thuật kết thúc chiến tranh độc đáo của Lê Lợi – Nguyễn Trãi và nghệ thuật chớp thời cơ của Quang Trung.

Năm 1941, khi Người về nước đã lập tức triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 và quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh nhằm đoàn kết các giới đồng bào đánh giặc. Tham gia Mặt trận Việt Minh bao gồm đông đảo các tầng lớp, giai cấp, không phân biệt giàu nghèo... tập hợp thành lực lượng quần chúng đông đảo.

Chỉ trong một thời gian ngắn, Mặt trận Việt Minh phát triển khắp cả nước, ở căn cứ Cao – Bắc – Lạng, ở nông thôn, thành thị, trường học... Bằng quá trình hoạt động mạnh.mẽ của Mặt trận Việt Minh, Đảng đã tập hợp được lực lượng chính trị, quần chúng đông đảo đứng lên chống Pháp.

Năm 1946, Hội Liên Việt ra đời, một lần nữa tập hợp quần chúng đấu tranh. Năm 1955*, Mặt trận Việt Minh sáp nhập với Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt,có cơ sở trong cả nước.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Người cùng Đảng đã lập ra các Mặt trận khác nhau, tiêu biểu là Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Nguyễn Ái Quốc sáng tạo nghệ thuật kết thúc chiến tranh trong kháng chiến chống Pháp. Đấu tranh trên mặt trận ngoại giao chỉ có được khi ta đã đè bẹp hoàn toàn ý chí xâm lược của kẻ thù, buộc chúng phải ngồi vào bàn đàm phán. Thắng lợi của mặt trận ngoại giao được quyết định bởi những thắng lợi trên mặt trận quân sự.

---

* Đúng là năm 1951 – Người biên tập chú.

Năm 1954, sau khi thất bại ở Điện Biên Phủ, Pháp buộc phải ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Hội nghị Giơnevơ. Tại Hội nghị này, dưới sự chứng kiến của nhiều quan khách quốc tế, Pháp buộc phải ký kết văn bản công nhận độc lập, chủ quyền của dân tộc Việt Nam.

Nếu như Lê Lợi – Nguyễn Trãi, trên cơ sở chiến thắng oanh liệt quân Minh, đã đàm phán chủ động nhằm giúp quân Minh rút lui trong danh dự chỉ diễn ra giữa chủ tướng hai bên, không có văn kiện ký kết, khẳng định độc lập, chủ quyền của ta, thì tại Hội nghị Giơnevơ 1954, bằng những văn kiện quốc tế, Pháp buộc phải ký kết với ta trước sự chứng kiến của Chính phủ hai nước và nhiều đại biểu quốc tế. Việc ta ký Hiệp định Giơnevơ với Pháp còn nâng cao địa vị của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.

Hồ Chủ tịch còn là người hết sức sáng suốt trong nghệ thuật chớp thời cơ Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

Khi Nhật đảo chính Pháp, Người biết thời cơ đang tới với cách mạng Việt Nam, vì thế đã lãnh đạo nhân dân tiến hành chớp thời cơ. Thời cơ trong cách mạng có ý nghĩa quyết định thành bại đối với mỗi cuộc chiến. Nếu ta biết chớp đúng thời cơ sẽ chuyển được bại thành thắng. Thời cơ trong Cách mạng tháng Tám là kết hợp giữa điều kiện chủ quan chín muồi và điều kiện khách quan thuận lợi.

Lúc này, ở mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, Nhật đã tuyên bố đầu hàng Đồng minh (14-8-1945) và theo quyết định của Hội nghị Pôxđam, quân Đồng minh sẽ vào Việt Nam để giải giáp vũ khí quân đội Nhật. Như vậy, thời cơ chỉ xuất hiện từ khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Việt Nam. Bằng sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Hồ Chủ tịch, Cách mạng tháng Tám nổ ra chớp đúng thời cơ và giành thắng lợi.

Cuộc đời Nguyễn Ái Quốc thể hiện phẩm chất của một chiến sỹ đấu tranh giải phóng dân tộc với lòng yêu nước nồng nàn, những đóng góp cho mọi lĩnh vực văn hoá khác nhau... Tư tưởng Hồ Chí Minh, phẩm chất của Người sáng mãi trong lòng nhân dân Việt Nam.

2. Sự đánh giá của UNESCO về Hồ Chủ tịch là lời nhận xét hết sức thấu đáo. Bằng những công lao, phẩm chất của Anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh mà em đã trình bày trên, xin khẳng định lại một lần nữa,Hồ Chí Minh là danh nhân văn hoá thế giới, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Người là biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Thế kỷ XX đang dần dần khép lại. Một thế kỷ trôi qua với bao sự kiện trọng đại có tác động to lớn đối với tiến trình phát triển của xã hội loài người. Trong phạm vi bài viết này, em chỉ xin đề cập tới ba vấn đề có tác động lớn tới xã hội loài người từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai: thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (từ 1945 đến nửa đầu những năm 70), tổ chức Liên Hợp Quốc và những thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai.

1. Thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ 1945 đến nửa đầu những năm 70.

Sau khi hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế (1945-1950), nhân dân Liên Xô bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, bằng 6 kế hoạch 5 năm và đạt được những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, khoa học – kỹ thuật, quân sự.

Trên lĩnh vực kinh tế, Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp, đứng thứ hai thế giới sau Mỹ. Sản lượng công nghiệp của Liên Xô trong những năm 60, 70 của thế kỷ XX chiếm 20% tổng sản lượng công nghiệp thế giới. Thời gian này, Liên Xô đạt tốc độ tăng trưởng công nghiệp trung bình hàng năm là 9,6%. Liên Xô đứng đầu thế giới về một số ngành công nghiệp: than, quặng, dầu mỏ...

Về nông nghiệp, năm 1970, Liên Xô đạt sản lượng ngũ cốc lớn chưa từng thấy trong lịch sử là 186 triệu tấn và đạt năng suất hơn 15 tạ/ha.

Trên lĩnh vực văn hoá, Liên Xô là nước có tới 3/4 dân số có trình độ học vấn cao. Cứ 1000 công nhân Liên Xô thì có tới 550 người có trình độ đại học và trung học; ở nông thôn, 1/2 dân số cũng có bằng đại học và trung học. Những thành tựu về văn hoá mà Liên Xô đạt được không ngừng nâng cao nguồn nhân lực trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Về khoa học – kỹ thuật, Liên Xô đạt được thành tựu to lớn trên một số ngành về khoa học vũ trụ. Năm 1957, Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo. Năm 1961, con tàu du hành vũ trụ phương Đông đã đưa nhà du hành Gagarin bay vòng quanh trái đất, mở đầu cho kỷ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

Trên lĩnh vực quân sự, Liên Xô đã đạt thế cân bằng về chiến lược quân sự với các nước đế quốc.

Với những thành tựu đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ 1945 đến nửa đầu những năm 70, Liên Xô đã tạo ra cơ sở vật chất, kỹ thuật vững chắc, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu này chỉ có trong một xã hội ưu việt – xã hội chủ nghĩa, vượt qua dự tính của chủ nghĩa tư bản.

Những thành tựu này giúp Liên Xô giữ thế cân bằng với Mỹ trong suốt 40 năm diễn ra "Chiến tranh lạnh".

Có thể nói, thành tựu của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội có tác động mạnh mẽ tới sự phát triển của xã hội loài người. Nó khẳng định hình thái xã hội mới mà Mác - Ăngghen trong "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản" đã đề cập đến là hoàn toàn đúng.

Ngày nay, tuy chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã sụp đổ, song đó là sự sụp đổ của một mô hình Nhà nước chưa thực sự khoa học, còn về bản chất nó mãi mãi là mô hình lý tưởng của loài người tiến bộ.

2. Sự ra đời và vai trò của tổ chức Liên Hợp Quốc (UNO)

Theo quyết định của Hội nghị Ianta, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 1945, tại Mỹ, tổ chức Liên Hợp Quốc đã được thành lập, với mục đích: giữ gìn hoà bình và an ninh thế giới, thúc đẩy quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa các quốc gia trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết.

Liên Hợp Quốc ra đời, hoạt động theo 5 nguyên tắc, trong đó tiến bộ hơn cả là giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hoà bình.

Cơ cấu tổ chức của Liên Hợp Quốc gồm: Đại Hội đồng, Hội đồng Bảo an, Ban Thư ký.

Trong quá trình hoạt động của mình, Liên Hợp Quốc giữ vai trò quan trọng, thúc đẩy sự hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá giữa các quốc gia. đặc biệt là giải quyết hoà bình các cuộc tranh chấp khu vực.

Năm 1977, Việt Nam gia nhập Liên Hợp Quốc và không ngừng phấn đấu vì mục tiêu hoà bình của toàn thế giới.

3. Thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai.

Cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai có tác động mạnh mẽ tới sự phát triển của loài người, với bảy thành tựu đạt được trên các mặt: khoa học cơ bản, nguồn năng lượng mới, công cụ sản xuất mới, "cách mạng xanh" trong nông nghiệp; khoa học vũ trụ, thông tin liên lạc và giao thông vận tải, vật liệu mới. Những thành tựu của cách mạng khoa học – kỹ thuật tuy thúc đẩy kinh tế phát triển, đưa loài người bước sang nền văn minh mới "văn minh trí tuệ"..., nhưng vẫn còn tồn tại, đòi hỏi toàn nhân loại cùng nhau giải quyết ô nhiễm môi trường, tai nạn lao động...

Ba sự kiên tiêu biểu em trình bày ở trên là dựa trên cơ sở ý kiến chủ quan của bản thân. Thiết nghĩ, trong một thế giới mới hoà bình, ổn định, phát triển thì đó là những điều để Việt Nam cùng hoà nhập, tiếp thu và phát triển trong công cuộc xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

NHẬN XÉT BÀI THI

Câu Lịch sử Việt Nam

Trên cơ sở trình bày những nét cơ bản, đầy đủ về cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thí sinh đã tập trung vào những vấn đề được đặt ra trong đề thi. Đối với *công lao*, thí sinh nêu được việc tìm con đường cứu nước đúng, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, lãnh đạo Cách mạng tháng Tám

1945, bảo vệ thành quả cách mạng, lãnh đạo kháng chiến chống Pháp, rồi chống Mỹ.

Từ những hoạt động và công lao to lớn được nêu trên, thí sinh đã nêu và phân tích những *phẩm chất tốt đẹp* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và xác định đúng nguồn gốc các phẩm chất trên. Thí sinh không chỉ nêu được sự kế thừa những truyền thống tốt đẹp của các anh hùng dân tộc mà còn nếu được những điểm riêng, sáng tạo của Người trong điều kiện lịch sử mới.

Về đánh giá của UNESCO đối với Hồ Chí Minh, thí sinh mới xác nhận những nhận định đúng này; nếu nói thêm được rằng, Hồ Chí Minh còn là chiến sỹ quốc tế, góp phần to lớn vào cuộc đấu tranh cho thắng lợi của cách mạng thế giới thì đầy đủ hơn.

Câu Lịch sử thế giới

Thí sinh chọn đúng 3 sự kiện lớn, tiêu biểu, có tác động to lớn đến sự phát triển của xã hội loài người từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay: Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, sự thành lập Liên Hợp Quốc, thành tựu cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai. Nếu thí sinh nêu thêm một vài thiếu sót của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô; những mặt hạn chế, có tính tiêu cực trong hoạt động của Liên Hợp Quốc và cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật thì tốt hơn.

Bài được 18 điểm, đạt giải nhất.

BÀI LÀM*

Câu 1

Đất nước Việt Nam ta trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước vĩ đại. Đấy là một quá trình đấu tranh đầy gian khổ, khó khăn, khốc liệt.

Trên con đường đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng đất nước đã xuất hiện những vị anh hùng, hào kiệt tài giỏi, như thời nhà Lý chống quân xâm lược Tống đã xuất hiện vị anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt; thời nhà Trần chống quân Mông – Nguyên nổi bật lên công lao to lớn của vị anh hùng Trần Hưng Đạo. Đến thế kỷ XVIII, người anh hùng áo vải Quang Trung – Nguyễn Huệ đã quật đổ chính quyền phong kiến họ Trịnh, Lê, Nguyễn, đánh tan quân xâm lược Xiêm, Thanh, đặt cơ sở cho thống nhất đất nước v.v... Đến đầu thế kỷ XX, xuất hiện người anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh: Non sông ta, đất nước ta, dân tộc ta đã sinh ra Hồ Chí Minh và Người lại làm rạng rỡ non sông ta, đất nước ta, dân tộc ta. Hồ Chí Minh là sự kết tinh những phẩm chất anh hùng nhất, đẹp đẽ nhất, cao quý nhất từ những vị anh hùng thuở trước, đúng như trong Nghị quyết của UNESCO về kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Người là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam".

---

* Bùi Thị Nga – trường Trung học phổ thông Dương Tự Minh (Thái Nguyên).

Đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang chủ nghĩa đế quốc, hoàn thành quá trình xâm lược, áp đặt chủ nghĩa thực dân lên các nước thuộc địa. Thời gian đó, Pháp cũng hoàn thành quá trình xâm lược Việt Nam. Ở Việt Nam, phong trào đấu tranh chống ách áp bức, nô dịch của thực dân Pháp cũng diễn ra gay go, quyết liệt. Tiêu biểu cho phong trào giải phóng dân tộc thời kỳ này là hai khuynh hướng: xu hướng bạo động của Phan Bội Châu và xu hướng ôn hoà của Phan Châu Trinh. Tuy thế, con đường cứu nước của hai nhà chí sỹ cách mạng này lại không dẫn cách mạng đến thành công.

Cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX lâm vào tình trạng khủng hoảng về đường lối trầm trọng; xã hội Việt Nam lúc này là thời kỳ đen tối "dường như không có lối ra".

Chính lúc đó, Hồ Chí Minh xuất hiện, đảm nhận sứ mệnh lịch sử giao phó. Người thanh niên ấy tên thật là Nguyễn Tất Thành, quê ở vùng Nam Đàn, Nghệ An. Cha là Nguyễn Sinh Sắc và mẹ là Hoàng Thị Loan; ngoài ra, Nguyễn Tất Thành còn có một người anh trai và một chị gái. Tất cả những người trong gia đình đều có lòng yêu nước, căm thù giặc Pháp và tham gia chống Pháp, bị bắt. Quê hương Nghệ An của Người có truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm kiên cường, bất khuất. Tất cả những điều đó đã hun đúc nên người thanh niên Nguyễn Tất Thành và làm nảy sinh trong người thanh niên ấy lòng yêu nước thiết tha.

Sinh ra trong cảnh nước mất, nhân dân lầm than, cơ cực, Nguyễn Tất Thành đau lòng trước cảnh đoạ đầy, đau khổ của nhân dân và sôi sục lòng căm thù giặc ngoại xâm. Người quyết chí ra đi tìm đường cứu nước.

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành từ bến cảng Nhà Rồng đã sang phương Tây tìm con đường cứu nước, cứu dân. Người đi qua nhiều nước châu Âu, châu Phi, châu Mỹ và ở đâu Người cũng sống gần gũi với nhân dân lao động, trong lòng luôn luôn nuôi một hoài bão tìm đường cứu nước. Sau nhiều năm bôn ba các nước, năm 1918, sau khi Người đến Pháp, Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Tại Hội nghị Vecxai 1919, Người đã gửi tới Hội nghị bản yêu sách 8 điểm đòi quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng, tự quyết cho dân tộc Việt Nam. Tuy bản yêu sách không được đáp ứng nhưng có thể nói đây là quả bom chính trị đầu tiên giáng vào bọn đế quốc. Từ đây, Người rút ra được bài học "muốn giải phóng được dân tộc thì phải giải phóng được giai cấp vô sản, hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới".

Năm 1920, Người đọc bản "*Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*" của Lênin. Với bản Luận cương này, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam, cũng như chỉ cho nhân dân các nước thuộc địa con đường cứu nước đúng đắn, đó là con đường cách mạng vô sản (trong khi các nhà cách mạng, yêu nước trước đó và đương thời tìm con đường cách mạng tư sản là không đưa cách mạng đến thắng lợi). Cùng thời gian này, Nguyễn Ái Quốc gia nhập Quốc tế Cộng sản và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Nguyễn Ái Quốc là người đầu tiên tiếp nhận chủ nghĩa Mác – Lênin, điều đó mở đường giải quyết sự khủng hoảng về đường lối cách mạng ở Việt Nam.

Tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp đi Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế Nông dân (10-1923) và lưu lại đó một thời gian. Ở Liên Xô, Người học tập và nghiên cứu kinh nghiệm của Cách mạng tháng Mười, chủ nghĩa Mác – Lênin, chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội. Chính tại nơi đây, Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam: đó là con đường cách mạng vô sản.

Tại Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã trình bày những quan điểm của mình về cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc và cách mạng vô sản ở chính quốc. Người đặt cơ sở cho mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

Từ năm 1924 đến 1927, hoạt động của Người chủ yếu ở Trung Quốc. Tại đây, Người tập hợp những thanh niên yêu nước, truyền bá, giáo dục họ về chủ nghĩa Mác – Lênin, Cách mạng tháng Mười, chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội. Người thành lập tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội (6-1925). Đây là tổ chức tiền thân của Đảng, là tổ chức tiến bộ đào tạo thanh niên yêu nước trở thành những cán bộ cách mạng, nhằm chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản sau này.

Công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc còn thể hiện ở việc Người đã hợp nhất ba tổ chức cộng sản là Đông Dương Cộng sản Đảng (6-1929), An Nam Cộng sản Đảng (7-1929); Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9-1929) thành một tổ chức cộng sản duy nhất ở Việt Nam là Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3-2-1930. Sau khi hợp nhất ba tổ chức cộng sản và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Người soạn thảo những văn kiện Đảng: Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Điều lệ tóm tắt của Đảng. Đó là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, tuy còn sơ lược nhưng cơ bản đã vạch ra được đường lối cho cách mạng Việt Nam.

Sau 30 năm bôn ba hải ngoại, ngày 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc về nước và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII, hoàn thành sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam, đã đề ra từ Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VI (9-1939) và Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VII (9-1940).

Hội nghị Trung ương Đảng lần VIII đã đề ra đường lối phát triển cách mạng Việt Nam, đó là giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Người nêu lên mối quan hệ cách mạng ba nước Đông Dương (Việt Nam, Lào, Cămpuchia) và quyết định thành lập ở mỗi nước một Mặt trận dân tộc nhằm phát huy cao độ tính tự chủ của mỗi dân tộc. Với tư tưởng đó, Người quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh (19-5-1941). Việc ra đời Mặt trận Việt Minh có ý nghĩa quan trọng đối với cách mạng Việt Nam. Nó là trung tâm của khối đoàn kết dân tộc, Mặt trận tập hợp mọi tầng lớp, giai cấp trong xã hội, xây dựng khối đoàn kết dân tộc thống nhất. Đến đây, ta có thể thấy rõ vai trò của Hồ Chí Minh, Người là trung tâm của khối đoàn kết dân tộc.

Vai trò của Người còn được tiếp tục phát huy ở việc chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám và lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi, thành lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, đưa nhân dân Việt Nam thoát khỏi ách nô lệ của ngoại bang và làm chủ đất nước. Tiếp theo sau, Người soạn thảo và đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội).

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nhưng đất nước vẫn chưa thoát khỏi những khó khăn. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Đảng và Chính phủ tiếp tục lãnh đạo công cuộc chống thù trong, giặc ngoài, giải quyết những khó khăn của đất nước (giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm) và đề ra sách lược đúng đắn trong việc khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, chính trị – xã hội. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc thể hiện ở việc Người đã ký bản Hiệp định sơ bộ ngày 6-3 bản Tạm ước 14-9. Đây là sách lược mềm dẻo, khôn khéo mà hiệu quả to lớn. Với bản Hiệp định sơ bộ 6-3, thực dân Pháp đã phải công nhận nền độc lập của đất nước ta và chúng ta có thời gian hoà hoãn để xây dựng và phát triển lực lượng, khắc phục những khó khăn của đất nước. Có thể nói, Bác đã cùng Chính phủ và Đảng ta chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua muôn vàn khó khăn,cập bến bờ vinh quang.

Tiếp theo sau thời kỳ 1945 – 1946 là thời kỳ kháng chiến chống sự xâm lược của thực dân Pháp (1946 – 1954). Thời kỳ này, vai trò của Hồ Chí Minh thể hiện ở đường lối chiến lược hết sức sáng suốt và phù hợp, thể hiện rõ trong những Chiến dịch Việt Bắc 1947, Chiến dịch Biên Giới 1950, cuộc tấn công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 - đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ; đó là sách lược về chủ động tiến công khi có thời cơ, là sự huy động sức mạnh của toàn dân và chủ trương “đánh ăn chắc, tiến ăn chắc”, và đường lối kháng chiến: toàn dân, toàn diện, trường kỳ.

Thời kỳ 1954-1975, Người tiếp tục cùng Đảng, Chính phủ lãnh đạo nhân dân miền Bắc xây dựng xã hội chủ nghĩa và nhân dân miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, chống Mỹ, thống nhất đất nước.

Trong công cuộc bảo vệ nền độc lập và thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam, nổi bật lên vai trò, công lao to lớn và tài năng quân sự của vị anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh. Ở Người là sự kết tinh những phẩm chất anh hùng cao đẹp nhất của một dân tộc “Người là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc”. Trước hết, ở Người là tấm lòng yêu nước, thương dân tha thiết và ý chí quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân,dù trải qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, nhưng Người vẫn một lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân. Tinh thần yêu nước của Người, ý chí quyết tâm của Người là biểu tượng của cả một dân tộc. Suốt những năm, tháng bôn ba nước ngoài và những ngày, tháng gian khổ chống đế quốc Pháp, Mỹ xâm lược, Người không bao giờ nản lòng, và luôn quyết tâm bảo vệ giang sơn đến cùng, dù khó khăn, gian khổ đến đâu: "Dù phải hy sinh đến đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập". Câu nói ấy không chỉ thể hiện quyết tâm của Bác mà còn là quyết tâm của cả dân tộc Việt Nam. Những phẩm chất cao đẹp của Người còn thể hiện ở lòng căm thù giặc sâu sắc và nỗi thương dân sâu nặng, đó cũng là phẩm chất truyền thống trong những vị anh hùng dân tộc thủa trước: Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Huệ v.v... Họ là những anh hùng, hào kiệt, họ cũng thương dân, căm thù giặc lắm chứ nếu không làm sao họ phải dấy binh giết giặc, quên thân mình như thế? Ở Nguyễn Ái Quốc thì chính lòng căm thù giặc và tình yêu thương dân sâu sắc ấy đã thôi thúc Người đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Hồ Chí Minh đã giành cả cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng của quần chúng, "cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam". Suốt cuộc đời, Người hy sinh, phấn đấu cho sự nghiệp độc lập dân tộc, giải phóng nước nhà, không mảy may nghĩ cho quyền lợi bản thân. Người luôn luôn đặt lợi ích của dân tộc lên trên lợi ích cá nhân. Bác chính là hình ảnh của một người cộng sản "vì nước quên thân, vì dân phục vụ".

Cả cuộc đời Bác chỉ có một ham muốn, ham muốn duy nhất là làm sao cho nước ta được độc lập, nhân dân ta được tự do, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, bởi ở Người luôn sáng bừng chân lý "Không có gì quý hơn độc lập tự do".

Những phẩm chất cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính xuất phát từ lòng yêu nước và tình yêu thương dân tha thiết, ý chí căm thù giặc sâu sắc đó. Những phẩm chất của người anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh cũng là biểu hiện phẩm chất anh hùng của cả một dân tộc – dân tộc Việt Nam.

Những nhận định trên đây của UNESCO theo em là hoàn toàn đúng, thông qua những công lao to lớn của Người và thấy rõ được vai trò của Người trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Người là sự kết tinh của sức mạnh dân tộc, một con người đã hy sinh chọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, đến lúc nhắm mắt vẫn không nguôi nỗi lo cho vận mệnh của dân tộc. Nghị quyết UNESCO đã đánh giá không sai về Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Người là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam".

Câu 2

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, theo em có 3 sự kiện lớn ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội loài người, đó là: phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, Phi, Mỹ Latinh; trật tự thế giới và quan hệ quốc tế (Ianta); cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật.

Thứ nhất: Phong trào giải phóng dân tộc

Nếu như trong Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Á, Phi, Mỹ Latinh đều là thuộc địa của đế quốc thì sau chiến tranh, hầu hết ở các nước này,phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ, rầm rộ.

Tiêu biểu cho phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á là Việt Nam, Lào, Cămpuchia, Trung Quốc v.v... Ở châu Phi là Angiêri, Nam Phi. Ở Mỹ Latinh là Cuba, Panama, Grênanđa v.v.. Những phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đó diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau, như chính trị ,vũ trang, đấu tranh nghị trường v.v... nhưng đều chung một mục đích là giải phóng dân tộc. Lãnh đạo các phong trào đó là các đảng, các tổ chức, như: Việt Nam là Đảng Cộng sản Việt Nam; ở Trung Quốc là Đảng Cộng sản Trung Quốc; ở Lào, Cămpuchia là Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Cămpuchia; ở Nam Phi là Đại hội dân tộc Phi (ANC); ở Cuba là tổ chức "Phong trào 26-7" v.v... Nhưng dù diễn ra ở hình thức nào lãnh đạo là tổ chức nào thì phong trào giải phóng dân tộc ở các nước trên đều đi đến thắng lợi và Nhà nước Cộng hoà dân chủ ra đời, như Việt Nam độc lập ngày 2-9-1945, Trung Quốc độc lập ngày 1-10-1949, Lào độc lập ngày 2-12-1975, Cămpuchia độc lập ngày 17-4-1975, tiếp tục chống chế độ diệt chủng PônPốt và giải phóng đất nước năm 1979; Angiêri độc lập ngày 18-3-1962, Cuba độc lập ngày1-1-1959.

Thứ hai: Quan hệ quốc tế và trật tự thế giới mới

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trật tự hai cực Ianta được hình thành, một bên là cực Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, một cực là Mỹ và các nước tư bản chủ nghĩa.

Sự hình thành trật tự hai cực này do 5 nước thành viên Liên Hợp Quốc quyết định, là Anh, Mỹ, Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, tháng 5-1945. Thực chất của trật tự hai cực Ianta là sự phân chia khu vực ảnh hưởng giữa Liên Xô và Mỹ, chứ không phải phân chia thuộc địa như trật tự Vecxai – Oasinhtơn. Ở trật tự Ianta này,mối quan hệ các nước đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai có phần hoà dịu hơn mối quan hệ các nước đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, vì trật tự hai cực lần này, các nước bại trận được xoa dịu bởi kế hoạch viện trợ kinh tế của Mỹ - *"Kế hoạch Mác San"*, đặc biệt là Đức và Nhật, do đó mối quan hệ các nước đế quốc chiến bại và các nước tham gia chiến tranh có phần hoà dịu, không gây nên chiến tranh thế giới thứ ba. Mối quan hệ đó buộc các nước phải bắt tay hợp tác để giải quyết những vấn đề lớn của thế giới.

Tóm lại, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trật tự hai cực Ianta hình thành, một cực là Liên Xô, một cực là Mỹ, đối đầu nhau, hay còn gọi là hai khối đối địch Đông – Tây và mối quan hệ quốc tế là mối quan hệ song phương. Nhưng kể từ khi Liên Xô sụp đổ (1991) và trật tự hai cực bị phá vỡ thì xu thế của mối quan hệ quốc tế là đa phương, xu hướng tương lai là nhất thể hoá châu Phi, nhất thể hoá khu vực ASEAN.

Thứ ba: Cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ ba

Cũng như cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật thế kỷ XVIII- XIX, cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần này xuất hiện do nhu cầu của con người, đặc biệt là trong sản xuất để đáp ứng nhu cầu tối đa của con người về vật chất và tinh thần. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần này mang nội dung lớn,đó là: Sự tự động hoá cao độ nhằm sử dụng các công cụ sản xuất mới, nguồn năng lượng mới, đi vào lòng đại dương, vào lòng đất,khám phá vũ trụ bao la. Khoa học - kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất chính. Khoa học - kỹ thuật bắt nguồn từ những nghiên cứu, phát minh. Thời gian phát minh khoa học - kỹ thuật đến thời gian ứng dụng vào sản xuất ngày càng được rút ngắn. Sự phát triển của khoa học - kỹ thuật dẫn đến sự "bùng nổ thông tin". Công cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ ba này đã mang lại nhiều thành tựu to lớn trong mọi lĩnh vực: Toán học, Vật lý, Hoá học, Sinh học v.v... Đó là những thành tựu rực rỡ đánh dấu bước phát triển mới của loài người, cụ thể là tìm ra chất phóng xạ, năng lượng nhiệt hạch, năng lượng mặt trời, năng lượng thuỷ triều, năng lượng gió, năng lượng nguyên tử v.v..., trong đó năng lượng mặt trời và năng lượng nguyên tử là phổ biến nhất. Ngoài ra, khoa học - kỹ thuật còn phát minh ra các máy móc tự động, người máy, giúp con người làm việc ở những nơi khó khăn, nguy hiểm. Trong Sinh học, thành tựu lớn nhất là sự ra đời của "phỏng sinh học", "công nghệ sinh học". Trong nông nghiệp có các cuộc "cách mạng xanh", "cách mạng trắng" đã giúp nhiều nước thoát khỏi tình trạng thiếu lương thực. Trong Hoá học,con người đã tìm ra nhiều chất hoá học có tính siêu bền, siêu dẫn, siêu sạch. Đặc biệt thành công to lớn của loài người là đã thám hiểm mặt trăng, bay vào vũ trụ, tìm hiểu thế giới bao la.

Ví dụ: - Phóng vệ tinh nhân tạo đầu tiên ở Liên Xô năm 1957.

- Đưa nhà du hành vũ trụ bay vòng quanh trái đất năm 1961.

- Con người đặt chân lên mặt trăng năm 1969.

Những thành tựu của khoa học - kỹ thuật đã làm biến đổi cuộc sống, xã hội loài người. Năng suất lao động được nâng cao nhờ áp dụng khoa học - kỹ thuật; nhiều ngành công nghiệp mới xuất hiện, như: công nghệ điện tử, công nghệ thông tin v.v... Cách mạng khoa học - kỹ thuật làm thay đổi cơ cấu dân cư, từ chỗ dân số tập trung đông ở ngành công - nông nghiệp nay chuyển sang tập trung đông ở ngành dịch vụ.

Sản xuất phát triển dẫn đến đời sống con người nâng cao. Nhưng khoa học - kỹ thuật cũng gây nhiều khó khăn cho con người, đó là vấn đề môi trường, tai nạn lao động, tai nạn giao thông; vấn đề dân số đặt ra toàn cầu, đòi hỏi các nước cần hợp tác, giải quyết các vấn đề chung của thế giới.

NHẬN XÉT BÀI THI

Câu Lịch sử Việt Nam

Thí sinh trình bày bối cảnh lịch sử trong nước và phần nào của thế giới và truyền thống dân tộc để trình bày về sự xuất hiện Hồ Chí Minh và những hoạt động của Người. Từ đó rút ra những công lao của Người đối với dân tộc. Tuy nhiên, thí sinh chỉ nêu được công lao, qua từng thời kỳ, song chưa nêu được một cách khái quát về công lao của Người. Về những phẩm chất tiêu biểu của anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh, về nguồn gốc các phẩm chất này, trình bày còn hơi sơ lược.

Câu Lịch sử thế giới

Thí sinh chọn 3 sự kiện tiêu biểu: phong trào giải phóng dân tộc; quan hệ quốc tế và trật tự thế giới mới; cách mạng khoa học - kỹ thuật cũng có thể chấp nhận được. Việc trình bày tương đối đầy đủ.

Bài được 17,5 điểm, đạt giải nhì.

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA - 2000
BẢNG B

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

1. Anh (chị) hãy nêu những sự kiện tiêu biểu trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945. Hãy phân tích một sự kiện tiêu biểu nhất có ảnh hưởng đến giai đoạn lịch sử trong những giai đoạn tiếp theo. (8 điểm)

2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975:

+ Công tác chuẩn bị.

+ Điền những ký hiệu thể hiện những nét diễn biến chính của từng chiến dịch vào bản đồ (kèm theo ở trang bên).

Phân tích nguyên nhân thành công và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ,cứu nước. (6 điểm)

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

1. Những nét chính về sự phát triển của nền kinh tế Mỹ và Nhật từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. (3 điểm)

2. Phân tích những nguyên nhân chung và riêng của sự phát triển kinh tế Mỹ và Nhật từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. (3 điểm)

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

1. Những sự kiện tiêu biểu

+ 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập.

+ 12-9-1930, cuộc biểu tình ở Hưng Nguyên - Nghệ An... Xô viết Nghệ - Tĩnh.

+ 1936, thành lập Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương, đến 1938, đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

+ 11-1939, Hội nghị Trung ương lần thứ 6 và việc thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương. Chuyển hướng đấu tranh cách mạng.

+ 9-1940, Nhật nhảy vào Đông Dương.

+ 1940, cuộc Khởi nghĩa Bắc Sơn. Nam Kỳ và binh biến Đô Lương (1941).

+ Cuối tháng 1-1941, Hồ Chí Minh về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam .

+ 5-1941, Hội nghị Trung ương lần thứ 8 và việc thành lập Mặt trận Việt Minh.

+ 22-12-1944, thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

+ 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp.

+ 6-1945, Khu giải phóng Việt Bắc thành lập.

+ Tháng 8-1945, cách mạng bùng nổ và thắng lợi.

2. Sự kiện tiêu biểu nhất.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập.

+ Phân tích: Dựa vào ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng:

* Là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới.

* Là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam...

* Là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và của cách mạng Việt Nam...

* Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời có ảnh hưởng quyết định tới toàn bộ cuộc đấu tranh vận động giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam (con đường giải phóng dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội) ngay trong giai đoạn 1930 - 1945, mà còn là một sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của dân tộc Việt Nam (Cách mạng tháng Tám thành công, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thắng lợi, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cả nước thống nhất.

3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975

+ *Công tác chuẩn bị:*

* Chủ trương của Đảng: Hội nghị 21 của Ban chấp hành Trung ương Đảng..., Hội nghị Bộ Chính trị cuối 1974 đầu 1975... xác định bất kể trong tình huống nào, con đường giành thắng lợi của cách mạng Việt Nam cũng là con đường bạo lực (truyền thống của dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc).

* Miền Bắc: Từ sau Hiệp định Pari (1973) càng tăng cường về mọi mặt... làm nhiệm vụ hậu phương lớn... hướng tới mục tiêu là một cuộc Tổng tiến công (dẫn các số liệu về người và của ...).

* Miền Nam: Từ tháng 10-1973, kiên quyết đánh trả những cuộc tấn công lấn chiếm của địch, thành lập các binh đoàn... Ở các vùng giải phóng, nhân dân ra sức sản xuất và chiến đấu, bảo vệ vùng giải phóng.

+ *Điền ký hiệu* (theo bảng mẫu).

+ *Phân tích nguyên nhân thành công và ý nghĩa lịch sử:*

* Nguyên nhân thành công: Sự lãnh đạo của Đảng... Nhân dân ta có truyền thống yêu nước... Sự chi viện của miền Bắc... Sự đoàn kết ba nước Đông Dương... Sự giúp đỡ của Liên Xô, phe xã hội chủ nghĩa, lực lượng cách mạng dân chủ, hoà bình trên thế giới.

* Ý nghĩa lịch sử: Là cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại... Kết thúc vẻ vang quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc... Mở ra kỷ nguyên mới... Cổ vũ phong trào cách mạng trên thế giới...

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

1. Nét chính về sự phát triển kinh tế

+ *Mỹ:*

Sản lượng công nghiệp trung bình hàng năm tăng 24%, nông nghiệp 27%,.. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mỹ trở thành nước giàu mạnh nhất: sản lượng công nghiệp chiếm hơn cả sản lượng công nghiệp toàn thế giới...; là trung tâm kinh tế, tài chính duy nhất trên thế giới.

+ *Nhật:*

Từ năm 1950..., kinh tế Nhật phát triển mạnh, đuổi kịp rồi vượt các nước Tây Âu, vươn lên đứng hàng thứ hai sau Mỹ... 1950, tổng sản phẩm quốc dân là 20 tỷ đô la, đến năm 1989 đã đạt 2.828,3 tỷ đô la. Từ những năm 70, trở thành một trong ba trung tâm kinh tế, tài chính thế giới (Mỹ - Tây Âu và Nhật).

2. Phân tích

- *Nguyên nhân chung:*

+Tận dụng được thành quả của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật.

+ Bóc lột nhân dân trong nước, các nước nhỏ yếu và cạnh tranh với các nước lớn.

- *Nguyên nhân riêng:*

Mỹ:

+ Nhờ trình độ tập trung sản xuất và tập trung tư bản rất cao...

+ Nhờ quân sự hoá nền kinh tế...

+ Nhờ tài nguyên giàu có, không có chiến tranh, chất xám trên thế giới đổ vào Mỹ...

Nhật:

+ Lợi dụng vốn nước ngoài...

+ Biết len, lách, thâm nhập vào thị trường các nước...

+ Những cải cách dân chủ sau chiến tranh...

+ Truyền thống tự lực, tự cường...

BẢN ĐỒ CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

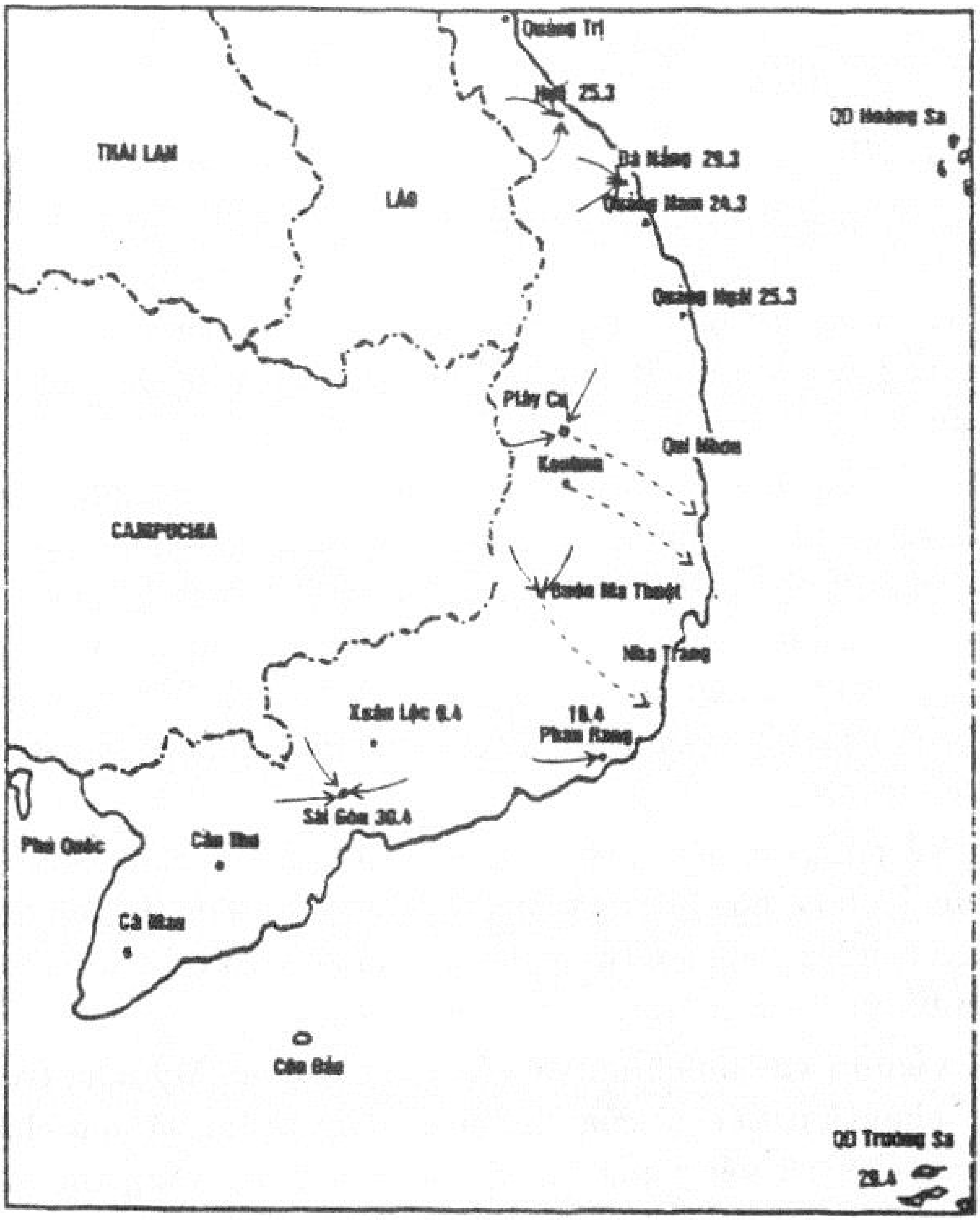
Quảng Trị
Huế 25.3
QĐ Hoàng Sa
THÁI LAN
Đà Nẵng 29.3
LÀO
Quảng Nam 24.3
Quảng Ngãi 25.3
Plây Cu
Qui Nhơn
Kontum
CAMPUCHIA
Buôn Ma Thuột
Nha Trang
Xuân Lộc 9.4
16.4
Phan Rang
Sài Gòn 30.4
Phú Quốc
Cần Thơ
Cà Mau
Côn Đảo
QĐ Trường Sa
29.4

BÀI LÀM*

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

1. Những nét chính về sự phát triển của nền kinh tế Mỹ và Nhật từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai

Nhìn chung, sau Đại chiến thế giới lần thứ hai, nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa đều lâm vào tình trạng khó khăn, riêng Mỹ lại có một bước phát triển vượt bậc của nền kinh tế.

Về công nghiệp, Mỹ phát triển với tốc độ nhanh chóng, đạt đến sự hoàn thiện của một nền công nghiệp với đầy đủ các ngành nghề, đặc biệt là các ngành công nghiệp quân sự, chế tạo vũ khí; các ngành công nghiệp mới: công nghiệp năng lượng, công nghiệp hàng không vũ trụ. Sau chiến tranh, tổng giá trị sản lượng công nghiệp tăng trên 40% so với trước chiến tranh.

Về nông nghiệp, Mỹ đạt đến trình độ cơ giới hoá cao (thủy lợi hoá, hoá học hoá, điện khí hoá...). Nông nghiệp phát triển thịnh vượng với tỷ số gia tăng là 25% so với trước chiến tranh.

Về lĩnh vực tài chính và tiền tệ, có thể nói Mỹ nắm trong tay phần lớn tiền tệ của thế giới, bằng chứng là sau chiến tranh, dự trữ vàng của Mỹ chiếm 3/4 lượng vàng thế giới.

---

* Trần Thị Phương Thảo, trường Trung học phổ thông chuyên Lý Tự Trọng, Cần Thơ.

Ngoài ra, Mỹ còn thu được 114 tỷ đô la nhờ buôn bán vũ khí trong chiến tranh.

Trong chiến tranh, 3/4 các nhà khoa học đã tập trung ở Mỹ (vì nơi đây có điều kiện hoà bình, điều kiện nghiên cứu....), vì vậy, Mỹ nắm trong tay 3/4 các phát minh, sáng chế của nhân loại; các hàng hoá có hàm lượng kỹ thuật cao của Mỹ chiếm 27% thị trường thế giới.

Về lĩnh vực tàu biển, Mỹ nắm khoảng 50% lượng tàu biển thế giới.

Tóm lại, sau chiến tranh, kinh tế Mỹ phát triển rất mạnh mẽ, Mỹ trở thành siêu cường số một, là trung tâm kinh tế, tài chính, tiền tệ số một của thế giới.

Tuy vậy, từ những năm 70 trở đi, kinh tế Mỹ có phần giảm sút và bộc lộ những nhược điểm của nó.

Về phía Nhật, một nước phát xít chiến bại trong chiến tranh, từ một đống tro tàn đổ nát, Nhật đã vươn lên nhanh chóng; biểu hiện cụ thể là:

- Sau chiến tranh, nền kinh tế Nhật kiệt quệ, trên 30% công trình, 25% máy móc, khoảng 80% tàu biển bị tàn phá. Công, nông, thương nghiệp sa sút nghiêm trọng, do thiếu nguyên liệu và điện; tình trạng thất nghiệp, nạn đói đe doạ nghiêm trọng. Vì vậy, để khôi phục kinh tế, Nhật đã dựa vào viện trợ kinh tế của Mỹ (khoảng 14 tỷ đôla),

Có thể nói, từ những năm 1945-1950, kinh tế Nhật trì trệ, dựa vào viện trợ của Mỹ; nhưng từ những năm 50 trở đi, kinh tế nước này phát triển nhanh chóng. Biểu hiện cụ thể là:

- Tháng 6-1950, nhờ cuộc chiến tranh Triều Tiên và cuộc chiến tranh ở Việt Nam những năm 60, nhờ những đơn đặt hàng quân sự của Mỹ, kinh tế Nhật đã vực dậy, "ngọn gió thần kỳ" thổi vào Nhật Bản, Nhật từng bước vươn lên bằng và vượt các nước Tây Âu (Anh, Pháp...). Năm 1968, tổng thu nhập quốc dân đạt 183 tỷ đô la; vào nửa đầu những năm 70, đạt trên 400 tỷ đô la. Nhìn lại hơn 20 năm trước, con số này chỉ đạt khoảng 20 tỷ đô la.

Như vậy, sau hơn 20 năm, tổng thu nhập quốc dân tăng trên 20 lần, rút ngắn khoảng cách từ 1/17 còn 1/5 so với Mỹ.

- Trong công nghiệp, tổng giá trị sản lượng công nghiệp năm 1950 đạt 4,1 tỷ đô la; năm 1969 đạt trên 56 tỷ đô la.

Tốc độ tăng trưởng công nghiệp đạt 15,9% (những năm 1950-1960) và 13,5% (những năm 1960-1970), trong khi Mỹ chỉ đạt trên 2%.

- Trong nông nghiệp, trình độ cơ giới hoá cao, đáp ứng trên 2/3 nhu cầu trong nước.

Những năm 1967-1969, nông nghiệp cung cấp 80% nhu cầu trong nước, sản lượng đánh bắt cá cao thứ nhì thế giới, bình quân lượng cá khoảng 80kg/người./năm.

Trong thương nghiệp, khoảng 21 năm (1950-1971) tăng 2,5 lần, chứng tỏ sức bật to lớn của Nhật.

- Từ những năm 70 trở đi, nắm trong tay 3/4 lượng vàng thế giới, trở thành một trung tâm kinh tế, tài chính cạnh tranh mạnh với Mỹ và Tây Âu.

Tóm lại, từ một nước chiến bại, dân số tăng nhanh, kinh tế tiêu điều, ô nhiễm môi trường, Nhật vươn lên mạnh mẽ. Người ta gọi đó là hiện tượng thần kỳ Nhật Bản.

2. Nguyên nhân chung và riêng của sự phát triển kinh tế Mỹ, Nhật

Về phía Mỹ, kinh tế phát triển nhờ các yếu tố sau:

- Dựa vào trình độ phát triển khoa học - kỹ thuật (Mỹ là nơi bùng nổ cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai), đã xây dựng cơ cấu ngành nghề hợp lý, hạ giá thành, chất lượng cao.

- Do quân sự hoá nền kinh tế: 50% lợi nhuận thu được nhờ buôn bán vũ khí.

- Do trình độ tập trung vốn, tập trung sản xuất, khả năng cạnh tranh cao.

- Mỹ có điều kiện hoà bình, nguồn tài nguyên phong phú với đầy đủ các loại, trữ lượng lớn, có nguồn lao động dồi dào.

Về phía Nhật Bản, kinh tế phát triển nhờ vào:

- Sử dụng có hiệu quả vốn viện trợ nước ngoài vào việc phát triển kinh tế, cùng với việc quan tâm hàng đầu đến vấn đề giao dịch, cải tiến kỹ thuật, đầu tư đúng ngành nghề (công nghiệp điện tử dân dụng), không phải chi tiêu cho quân sự (Nhật đã chi khoảng 6 tỷ đô la cho việc mua bằng phát minh sáng chế và công nghệ).

- Những cải cách của Chính phủ sau chiến tranh.

- Những điều kiện khách quan từ bên ngoài tác động vào (cuộc chiến tranh Triều Tiên, Việt Nam).

- Nhưng quan trọng hơn cả,nhân dân Nhật có truyền thống cần cù, sáng tạo, tự lực, tự cường.

- Nhật có khả năng len lách, xâm nhập vào tất cả thị trường trên thế giới.

Qua đó ta thấy, Mỹ và Nhật có những nguyên nhân chung để phát triển kinh tế, đó là việc coi trọng yếu tố khoa học - kỹ thuật, với phương châm "con người là công nghệ cao nhất", coi trọng chất xám, giáo dục. Đối với nước ta, nếu muốn phát triển kinh tế thì cần thiết phải quan tâm hàng đầu đến yếu tố này, kết hợp với truyền thống dân tộc ta là rất cần thiết.

Câu 1

Dân tộc ta, một dân tộc anh hùng, một dân tộc luôn phấn đấu hy sinh hết mình cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Thế kỷ XX, thế kỷ đầy biến động của lịch sử dân tộc, với những biến đổi lớn lao, mỗi chặng đường, mỗi giai đoạn lịch sử đánh dấu mỗi bước trưởng thành của dân tộc, đặc biệt trong giai đoạn từ 1930 đến 1945 có nhiều sự kiện tiêu biểu, đóng vai trò quan trọng trong lịch sử dân tộc. Đó là các sự kiện:

- Đầu 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930).

- Cao trào cách mạng 1930 – 1931, đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh, là cuộc tổng diễn tập lần thứ nhất, góp phần vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám – 1945.

- Cao trào cách mạng 1936-1939, với việc ra đời của Mặt trận Dân chủ Đông Dương, là cuộc tổng diễn tập lần thứ hai, chuẩn bị cho sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám-1945.

- Cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939-1945, cao trào kháng Nhật cứu nước với khí thế sôi nổi của những ngày tiền khởi nghĩa, có thể xem đây là cuộc tổng diễn tập lần thứ ba, quyết định sự thành công của Cách mạng tháng Tám-1945.

- Tháng 8-1945, Cách mạng tháng Tám toàn thắng. Trải qua cơn trở dạ đau đớn, nhưng cũng đầy niềm tin yêu - hy vọng và phấn khởi, dân tộc ta đã khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Bác Hồ đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* tại vườn hoa Ba Đình, công bố trước đồng bào và thế giới về nền độc lập, khẳng định tự chủ của Việt Nam. Đến đây, mối mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với bọn thực dân cướp nước, và thế lực phong kiến áp bức đã được giải quyết.

Trong các sự kiện trên, sự kiện Đảng ra đời là tiêu biểu nhất, là mốc son chói lọi trong lịch sử nước nhà.

- Trước hết, có thể nói Đảng ra đời là một bước ngoặt trọng đại của lịch sử Việt Nam. Tại sao lại như vậy? Là bởi vì từ đây, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản chân chính. Dân tộc ta không còn phải mò mẫm trong việc tìm ra hướng đi, hướng đấu tranh. Thời kỳ khủng hoảng về lãnh đạo của cách mạng Việt Nam đến đây đã chấm dứt.

Từ khi Pháp xâm lược, nhân dân cả nước kiên cường chống Pháp ngay từ buổi đầu, nhưng đều thất bại. Phong trào Cần Vương thổi bùng ngọn lửa dân tộc nhưng những người lãnh đạo bị hạn chế bởi điều kiện giai cấp và thời đại. Đầu thế kỷ XX, trào lưu dân tộc chủ nghĩa với hai gương mặt tiêu biểu là Phan Bội Châu (xu hướng bạo động) và Phan Châu Trinh (xu hướng cải cách) đều không tìm ra con đường mới cho dân tộc đi theo. Cho đến khi Nguyễn Ái Quốc sang phương Tây để tìm đường cứu nước, tìm những gì nấp sau từ Tự do – Bình đẳng – Bác ái mà người Pháp luôn nói ở Việt Nam. Người đã tìm đến chủ nghĩa Mác – Lênin (7-1920), trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Người tích cực hoạt động để chuẩn bị về tư tưởng, cán bộ và tổ chức cho sự ra đời của Đảng, chủ trì Hội nghị thành lập Đảng.

"Hỡi đồng bào..., đây là cái cần thiết cho chúng ta!" là lời Nguyễn Ái Quốc reo lên khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa*. Từ đây, Người đi từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống sang chủ nghĩa Mác – Lênin. Đây là bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động của Người, của cách mạng Việt Nam. Đảng ra đời là yếu tố quyết định sự thắng lợi của cách mạng. Bởi đó là một Đảng Cộng sản theo học thuyết Mác – Lênin, có đường lối đúng đắn, có tổ chức chặt chẽ, có đội ngũ những người cộng sản nguyện một đời gắn bó, hy sinh cho chủ nghĩa cộng sản, cho độc lập tự do của Tổ quốc và dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một sự chuẩn bị tất yếu, có tính chất quyết định đối với sự phát triển của cách mạng và những bước nhảy vọt về sau trong tiến trình lịch sử của dân tộc ta. Nói khác đi, điều đó có ảnh hưởng đến giai đoạn lịch sử 1930-1945 và tiếp sau đó.

+ Mới ra đời, Đảng đã phát động cao trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh. Đó là một cao trào rộng,khắp đầu tiên của nhân dân trên bước đường chống Pháp. Đảng, Bác Hồ đã đề ra chủ trương, biện pháp, tổ chức đúng với thực tiễn, hợp lòng dân. Đó là biện pháp đấu tranh bằng bạo lực, với khẩu hiệu “chống đế quốc và phong kiến”. Qua cao trào, sức mạnh của liên minh công nông, tính ưu việt và khả năng lãnh đạo của giai cấp công nhân được khẳng định. Nhân dân ta được rèn luyện về mọi mặt.

+ Khi tình hình thay đổi, Đảng lại đề ra những chủ trương, biện pháp đúng, sáng tạo, phù hợp. Việc phát động cao trào dân chủ 1936-1939, lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương, chỉ ra kẻ thù chính là bọn thực dân phản động và tay sai ở thuộc địa, bọn phát xít và chiến tranh đế quốc. Khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình, đấu tranh công khai, bán công khai. Qua cao trào, quần chúng được tổ chức, cán bộ được rèn luyện, có thêm kinh nghiệm.

+ Đảng, Bác Hồ lãnh đạo cách mạng rất đúng đắn, chủ trương kịp thời, chuyển hướng chỉ đạo chiến lược linh hoạt , chớp thời cơ, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, huy động sức dân để đánh giặc, làm cho “Pháp chạy, Nhật đầu hàng, vua Bảo Đại thoái vị”, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

+ Sau giai đoạn 1930-1945, vai trò của Đảng càng được củng cố, qua việc lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Pháp. Từ việc giải quyết khó khăn sau ngày giành chính quyền, đến việc giành thắng lợi trong các chiến dịch Việt Bắc (1947), Biên Giới (1950), Đông Xuân 1953-1954 ,đánh bại quân cướp nước và bọn can thiệp, tay sai.

+ Trong kháng chiến chống Mỹ, Đảng giữ vai trò số một quyết định thắng lợi, song vai trò của Đảng không tách rời vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Vai trò của Đảng chẳng những được thể hiện ở từng cao trào cách mạng, mà còn ở thời kỳ thoái trào của cách mạng (nhất là thời kỳ 1932-1935).

+ Ngày nay, khi đất nước thống nhất, hoà bình, Đảng tiếp tục đề ra những đường lối, chiến lược đúng đắn, đưa nước nhà đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Từ khi Đảng ra đời, cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới, được sự cổ vũ, ủng hộ của cách mạng thế giới và góp phần vào cách mạng thế giới.

Tóm lại, từ 1930 đến 1945, các sự kiện lịch sử có liên quan mật thiết với nhau, sự kiện này là tiền đề dẫn đến sự kiện kia. Trong từng giai đoạn lịch sử, tình hình và tương quan lực lượng dù bất lợi hay thuận lợi, dưới sự lãnh đạo của Đảng,nhân dân Việt Nam đều vượt qua những thách thức, khó khăn và giành thắng lợi. Trong quá trình ấy, Đảng đóng vai trò tiên phong, dẫn đường, thể hiện khả năng lãnh đạo trên mọi phương diện, mọi thời kỳ. Dù khó khăn đến mấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam,chúng ta từ thế bị động sẽ chuyển sang thế chủ động, từ thế bất lợi sẽ chuyển sang có lợi và thắng lợi,vì thế, việc Đảng ra đời là một bước ngoặt lớn lao nhất, vĩ đại nhất, là thắng lợi vẻ vang nhất. Đó là kết quả của quá trình kết hợp đấu tranh kiên cường của dân tộc,nhất là phong trào yêu nước và phong trào công nhân, với chủ nghĩa Mác – Lênin do Nguyễn Ái Quốc truyền vào.

Câu 2

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975

- Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 là kết quả của sự chuẩn bị chu đáo từ trước, đặc biệt qua cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

- Trong tình hình có lợi cho ta vào những năm 1972-1973, thời cuộc đã thay đổi. Hội nghị Bộ Chính trị họp vào tháng 9, 10 năm 1974, và Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng họp từ 18-12-1974 đến 8-1-1975 đề ra kế hoạch giải phóng toàn bộ miền Nam trong 2 năm. Hội nghị nhấn mạnh: "Cả năm 1975 là thời cơ, nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975"; Hội nghị cũng nhấn mạnh phải chớp thời cơ kết hợp giữa tiến công và nổi dậy rộng khắp, giải phóng sớm miền Nam, giảm thiệt hại do chiến tranh gây ra.

- Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 được thực hiện qua ba chiến dịch lớn:

a. Chiến dịch Tây Nguyên (bắt đầu từ 4-3-1975):

Ta mở trận đánh nghi binh vào Plâycu (mũi tên ⇒) để đánh lạc hướng địch.

Ta tấn công chiến lược vào Buôn Ma Thuột (10-3) và thắng lợi ở đây (11-3), giải phóng được Tây Nguyên (mũi tên ➔)

b. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng:

19-3-1975, ta giải phóng Quảng Trị, địch chạy về Đà Nẵng ■.

25-3, giải phóng Thừa Thiên Huế, giải phóng thị xã Tam Kỳ; cùng thời gian đó,ta giải phóng Quảng Ngãi, Chu Lai.

Sáng 29-3, quân ta tiến vào để giải phóng Đà Nẵng, đến chiều, Đà Nẵng được giải phóng hoàn toàn.

c. Chiến dịch Hồ Chí Minh (9-4-1975 đến 2-5-1975):

- Ngày 9-4, ta tiến công Xuân Lộc (phía Đông Sài Gòn), 21 – 4, ta giải phóng Xuân Lộc, Phan Rang - 16-4.

- 17giờ ngày 26-4, quân ta từ 5 cánh được lệnh vượt tuyến phòng thủ bên ngoài của địch tiến vào các cơ quan đầu não địch ở Sài Gòn.

- 10giờ 45 phút,quân giải phóng đột phá cổng dinh Tổng thống Ngụy.

- 11 giờ 30 phút, lá cờ Cách mạng tung bay trên nóc dinh độc lập.

- Đến 2-5, các địa phương ở miền Nam hoàn.toàn được giải phóng.

* Nguyên nhân thành công và ý nghĩa lịch sử:

- Nguyên nhân:

+ Sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Bác Hồ đã đề ra đường lối chính trị đúng đắn, sáng tạo, chủ động trên nguyên tắc độc lập dân tộc, chủ quyền. Đó là đường lối đồng thời thực hiện nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước. Đó là phương pháp chính trị, quán triệt đường lối cách mạng, thể hiện nghệ thuật quân sự tài tình. Đây là nguyên nhân cơ bản nhất.

- Nhân dân ta có truyền thống yêu nước, đoàn kết chống ngoại xâm. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong kháng chiến chống Mỹ, tinh thần ấy thể hiện rõ hơn bao giờ hết. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần dân tộc đã tạo nên sức mạnh của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến đầy gian khổ và vẻ vang đó.

+ Tinh thần đoàn kết, liên minh chiến đấu của nhân dân ba nước Việt Nam – Lào – Cămpuchia.

+ Miền Bắc là hậu phương vững chắc, được củng cố và phát triển về tiềm lực kinh tế, quốc phòng để chi viện cho miền Nam về người và của, với tinh thần "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người".

+ Ngoài ra, chúng ta còn nhận được sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, như Liên Xô, Trung Quốc...; sự ủng hộ, cổ vũ của các dân tộc, các lực lượng tiến bộ, yêu hoà bình trên thế giới.

Thắng lợi mùa Xuân 1975, có nhiều ý nghĩa to lớn:

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc với thắng lợi hoàn toàn về ta, thất bại hoàn toàn về đế quốc Mỹ và tay sai. Đó là thắng lợi của một dân tộc nhỏ yếu trước cuộc chiến tranh xâm lược lớn nhất, của một đế quốc đầu sỏ nhất, trong công cuộc tự giải phóng mình. Do đó, đối với Việt Nam và thế giới, thắng lợi này có nhiều ý nghĩa to lớn.

Đối với Việt Nam, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm đấu tranh chống Mỹ, 30 năm đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ sau ngày Cách mạng tháng Tám - 1945 thành công, kết thúc đêm dài nô lệ, đập tan vĩnh viễn ách thống trị của bọn đế quốc, tay sai, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ trong cả nước, trên cơ sở đó tiến tới xoá bỏ mọi trở ngại trên con đường thống nhất nước nhà.

Thắng lợi này đã mở ra một kỷ nguyên mới cho cách mạng Việt Nam, kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, hoà bình, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là thắng lợi vẻ vang nhất, vĩ đại nhất, hào hùng nhất trong lịch sử cách mạng Việt Nam, được ghi vào lịch sử dân tộc như một mốc son chói lọi.

Kháng chiến chống Mỹ thắng lợi đã phá tan cuộc phản kích, phản cách mạng từ sau Chiến tranh thế giới lần hai của đế quốc Mỹ, giáng đòn nặng nề vào âm mưu chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ có tác động to lớn đến nội tình nước Mỹ, cổ vũ, động viên phong trào cách mạng, phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước trên thế giới, ghi vào lịch sử thế giới một mốc son đỏ thắm của thế kỷ XX.

NHẬN XÉT BÀI THI

Câu Lịch sử thế giới: khá đầy đủ (số liệu dẫn chính xác, phân tích tương đối sâu, toàn diện).

Câu Lịch sử Việt Nam: Nêu được những sự kiện tiêu biểu trong lịch sử dân tộc từ 1930 đến 1945, song việc trình bày một sự kiện tiêu biểu nhất – sự thành lập và lãnh đạo của Đảng, còn hơi sơ lược.

Về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, phần trình bày công tác chuẩn bị và phân tích nguyên nhân thành công, ý nghĩa lịch sử khá đầy đủ, song về bản đồ thì quá sơ lược, thiếu.

Bài đạt 17 điểm.

BÀI LÀM *

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1:

Từ năm 1930 đến năm 1945, lịch sử Việt Nam có những sự kiện tiêu biểu sau: thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, phong trào dân chủ 1936-1939, phong trào kháng Nhật 1939 – 1945 và Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

1. Việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- Trong vòng.4 tháng cuối năm 1929, ở Việt Nam có ba.tổ chức cộng sản ra đời. Cả ba tổ chức này đều có những cố gắng trong việc lãnh đạo nhân dân chống thực dân Pháp và bọn tay sai. Song cả ba tổ chức hoạt động riêng lẻ, tranh giành ảnh hưởng của nhau, thậm chí công kích lẫn nhau, gây trở ngại lớn cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trong nước.

- Vì vậy, Quốc tế Cộng sản đã ủy nhiệm cho Nguyễn Ái Quốc phải lập tức hợp nhất ba tổ chức cộng sản để thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất.

Từ ngày 3 đến 7 –2 – 1930, tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) đã diễn ra Hội nghị thành lập Đảng, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc và sự tham gia của hai đại biểu Đông Dương Cộng sản Đảng và hai đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng.

---

* Nguyễn Việt Thuỳ Uyên – trường Trung học phổ thông Lý Tự Trọng – Cần Thơ.

- Hội nghị đã nhất trí thành lập một Đảng Cộng sản lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên (tức Chính cương vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Sách lược vắn tắt) do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và lập ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng.

- Việc Đảng ra đời đã có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta.

2. Cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh 1930-1931

- Năm 1930, sau khi ra đời, Đảng đã nhanh chóng chỉ đạo nhân dân đấu tranh "giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày".

- Ngày 12-9-1930, nhân dân ở các huyện Thanh Chương, Nam Đàn... thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh đã nổi dậy đánh đồn bốt, cướp chính quyền, tịch thu ruộng đất chia cho dân cày nghèo.

- Tại các nơi đó đã lập ra các Ủy ban Xô viết – tổ chức chính quyền sơ khai của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Các Xô viết đã ban hành những chính sách về kinh tế, xã hội, giáo dục, xoá bỏ các thứ thuế vô lý, chia ruộng đất cho nông dân, xoá mù chữ bằng việc mở lớp học. Thực sự, đó là chính quyền do dân, vì dân và của dân.

- Xô viết Nghệ - Tĩnh tồn tại không bao lâu nhưng đã có ý nghĩa rất lớn. Nó giáng đòn nặng nề vào bọn thực dân Pháp và tay sai, đồng thời chứng tỏ sức mạnh to lớn của khối đoàn kết công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là cuộc tổng diễn tập thứ nhất cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám sau này.

3. Phong trào dân chủ 1936-1939

- Do tình hình chính trị thế giới có nhiều biến đổi:

+ Mâu thuẫn sâu sắc giữa các nước tư bản sau khủng hoảng kinh tế 1929-1933.

+ Chủ nghĩa phát xít đã lên cầm quyền ở Đức, Italia, Nhật Bản và chúng ráo riết chạy đua vũ trang để tiến hành chiến tranh xâm lược. Vì vậy, nguy cơ chiến tranh thế giới đang đến gần.

+ Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản đã xác định kẻ thù hiện tại,nguy hiểm nhất là chủ nghiã phát xít, yêu cầu thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi ở các nước để chống chiến tranh, chống đế quốc.

+ Mặt trận Nhân dân đã lên cầm quyền ở Pháp và ban hành một số chính sách có lợi cho phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

- Vì thế, Đảng đã chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, thay đổi khẩu hiệu đấu tranh đòi độc lập dân tộc và ruộng đất cho dân cày bằng các khẩu hiệu chống chiến tranh, chống phát xít, đòi cơm áo, hoà bình. Vì Đảng nhận định rõ, kẻ thù lớn nhất và nguy hiểm nhất của dân tộc là chủ nghĩa phát xít và bọn đế quốc, cần phải đặt đấu tranh giải phóng giai cấp dưới đấu tranh giải phóng dân tộc.

- Hình thức đấu tranh là công khai và nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, với phong trào Đông Dương Đại hội và đón phái đoàn "Gôđa".

- Mặt trận Dân chủ Đông Dương đã ra đời, kịp thời lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc đấu tranh, biểu tình đòi: ngày làm 8 giờ, bảo đảm quyền lợi của phụ nữ trong lao động... Tiêu biểu là cuộc biểu tình của hàng vạn người tại nhà đấu xảo Hà Nội, buộc chính quyền Pháp và tay sai phải nhượng bộ.

- Phong trào Dân chủ 1936-1939 mang ý nghĩa rất lớn. Nó thể hiện sự chỉ đạo linh động, khéo léo của Đảng, phù hợp với tình hình chính trị mới. Đồng thời nó cũng thể hiện sức mạnh quần chúng to lớn và niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng; nó giáng đòn đau vào bọn thực dân Pháp xâm lược và tay sai. Đây được xem là cuộc tổng diễn tập thứ hai cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám - 1945.

3. Phong trào vận động giải phóng dân tộc 1939-1945

- Năm 1939, Pháp tham gia Chiến tranh thế giới lần thứ hai và nhanh chóng bị Đức đánh bại.

- Năm 1940, Nhật nhảy vào Đông Dương, hất cẳng Pháp.

- Trước tình hình đó, tháng 11-1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp và vạch rõ kẻ thù của ta bây giờ chính là thực dân Pháp và quân phiệt Nhật, cần phải tiến hành lãnh đạo nhân dân đấu tranh lật đổ.

- Năm 1941, Nhật hất cẳng Pháp ra khỏi Đông Dương, tiến hành dã man hơn chính sách bóc lột, đàn áp dân ta.

- Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh, gọi tắt là Việt Minh ra đời chỉ đạo đấu tranh. Nhân dân tiến hành hàng loạt các cuộc biểu tình, bãi công, bãi thị, bãi khoá với sự tham gia đông đảo của công nhân, nông dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ, tiểu chủ, học sinh, sinh viên, trí thức. Một cao trào kháng Nhật bùng lên mạnh mẽ và quyết liệt, tạo tiền đề cho sự thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa vào tháng Tám - 1945.

4. Tổng khởi nghĩa tháng Tám - 1945

Đây cũng là sự kiện tiêu biểu nhất có ảnh hưởng đến giai đoạn lịch sử lúc đó và những giai đoạn tiếp theo.

* *Tình hình và diễn biến.*

- Đầu tháng 8-1945, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến: Đức bại trận ở châu Âu, quân Nhật ở châu Á buộc phải đầu hàng không điều kiện (14-8-1945).

- Trước những chuyển biến mau lẹ có lợi cho ta, ngày 13-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước trước khi quân Đồng minh kéo vào. Uỷ ban khởi nghĩa đã được thành lập.

- Ngày 15-8-1945, Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào với sự tham gia của đại biểu thuộc mọi tầng lớp. Đại hội đã nhất trí thông qua quyết định Tổng khởi nghĩa và thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời do Hồ Chí Minh lãnh đạo.

- Ngày 16-8-1945, Võ Nguyên Giáp lãnh đạo một đội quân tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đầu cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

- Ngày 18-8-1945, bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất trong cả nước là Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam.

- Ngày 15-8-1945, lệnh khởi nghĩa về đến Hà Nội. Ngày 17-8, bọn thân Nhật tổ chức mít tinh ủng hộ chính phủ bù nhìn. Chi bộ Đảng ở Hà Nội đã lãnh đạo biến cuộc mít tinh thân Nhật thành cuộc mít tinh ủng hộ Việt Minh và kêu gọi nhân dân khởi nghĩa. Ngày 19-8, cả Thủ đô tràn ngập khí thế khởi nghĩa. Hàng vạn nhân dân đã kéo đến Quảng trường Nhà hát Lớn để tham dự cuộc mít tinh do Việt Minh tổ chức. Đại biểu Việt Minh đã đọc lời kêu gọi mọi người vùng lên khởi nghĩa. Lần đầu tiên, bài Tiến quân ca (sau được công nhận là Quốc ca) được hát vang lên giữa trời thu lộng gió. Sau đó, đoàn người tham gia mít tinh đã chia thành nhiều nhóm đi cướp các cơ quan chính quyền của địch: Sở mật thám, Trại lính Bảo an, Bưu điện. Khởi nghĩa ở Hà Nội giành thắng lợi hoàn toàn. Thắng lợi đó đã ảnh hưởng lớn đến phong trào cả nước.

- Ở một số nơi trong nước, tuy chưa nhận được lệnh khởi nghĩa, nhưng do thấm nhuần tinh thần các Nghị quyết của Đảng, nhất là Bản Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", các Đảng bộ địa phương đã chỉ đạo một cách linh động, sáng tạo, chủ động chớp thời cơ giành chính quyền. Đến khi tin phát xít Nhật đầu hàng lan ra, lệnh Tổng khởi nghĩa truyền xuống, tin thủ đô Hà Nội giải phóng báo về, phong trào khởi nghĩa lan nhanh trong cả nước. Ngày 23-8, Huế – cơ quan Trung ương của chính quyền bù nhìn tay sai - đã rơi vào tay nhân dân. Ngày 25-8, Sài Gòn – thành trì cuối cùng của bọn đế quốc và tay sai cũng bị ta đánh chiếm. Thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn là những thắng lợi to lớn có tính quyết định cho thắng lợi của cuộc khởi nghĩa trong cả nước.

- Cuộc Tổng khởi nghĩa thắng lợi. Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Hồ Chí Minh đã trịnh trọng đọc bản "Tuyên ngôn Độc lập" tuyên bố trước toàn dân và thế giới sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Tổng khởi nghĩa tháng Tám-1945 là một sự kiện tiêu biểu có ảnh hưởng lớn đến giai đoạn lịch sử đó và cả những giai đoạn lịch sử tiếp theo, nó có ý nghĩa lịch sử sâu sắc và để lại những bài học kinh nghiệm vô cùng quý báu.

** Về ý nghĩa:*

- Đó là một thắng lợi vô cùng vẻ vang. Nó đã phá tan hai tầng xiềng xích của thực dân Pháp và phát xít Nhật, đánh đổ sự thống trị của chế độ phong kiến hàng nghìn năm, biến

Việt Nam từ một nước thuộc địa thành một nước độc lập, với chế độ dân chủ nhân dân, đưa người dân từ thân phận nô lệ thành người công dân tự do, độc lập.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đánh dấu bước nhảy vọt trong tiến trình lịch sử của dân tộc. Nó mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi đó chứng tỏ sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Là một Đảng còn non trẻ, chỉ 15 tuổi (1930-1945), nhưng Đảng đã lãnh đạo nhân dân đứng lên lật đổ ách thống trị của hai tên đế quốc sừng sỏ là Pháp và Nhật. Như thế, con đường giải phóng dân tộc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm ra là đúng đắn. Thông qua sự kiện này, người dân càng vững lòng tin vào cách mạng, tin vào sức mạnh của khối đoàn kết công, nông sẽ đánh bại các thế lực thù địch. Đó chính là sức mạnh tinh thần tạo nên chiến thắng trong các giai đoạn lịch sử tiếp theo.

- Đồng thời thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, nhất là ở châu Á và châu Phi.

** Về bài học kinh nghiệm:*

- Cần nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đặt nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai lên hàng đầu, thực hiện cho kỳ được nhiệm vụ của cách mạng là giải phóng dân tộc, giành độc lập và thống nhất đất nước.

- Biết đoàn kết, tổ chức lực lượng nhân dân, chú trọng xây dựng khối liên minh công nông, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng.

- Nắm vững và vận dụng sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng và khởi nghĩa vũ trang. Biết kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa từng phần nổi dậy ở nông thôn và đấu tranh chính trị với bãi công ở đô thị.

Đó là những bài học, kinh nghiệm quý báu để Đảng ta lãnh đạo sâu sát hơn, đúng đắn hơn và toàn diện hơn trong các giai đoạn lịch sử tiếp theo.

Cách mạng tháng Tám 1945 là kết quả của quá trình đấu tranh của toàn thể nhân dân trong công cuộc đánh đuổi thực dân Pháp và đánh đổ chính quyền phong kiến tay sai.

Câu 2:

Mùa xuân 1975, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của nhân dân ta đã hoàn thành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giành độc lập toàn vẹn và thống nhất đất nước.

1. Về công tác chuẩn bị

- Trong những năm 1973-1974, tình hình chính trị và so sánh lực lượng có lợi, nghiêng về phía ta. Hiệp định Pari được ký kết đã đuổi quân Mỹ cút về nước và ngụy tuy chưa nhào, nhưng đang lâm vào tình trạng hoang mang và khủng hoảng.

- Từ ngày 30 - 9 đến 7 – 10 - 1974, Hội nghị Bộ Chính trị được triệu tập và tiếp theo Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng họp để bàn về kế hoạch giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng đang họp thì tin chiến thắng ở Phước Long đưa về, càng củng cố quyết tâm tiến hành Tổng tiến công giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Hội nghị đặt kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976.

Tuy kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, nhưng Bộ Chính trị nêu rõ: "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức tiến hành Tổng tấn công giải phóng miền Nam trong năm 1975".

2. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 có ý nghĩa lịch sử rất lớn.

Trước hết, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở miền Nam, bảo vệ toàn vẹn miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất lãnh thổ. Đó là thắng lợi có ý nghĩa to lớn và vô cùng vẻ vang của dân tộc. Thắng lợi này là tiếp tục thành quả của Cách mạng tháng Tám - 1945 và chiến thắng Điện Biên Phủ 1954, khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn và tài tình của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch.

Thắng lợi này cùng với chiến thắng Bạch Đằng, Chi Lăng, Xương Giang... đánh dấu những mốc son đẹp trong lịch sử nước ta.

Đây là thắng lợi vẻ vang của dân tộc ta và cũng là thất bại thảm hại của Mỹ trong hơn 20 năm qua. Ta đã đập tan âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ muốn biến nước ta thành thuộc địa kiểu mới của chúng. Đồng thời với chiến thắng này, ta góp phần làm sụp đổ chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, âm mưu thống trị thế giới. Chiến thắng của nhân dân ta đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, nhất là ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh. Đó là thắng lợi vẻ vang của dân tộc, đồng thời cũng là thắng lợi của lực lượng dân chủ, hoà bình trên thế giới.

Thắng lợi này đã làm sáng tỏ một chân lý: một đất nước dù đất không rộng, người không đông nhưng biết tập hợp lực lượng nhân dân, dưới sự lãnh đạo của một Đảng cách mạng chân chính, sẽ đánh bại bất kỳ thế lực thù địch nào.

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là do các nguyên nhân sau:

- *Thứ nhất*, sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng đã xác định đúng nhiệm vụ chiến lược cách mạng riêng ở mỗi miền, trong tình hình đất nước tạm thời bị chia cắt, trong nhiệm vụ, mục tiêu chung của cách mạng Việt Nam; Đảng đã có những chỉ đạo kịp thời, sáng tạo, độc đáo, linh hoạt và khéo léo để chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua khó khăn,gian khổ đến bến bờ thắng lợi.

- *Thứ hai*, do nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, có truyền thống chiến đấu kiên cường, bất khuất, quyết tâm bảo vệ nền tự do, độc lập. Truyền thống đó đã được thể hiện trong Cách mạng tháng Tám - 1945 và chiến thắng Điện Biên Phủ 1954, và trong cuộc Tổng tiến công này, một lần nữa được nhân dân phát huy cao độ, tạo nên sức mạnh tổng hợp chống lại kẻ thù.

- *Thứ ba*, sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc với miền Nam. Mặc dù gặp những khó khăn trong buổi đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải chịu những trận ném bom tàn khốc trong hai lần leo thang đánh phá của Mỹ, miền Bức vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ vẻ vang của hậu phương lớn một cách xuất sắc. Bằng sự chi viện sức người, sức của, hàng vạn tấn vật chất đã được vận chuyển vào Nam, miền Bắc đã động viên to lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam hoàn thành công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

- *Thứ tư*, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới và nhất là nhân dân Mỹ. Đó còn là sự giúp đỡ to lớn về vật chất và tinh thần của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Tất cả những điều đó đã tạo nên thắng lợi của cuộc nổi dậy Xuân 1975. Trong đó sự lãnh đạo tài tình và sáng suốt của Đảng, Chính phủ, Bác Hồ bao trùm tất cả.

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, nền kinh tế Mỹ, Nhật có những bước phát triển vượt bậc.

*** Mỹ:**

- Từ 1945 đến 1970, nền kinh tế phát triển nhảy vọt. Nền kinh tế quốc dân tăng trung bình hàng năm trên 4%. Sản lượng công nghiệp chiếm hơn 50% sản lượng công nghiệp toàn thế giới. Giá trị sản phẩm nông nghiệp gấp 2 lần tổng giá trị nông nghiệp các nước Anh, Pháp, Đức, ý, Nhật gộp lại. Mỹ còn nắm hơn 3/4 trữ lượng vàng thế giới, hơn 50% số lượng tàu thuyền trên biển. Mỹ còn thu được 111 tỷ đô la từ việc bán vũ khí trong Thế chiến thứ hai. Trong thời gian này, Mỹ đã vươn lên trở thành trung tâm kinh tế, tài chính lớn trên thế giới.

- Từ sau năm 1970 trở lại đây, nền kinh tế Mỹ vẫn giữ vị trí hàng đầu nếu tính chung, song nếu tách ra từng ngành riêng thì đã có sự giảm sút. Ở một số ngành, Mỹ chỉ đứng thứ hai hoặc thấp hơn so với Tây Âu, Nhật Bản và Đức. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ là chủ nợ lớn nhất thế giới nhưng trong giai đoạn sau này, Mỹ đã trở thành con nợ lớn nhất. Đồng thời, nền kinh tế Mỹ phải chịu sự cạnh tranh gay gắt của các nước Tây Âu, Nhật Bản và Đức. Mỹ không còn là trung tâm kinh tế, tài chính duy nhất trên thế giới nữa mà hiện nay, trên thế giới, ngoài Mỹ còn có hai trung tâm kinh tế, tài chính nữa là Tây Âu và Nhật Bản.

*** Nhật Bản:**

- Giai đoạn 1945-1970: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Nhật Bản lâm vào tình trạng suy thoái, kiệt quệ trầm trọng. Hàng ngàn cơ sở , xí nghiệp, nhà máy bị phá sản, ngừng hoạt động; nông nghiệp lâm vào tình trạng không thể sản xuất được; công nhân thất nghiệp, nông dân bị bần cùng hoá. Nhật phải dựa vào sự viện trợ của Mỹ là chủ yếu. Đến 1950, Chiến tranh Triều Tiên như ngọn gió "thần kỳ" thổi vào Nhật Bản. Nhận các đơn đặt hàng quân sự của Mỹ, từ đó Nhật đã vươn lên một cách nhanh chóng về kinh tế. GDP không ngừng tăng lên và chẳng bao lâu đạt con số 408 tỷ đô la, đứng thứ hai sau Mỹ.

- Giai đoạn 1970 đến nay. Nhật Bản vẫn tiếp tục giữ vị trí là siêu cường kinh tế thứ hai sau Mỹ và là siêu cường tài chính lớn nhất thế giới. Nhật Bản dẫn đầu về các thiết bị máy móc, linh kiện điện tử, ô tô, máy lạnh, ti vi... Tiến hành đầu tư nhiều vào các ngành kỹ thuật cao, lập các trạm nghiên cứu khoa học, mua bằng phát minh ở nước ngoài, chú trọng việc đào tạo và giáo dục.

Câu 2

Sự phát triển kinh tế Mỹ và Nhật từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là do các nguyên nhân chung:

- Biết tận dụng những tiềm lực sẵn có trong nước và sự đầu tư của nước ngoài,tạo sự phát triển trong nước.

- Nguồn nhân công dồi dào, có trình độ kỹ thuật và học vấn cao, tiếp thu nhanh chóng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật để ứng dụng vào sản xuất.

- Đường lối phát triển kinh tế và các chính sách linh hoạt, sáng tạo của Nhà nước.

Tuy nhiên, Mỹ và Nhật cũng có những nguyên nhân riêng về phát triển kinh tế của mình.

- *Đối với Mỹ,* kinh tế có điều kiện phát triển là vì:

+ Nước Mỹ vừa đông dân, nguồn lao động dồi dào, có học vấn cao, có tài nguyên phong phú (khí hậu, đất đai...) vô cùng thuận lợi cho việc sản xuất. Bên cạnh những điều kiện "trời cho" đó, Hoa Kỳ không bị ảnh hưởng bởi chiến tranh lại còn thu được lợi nhuận nhờ vào chiến tranh.

+ Hoa Kỳ là nước khởi đầu và cũng là nước đạt được thành tựu nhiều nhất trong cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ hai, đã ứng dụng vào sản xuất, càng góp phần đẩy mạnh sự phát triển của nền kinh tế; có thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Đối với Nhật:

+ Biết chớp thời cơ để phát triển kinh tế (nhân chiến tranh Triều Tiên).

+ Lợi dụng sự đầu tư của nước ngoài; tiến hành len lách vào thị trường thế giới, mở rộng thị trường trên phạm vi thế giới.

+ Đầu tư cao nhất vào giáo dục để tạo ra đội ngũ trí thức tiếp thu nhanh các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, ứng dụng vào sản xuất.

+ Chú trọng đầu tư vào các ngành kỹ thuật cao, lập trạm nghiên cứu khoa học, mua bằng phát minh của nước ngoài.

Như vậy, Mỹ và Nhật đều có những nguyên nhân đặc thù trong việc phát triển kinh tế. Điều đó phụ thuộc rất nhiều vào các chính sách, chiến lược phát triển kinh tế của từng nước.

NHẬN XÉT BÀI THI

Câu Lịch sử Việt Nam

Các sự kiện tiêu biểu của lịch sử dân tộc trong giai đoạn 1930-1945 được thí sinh xác định đúng, trình bày rõ, đầy đủ. Tuy nhiên, thí sinh khi trình bày lịch sử một phong trào, một sự kiện còn nặng về diễn biến cụ thể mà chưa nêu rõ vì sao sự kiện ấy là tiêu biểu.

Trình bày về công tác chuẩn bị, phân tích nguyên nhân thành công và ý nghĩa lịch sử cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 khá đầy đủ; song việc điền ký hiệu trên bản đồ thì hầu như không làm được.

Câu Lịch sử thế giới

Trình bày đầy đủ các vấn đề đã nêu trong câu hỏi.

Bài đạt 17 điểm.

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA - 2001
BẢNG A

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

Câu 1 **(9 điểm)**

Qua trình bày những nét chính về quá trình đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược Việt Nam từ 1858 đến 1885, anh (chị) hãy phân tích và nêu trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc để nước ta rơi vào tay Pháp.

Câu 2 **(2 điểm)**

Bình luận câu hỏi và trả lời trong bài thi văn sách của khoa thi Đình năm 1876 sau đây:

- "Nước Nhật Bản theo học các nước Thái Tây mà nên được phú cường. Vậy nước ta có nên bắt chước không?".

- "Nhật Bản thuở trước vẫn theo văn minh của nước Tàu, mà bây giờ thay đổi thói cũ theo nước Thái Tây, thì dẫu là có nên phú cường, về sau này cũng hoá ra loài mọi rợ!"

Câu 3 **(3 điểm)**

Về công cuộc đổi mới hiện nay của đất nước: Sự khởi xướng và lãnh đạo của Đảng, triển vọng.

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

Câu 1 **(4 điểm)**

Phân tích những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự sụp đổ của "trật tự hai cực Ianta".

Câu 2 (2 điểm)

Vai trò của Liên bang Nga từ sau năm 1991 trong việc xác lập quan hệ quốc tế mới?

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

Câu 1 **(9 điểm)**

Cần nêu và phân tích, đánh giá được các ý sau:

1. Đứng trước nguy cơ bị xâm lược, nhà Nguyễn chỉ có thể có 2 con đường để lựa chọn:

+ Tiến hành canh tân cải cách.

+ Bảo thủ thi hành chính sách như cũ.

Phân tích con đường 1, nêu bật được ý:

- Tác dụng của canh tân cải cách... (làm cho đất nước ta lúc này có thể thoát khỏi cuộc khủng hoảng, do đó sức mạnh phòng thủ của đất nước được tăng lên. Thực tế tấm gương của Nhật).

- Các nhà cải cách Việt Nam như Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Bùi Viện, Nguyễn Trường Tộ... cũng cho rằng, chỉ có cải cách thì mới có thể làm cho đất nước thoát khỏi hoạ xâm lăng.

- Tiếc thay, nhà Nguyễn đã từ chối con đường này; đã bỏ lỡ thời cơ để có thể cứu nguy được đất nước thoát khỏi hoạ xâm lăng.

Phân tích con đường 2, nêu được các ý:

- Nhà Nguyễn vẫn tiến hành chính sách đối kháng với nhân dân (vẫn giữ nguyên các chính sách như cũ, thậm chí còn tăng cường các biện pháp áp bức, bóc lột tàn bạo: Các thứ thuế, kìm hãm các nhân tố tư bản chủ nghĩa trong kinh tế, không chăm lo sản xuất, đê Văn Giang 18 năm liền bị vỡ...).

- Hậu quả của các chính sách trên đã đẩy mọi tầng lớp nhân dân vào bước đường cùng, khiến họ phải nổi dậy chống lại, kể từ Gia Long đến Tự Đức đã có tới hơn 500 cuộc khởi nghĩa..., tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Phan Bá Vành, Cao Bá Quát...

Từ phân tích trên có thể thấy, nhà Nguyễn đã vì quyền lợi ích kỷ của giai cấp mình mà hy sinh quyền lợi của cả dân tộc, nên tuy đã tổ chức chống lại sự xâm lăng của Pháp, nhưng không còn khả năng tập hợp, lãnh đạo nhân dân kháng chiến như trước. Mặt khác cũng cần nêu được: Có nguy cơ bị xâm lăng, nhưng không tất yếu phải mất nước, nhà Nguyễn với những việc làm kể trên đã biến cái không tất yếu thành tất yếu. Do vậy, nhà Nguyễn phải chịu trách nhiệm trong việc để nước ta rơi vào tay Pháp.

2. Trong quá trình tiến hành chống lại sự xâm lược của Pháp, nhà Nguyễn còn mắc phải một sai lầm không thể tha thứ là đã từ bỏ con đường đấu tranh vũ trang truyền thống của dân tộc mà đi theo con đường thương lượng (cần nêu dẫn chứng cụ thể: Khi Pháp đánh Đà Nẵng, chiếm 3 tỉnh miền Đông, miền Tây, đánh Hà Nội lần 1 và 2, đàn áp cuộc khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực, Khởi nghĩa Trương Định).

3. Tuy nhiên cũng còn nhận thấy, trong quá trình chống Pháp xâm lược, có những vị thượng quan của triều đình, thậm chí cả vua, như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Hàm Nghi... đã nêu những tấm gương cao cả, quyết tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước mà nhân dân ta đời đời kính trọng.

Do vậy, việc để nước ta rơi vào tay Pháp hồi cuối thế kỷ XIX là trách nhiệm của một bộ phận vua quan nhà Nguyễn.

Câu 2 **(2 điểm)**

Cần nêu được ý: nhà Nguyễn cũng đã thấy và thừa nhận tác dụng của cuộc cải cách... nhưng vì quyền lợi ích kỷ của giai cấp đã từ chối. Đó là điều đáng tiếc, nhà Nguyễn đã bỏ lỡ thời cơ có thể làm cho nước ta thoát khỏi họa xâm lăng.

Câu 3 **(3 điểm)**

Cần nêu được ý:

+ Vào những năm 80, tình hình kinh tế, xã hội nước ta đứng trước cuộc khủng hoảng...

+ Để thoát khỏi cuộc khủng hoảng, Đảng và nhân dân ta đã sẵn có bài học của quá khứ... Từ Đại hội VI đã tiến hành đổi mới, cải cách ...,từng bước đưa tình hình nước ta thoát khỏi cuộc khủng hoảng.

+ Tin tưởng vào đường lối cải cách, đổi mới của Đảng..., trong tương lai không xa, nước ta sẽ hoá Rồng bay lên...

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

Câu 1 **(4 điểm)**

+ Do kết quả của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai...

+ Sự vươn lên của Tây Âu và Nhật Bản.

+ Những sai lầm, thiếu xót chậm được sửa chữa, dẫn tới sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội Đông Âu và nhà nước Liên Xô...

Câu 2 **(2 điểm)**

Nêu được ý: Liên bang Nga kế thừa những thành tựu của Liên Xô trước đây và quá trình điều chỉnh trong đường lối đối ngoại nên từ 1991 đến nay, Liên bang Nga dần dần có tiếng nói tích cực trong mối quan hệ quốc tế mới.

BÀI LÀM*

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1

Đối với nền hoà bình, an ninh của đất nước thì triều đại đương quyền là người chịu trách nhiệm lớn nhất. Vì vậy, nhìn nhận một cách khách quan về việc để nước ta rơi vào tay thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX, chính là trách nhiệm của nhà Nguyễn.

Cuối thế kỷ XVIII, chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển dần sang chủ nghĩa đế quốc. Vì vậy, nhu cầu về thị trường, nguyên liệu và nhân công ngày càng lớn. Trong khi đó, phương Đông là một khu vực rộng lớn về thị trường, giàu có về nguyên liệu và dồi dào về nhân công; các nước hầu hết đang ở trong chế độ phong kiến lạc hậu, khủng hoảng; phương Đông trở thành miếng mồi ngon béo bở của đế quốc phương Tây.

Từ cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, hầu hết các nước phương Đông đã rơi vào tay chủ nghĩa tư bản: Philipin là thuộc địa của Hà Lan, Lào và Cămpuchia là thuộc địa của Pháp... Việt Nam với vị trí địa lý, chiến lược, giàu tài nguyên nhưng triều đình phong kiến đang khủng hoảng trầm trọng cũng trở thành mục tiêu nhòm ngó của Pháp.

---

* Nguyễn Thị Hoài Thu, trường Trung học phổ thông chuyên Vĩnh Phúc.

Nguy cơ xâm lược từ tư bản phương Tây với nước ta là rất lớn và cũng xuất hiện sớm: năm 1614, người Hà Lan đã mở một lò đúc súng ở Thuận Hoá; 1634, người Anh được chúa Trịnh cho mở thương hội buôn ở phố Hiến, chúa Nguyễn cho mở hội buôn ở Hội An... Như vậy, thách thức lịch sử đặt ra cho nhà Nguyễn là nguy cơ xâm lược của phương Tây. Trách nhiệm của nhà Nguyễn – triều đại đang nắm quyền là phải làm sao đưa đất nước thoát khỏi "nanh vuốt" của tư bản phương Tây.

Trong khu vực, chỉ riêng Nhật Bản, nhờ cuộc cải cách Duy Tân Minh Trị 1868 nên không những không bị xâm lược mà còn cường thịnh lên. Nhật Bản là tấm gương sáng cho các nước khác soi vào học tập.

Ở nước ta, nhà Nguyễn lên nắm quyền năm 1802 sau khi lật đổ nhà Tây Sơn – triều đại đã có những đóng góp to lớn cho lịch sử dân tộc và được nhân dân ủng hộ. Vì vậy, ngay khi lên nắm quyền, nhà Nguyễn đã bị nhân dân oán ghét, xa rời.

Sau khi lên ngôi, nhà Nguyễn đã huỷ bỏ mọi cải cách đúng đắn của nhà Tây Sơn trước kia và thi hành những chính sách bảo thủ, phản động về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự...

Trước nguy cơ xâm lược của chủ nghĩa tư bản phương Tây, lịch sử đặt ra cho nhà Nguyễn hai con đường để lựa chọn: Hoặc là nhanh chóng cải cách đất nước, phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, điều chỉnh lại mối quan hệ triều đình với nhân dân để tạo ra tiềm lực vật chất to lớn để chống lại giặc ngoại xâm; hoặc là nhà Nguyễn tiếp tục chìm đắm trong chính sách thủ cựu, lạc hậu, cố gắng duy trì chế độ quân chủ chuyên chế đã lỗi thời.

Tuy nhiên, triều Nguyễn đã không học theo tấm gương Nhật Bản, không cải cách duy tân đất nước, không mở cửa thông thương với nước ngoài... Vì vậy đã làm cho sức dân, sức nước bị hao mòn dần, không còn đủ sức kháng chiến.

Cuối thế kỷ XIX, đêm 1-8-1858, sau một thời gian thăm dò và chuẩn bị kỹ lưỡng, thực dân Pháp đã nổ súng tấn công ta ở Đà Nẵng, mở đầu cho quá trình xâm lược nước ta. Chọn Đà Nẵng, Pháp nhằm mục đích "đánh nhanh, thắng nhanh" để từ Đà Nẵng tiến thẳng vào kinh thành Huế, chiếm gọn nước ta.

Nhưng ngay ở Đà Nẵng, chúng đã vấp phải sự kháng cự kiên cường của nhân dân ta. Tướng Nguyễn Tri Phương được triều đình cử ra lãnh đạo quân đội, cùng phối hợp với nhân dân địa phương đắp thành, ngăn chặn sự tiến công của Pháp. Sau hơn 5 tháng chiến đấu, Pháp không thể tiến sâu hơn, chúng buộc phải thay đổi kế hoạch, di chuyển vào Gia Định. Kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" bị thất bại.

Năm 1861, Pháp tấn công Gia Định, Nguyễn Tri Phương được cử ra đánh Pháp, nhưng do lực lượng Pháp mạnh hơn nên đã thất bại. Triều đình nhà Nguyễn ký với Pháp Điều ước 1862, cắt cho Pháp 3 tỉnh miền Đông: Gia định, Định Tường, Biên Hoà. Sau khi nhà Nguyễn ký Điều ước 1862 đã gây nên một làn sóng phẫn nộ trong nhân dân, các phong trào đấu tranh của nhân dân liên tiếp nổ ra...

Năm 1863, Pháp đánh tiếp ba tỉnh miền Tây. Phan Thanh Giản giữ thành Hà Tiên đã nhanh chóng đầu hàng, nộp thành cho Pháp, rồi viết thư yêu cầu các tướng giữ thành Vĩnh Long và An Giang cũng làm theo mình. Như vậy, thực dân Pháp đã nhanh chóng chiếm được ba tỉnh miền Tây mà không tốn một viên đạn. Tuy nhiên phong trào đấu tranh của nhân dân ta vẫn không ngừng nổ ra: phong trào của Nguyễn Trung Trực, của anh em Phan Tam, Phan Ngũ...

Năm 1873, Pháp tiến đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất, triều đình còn đang do dự thì nhân dân Bắc Kỳ đã làm nên chiến thắng lớn ở Cầu Giấy, giết chết tướng giặc là Gácniê. Cuộc tấn công của Pháp bị thất bại.

Năm 1882, Pháp mở cuộc tấn công lần thứ hai ra Bắc Kỳ, nhân dân ta một lần nữa làm nên chiến thắng Cầu Giấy lần 2, giết viên chỉ huy Rivie và nhiều quân địch. Trong khi đó, tướng triều đình là Hoàng Diệu liên tiếp thất thủ và đã hy sinh.

Triều Nguyễn hèn nhát lại ký Hiệp ước Hácmăng 1883 công nhận sự thống trị của Pháp ở nước ta. Đến năm 1884, Pháp đánh thẳng vào kinh đô Huế, triều Nguyễn đầu hàng hoàn toàn và ký Hiệp ước Patơnốt. Hiệp ước Patơnốt vẫn gồm những nội dung như Hiệp ước Hácmăng nhưng có sửa đổi một vài điểm nhỏ.

Như vậy, sau một quá trình đầu hàng từng bước, đến năm 1884, với Hiệp ước Patơnốt đã đánh dấu sự đầu hàng hoàn toàn của nhà Nguyễn. Qua đây có thể thấy trách nhiệm của nhà Nguyễn đối với việc để mất nước ta vào tay thực dân Pháp.

1. Nhà Nguyễn không có chính sách cải cách, canh tân đất nước, làm cho đất nước mạnh lên, đủ sức chống Pháp.

Trước nguy cơ xâm lược của chủ nghĩa tư bản phương Tây, nhà Nguyễn phải nhanh chóng tiến hành cải cách đất nước theo gương Nhật Bản. Nhưng ngược lại, nhà Nguyễn vẫn duy trì những chính sách bảo thủ, phản động, duy trì chế độ quân chủ chuyên chế đã lỗi thời, lạc hậu; tiến hành "bế quan, toả cảng", không thông thương, buôn bán với phương

Tây, nhưng lại thần phục nhà Thanh một cách mù quáng... Trong khi đó, nhà Thanh cũng ký những Hiệp ước bất bình đẳng, để Trung Quốc rơi dần vào tay đế quốc phương Tây.

Chính vì sự thủ cựu của nhà Nguyễn như vậy nên khi Pháp xâm lược, chúng ta không có một tiềm lực kinh tế vững vàng, không có những điều kiện vật chất để có thể đương đầu với quân Pháp. Đây là nguyên nhân cơ bản đưa đến việc chúng ta bị mất nước vào tay Pháp.

2. Trong quá trình kháng chiến, nhà Nguyễn không có nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo.

Trong bất cứ một cuộc kháng chiến nào, điều kiện để chiến đấu và chiến thắng là phải có tiềm lực vật chất hùng hậu và nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo. Nhà Nguyễn đã không có tiềm lực kinh tế, vật chất thì phải có nghệ thuật quân sự. Trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc ta, các triều đại trước như nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê... đã để lại những bài học quý về nghệ thuật quân sự, đó là nghệ thuật đoàn kết toàn dân và huy động chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc. Nhà Nguyễn đã không biết tiếp thu bài học quý báu ấy. Ngay từ khi lên ngôi, nhà Nguyễn đã đối lập với nhân dân, bị nhân dân oán ghét. Nếu nhà Nguyễn có những chính sách đúng đắn, chăm lo đời sống nhân dân như nhà Lý, nhà Trần thì khi Pháp sang xâm lược, nhà Nguyễn vẫn đoàn kết được nhân dân.

Trong quá trình Pháp xâm lược nước ta, nhà Nguyễn không đoàn kết nhân dân, ngược lại xa rời nhân dân, chiến đấu đơn độc; từ chỗ xa rời nhân dân, nhà Nguyễn còn chống lại nhân dân. Sau khi Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ hai, triều đình nhà Nguyễn đã ra lệnh cấm nhân dân chiến đấu và gọi các tướng quay về triều đình... Những việc làm ấy của nhà Nguyễn càng đẩy nhà Nguyễn đi xa nhân dân hơn.

Qua các Điều ước ký với Pháp, nhà Nguyễn đã đầu hàng từng bước, chứng tỏ nhà Nguyễn sợ Pháp, và vì quyền lợi giai cấp của dòng họ, nhà Nguyễn sẵn sàng đầu hàng, cắt đất dâng cho Pháp.

3. Trong quá trình kháng chiến, nhà nguyễn đã không biết chớp cơ hội tốt để phản công.

Ngay trong năm 1858, Pháp thất thủ ở Đà Nẵng đã mở ra cơ hội lớn cho nhà nguyễn. Nếu lúc ấy dốc toàn lực ra đánh Pháp, có thể nhà Nguyễn đã đánh đuổi được quân Pháp ra khỏi bờ cõi.

Đến năm 1870, Pháp bị thua đau trong cuộc chiến tranh Pháp – Phổ, rồi lại bị nhân dân Bắc Kỳ đánh bại hai lần ở Cầu Giấy năm 1873 và 1882. Đây là những cơ hội tốt song nhà Nguyễn đã không chớp lấy, vì vậy dần dần để mất nước.

Như vậy, từ chỗ không tất yếu, nhà Nguyễn đã để việc mất nước ta vào tay Pháp trở thành tất yếu lịch sử. Tuy nhiên, nhìn nhận khách quan, chúng ta ghi nhận những đóng góp của nhà Nguyễn với lịch sử dân tộc: xác lập, mở rộng bờ cõi, xây dựng kinh đô với cung đình, lăng tẩm... hiện là các di tích văn hoá, lịch sử có giá trị....

Câu 2

Trong bài thi văn sách của khoa thi Đình năm 1876 (thời nhà Nguyễn), có câu "Nước Nhật Bản học theo các nước Thái Tây mà nên được phú cường. Vậy nước ta có nên bắt chước không?". Nhất loạt các nho sỹ dự thi đều tâu rằng: "Nhật Bản thuở trước vẫn theo văn minh của nước Tàu, mà bây giờ thay đổi thói cũ theo nước Thái Tây, thì dẫu là có nên phú cường, về sau này cũng hoá ra loài mọi rợ".

Qua câu hỏi và câu trả lời trên có thể thấy, những người tham dự kỳ thi đều là con em của các quan lại trong triều, được sinh ra, lớn lên và dạy dỗ theo khoa cử Nho giáo. Vì vậy, ở họ đã chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng thủ cựu, lạc hậu, quá quen với những thói cũ nên không muốn thay đổi. Họ không nhận ra tác dụng của việc cải cách, canh tân đất nước, không thấy tấm gương Nhật Bản nhờ cải cách mà thoát khỏi kiếp nô lệ, và còn cường thịnh lên. Chính vì không thấy được điều đó nên các nho sỹ kiên quyết phản đối việc nước ta cải cách theo Nhật Bản.

Triều đình nhà Nguyễn cũng mang nặng tư tưởng thủ cựu, lạc hậu, muốn duy trì vĩnh viễn chế độ quân chủ chuyên chế, nhưng rõ ràng không phải toàn bộ triều đình đều có tư tưởng ấy. Qua câu hỏi của bài thi, chúng ta thấy, ở một số người đã có tư tưởng học theo gương Nhật Bản, tức là cải cách đất nước. Nhưng chỉ vì phe thủ cựu trong triều quá đông đảo nên tư tưởng cải cách này không thể trở thành hiện thực. Nước ta vẫn đắm chìm trong chế độ phong kiến lạc hậu, cổ hủ, là một nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc nước ta rơi vào tay Pháp.

Câu 3

Tiếp thu những bài học từ quá khứ, áp dụng linh hoạt vào hiện tại, Đảng và Nhà nước ta đã nhanh chóng, kịp thời đề ra chủ trương đổi mới đất nước năm 1986.

Bước vào thập kỷ 80, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, sau một thời kỳ phát triển, đạt nhiều thành tựu to lớn đã lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng. Chủ nghĩa tư bản phương Tây do Mỹ cầm đầu vẫn tiếp tục gây chiến tranh lạnh, bao vây về kinh tế và cô lập về chính trị đối với nhiều nước.

Ở nước ta, sau chiến thắng của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đất nước hoàn toàn giải phóng, non sông thu về một mối, cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau 10 năm tìm tòi, thử nghiệm con đường xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã thu nhiều thành tựu lớn, song cũng mắc một số sai lầm, thiếu sót. Đến cuối thập kỷ 80, nước ta lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về mọi mặt, sản lượng lương thực còn 286,2 kg/người; vấn đề an ninh lương thực, đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên chức... trở thành mối lo lớn của toàn Đảng, toàn dân. Lúc này, lịch sử đặt ra cho Đảng ta là: hoặc nhanh chóng tiến hành đổi mới đất nước, phát triển kinh tế, ổn định mọi mặt đời sống để tiếp tục kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa; hoặc tiếp tục duy trì những chính sách như cũ, để đất nước chìm đắm trong khủng hoảng, trượt xa dần mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở phân tích tình hình thực tế, Đảng ta đã sáng suốt lựa chọn con đường đổi mới đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng họp vào tháng 12-1986 đã đề ra đường lối đổi mới. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà là làm cho mục tiêu ấy đạt hiệu quả hơn, bằng những bước đi, biện pháp phù hợp. Đổi mới phải tiến hành trên tất cả các mặt, từ kinh tế, chính trị, xã hội, trong đó lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm.

Đặt trong bối cảnh quốc tế và trong nước lúc đó, chủ trương đổi mới của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, thể hiện sự nhanh nhạy, linh hoạt của Đảng ta trong việc nắm bắt tình hình và đề ra biện pháp đối phó. Đổi mới lúc này không những phù hợp quy luật khách quan của lịch sử mà còn đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân. Đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo thực hiện đã chứng tỏ bản lĩnh chính trị vững vàng của Đảng.

Sau 15 năm thực hiện đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, qua các kỳ Đại hội VII (1991) và lần VIII (1996), công cuộc đổi mới đã thu được nhiều thành tựu to lớn. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng, tuy nhiên một số mặt vẫn chưa ổn định. Những tiền đề của chặng đầu đi lên chủ nghĩa xã hội là công nghiệp hoá căn bản hoàn thành, cho phép nước ta đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác định rõ ràng hơn... (Theo báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII trình đại hội IX).

Những thành tựu trên đây một lần nữa khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng không chỉ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc mà còn lãnh đạo nhân dân ta trong thời kỳ xây dựng Tổ quốc.

Với những kết quả đã đạt được, chúng ta có thể tin tưởng công cuộc đổi mới do Đảng đề xướng và lãnh đạo sẽ tiếp tục thu được những thành công mới trong tương lai. Thế kỷ XXI và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng sẽ khẳng định thêm về triển vọng tươi sáng của công cuộc đổi mới. "Chúng ta có quyền tự hào về dân tộc ta – một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo; tự hào về Đảng ta - Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, chiến đấu hy sinh vì đất nước, độc lập, tự do; nhân dân hạnh phúc. 71 năm xây dựng và trưởng thành của Đảng là một pho lịch sử vẻ vang, oanh liệt. Sự lãnh đạo và đấu tranh của Đảng là nguyên nhân quyết định đưa đến thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đổi mới thành công, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, làm thay đổi bộ mặt xã hội nước ta và cuộc sống của nhân dân, củng cố và nâng cao địa vị và uy tín quốc tế của nước ta" (Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX của Đảng).

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1

Được hình thành từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, "trật tự hai cực Ianta" đã tồn tại và chi phối các quan hệ quốc tế trong suốt 40 năm. Đến 1989, trước những biến động của tình hình quốc tế, "trật tự hai cực Ianta" đã sụp đổ.

"Trật tự hai cực Ianta" được thiết lập bởi Hội nghị Ianta (2-1945), Hội nghị Pôtxđam (7-1945) và Hoà hội Pari (2-1947), thực chất là sự đối đầu giữa hai siêu cường Xô - Mỹ. Trong đó, cực Liên Xô luôn ủng hộ phong trào cách mạng thế giới, cực Mỹ luôn hậu thuẫn cho các thế lực phản động chống phá nền hoà bình, an ninh thế giới.

Trong suốt hơn 40 năm tồn tại (1945-1989), "trật tự hai cực Ianta" đã chi phối các mối quan hệ quốc tế diễn ra hết sức căng thẳng, phức tạp. Bước sang thập kỷ 80, trật tự này sụp đổ dần,do các nguyên nhân sau:

1. Trải qua hơn 40 năm, hai cực Xô - Mỹ liên tục chạy đua vũ trang, bao chi quân sự khắp nơi: Mỹ giúp Tưởng Giới Thạch (Trung Quốc) 4 tỷ 430 triệu đô la trong cuộc nội chiến (1946-1949)... Đến lúc này, nền kinh tế cả hai nước đã bị suy kiệt, khả năng bao chi quân sự không còn. Hơn nữa, Liên Xô lại lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng về mọi mặt: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội.

2. Sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc đã thu hẹp dần phạm vi ảnh hưởng của hai cực: Thắng lợi của cuộc Cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân Trung Quốc 1946-1949, âm mưu biến Trung Quốc thành căn cứ quân sự và thuộc địa kiểu mới của Mỹ sụp đổ; thắng lợi của nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm

lược, với Hiệp định Pari 1973, chiến thắng lịch sử 30-4-1975 của Việt Nam đã làm thất bại hoàn toàn âm mưu của Mỹ, góp phần làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của Mỹ và đánh bại chủ nghĩa thực dân kiểu mới...; ở Mỹ Latinh, thắng lợi của cách mạng Cuba 1959 cũng là một thất bại đau đớn của Mỹ trong âm mưu biến Mỹ Latinh thành "sân sau" của mình...; ở châu Phi, liên tiếp các nước giành được độc lập: Grênađa...

3. Sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và sự vươn lên của Nhật Bản và Tây Âu.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản và Tây Âu bị chiến tranh tàn phá nặng nề, phải dựa vào viện trợ của Mỹ để xây dựng lại đất nước. Nhưng do áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật nên vươn lên mạnh mẽ và đạt tới sự "thần kỳ" Nhật Bản. Nếu sau chiến tranh, Mỹ là trung tâm kinh tế – tài chính duy nhất trên thế giới thì lúc này đã bị Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh khốc liệt. Vì vậy, Mỹ phải tìm cách điều chỉnh lại quan hệ đối ngoại của mình cho phù hợp, đảm bảo sự phát triển và vị trí của mình trên trường quốc tế.

Trong cuối những năm 80, giữa hai nước Xô - Mỹ đã diễn ra những cuộc gặp gỡ và tiến tới ký kết những Hiệp ước hoà bình, chấm dứt sự đối đầu giữa hai nước.

Năm 1991, cuộc khủng hoảng kéo dài của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã gây ra hậu quả nặng nề là chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Một cực của "trật tự hai cực Ianta" đã không còn, trật tự Ianta cũng sụp đổ.

Ngày nay, xu thế phát triển của thế giới có thể là đa cực, mặc dù Mỹ muốn vươn lên một cực nhưng điều này còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau. Với tốc độ phát triển của Tây Âu và Nhật Bản, sự vươn lên của các nước sau khi giành được độc lập, trong tương lai, trật tự thế giới sẽ là đa cực.

Câu 2

Năm 1991, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Mặc dù vậy, không ai có thể phủ nhận những thành tựu mà các nước đã đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, trong việc xác lập quan hệ quốc tế mới, Liên bang Nga vẫn giữ một vai trò quan trọng.

Sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô sụp đổ năm 1991, "trật tự hai cực Ianta" cũng hoàn toàn sụp đổ, không còn những cuộc chạy đua vũ trang, những vụ đối đầu về quân sự giữa Liên Xô và Mỹ... Quan hệ quốc tế trở nên hoà dịu, không còn căng thẳng gay gắt như trước. Liên bang Nga đã tích cực thiết lập mối quan hệ hợp tác hữu nghị với các tổ chức, các khu vực và các nước trên thế giới, nhằm xây dựng một thế giới hoà bình, không có chiến tranh...

Đối với Việt Nam, mối quan hệ Việt – Nga là quan hệ gắn bó lâu đời, sâu sắc. Ngày nay, dù chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã sụp đổ nhưng với tấm lòng thuỷ chung, trong sáng, nhân dân Việt Nam mãi mãi ghi nhớ sự giúp đỡ nhiệt tình của Liên Xô (cũ) và các dân tộc thuộc Liên Xô trước đây. Chuyến thăm chính thức nước ta của Tổng thống Nga V. V Putin từ 28-2 đến 2-3-2001 đã một lần nữa khẳng định mối quan hệ giữa hai dân tộc, hai nước Việt – Nga. Chuyến thăm này cũng chứng tỏ mong muốn của Liên bang Nga củng cố thêm quan hệ với khu vực Đông Nam Á nói chung và tổ chức ASEAN nói riêng. "Chúng ta tin tưởng rằng, một dân tộc đã cống hiến cho nhân loại những nhà khoa học, những danh nhân văn hoá lỗi lạc như Lômônôxốp, Puskin, Lép Tônxtôi, Traicốpxki...; một dân tộc đã đi đầu trong công cuộc cứu nước mình và cứu nhân loại khỏi họa diệt chủng phát xít; một dân tộc đã đi đầu trong công cuộc thám hiểm mặt Trăng vì lợi ích của con người... dân tộc đó nhất định sẽ làm nên những kỳ tích trong thế kỷ XXI" (Trần Đức Lương).

Rõ ràng vai trò của Liên bang Nga được chứng tỏ khi Liên bang Nga là một thành viên trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc đã tích cực xây dựng mối quan hệ quốc tế mới.

Liên bang Nga còn tham gia phong trào đấu tranh vì 4 mục tiêu của thời đại: hoà bình, dân chủ, độc tập tự do và tiến bộ xã hội.

NHẬN XÉT BÀI THI

- Bài làm đầy đủ, có đoạn khá chi tiết, tập trung vào các vấn đề được đề ra trong câu hỏi, chứ không đi lan man. Ví như, ở câu 1 về Lịch sử Việt Nam, thí sinh tuy trình bày hơi nhiều về quá trình đấu tranh chống Pháp xâm lược nước ta, song qua đó nêu lên được thái độ của triều đình. Trên cơ sở ấy,thí sinh nêu và phân tích trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc để nước ta rơi vào tay thực dân Pháp. Ở đây, thí sinh cũng nêu và phân tích được rằng, triều đình Huế đã bỏ lỡ nhiều cơ hội trong việc đánh Pháp xâm lược, khi chúng gặp nhiều khó khăn.

- Thí sinh đã nhận thức và thể hiện khá tốt mối quan hệ giữa nội dung của ba câu về Lịch sử Việt Nam. Thí sinh đã nêu rõ rằng, trong điều kiện đứng trước những khó khăn, nguy cơ bị xâm lược, triều đình nhà Nguyễn đã không còn ý chí đấu tranh, đã thất bại; còn Đảng ta với tình thần cách mạng, được nhân dân tin tưởng, ủng hộ đã tiến hành đổi mới và thu nhiều thành tựu to lớn.

- Về các câu hỏi Lịch sử thế giới, thí sinh không chỉ nắm được các kiến thức cơ bản của bài học để giải quyết tốt các vấn đề được đặt ra mà còn nắm những thông tin về thời sự và sử dụng có hiệu quả khi làm bài, thể hiện ý thức chính trị đúng đắn.

Tuy nhiên, trong bài có vài đoạn hơi xa đề và cách diễn đạt, câu văn ở đôi chỗ còn lủng củng...

Bài đạt 18 điểm.

BÀI LÀM [*]

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1

Việt Nam có lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Trong quá trình dựng nước và giữ nước đó, các thế hệ người Việt Nam đã phải "đụng đầu" với rất nhiều kẻ thù hùng mạnh, được vũ trang đến "tận răng", có nhiều tướng giỏi chỉ huy. Với truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc, nhân dân ta dù phải sống dưới "đêm trường nô lệ", vẫn đánh bại các kẻ thù mạnh, giành lại độc lập dân tộc. Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, mặc dù nhân dân ta đứng dậy đấu tranh nhưng vẫn bị mất nước. Vậy việc nước ta rơi vào tay Pháp là do đâu?

Giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản phương Tây đang phát triển mạnh, và chuyển sang chủ nghĩa đế quốc. Vấn đề thị trường đang là yêu cầu cấp bách đối với chủ nghĩa tư bản phương Tây. Cho nên tư bản phương Tây ráo riết đi xâm chiếm thuộc địa. Châu Á đang là đối tượng xâm chiếm của tư bản phương Tây. Bởi hầu hết các nước châu Á lúc này đang ở trong chế độ phong kiến đã lỗi thời. Việt Nam không nằm ngoài đối tượng xâm lược của tư bản phương Tây, đặc biệt là Pháp.

---

[*] Vũ Thị Lý – trường Trung học phổ thông Kiến An, Hải Phòng.

Đầu thế kỷ XIX, Nguyễn Ánh lên ngôi, lập ra triều Nguyễn (1802). Nhà Nguyễn ngay từ đầu thành lập đã không được lòng dân. Bởi nhà Nguyễn được thành lập trên cơ sở lật đổ một triều đại tiến bộ là nhà Tây Sơn*. Điều này hoàn toàn trái với trước kia, các triều đại Lý, Trần được thành lập trên cơ sở lật đổ triều đại cũ đã lỗi thời, phản động. Nhưng nhà Nguyễn được thành lập trên cơ sở đàn áp phong trào nông dân. Sau khi lên ngôi, các ông vua nhà Nguyễn ra sức củng cố chế độ phong kiến trung ương tập quyền, nhưng vẫn không thể cứu vãn được chế độ phong kiến vốn đã lỗi thời, phản động, khủng hoảng từ thế kỷ XVIII.

Mặt khác, nhà Nguyễn còn thi hành những chính sách phản động về kinh tế, chính trị, quân sự... Vì vậy, mâu thuẫn giữa nhân dân, đặc biệt là nông dân với nhà Nguyễn ngày càng gay gắt. Trong quá trình tồn tại của nhà Nguyễn đã có 400 cuộc khởi nghĩa của nông dân nổ ra nhưng đều bị dập tắt, bị đàn áp dã man, đặc biệt là cuộc khởi nghĩa của Phan Bá Vành, Cao Bá Quát đều bị nhà Nguyễn dìm trong biển máu. Chính vì vậy, nhà Nguyễn đã tự mình làm cho mình suy yếu, không đoàn kết được dân. Điều đó tạo cơ sở cho tư bản phương Tây xâm lược.

Đến năm 1858, thực dân Pháp cùng Tây Ban Nha, sau khi can thiệp vũ trang vào miền Nam Trung Quốc, đã nổ súng đánh vào cửa biển Đà Nẵng (31-8-1858), chính thức xâm lược nước ta. Với truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, nhân dân ta đã đứng dậy đấu tranh chống Pháp. Lúc này triều đình Nguyễn đã cử Nguyễn Tri Phương cùng nhân dân lập chiến luỹ ở cửa biển Đà Nẵng để chống Pháp. Triều đình Nguyễn hoàn toàn có đủ khả năng đánh Pháp, bởi khi xâm lược nước ta, Pháp chưa đủ mạnh, quân ít, chúng phải liên minh với quân Tây Ban Nha để đánh nước ta. Nhưng ngay từ đầu, nhà Nguyễn đã không tập hợp được nhân dân, quân đội lại yếu và không quyết tâm đánh Pháp. Nhân dân ta đã tạm gác mâu thuẫn giai cấp để đặt quyền lợi dân tộc lên hàng đầu, cùng triều đình đánh Pháp. Chính sự kháng cự mạnh mẽ của nhân dân ta đã làm cho Pháp sa lầy ở mặt trận Đà Nẵng. Vì vậy, năm 1859, chúng phải chuyển vào đánh chiếm Gia Định. Nhân dân ta tiếp tục cùng triều đình đánh Pháp. Do thái độ nhân nhượng của triều đình, Pháp càng lấn tới. Nhà Nguyễn tuy có chống Pháp nhưng chỉ chống trả yếu ớt mà mong muốn thoả hiệp với Pháp. Chính thái độ ấy đã khiến Pháp càng lấn tới. Triều đình Huế đã phải ký những Điều ước, nhượng ba tỉnh miền Đông, rồi cắt luôn ba tỉnh miền Tây cho Pháp. Trước thái độ nhận nhượng, thoả hiệp của vua quan nhà Nguyễn, nhân dân ta vẫn đấu tranh chống Pháp. Điển hình là cuộc khởi nghĩa Trương Định đã làm giặc phải khiếp sợ. Cuộc khởi nghĩa của Trương Định có quy mô rộng lớn, lôi kéo được đông đảo quần chúng nhân dân. Triều đình Nguyễn thấy sự lớn mạnh của cuộc khởi nghĩa Trương Định thì lo sợ, ra lệnh cho Trương Định phải bãi binh. Trương Định đã không theo lệnh triều đình mà theo nhân dân, cùng nhân dân đánh Pháp. Sau khi khởi nghĩa của Trương Định thất bại, con Trương Định là Trương Quyền đã tiếp tục cùng nhân dân chống Pháp. Nhân dân Nam Kỳ đã đấu tranh quyết liệt, thu nhiều thắng lợi đầy mưu trí. Nguyễn Trung Trực đốt tầu giặc trên sông Nhật Tảo; khởi nghĩa của anh em Phan Liêm, Phan Tôn. Trước thái độ hèn nhát của triều đình Nguyễn ,thực dân Pháp sau khi chiếm được sáu tỉnh Nam Kỳ đã đánh ra Hà

---

* Đúng hơn đánh phong trào nông dân Tây Sơn – người BT chú.

Nội: lần thứ nhất (1873), lần thứ hai (1882). Triều đình Nguyễn đã cử Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, dù cả hai ông đã chống Pháp quyết liệt, nhưng cuối cùng cũng thất bại. Ngoài ra ở Bắc Kỳ còn có các chiến thắng ở Cầu Giấy, nhưng vẫn thất bại.

Ngoài các phong trào đấu tranh của nhân dân còn có một số nhà văn, nhà thơ, như Nguyễn Đình Chiểu đã dùng văn thơ chống Pháp qua bài "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc". Nhân dân còn tự động đánh giặc, như Đốc học Phạm Văn Nghị đem 300 người vào Huế xin triều đình vào Nam đánh giặc. Những phong trào đấu tranh của nhân dân đã thể hiện tinh thần yêu nước, truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc. Nhưng triều đình nhà Nguyễn vẫn nhân nhượng Pháp, không hết lòng kháng chiến, cùng nhân dân chống Pháp. Cho nên năm 1883, triều đình Nguyễn đã phải ký Hiệp ước Hécmăng, rồi tiếp đó là Hiệp ước Patơnốt năm 1884. Những Hiệp ước này chứng tỏ nhà Nguyễn đã hoàn toàn đầu hàng Pháp, làm tay sai cho Pháp. Nước ta đã rơi vào tay Pháp. Việc nước ta rơi vào tay Pháp là do trách nhiệm của vua quan nhà Nguyễn. Bởi vì, nếu triều Nguyễn chọn con đường cải cách như Nhật thì Việt Nam có thể không bị rơi vào tay Pháp. Nhưng nhà Nguyễn đã từ chối hàng loạt các điều trần xin cải cách của một số quan lại, sĩ phu như Nguyễn Trường Tộ, Phan Thanh Giản.

Tóm lại, Pháp xâm lược nước ta, tuy triều Nguyễn lúc đầu có chống Pháp nhưng chỉ chống trả yếu ớt, rồi dần dần đi đến thoả hiệp, nhân nhượng, đầu hàng, làm tay sai cho Pháp. Triều Nguyễn còn cản trở nhân dân chống Pháp. Mặc dù nhân dân ta đã tạm gác mâu thuẫn giai cấp để vì quyền lợi dân tộc, nhưng triều Nguyễn chỉ vì quyền lợi giai cấp mình, quên đi quyền lợi dân tộc, không cùng nhân dân chống Pháp đến cùng. Vì vậy, nhà Nguyễn đã biến việc mất nước là điều không tất yếu trở thành tất yếu. Việc Việt Nam rơi vào tay Pháp, trách nhiệm hoàn toàn thuộc về vua quan triều đình Nguyễn. Tuy nhiên, khi Pháp xâm lược, một số quan lại triều đình vẫn nêu cao tinh thần chống Pháp, bất khuất, như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu.

Câu 2

Vào giữa thế kỷ XIX, nguy cơ xâm lược của tư bản phương Tây đang đặt ra một cách cấp bách cho dân tộc Việt Nam. Tình thế ấy đặt cho triều đình Nguyễn hai con đường phải lựa chọn: hoặc là cải cách canh tân đất nước để phát triển, hoặc là thúc thủ đợi chờ, vẫn giữ nguyên đường lối, chủ trương cũ lỗi thời, cổ hủ, không chịu theo tấm gương cải cách của Nhật Bản. Nhật Bản sau cuộc duy tân Minh Trị (1868) đã trở nên phú cường, đang trên con đường phát triển, trở thành chủ nghĩa tư bản, rồi tiến lên chủ nghĩa đế quốc.

Chế độ phong kiến cổ hủ ở Việt Nam đang đòi hỏi phải cải cách, canh tân để phát triển đất nước, như Nhật Bản, mong thoát khỏi sự xâm lược của chủ nghĩa tư bản phương Tây. Một số quan lại, sỹ phu triều đình Nguyễn đã gửi một số bản điều trần xin cải cách, như Nguyễn Trường Tộ gửi 14 bản điều trần. Triều đình Nguyễn đã từ bỏ việc cải cách canh tân đất nước, mặc dù biết rằng cải cách là sẽ phú cường. Điều đó được thể hiện ở câu hỏi trong bài thi văn sách của khoa thi Đình năm 1876:

"Nước Nhật Bản theo học các nước Thái Tây mà nên được phú cường. Vậy nước ta có nên bắt chước không". Câu hỏi đó chứng tỏ triều đình Nguyễn đã nhận thức được cải cách sẽ trở nên phú cường như Nhật Bản và thoát khỏi sự xâm lược của tư bản phương Tây. Song, các nho sĩ nhất loạt trả lời

Nhật Bản thuở trước bước theo văn minh nước Tàu, mà bây giờ thay đổi thói cũ theo nước Thái Tây thì dẫu là có lên phú cường về sau cũng hoá ra loài mọi rợ".

Câu trả lời đó của các nho sĩ đã chứng tỏ họ không hề nghĩ đến quyền lợi của dân tộc, lợi ích của nhân dân mà chỉ nghĩ tới quyền lợi của giai cấp mình, họ đã đặt quyền lợi giai cấp lên trên quyền lợi dân tộc, mặc dù họ biết cải cách sẽ lên phú cường như Nhật Bản. Họ chủ trương theo con đường thứ hai là thúc thủ đợi chờ, duy trì chế độ phong kiến cổ hủ để bảo vệ quyền lợi giai cấp mình. Điều này càng khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa nhân dân ta với triều đình Nguyễn. Vì vậy, nhà Nguyễn đã biến việc mất nước không phải tất yếu trở thành tất yếu. Việc để Việt Nam rơi vào tay Pháp là trách nhiệm của vua quan triều Nguyễn.

Câu 3

Rút kinh nghiệm của nhà Nguyễn trước kia, trước sự biến đổi tình hình thế giới và trong nước, Đảng ta đã tiến hành công cuộc đổi mới để đưa đất nước tiến lên theo kịp các nước phát triển. Vào những năm 70 của thế kỷ XX, trên thế giới diễn ra các cuộc khủng hoảng năng lượng, tiền tệ. Các cuộc khủng hoảng đó đã ảnh hưởng tới nhiều nước trên thế giới.

Vì vậy để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, để phát triển đi lên, Đảng ta đã tiến hành công cuộc đổi mới. Đại hội Đảng toàn quốc lần VI (1986) đã chính thức đưa đất nước ta vào công cuộc đổi mới. Sau đại hội Đảng, nhân dân ta bắt tay vào xây dựng đất nước theo đường lối đổi mới. Đảng cũng sửa chữa một số sai lầm trước kia, lãnh đạo nhân dân đổi mới đất nước. Bởi chỉ có đổi mới, mới đưa đất nước phát triển đi lên. Sau một thời gian tiến hành đổi mới, nhân dân ta đã thu được nhiều thành tựu to lớn. Các Đại hội tiếp theo - Đại hội Đảng VII - 1991, Đại hội VIII - 1996, một lần nữa Đảng lại nhấn mạnh, kiên quyết tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới đất nước. Hiện nay, đất nước ta đang trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng một đất nước văn minh, giàu mạnh, công bằng, dân chủ. Những thành tựu mà nhân dân ta đạt được rất to lớn: từ một nước nhập khẩu lương thực, nay nước ta đã trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai thế giới; kim ngạch xuất, nhập khẩu đều tăng hơn trước; quốc phòng được củng cố. Mặc dù nước ta còn bị xếp vào một trong mười nước phát triển chậm trên thế giới, nhưng hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng với đường lối đổi mới được đề ra từ Đại hội VI (1986), đất nước ta đang tiếp thu thành tựu khoa học - kỹ thuật; tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong tương lai không xa, với tiềm năng trí tuệ dồi dào, truyền thống lao động sáng tạo của nhân dân ta, cùng với đường lối đổi mới hết sức đúng đắn sáng suốt của Đảng, đất nước ta sẽ phát triển một cách nhanh chóng và sẽ trở thành một trong những "con Rồng" của châu Á.

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), một trật tự thế giới đã được hình thành - "trật tự hai cực Ianta" (hai cực Xô - Mỹ). Trải qua hơn 40 năm tồn tại, "trật tự hai cực Ianta" đã dần dần bị xói mòn bởi thắng lợi của Cách mạng Trung Quốc (1949) đã làm thất bại âm mưu của Mỹ; sự phát triển mạnh của Tây Âu, nhất là về kinh tế với sự ra đời của cộng đồng châu Âu (EU); sự phát triển "thần kỳ" của kinh tế Nhật Bản; sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi,Mỹ Latinh – hơn 100 nước giành độc lập và đang trên con đường phát triển kinh tế của mình.

Nhưng đến 1991, với sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô dẫn tới sự tan rã của khối liên minh chính trị – quân sự Vacxava, liên minh kinh tế (SEV); sự suy giảm về kinh tế của Liên Xô và Mỹ, thế "hai cực" Xô - Mỹ bị phá vỡ. Liên Xô tan vỡ là một thất bại to lớn của phong trào cộng sản quốc tế. Nhưng sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu không phải là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội mà là sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn chưa phù hợp. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã làm mất đi một cực trong trật tự hai cực Ianta. Vì vậy, Mỹ ra sức vươn lên về kinh tế để đạt thế một cực, đạt âm mưu làm bá chủ thế giới... Chính vì vậy, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là sự tổn thất lớn lao của phong trào cộng sản quốc tế. Nhưng các nước Việt Nam, Trung Quốc... đang chứng tỏ sự phát triển của chủ nghĩa xã hội.

"Trật tự hai cực Ianta" sụp đổ còn do sự suy giảm kinh tế Mỹ. Trước kia sản lượng kinh tế Mỹ hơn hẳn các nước Tây Âu và Nhật cộng lại, nhưng do chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh tổng lực tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, nên kinh tế Mỹ suy giảm. Trong lúc Mỹ, Liên Xô là hai nước thắng trận đang ra sức chạy đua vũ trang thì Nhật, Đức là hai nước bại trận đã ra sức phát triển kinh tế, cạnh tranh với Mỹ. Và hai nước này đang cố vươn lên để trở thành hai cực nữa

Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự sụp đổ của "trật tự hai cực Ianta" là sự tan vỡ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, đã làm mất đi một cực trong trật tự hai cực Ianta. Tuy nhiên, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh, dẫn tới sự ra đời một loạt nước độc lập trên thế giới và đang ra sức phát triển. Một số nước đã trở thành nước công nghiệp mới (NIC), như Singapore, Hàn Quốc...

Câu 2

Năm 1991, chủ nghĩa xạ hội ở Liên Xô bị sụp đổ đã làm mất đi một cực trong trật tự hai cực Ianta vốn được xác lập từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945). Sau khi Liên Xô tan vỡ, mười một nước tách ra và lập cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG), trong đó có Liên bang Nga. Từ sau năm 1991, Liên bang Nga đã ra sức khôi phục, phát triển kinh tế. Từ sau khi Putin lên nắm quyền lãnh đạo Nhà nước Liên bang Nga, nước Nga đã bước vào thời kỳ phát triển kinh tế, ổn định chính trị. Nước Nga đã lập lại mối quan hệ thân thiết, truyền thống với các nước. Đầu tháng 3 năm 2001, Tổng thống Putin sang thăm nước ta, đã mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với nước ta.

Sau khi "trật tự hai cực Ianta" sụp đổ, Mỹ đã ra sức vươn lên về kinh tế để trở thành một cực, đạt tham vọng làm bá chủ toàn cầu, nhưng tình hình thế giới không phải như Mỹ tưởng, mà đang diễn ra theo xu hướng quốc tế hoá cao độ, nên Mỹ không thể vươn lên thế một cực được.

Trong khi đó thì Liên bang Nga, từ sau năm 1991, đang khôi phục lại nền kinh tế, chứng tỏ được vai trò của mình trong quan hệ quốc tế mới. Đó là quan hệ hợp tác, hữu nghị bình đẳng, hai bên cùng có lợi; đó là xu hướng quốc tế hoá ngày càng cao. Vì vậy, sau khi khôi phục và phát triển kinh tế, Liên bang Nga lại có thể là một trong các cực của thế giới; vai trò của Liên bang Nga từ sau năm 1991 tăng lên trong quan hệ quốc tế mới, một quan hệ hợp tác song phương, hoà bình, hữu nghị, hai bên cùng có lợi và cùng tồn tại trong hoà bình.

NHẬN XÉT BÀI THI

Lịch sử Việt Nam

Câu 1: Nêu được tình hình đất nước nói chung và triều đình nhà Nguyễn đứng trước nguy cơ xâm lược của thực dân Pháp. Bằng một số sự kiện cụ thể, thí sinh đã làm rõ thái độ của nhân dân và triều đình nhà Nguyễn trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược nước ta. Ở đây, thí sinh đã nhấn mạnh rằng, do cuộc đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân mà thực dân Pháp không đánh chiếm được Đà Nẵng theo kế hoạch đã định mà phải chuyển vào Gia Định; cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Nam Kỳ cũng gây cho thực dân Pháp nhiều khó khăn. Cuộc đấu tranh chống Pháp của nhân dân đã diễn ra trên các mặt quân sự, văn thơ, thể hiện tinh thần yêu nước sâu sắc. Thí sinh cũng nêu rõ diễn biến thái độ của triều đình trong kháng chiến chống Pháp: lúc đầu có đấu tranh, song dần sa sút, đi tới nhượng bộ, đầu hàng. Điều này dẫn tới việc mất nước vào tay Pháp và đó là trách nhiệm của triều đình. Việc phân tích nguyên nhân và trách nhiệm của triều đình trong việc làm mất nước ta, gọn, rõ, đầy đủ.

Câu 2: Trình bày được nguyên nhân nào làm cho triều đình có thái độ bảo thủ và hậu quả của thái độ này là làm nước ta suy yếu, tạo cơ hội cho thực dân Pháp xâm lược.

Câu 3: Thí sinh đã có ý thức liên hệ thái độ của triều đình Nguyễn trước nguy cơ mất nước và thái độ của nhân dân và Đảng ta trước những khó khăn, sự khủng hoảng trong xây dựng đất nước hiện nay, nên đã kịp thời, sáng suốt đề xuất và lãnh đạo công cuộc đổi mới. Tuy nhiên, phần về thành tựu ban đầu của công cuộc đổi mới chưa được trình bày cụ thể mà chỉ nói chung chung.

Lịch sử thế giới

Trình bày ngắn gọn nhưng đủ ý để làm rõ những vấn đề được đặt ra trong các câu hỏi.

Ở câu 1, việc trình bày các nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ "trật tự hai cực Ianta", thí sinh đã nhấn mạnh đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội và đã phân tích đôi nét về nguyên nhân và hậu quả của sự sụp đổ này; sự sụp đổ của một mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội không đúng chứ không phải là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội vẫn đang phát triển..

Ở câu 2, đã nêu được tình trạng khó khăn của nước Nga sau khi Liên Xô sụp đổ và dần dần phục hồi, vẫn giữ được vai trò của mình trong quan hệ quốc tế mới – quan hệ song phương, đa cực, hữu nghị. Tuy nhiên, chưa nhấn mạnh được việc thừa hưởng các thành tựu của Liên Xô trước đây.

Bài đạt 18 điểm.

BÀI LÀM*

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1

Từ giữa thế kỷ XVIII, các triều đại phong kiến Việt Nam đã đi vào suy thoái. Cuộc sống của nông dân ngày càng khổ cực, điêu đứng vì nạn chiếm đoạt ruộng đất, cùng sự bóc lột dã man, hà khắc của tầng lớp phong kiến quan liêu. Tình hình kinh tế Việt Nam dần sa sút và lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, rất nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân đã nổ ra. Bối cảnh ấy đặt Việt Nam trước vấn đề phải canh tân, đổi mới đất nước. Trong khi đó, trên thế giới, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh và đã bước sang thời kỳ xâm lược thuộc địa để mở rộng thị trường. Với chúng, Đông Nam Á - một vùng đất giàu có, tài nguyên thiên nhiên phong phú, mà chế độ phong kiến đang suy yếu, thực sự là một miếng mồi ngon cho tư bản phương Tây, trong đó có Việt Nam. Tình hình đó càng yêu cầu nhà Nguyễn phải có những cải cách để đưa đất nước vượt qua hoạ xâm lăng trước mắt. Nhận thức được vấn đề đó, một số người có tư tưởng tiến bộ như Nguyễn Trường Tộ... đã đưa ra những kế sách để canh tân đất nước. Tuy nhiên, đa số quan lại triều Nguyễn đều lạc hậu và thủ cựu, chỉ lo cho lợi ích cá nhân mà bỏ qua lợi ích đất nước, đã giữ nguyên những chính sách cũ. Để tránh bị "nhòm ngó", nhà Nguyễn ra lệnh "bế quan toả cảng", cấm thông thương với nước ngoài... Những biện pháp trên đây chẳng giúp được gì mà càng làm suy yếu đất nước, gây bất bình cho nhân dân và chứng tỏ sự hèn kém, nhu nhược của triều đình. Chính vì thế mà Việt Nam là nguy cơ xâm lược của thực dân Pháp.

---

* Nguyễn Thùy Linh, trường Trung học phổ thông Chu Văn An, Hà Nội.

Ngày 31-8-1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha nổ súng tấn công cảng biển Đà Nẵng của ta. Nhân dân và quân lính ở đây đã chống trả quyết liệt. Pháp lợi dụng thế mạnh về vũ khí đã đánh chiếm bán đảo Sơn Trà. Sau đó tiếp tục tấn công Đà Nẵng. Nguyễn Tri Phương đã kiên quyết chiến đấu cầm chân địch. Không thể đánh nhanh, thắng nhanh, Pháp đã cho quân tiến vào đánh chiếm Gia Định.

Mặc dù có lợi thế to lớn về quân sự, nhưng chúng cũng vấp phải sự kháng cự của nhân dân ta, vì thế chiến thuyền Pháp tiến rất chậm. Nhân dân Gia Định đã anh dũng chiến đấu, nhưng không thể thắng được vũ khí hiện đại của địch nên cuối cùng, thành Gia Định cũng lọt vào tay giặc. Được tin ấy, nhà Nguyễn tỏ ra rất hoang mang. Họ chỉ lo thương lượng hoà bình với Pháp. Triều đình chia làm hai phe. Một phe chủ chiến do Tôn Thất Thuyết cầm đầu, còn lại là bọn quan lại và vua Tự Đức chỉ cầu hoà, không dám đánh trả. Chính vì thế khi Pháp đã đánh chiếm các thành của ta, nhà Nguyễn vẫn chỉ lo thương thuyết, đàm phán để xin lại đất của mình. Đây là hành động hèn kém, chứng tỏ bản chất nhu nhược của nhà Nguyễn. Điều này càng tạo điều kiện cho thực dân Pháp lấn tới.

Sau Gia Định, Pháp đem quân đi đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Trong khi nhân dân liều chết kháng chiến để giữ gìn và bảo vệ mảnh đất quê hương thì nhà

Nguyễn gần như bỏ mặc, thờ ơ... Quân của triều đình không tiếp viện để ngăn chặn thực dân Pháp. Run sợ trước những vũ khí tối tân của Pháp và lo cho quyền lợi của giai cấp thống trị nên nhà Nguyễn gần như "bất động" trước hành động xâm lược của thực dân Pháp. Nhân dân đã tự mình thành lập nghĩa quân chống Pháp, tiêu biểu là nghĩa quân của Trương Định hoạt động ở Gò Công và các vùng lân cận. Nghĩa quân đã hoạt động khá hiệu quả,tiêu diệt được một phần sinh lực địch. Hoặc như trận chiến trên sông Nhật Tảo của Nguyễn Trung Trực đã đánh chìm tàu chiến Pháp, gây thanh thế khắp nơi. Nhà Nguyễn đã không biết tận dụng những cơ hội đó để cùng nhân dân đồng lòng đánh giặc mà lại chỉ lo thương thuyết, cầu hoà. Triều đình ra lệnh giải tán nghĩa quân, không cho hoạt động nữa. Hành động này thể hiện rõ bộ mặt bán nước, phản dân của giai cấp phong kiến nhà Nguyễn. Cuối cùng, với Điều ước 1862, ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Gia Định, Định Tường, Biên Hoà đã thuộc về tay Pháp. Tiếp sau đó là ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ cũng lọt vào tay Pháp mà Pháp chẳng hề tốn một viên đạn.

Đến đây, Nam Kỳ đã trở thành thuộc địa của Pháp, chúng liền mở rộng xâm lược ra Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Năm 1873, Pháp tấn công Bắc Kỳ lần thứ nhất, nhưng nhân dân Hà Nội đã chiến đấu đến cùng chống Pháp, Nguyễn Tri Phương cũng kiên quyết thủ thành, dù chết cũng oanh liệt đời đời. Kết hợp với nhân dân, quân Cờ đen đã đánh Pháp tơi tả trong trận Cầu Giấy lần thứ nhất, khiến thực dân Pháp phải rút chạy.

Năm 1883, Pháp quyết định tấn công Bắc Kỳ lần thứ hai. Lúc này Việt Nam đã gần như trở thành thuộc địa của Pháp, triều đình nhà Nguyễn đã hàng Pháp, trở thành tay sai. Giữ thành Hà Nội lúc này là Hoàng Diệu. Ông đã cùng nhân dân

Hà Nội chiến đấu chứ kiên quyết không chịu đầu hàng. Nhưng do thế giặc mạnh, không giữ được thành,Hoàng Diệu đã phải tự tử. Tấm gương của ông càng tiếp thêm sức mạnh cho nhân dân đấu tranh. Một lần nữa đội quân Cờ đen kết hợp với cánh quân của Hoàng Tá Viêm đã cho giặc Pháp nếm mùi thất bại ở trận Cầu Giấy lần hai, chứng tỏ tinh thần yêu nước nồng nàn của nhân dân Hà Nội.

Nhưng nhà Nguyễn không lo cho dân tộc, đã lần lượt ký với Pháp những Hoà ước mà thực chất là Hiệp ước bán nước. Sau hai Hiệp ước Hácmăng 1883 và Hiệp ước Patơnốt 1884, Việt Nam đã thực sự trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Như vậy, do sự yếu hèn của triều đình nhà Nguyễn, Pháp đã hoàn thành quá trình xâm lược Việt Nam. Từ 1885 trở đi, nhân dân ta bước sang một giai đoạn mới - giai đoạn chống thực dân Pháp, giành lại độc lập dân tộc, với mong muốn khôi phục lại chính quyền phong kiến độc lập. Tiêu biểu cho giai đoạn này là phong trào Cần Vương, dấy lên sau Chiếu Cần Vương do Tôn Thất Thuyết thay mặt vua Hàm Nghi ban bố ngày 13-7-1885.

Như vậy, từ một nước phong kiến độc lập, Việt Nam đã trở thành một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Trách nhiệm này trước hết thuộc về triều đình nhà Nguyễn, bởi vì một đất nước đã sản sinh ra những anh hùng như Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, đã đánh bại những thế lực phong kiến xâm lược lớn mạnh hơn rất nhiều,nhưng lại thất bại trước một đội quân viễn chinh Pháp nhỏ bé. Thực tế lúc ấy, các nước trong khu vực như Inđônêxia, Philippin cũng đã bị chiếm, tại sao nhà Nguyễn không lo chuẩn bị đối phó chống xâm lược mà chỉ lo xây dựng lăng tẩm. Trước những đề nghị canh tân đất nước, nhà Nguyễn lại chối bỏ. Chỉ vì quyền lợi của một dòng họ mà nhà Nguyễn quên đi quyền lợi của dân tộc. Như vậy, việc ta bị Pháp xâm lược là điều tất yếu, nhưng việc ta mất nước không phải là tất yếu. Nhân dân kiên quyết, dũng cảm đấu tranh nhưng triều đình lại bãi bỏ. Vậy là nhà Nguyễn đã biến việc mất nước ta từ chỗ không tất yếu trở thành tất yếu, trách nhiệm của nhà Nguyễn là ở chỗ đó.

Câu 2

Trong bài thi văn sách của khoa thi Đình năm 1876 có câu:

- "Nước Nhật Bản theo học các nước Thái Tây mà nên được phú cường. Vậy nước ta có nên bắt chước không?".

- "Nhật Bản thủa trước vẫn theo văn minh nước Tàu, mà bây giờ thay đổi thói cũ theo nước Thái Tây, thì dẫu là có nên phú cường, về sau này cũng hoá ra loài mọi rợ!".

Có thể thấy câu trả lời trên đã phản ánh nhận thức của các sĩ phu lúc bấy giờ. Năm 1868, vua Minh Trị với cuộc cải cách Duy Tân đã mở đường cho nước Nhật phong kiến phát triển lên tư bản chủ nghĩa, từ đó Nhật Bản thoát khỏi số phận của một nước thuộc địa, phụ thuộc. Nhật đã nhanh chóng trở nên hùng mạnh ngay sau đó. Tuy có tấm gương trước mắt như vậy, nhưng các sĩ phu, văn thân của ta lại không cho đó là một tấm gương. Với ý thức hệ tư tưởng Nho giáo, họ thực sự bị phụ thuộc vào Trung Quốc quá nhiều, cách nhìn nhận vấn đề cũng không thấu đáo. Nhìn thấy được sự hùng mạnh của Nhật Bản, nhưng họ cho rằng đó là cái thế mạnh của "loài mọi rợ".

Như vậy, họ phủ nhận sự tiến bộ của chủ nghĩa tư bản. Trên thực tế lúc bấy giờ, giai cấp tư sản là giai cấp tiến bộ và đưa xã hội tiến lên một bước. Nếu không có tư sản và chủ nghĩa tư bản tạo ra vốn và cơ sở hạ tầng thì chủ nghĩa xã hội không có nền tảng để phát triển. Quay lại thời bấy giờ, ta thấy được hạn chế trong cách nhìn nhận của các sĩ phu, những nhà Nho thủ cựu, lạc hậu. Rõ ràng vấn đề canh tân đất nước sẽ rất có lợi cho ta, nó giúp ta có được sức mạnh để chiến đấu chống Pháp nếu ta phát triển. Nhưng trên thực tế, triều đình chỉ lo giữ những khuôn phép truyền thống đã lạc hậu mà bỏ qua quy luật phát triển của xã hội. Hơn nữa, cái nhìn không thấu đáo và triệt để về kinh tế. Kinh tế phát triển, đất nước phồn thịnh thì nhân dân mới có cuộc sống thanh bình, no đủ, mới tạo ra thế nước vững mạnh. Trong Nho giáo có nhiều quan điểm về đạo đức có giá trị, nhưng cũng không ít hạn chế so với thời đại. Những tư tưởng "ngu trung" cũng xuất phát từ Nho giáo và bị phê phán ngay tại nước Tàu xưa chứ không cứ gì ở nước ta. Câu hỏi đặt ra là muốn gợi mở vào đề nhưng câu trả lời lại hạn chế, bác bỏ. Có thể thấy, những tư tưởng duy tân nếu có xuất hiện thì cũng bị những tư tưởng Nho giáo lạc hậu, cũ kỹ đè bẹp, kìm hãm. Chính vì thế mà dân tộc ta không phát triển hùng cường được, mà bị Pháp xâm lược.

Những hạn chế trên đây dù sao cũng mang tính chất thời đại. Tuy nhiên, trong thời đại ngày nay, ta cần rút ra những bài học kinh nghiệm từ quá khứ, khắc phục hạn chế để phát triển hơn, mở đường cho các lực lượng tiến bộ. phát huy được mọi khả năng của mình, phục vụ đất nước.

Câu 3

Sau khi giành được thống nhất năm 1975, nhân dân ta bắt tay vào xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Đây là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu mà Đảng lãnh đạo nhân dân ta thực hiện.

Từ 1975 đến 1985, nhân dân ta khôi phục và chăm lo phát triển đất nước. Tuy nhiên, do sự non yếu của mình, cũng như bị các thế lực chống phá bên ngoài mà trong thời gian này, kinh tế Việt Nam chưa khởi sắc, còn bị khủng hoảng nặng nề. Nhận thấy cơ chế tập trung, bao cấp không còn phù hợp và một số chính sách đề ra chưa đạt kết quả cao, cuộc sống của người dân gặp nhiều gian khổ, Đại hội VI của Đảng, họp tại Hà Nội vào tháng 12-1986, đã đề ra đường lối đổi mới. Trong bối cảnh xã hội lúc bấy giờ, chủ nghĩa xã hội đang lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng cần được khắc phục. Đảng đề ra đường lối đổi mới một cách toàn diện, trước hết tập trung vào kinh tế. Sau đó sẽ dần dần từng bước đổi mới về chính trị, nhưng phải đổi mới có hiệu quả và hệ thống, giữ vững quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới nhằm tạo ra con đường đi đến chủ nghĩa xã hội một cách có hiệu quả chứ không phải thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ quan điểm đó, Đảng đã lãnh đạo toàn dân bước vào công cuộc đổi mới, đem lại sự khởi sắc cho đất nước.

Về kinh tế, ta tập trung vào ba chương trình lớn:

- Lương thực – thực phẩm.
- Hàng tiêu dùng.
- Hàng xuất khẩu.

Ta xoá bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp mà chuyển sang cơ chế thị trường với nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, có sự điều tiết của Nhà nước. Nhờ thế mà thúc đẩy kinh tế phát triển. Năm 1990, lương thực của ta đã đủ cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Cho đến nay, Việt Nam là nước xuất khẩu gạo thứ hai trên thế giới. Hàng tiêu dùng đã đáp ứng được nhu cầu của nhân dân; tỉ lệ lạm phát giảm nhanh chóng, kinh tế dần đi vào ổn định. Tốc độ tăng trưởng của Việt Nam tăng nhanh mà theo như IMF dự đoán, trong 2001 ta có thể tăng đến 7%. Đây là một dấu hiệu khả quan.

Về các mặt xã hội, giáo dục, y tế,ta cũng phát triển tốt. Phổ cập tiểu học, trạm y tế được xây dựng ở các xã, huyện, nhân dân có nhiều phúc lợi xã hội; chính sách xã hội với gia đình có công với cách mạng, vùng sâu, vùng xa, đều được thực hiện tốt, đem lại kết quả khả quan, nhân dân tin tưởng.

Nhà nước tuyên bố đường lối ngoại giao hoà bình, "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trên thế giới", nhờ đó ta đã tạo được một môi trường đầu tư tốt ở trong nước. Hiện nay, có hơn 100 nước có quan hệ kinh tế với ta, tạo điều kiện cho ta phát triển hơn nữa nhờ tận dụng được vốn và kỹ thuật hiện đại.

Có một số chính sách, chương trình kinh tế (dựa theo kinh nghiệm NEP Liên Xô) thu được những kết quả khả quan.

Sự giao lưu, hợp tác trong khu vực (ASEAN) đã tạo cho Việt Nam một vị thế ổn định, làm cho tiếng nói của nước ta có sức mạnh hơn trên trường quốc tế. Bằng sự tham gia vào ASEAN, APEC và các tổ chức quốc tế khác, Việt Nam đã đẩy mạnh quá trình đổi mới nhằm phát triển về mọi mặt. Ta cũng đang xúc tiến quá trình gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO.

Các lĩnh vực khác như thể thao, du lịch... cũng được Đảng và Nhà nước chú ý phát triển.

Theo Báo cáo chính trị tại đại hội IX sắp tới, Đảng đã nhìn nhận 15 năm đổi mới, ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Việt Nam đang trên đà khởi sắc trong mối quan hệ giao lưu, hợp tác theo xu hướng toàn cầu hoá. Ta đang có những thời cơ mới, có thể đón đầu để gia nhập hàng ngũ các nước phát triển, nhưng đồng thời cũng có những nguy cơ, thách thức (vấn đề môi trường, an ninh...), đặc biệt là những nguy cơ khiến ta không giữ được chế độ xã hội chủ nghĩa như:

- Sự tụt hậu so với các nước trong khu vực và thế giới.
- Diễn biến hoà bình.
- Chệch hướng xã hội chủ nghĩa.
- Tệ quan liêu, tham nhũng của một số cán bộ thoái hoá, biến chất.

Thế kỷ XXI đang mở ra trước mắt Việt Nam những triển vọng mới, đồng thời với những thách thức mới. Vì thế, ta cần sáng suốt, kiên định theo chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện tốt các công tác phê và tự phê, tích cực hơn nữa trong công cuộc đổi mới để đẩy lùi nguy cơ, nắm bắt thời cơ, khiến Việt Nam thực sự là "điểm đến của thiên niên kỷ mới", hoà vào dòng chảy không ngừng của thế giới mà không tụt hậu phía sau.

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc đã cho ra đời một trật tự thế giới mới - "trật tự hai cực Ianta", mà một cực là Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, một cực là Mỹ và các nước tư bản. Mặc dù cùng là đồng minh trong chiến tranh nhưng ngay sau khi ra khỏi chiến tranh, Liên Xô và Mỹ trở thành đối thủ của nhau. Thế giới được sắp xếp theo ảnh hưởng của hai nước lớn này, tạo ra sự đối đầu nhau trên hầu hết các lĩnh vực.

Với hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa được thành lập từ 1949, Mỹ đã chính thức phát động cuộc "chiến tranh lạnh" nhằm bao vây, cô lập và tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa hai cường quốc Liên Xô và Mỹ, hai khối Đông – Tây ngày càng sâu sắc, khiến thế giới lúc nào cũng căng thẳng bởi những mối quan hệ đối đầu và nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng bùng nổ bất cứ lúc nào. Cả hai bên đều xác lập cho mình một vị thế trên thế giới và ra sức củng cố nó bằng những cuộc chạy đua vũ trang, bằng việc thành lập những khối quân sự – NATO và Vacxava, lập nên những liên minh kinh tế...

Hơn thế, vì sự đối đầu này mà nhiều cuộc chiến tranh cục bộ đã nổ ra ở Triều Tiên, Cuba, Việt Nam...

Tuy nhiên, dần dần "trật tự hai cực Ianta" cũng bị xói mòn và sụp đổ vào năm 1989, khi Goocbachôp và Busơ gặp nhau tại đảo Manta và tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh". Kết quả này có thể do một số nguyên nhân:

+ Cả Liên Xô và Mỹ đều phải tập trung chạy đua vũ trang và làm nhiệm vụ "bao" cho các nước thuộc phe mình nên dần dần suy yếu. Kinh tế Mỹ bị suy giảm nhanh,còn Liên Xô thì lâm vào những cuộc khủng hoảng. Cả Mỹ và Liên Xô đều đang đánh mất ưu thế của mình trên thế giới. Trong khi đó, Đức và Nhật là hai đối thủ cạnh tranh lại đang nhanh chóng vươn lên, tiềm tàng một sức mạnh to lớn mà các nước khác phải dè chừng. Chính vì thế mà Mỹ và Liên Xô đã phải ký những Hiệp ước cắt giảm vũ khí như ABM, SALT 1, SALT 2 và START... Điều này khiến tình hình thế giới đỡ căng thẳng hơn bởi kho vũ khí hạt nhân đã bị xoá, giảm bớt. Hơn nữa, cả Mỹ và Liên Xô đều biết, nếu hai nước cứ đối đầu, gây ra một cuộc chiến tranh huỷ diệt thì sẽ chẳng có ai thắng mà tất cả đều tổn thất nặng nề.

+ Sự lớn mạnh của Trung Quốc. Sau khi cách mạng Trung Quốc thành công, phe xã hội chủ nghĩa tăng thêm sức mạnh, khiến chủ nghĩa tư bản càng điên cuồng chống phá. Nhưng từ 1960, Trung Quốc không đồng minh với Liên Xô mà cũng chẳng đồng minh với Mỹ, tạo cho mình một vị trí riêng trên trường quốc tế. Lúc thì cùng Liên Xô chống Mỹ, lúc cùng Mỹ chống Liên Xô, lúc lại chống cả hai. Điều này, khiến trật tự thế giới không giữ vững như trước. Là một nước lớn, với đà phát triển nhanh chóng, Trung Quốc ngày càng tự khẳng định mình trên vũ đài chính trị và cả lĩnh vực kinh tế.

+ Bên cạnh đó là sự lớn mạnh của các tổ chức liên minh khu vực như EU, ASEAN... Các tổ chức này cũng tạo ra thế đứng riêng của mình mà không theo sự áp đặt, chi phối của hai nước lớn là Liên Xô và Mỹ. Các khu vực ngày càng liên kết chặt chẽ cả về kinh tế lẫn chính trị nhằm đảm bảo quyền lợi của khu vực, của dân tộc. Đó là xu thế tất yếu trong thời đại mới vì mọi lợi ích khác đều là tạm thời, chỉ có lợi ích dân tộc mới bền vững.

+ Từ sau 1945, phong trào cách mạng thế giới lên cao. Một làn sóng các dân tộc tìm độc lập, tự do trỗi dậy, kéo dài từ châu Á đến châu Phi và khu vực Mỹ Latinh. Cách mạng thành công ở những nước này đã khiến thế giới có thêm những tư tưởng chính trị mới, mà hầu hết những nước này không muốn tham gia một liên minh nào, đứng về phía cực nào mà đang trong xu hướng khẳng định mình. Phong trào "không liên kết" (1961) là một bằng chứng cho thấy xu thế của những nước thuộc thế giới thứ ba.

+ Sự khủng hoảng, rồi sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, cũng khiến trật tự thế giới hai cực Ianta sụp đổ theo. Với đường lối quan liêu, bao cấp, duy ý chí trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, dù có những thành tựu nhất định nhưng đã không thoát ra khỏi khủng hoảng. Ngày 25-12-1991, Goocbachôp tuyên bố từ chức Tổng thống Liên Xô, lá cờ đỏ búa liềm bị hạ xuống, Liên Xô sụp đổ về mặt nhà nước. Như vậy, đối trọng của Mỹ không còn nữa, trật tự hai cực cũng sụp đổ theo. Không chỉ thế, hệ thống xã hội chủ nghĩa tan vỡ khiến phong trào cách mạng thế giới gặp nhiều bất lợi và khó khăn.

Như vậy, sau hơn 40 năm tồn tại, trật tự thế giới hai cực Ianta đã sụp đổ và một trật tự thế giới mới đang dần dần hình thành. Mặc dù Mỹ muốn duy trì thế đơn cực của mình nhưng trên thế giới vẫn còn nhiều cường quốc, do đó một trật tự thế giới "đa cực" sẽ hình thành. Với sự vươn lên và phát triển mạnh mẽ của nhiều nước, Mỹ không còn giữ được ưu thế tuyệt đối của mình nữa mà phải lao vào một cuộc cạnh tranh quyết liệt. Xu thế thời đại cũng chú tâm vào chạy đua kinh tế, giữ thế mạnh về khoa học - kỹ thuật, quan hệ hoà dịu, hợp tác, cũng như xu hướng toàn cầu hoá. Với xu thế đó, sự sụp đổ của "trật tự hai cực Ianta" là điều tất yếu và thế giới đang chờ sự ra đời của một trật tự mới.

Câu 2

Năm 1991, Liên Xô sụp đổ về mặt nhà nước, các quốc gia trong Liên bang Xô viết lần lượt tuyên bố độc lập, tách khỏi Liên Xô. Nga là một quốc gia lớn, giữ ưu thế trong Liên bang Xô viết trước đây nên cũng thừa hưởng nhiều thành tựu trước đây của Liên Xô. Vừa cố gắng vượt ra khỏi cơn khủng hoảng, Nga vừa xác lập cho mình một vị trí quan trọng trọng quan hệ quốc tế mới. Dù không còn thế mạnh to lớn như trước đây, Nga vẫn giữ ưu thế về vũ khí hạt nhân, có nền kinh tế công nghiệp phát triển... Với những chính sách mới về quan hệ đối ngoại, hợp tác song phương, Nga vẫn muốn có những ưu thế mà Liên Xô đã tạo dựng được. Nga là một trong năm nước thành viên Thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, tiếng nói của Nga vẫn có sức mạnh trên quốc tế.

Nga đã có nhiều cuộc gặp cấp cao với Mỹ, cả hai vẫn cùng hợp tác để giải quyết một số vấn đề chung của hoà bình thế giới. Như cuộc không kích vào Liên bang Nam Tư của Anh – Mỹ, Nga đã kịp thời cho quân vào đóng trên sân bay, giữ được một vị trí chiến lược. Sau sự kiện đó, Nga đã tạo được những uy tín nhất định trên quốc tế.

Nga vẫn giữ mối quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay và cố gắng gây ảnh hưởng với các nước này. Như với Việt Nam, chuyến thăm của Tổng thống Nga Putin là nhằm tạo ra một sự hoà hảo, giữ vững quan hệ tốt đẹp truyền thống với nước ta.

Đường lối phát triển kinh tế, đối nội, đối ngoại mà Nga đang thực hiện đều nhằm một mục đích giúp Nga thoát khỏi những khủng hoảng và giữ vị trí quan trọng trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, Nga vẫn gặp một số khó khăn cần vượt qua. Khủng hoảng kinh tế vẫn còn, cuộc khủng hoảng chính trị cũng gây nhiều xáo trộn cho nước Nga. Sự thay đổi nội các liên tục dưới thời Tổng thống Borist Enxin đã khiến chính trường Nga chao đảo, kinh tế không ổn định. Nhưng, Nga đã vượt qua được nên cũng khiến nhiều nước phải e dè, nể phục.

Mặc dù Mỹ cố giữ một cực, nhưng các nước EU, Nhật Bản đang phá vỡ thế đó. Nga cũng nhân cơ hội này tạo cho mình một vị trí mới, gây ảnh hưởng trong quan hệ quốc tế mới.

Cùng với các nước lớn như Mỹ, Nhật, Đức, Anh, Pháp và Trung Quốc, Nga đã tạo cho mình một vị trí tương đối ổn định. Nga cũng đã cố gắng hết mình trong quá trình cách mạng thế giới, hay chính xác hơn là một số nước xã hội chủ nghĩa đang tồn tại. Dù thế nào Nga vẫn đang vươn lên, tạo ra một vị trí đối trọng với Mỹ.

Một trật tự thế giới mới đang dần dần hình thành và Nga là một trong những nước lớn sẽ tham gia trật tự ấy. Đây là một thành công của Nga, vì sau khủng hoảng của Liên Xô, người ta tưởng Nga cũng sẽ rơi vào khủng hoảng. Nhưng Nga vẫn đang tiếp tục vươn lên củng cố vị trí của mình, nối tiếp những thành tựu mà Liên Xô đã đạt được trong thế kỷ XX. Thế kỷ XXI đang tạo cho Nga cơ hội và thử thách mới mà Nga cần vượt qua hơn bao giờ hết.

NHẬN XÉT BÀI THI

- Trình bày khá đầy đủ, chính xác vấn đề được đặt ra trong các câu hỏi.

- Tuy còn đôi chỗ hành văn lủng củng, song nhìn chung diễn đạt rõ ràng những kiến thức cơ bản.

Bài đạt 18 điểm.

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA - 2001
BẢNG B

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

Câu 1 **(9 điểm)**

Anh (chị) hãy nêu và phân tích những điểm chính trong con đường cứu nước do Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn cho nhân dân Việt Nam.

Câu 2 **(5 điểm)**

Lập bảng thống kê về các tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất ở Việt Nam từ 1930 đến 1954 theo các nội dung sau đây:

TT	Tên tổ chức Mặt trận	Thời gian hoạt động	Chủ trương lớn	Kết quả hoạt động

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

Câu 1 **(4 điểm)**

Trình bày và phân tích những biến đổi về các mặt chính trị, xã hội của các nước trong khu vực Đông Nam Á trước và sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2 **(2 điểm)**

Việc Việt Nam gia nhập ASEAN, quá trình, thời cơ và thách thức.

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

Câu 1 **(9 điểm)**

Cần nêu được các ý chính sau:

1. Sau nhiều năm bôn ba hải ngoại, đến năm 1920, Người đọc *"Đề cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa"* của Lênin, Người xác định con đường cứu nước đúng đắn: *Độc lập dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội*.

2. Trong Hội nghị thành lập Đảng 3-2-1930, Người đã cụ thể hoá một bước về con đường cứu nước (Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, gọi chung là Cương lĩnh chính trị đầu tiên).

Cương lĩnh chính trị đầu tiên có những ưu điểm nổi bật sau:

+ Xác định đường lối cách mạng Việt Nam: Trước làm cách mạng tư sản dân quyền, sau làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Khi phân tích ý này, cần nêu bật được đây là đường lối cứu nước cực kỳ đúng đắn và sáng tạo, lãnh tụ cho rằng, độc lập dân tộc chỉ có thể lâu dài nếu kết hợp với xã hội chủ nghĩa...

+ Xác định nhiệm vụ cách mạng Việt Nam: Đánh đổ đế quốc thực dân Pháp và bọn tay sai để giành lại độc lập cho toàn thể dân tộc Việt Nam.

Khi phân tích ý này, cần nêu bật được: Vấn đề dân tộc luôn luôn được đưa lên hàng đầu, lãnh tụ đã nhìn thấy mâu thuẫn chủ yếu của một xã hội thuộc địa, một bên là bọn thực dân cướp nước cùng bọn tay sai, một bên là toàn thể dân tộc bị áp bức.

+ Xác định lực lượng cách mạng Việt Nam: Bao gồm công, nông; đối với các tầng lớp, giai cấp khác như tiểu tư sản, tư sản dân tộc, trung nông, phú nông, tiểu địa chủ... mà chưa lộ rõ bộ mặt phản cách mạng thì có thể tranh thủ, lôi kéo họ đi về phe vô sản giai cấp.

Khi phân tích ý này, cần nêu bật được, như vậy, lãnh tụ đã tranh thủ tối đa lực lượng cho cách mạng, cô lập tối đa lực lượng kẻ thù. Thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng,trên cơ sở công – nông (trí) liên minh.

+ Xác định cách mạng Việt Nam là bộ phận cách mạng thế giới...

+ Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tổng quát, đây là cương lĩnh giải phóng dân tộc độc đáo, sáng tạo; nó thấm đượm tính dân tộc và tính nhân văn.

3. Trong thực tế tiến trình vận động tiến tới Cách mạng tháng Tám - 1945, cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đường lối cứu nước do lãnh tụ Hồ Chí Minh tìm ra cho nhân dân Việt Nam đã được thực thi một cách hoàn hảo và đã dẫn tới cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi.

Để trình bày ý trên, cần nêu được, trong tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, vấn đề dân tộc luôn luôn được đưa lên hàng đầu (Hội nghị Trung ương 6 năm 1939, Hội nghị Trung ương 8 năm 1941, việc thành lập các Mặt trận...).

Câu 2 **(5 điểm)**

STT	Tên tổ chức mặt trận	Thời gian hoạt động	Chủ trương lớn	Kết quả hoạt động
1	Mặt trận Phản đế Đông Dương. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.	1936-1939	Chống chủ nghĩa phát xít và bọn phản động Pháp, giành tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh và bảo vệ hoà bình.	Dấy lên một cao trào cách mạng dân tộc, dân chủ rộng lớn; uy tín của Đảng nâng cao, tập hợp đông đảo lực lượng quần chúng.
2	Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.	1939-1941	Chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu, trước mắt là chủ nghĩa đế quốc phát xít, giành lại độc lập cho toàn thể nhân dân Việt Nam.	Dấy lên một cao trào cách mạng rộng lớn, tập hợp mọi tàng lớp nhân dân để đấu tranh chống kẻ thù chủ yếu và trước mắt.
3	Mặt trận Việt Minh, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt).	1941-1951	Liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo...	Góp phần rất quan trọng cho Cách mạng tháng Tám thành công, kháng chiến thắng lợi.
4	Mặt trận Liên Việt	1951-1954	nt	nt

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

Câu 1 **(4 điểm)**

Cần nêu được các ý:

+ Trước chiến tranh, là những nước thuộc địa, lệ thuộc vào chủ nghĩa tư bản phương Tây, bị các nước tư bản phương Tây ra sức bóc lột tàn bạo. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc tuy diễn ra mạnh mẽ nhưng đều thất bại...

+ Từ sau chiến tranh, lần lượt các nước đều giành được độc lập dân tộc với các chế độ chính trị phù hợp cho mỗi nước. Từ sau khi giành được độc lập dân tộc, các nước đều ra sức xây dựng và phát triển nền kinh tế - xã hội của mình, nhiều nước đã đạt được những thành tựu to lớn (NIC, con Rồng): các nước Đông Nam Á từ đối đầu sang đối thoại, cùng ở trong ASEAN.

Câu 2 **(2 điểm)**

+ Quá trình : Gia nhập năm 1997.

+ Thời cơ: Việt Nam có điều kiện rút ngắn khoảng cách về cơ sở vật chất, kỹ thuật so với các nước trong khu vực và thế giới.

+ Thách thức: Dễ bị hoà tan, nền kinh tế sẽ nguy hiểm vì điều kiện kỹ thuật sản xuất kém hơn...

+ Thái độ: Bình tĩnh, không bỏ lỡ thời cơ. Cần ra sức học tập nắm vững khoa học – kỹ thuật....

BÀI LÀM*

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1

Đường lối cách mạng đúng đắn là nhân tố quyết định sự thành công của mỗi cuộc cách mạng. Thắng lợi của dân tộc Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ là do đường lối cứu nước đúng đắn, sáng tạo của Đảng, do Nguyễn Ái Quốc sáng lập. Trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay, đường lối đó vẫn còn nguyên giá trị.

Kể từ khi thực dân Pháp xâm lược nước Việt Nam (1858), phong trào đấu tranh của nhân dân ta đã liên tiếp nổ ra, dù quyết liệt, hy sinh, nhưng lúc bấy giờ vẫn chưa giành được thắng lợi vì chưa có một đường lối lãnh đạo cách mạng đúng đắn. Nhân dân ta dù có nhiều kinh nghiệm trong các cuộc kháng chiến chống phong kiến phương Bắc xâm lược, nhưng lại bỡ ngỡ trước kẻ thù có trang bị hiện đại và bản chất nham hiểm như thực dân Pháp. Hơn nữa, triều đình đã hoàn toàn đầu hàng giặc, ngọn cờ phong kiến không còn phù hợp, khẩu hiệu "đánh giặc, giúp vua" không còn tập hợp được quần chúng nhân dân đấu tranh.

Sự thất bại của phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX và sự thất bại của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản do các sĩ phu tiến bộ đầu thế kỷ XX lãnh đạo, đã phản ánh tình trạng khủng hoảng về đường lối lãnh đạo cách mạng. Đúng lúc ấy, Nguyễn Ái Quốc xuất hiện, bằng thiên tài trí tuệ và sự nỗ lực hoạt động của mình, Người đã đáp ứng được yêu cầu bức thiết của lịch sử, chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối và sự lãnh đạo cách mạng.

---

* Bạch Hồng Nhung, trường Trung học phổ thông Tuyên Quang.

Nguyễn Ái Quốc sinh ngày 19-5-1890, quê ở Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An, miền quê được coi là "địa linh, nhân kiệt". Người sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo, giàu truyền thống yêu nước, lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, Người sớm thấu hiểu nỗi tủi nhục của một dân tộc bị làm nô lệ. Người cũng được chứng kiến phong trào đấu tranh của các văn thân Cần Vương dù quyết liệt hy sinh nhưng cuối cùng vẫn thất bại. Người rất khâm phục các nhà cách mạng tiền bối, như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Hoàng Hoa Thám, nhưng Người không tán thành chủ trương cứu nước của các ông. Với Phan Bội Châu, Người cho rằng dựa vào Nhật để đánh Pháp chẳng khác nào "đưa hổ cửa trước lại rước beo cửa sau". Với Phan Châu Trinh, mượn đế quốc để đánh phong kiến, chẳng khác nào "cúi xin giặc rủ lòng thương". Người hiểu rằng, muốn cứu nước phải tìm một con đường khác. Tất cả đã hun đúc ở Người lòng yêu nước và ý chí quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân.

Với nhận thức "Muốn đánh đuổi kẻ thù phải hiểu rõ kẻ thù đó", ngày 5-6-1911, Người xin làm phụ bếp cho một tàu buôn Pháp, Người ra đi tìm đường cứu nước, bắt đầu một hành trình đầy khó khăn, gian khổ.

Người qua nhiều nước Âu, Phi, Mỹ, lăn lộn làm nhiều nghề để vừa kiếm sống vừa hoạt động. Qua quá trình hoạt động trong các phong trào đấu tranh của nhân dân lao động, Người đã có một nhận thức quan trọng: "Nhân dân lao động các nước đều là bạn, chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là thù"...

Cách mạng tháng Mười Nga thành công làm cho tình hình thế giới có nhiều thay đổi. Người từ Anh về Pháp, tháng 7-1920, Người được đọc "*Sơ thảo luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa*", Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Đó là con đường theo Cách mạng tháng Mười, theo chủ nghĩa Mác – Lênin. Tháng 12-1920, Người tham gia Đại hội Tua, bỏ phiếu tán thành Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt lớn trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc – từ một người yêu nước chân chính, Người đã trở thành Người Cộng sản Việt Nam đầu tiên. Kể từ đó, Người tích cực hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin về trong nước. Người cũng tích cực chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức, cán bộ cho sự thành lập một chính đảng của giai cấp vô sản Việt Nam.

Sự hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc và những nhà yêu nước, cách mạng Việt Nam, làm cho chủ nghĩa Mác – Lênin ngày càng được truyền bá sâu rộng trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước, làm biến đổi về chất, dẫn đến sự lột xác của phong trào công nhân. Cuối 1929, phong trào cách mạng ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ, ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời, đó là Đông Dương Cộng sản Đảng (6-1929), An Nam Cộng sản Đảng (7-1929), Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9-1929). Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản chứng tỏ chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá sâu rộng trong phong trào công nhân, điều kiện thành lập Đảng đã chín muồi. Tuy nhiên, sự tồn tại của ba tổ chức Cộng sản không tránh khỏi hiềm khích, xung đột, ảnh hưởng xấu đến phong trào cách mạng. Yêu cầu đặt ra là phải hợp nhất ba tổ chức Cộng sản thành một Đảng duy nhất. Được sự uỷ nhiệm của Quốc tế Cộng sản, đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức Cộng sản. Ngày 3-2-1930, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức diễn ra ở Hương Cảng, Trung Quốc. Với uy tín, năng lực lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị đã nhanh chóng đi đến thống nhất: xoá bỏ mọi thành kiến, xung đột, thành thật hợp tác, hợp nhất ba tổ chức Cộng sản,thành lập một Đảng lấy tên là *Đảng Cộng sản Việt Nam*. Hội nghị đã thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, được coi là văn kiện đầu tiên của Đảng. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt đã vạch ra đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn của cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh xác định rõ tính chất xã hội Việt Nam là xã hội thuộc địa nửa phong kiến, trong đó tồn tại hai mâu thuẫn cơ bản: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với địa chủ phong kiến mà bao trùm lên tất cả là mâu thuẫn dân tộc. Trên cơ sở đó, Chính cương đã vạch ra nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam: "Thực hiện dân quyền cách mạng, thổ địa cách mạng để tiến tới xã hội cộng sản". Như vậy, nhiệm vụ của cuộc cách mạng tư sản dân quyền là đánh đuổi đế quốc, giành độc lập dân tộc; đánh đổ phong kiến, giành ruộng đất cho dân cày. Chính cương còn chỉ rõ con đường phát triển của cách mạng Việt Nam là sau khi hoàn thành cách mạng tư sản dân quyền thì tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đây là sự vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, đồng thời thể hiện tấm lòng nhân đạo lớn lao của Nguyễn Ái Quốc. Bởi vì, trong quá trình tìm đường cứu nước, trước khi trở thành người cộng sản, Người đã là công nhân lao động và thấu hiểu hơn ai hết cuộc sống của người lao động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, do đó, Người muốn xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa để nhân dân lao động được hạnh phúc, xoá bỏ chế độ người bóc lột người.

Chính cương cũng chỉ rõ, giai cấp lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân, thông qua bộ tham mưu của nó là Đảng Cộng sản. Giai cấp công nhân Việt Nam mặc dù ra đời muộn nhưng có đầy đủ phẩm chất của giai cấp công nhân thế giới; hơn nữa khi mới ra đời, nó đã được tiếp thu tư tưởng Mác - Lênin, nên có tinh thần giác ngộ cách mạng và đấu tranh triệt để nhất.

Xuất phát từ quan điểm "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng", Chính cương cũng chỉ rõ, công nhân, nông dân là lực lượng chính của cách mạng, nhưng bên cạnh đó cũng phải hết sức lôi kéo tiểu, trung địa chủ, tiểu tư sản. Đối với tư sản dân tộc, chưa lộ rõ bộ mặt phản cách mạng thì phải lôi kéo hay ít nhất cũng làm họ trung lập. Điều này thể hiện rõ chủ trương tập hợp mọi lực lượng để tranh thủ tối đa lực lượng cách mạng, cô lập kẻ thù, đồng thời cũng thể hiện chính sách đại đoàn kết của Đảng, làm thất bại âm mưu chia rẽ dân tộc của kẻ thù.

Về phương pháp cách mạng, Chính cương nêu rõ, phương pháp cách mạng phải đi từ thấp đến cao, từ đòi quyền lợi kinh tế trước mắt đến đòi quyền lợi kinh tế lâu dài; phải kết hợp nhiều hình thức đấu tranh, tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến. Đây là sự tiếp nối truyền thống đấu tranh của dân tộc, đồng thời là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoàn cảnh cụ thể ở nước ta.

Về quan hệ quốc tế, Chính cương cũng khẳng định: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Do đó, phải hết sức đoàn kết với cách mạng thế giới mà trước hết là vô sản Pháp. Nguyễn Ái Quốc là Người đặt nền móng cho sự đoàn kết giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng chính quốc để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của dư luận tiến bộ trên thế giới.

Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, vạch ra đường lối chiến lược, sách lược cách mạng đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Sự ra đời của Chính cương đã chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam, kéo dài mấy thập kỷ. Cương lĩnh đã khắc phục được các hạn chế của phong trào cứu nước trước đây, xác định đúng tính chất xã hội, đưa ra nhiệm vụ cách mạng đầy đủ. Cương lĩnh chỉ rõ quyền lợi của người nông dân được đặt lên hàng đầu, vì thế, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn huy động được đông đảo quần chúng, nhất là nông dân.

Cương lĩnh là sự vận dụng sáng tạo, đúng đắn nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoàn cảnh cụ thể đất nước ta, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử nên đã phát huy tác dụng tích cực. Cùng với Đảng, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi, kể cả khi cách mạng ở tình thế hiểm nghèo nhất (năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám). Điểm cơ bản trong Cương lĩnh là luôn đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, mọi quyền lợi khác có thể phải hy sinh, kể cả sự hy sinh đau đớn nhất. Thực tế cách mạng đã chứng minh, sự mềm dẻo, linh hoạt của Đảng trong giai đoạn sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền cách mạng non trẻ, đứng trước tình thế vô cùng khó khăn, để giảm bớt sự công kích của kẻ thù, Đảng đã phải tuyên bố tự giải tán, nhưng vẫn giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc.

Sự lãnh đạo của Đảng, với đường lối cách mạng đúng đắn, đã đưa con thuyền cách mạng Việt Nam cập bến vinh quang, và trong công cuộc xây dựng đất nước hôm nay, đường lối cách mạng đúng đắn của Nguyễn Ái Quốc vẫn giữ nguyên giá trị. Chúng ta tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng sẽ còn mang lại nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Câu 2

STT	Tên tổ chức Mặt trận	Thời gian hoạt động	Chủ trương lớn	Kết quả hoạt động
1	Hội phản đế Đông Dương	1936	Đấu tranh bằng việc tập hợp những người chống phát xít, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai. Đấu tranh đòi quyền dân chủ. Phương pháp đấu tranh chủ yếu là hợp pháp, công khai.	Một phong trào đấu tranh chống phát xít, đòi quyền dân chủ, tự do, cơm áo, hoà bình đã bùng nổ mạnh mẽ ở nước ta và thu được nhiều thắng lợi lớn.
2	Mặt trận Dân chủ Đông Dương	11-1939	Tập hợp đông đảo quần chúng chống phát xít, chống phản động thuộc địa và tay sai. Đấu tranh bằng phương pháp bất hợp pháp.	Tiếp tục tập hợp được đông đảo quần chúng, đấu tranh chống phát xít, đế quốc. Tập trung chủ yếu vào Pháp, Nhật.
3	Mặt trận Việt Minh	19-5-1941	Tập hợp đông đảo các lực lượng quần	Các tổ chức cứu quốc được thành

			chúng chống đế quốc. Thiết lập liên minh công nông vững chắc, tiến tới Tổng khởi nghĩa. Đấu tranh vũ trang bạo động.	lập. Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ. Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công.
4	Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam	25-5-1946	Nhằm đoàn kết mọi lực lượng yêu nước, cách mạng chưa tham gia Mặt trận Việt Minh. Để tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc, đấu tranh giành độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân.	Đã đoàn kết được đông đảo các lực lượng cách mạng. Tích cực chuẩn bị mọi mặt để tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp.

Đến tháng 3-1951, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam sáp nhập với Mặt trận Việt Minh thành Mặt trận Liên Việt, nhằm đoàn kết, củng cố sức mạnh của toàn dân, tập trung lực lượng cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

Kết quả, sau khi thành lập,Mặt trận Liên Việt đã tập hợp được đông đảo lực lượng kháng chiến, tổ chức thành công các chiến dịch tiến công lớn, với đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1

Đông Nam Á ngày nay bao gồm 10 quốc gia: Việt Nam, Lào, Cămpuchia, Thái Lan, Mianma, Malaixia, Brunây, Philippin, Indônêxia, Xingapo. Đây là vùng có vị trí địa lý, kinh tế, quân sự quan trọng và giao thông, thương mại thuận tiện. Vì vậy, trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á đều bị các nước tư bản phương Tây xâm chiếm, trở thành nước thuộc địa hay phụ thuộc. Trong Chiến tranh thế giới hai, các nước Đông Nam Á bị phát xít Nhật chiếm đóng. Nhưng sau Chiến tranh thế giới thứ hai, lợi dụng sự suy yếu của chủ nghĩa đế quốc, các nước đã đứng lên đấu tranh và lần lượt giành lại độc lập. Sau khi giành được độc lập, các nước đã lựa chọn con đường phát triển riêng theo con đường xã hội chủ nghĩa hoặc tư bản chủ nghĩa.

Đến năm 1967, năm nước ở Đông Nam Á (Thái Lan, Inđônêxia, Philippin, Xingapo, Malaixia) đã thành lập tổ chức Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), nhằm xây dựng Đông Nam Á thành khu vực có nền kinh tế phát triển, góp phần bảo vệ hoà bình cho khu vực và thế giới. Năm 1984, Brunây gia nhập ASEAN. Tán thành những nguyên tắc của Hiệp hội, ngày 28-7-1995, Việt Nam cũng gia nhập tổ chức ASEAN. Ngày 23-7-1997, ASEAN kết nạp thêm Lào và Mianma. Ngày 30-4-1999, Cămpuchia được kết nạp vào ASEAN. Như vậy đến nay, 10 nước Đông Nam Á đều tham gia ASEAN, xây dựng ASEAN thành một tổ chức liên minh chính trị – kinh tế, không chấp nhận sự can thiệp dưới bất kỳ hình thức nào của các nước bên ngoài.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, khi Mỹ tiến hành chiến tranh ở Đông Dương, có một số nước Đông Nam Á đã tham gia khối SEATO, làm hậu thuẫn cho Mỹ. Sau khi Mỹ thất bại ở chiến trường Đông Dương, khối quân sự này bị giải thể.

Câu 2

Từ khi thành lập (1967) đến năm 1975, ASEAN chỉ là một tổ chức non yếu, ít người biết đến sự tồn tại của tổ chức này, nhưng từ 1976 đến nay, với những nguyên tắc tiến bộ, ASEAN đã trở thành một tổ chức khu vực lớn mạnh.

Sau khi vấn đề Cămpuchia được giải quyết, với đường lối đối ngoại "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước", và tán thành những nguyên tắc của tổ chức ASEAN, gia nhập ASEAN. Năm 1992, Việt Nam trở thành quan sát viên chính thức của ASEAN, đến 28-7-1995, Việt Nam chính thức được kết nạp vào ASEAN.

Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN là thời cơ để đưa đất nước phát triển hơn nữa về kinh tế. Được sự giúp đỡ của các nước trong khu vực, nền kinh tế của nước ta đã tăng trưởng khá nhanh. Nhờ đó, Việt Nam có điều kiện thuận lợi hơn để hội nhập với thế giới, giao lưu với các nước trong và ngoài khu vực về các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, thể dục, thể thao...

Song, gia nhập ASEAN cũng đặt ra thách thức lớn đối với Việt Nam. Nguy cơ tụt hậu nếu như chúng ta không bắt kịp với sự phát triển của các nước trong khu vực, của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật thế giới. Nhưng nguy hiểm hơn là nguy cơ bị hoà tan khi hội nhập. Nếu một ngày nào đó, các nước Đông Nam Á sử dụng chung đồng tiền, như một số tổ chức nhất thể hoá khác trên thế giới thì sẽ dẫn đến nguy cơ mất đi bản sắc dân tộc riêng của đất nước mình. Vì vậy, trong khi hội nhập với thế giới, chúng ta phải đảm bảo được nguyên tắc vừa hội nhập nhưng không đánh mất bản sắc dân tộc. Trách nhiệm của học sinh đối với sự phát triển, hội nhập của đất nước, trước hết là học tập tốt. Bởi vì chỉ có học tập, có tri thức khoa học ta mới nắm bắt kịp được sự phát triển của khoa học – kỹ thuật thế giới, đưa đất nước phát triển, nhưng phải giữ gìn những truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc để không bị hoà tan.

NHẬN XÉT BÀI THI

Lịch sử Việt Nam

Câu 1: Trình bày tương đối đầy đủ và phân tích khá sâu sắc những công lao của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Thí sinh không chỉ trình bày về hoạt động của Người mà còn nêu và phân tích những đóng góp về mặt quan điểm, đường lối và phương pháp cách mạng.

Câu 2: Đã trình bày trong bản thống kê tổng hợp những Mặt trận dân tộc thống nhất được thành lập trong các giai đoạn cách mạng trước năm 1954. Qua bảng tổng hợp, thí sinh nêu được tên của Mặt trận khác nhau, nhiệm vụ trong từng giai đoạn cụ thể cũng khác nhau, song tính chất, nhiệm vụ chiến lược của các Mặt trận không thay đổi và tác dụng to lớn của nó là tập hợp được nhân dân, đoàn kết chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Về Lịch sử thế giới, trình bày ngắn gọn, đầy đủ những vấn đề được đặt ra ở hai câu hỏi: tình hình các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Dù trải qua những bước thăng trầm, song các nước trong khu vực đã dần dần tập hợp, đoàn kết, giúp đỡ nhau để xây dựng đất nước. Khối ASEAN ngày một vững mạnh, có vai trò, vị trí trên thế giới.

Bài đạt 16 điểm, giải nhì.

BÀI LÀM*

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1

Nguyễn Ái Quốc sinh ngày 19-5-1890, tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Thuở nhỏ, Người có tên là Nguyễn Sinh Cung, sau đổi là Nguyễn Tất Thành. Lớn lên trong một gia đình nhà Nho nghèo, yêu nước, nguồn gốc nông dân, lại được chứng kiến sự thất bại của các phong trào yêu nước, được tiếp xúc với các nhà cách mạng đương thời, sống trên mảnh đất quê hương có truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất.... Tất cả đã sớm hun đúc ở Người lòng yêu nước và Người quyết chí ra nước ngoài tìm con đường cứu nước mới, khác với con đường đấu tranh chống Pháp của các bậc tiền bối mà Người rất khâm phục. Vì vậy, Người quyết định đi sang phương Tây chứ không phải Nhật Bản, với nhận thức ban đầu là "Muốn đánh đuổi kẻ thù phải hiểu rõ kẻ thù đó", "xem người ta làm như thế nào để về giúp đồng bào mình". Sau nhiều năm bôn ba ở hải ngoại, năm 1920, Người đọc bản *"Sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa"* của Lênin và Người rút ra: Chủ nghĩa Mác – Lênin là cẩm nang thần kỳ để cứu nước, cứu dân. Từ đó, Người hoàn toàn tin theo Lênin, quyết tâm đi theo con đường mà Lênin đã chọn, đó là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đây là con đường cứu nước đúng đắn đã đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi. Nội dung con đường cứu nước này được thể hiện ở các điểm chính sau:

---

* Phạm Thị Phương Thảo, trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, Hoà Bình.

Thứ nhất, về đường lối cách mạng Việt Nam, căn cứ vào tình hình kinh tế, xã hội và giai cấp ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: Con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là *gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội*. Cách mạng Việt Nam sẽ *phải qua hai giai đoạn: Giai đoạn đầu làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng thổ địa, sau đó làm cách mạng xã hội chủ nghĩa*. Đây là đường lối cách mạng đúng đắn, bởi vì, Người đã biết gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Theo Người, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại ấm no, hạnh phúc cho con người, xã hội sẽ không còn những bất công, áp bức, bóc lột.

Trước năm 1930, nhiều nhà cách mạng Việt Nam mới chỉ đưa ra khẩu hiệu độc lập dân tộc. Cách mạng nước ta vẫn chưa có đường lối đúng đắn nhất. Trên thế giới, cũng trong thời gian đó, các dân tộc ở khu vực Á, Phi, Mỹ Latinh, bị chủ nghĩa đế quốc,thực dân thống trị và cũng mới nêu mục tiêu độc lập dân tộc; rất ít nước đưa ra được khẩu hiệu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Sau khi giành được độc lập, các nước đó có trình độ phát triển kinh tế ở nhiều mức độ khác nhau, xã hội ít nhiều vẫn tồn tại những bất công, mâu thuẫn. Nhân dân Việt Nam quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội, mặc dù phải trải qua giai đoạn đầu khó khăn, gian khổ. Dân tộc ta kiên trì theo đường lối cách mạng mà Nguyễn Ái Quốc vạch ra. Người có nhãn quan sáng suốt, tầm nhìn xa, trông rộng nên xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc ta

Thứ hai, khi xác định nhiệm vụ cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là làm cho đất nước Việt Nam độc lập, nhân dân Việt Nam tự do, tức là phải đánh đuổi đế quốc thực dân Pháp và phong kiến tay sai, giành độc lập dân tộc.

Người đã nhìn thấy mâu thuẫn cơ bản,chủ yếu của xã hội thuộc địa là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam bị áp bức với chủ nghĩa đế quốc, thực dân và bọn tay sai. Ở Việt Nam không chỉ có giai cấp công nhân, nông dân bị áp bức, bóc lột mà các tầng lớp nhân dân khác ít nhiều đều bị đế quốc,thực dân áp bức, bóc lột và có mâu thuẫn với chúng. Vì vậy, cách mạng Việt Nam không chỉ là giải phóng giai cấp mà là giải phóng dân tộc. Nhiệm vụ chống đế quốc (nhiệm vụ dân tộc) rất quan trọng và được đặt lên hàng đầu.

Trước năm 1930, nhiều nhà cách mạng Việt Nam có tinh thần yêu nước, thương dân, như Phan Bội Châu chỉ chủ trương đánh đuổi đế quốc, giành độc lập dân tộc, nhưng không đánh đổ phong kiến giành tự do, dân chủ. Còn Phan Châu Trinh thì chủ trương giành tự do, dân chủ chứ không giành độc lập dân tộc (không đánh Pháp). Bản Luận cương 10-1930 sau này của Trần Phú có xác định được hai nhiệm vụ của cách mạng dân tộc, dân chủ, song đánh giá chưa đầy đủ vai trò của nhân tố dân tộc, vì vậy, nhiệm vụ dân tộc chưa được đặt lên hàng đầu. Xô Viết – Nghệ Tĩnh mới ra đời đã bị dìm trong biển máu, một phần nguyên nhân là do chưa xác định được kẻ thù chính cần đánh đổ. Qua đó, ta càng thấy công lao của Nguyễn Ái Quốc với dân tộc.

Thứ ba, về lực lượng cách mạng, Người chỉ rõ, muốn làm cách mạng thắng lợi *phải đoàn kết toàn dân, bao gồm bốn giai cấp:* công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc. Trong đó, quyền lãnh đạo thuộc về công nhân, công nhân phải thực hiện đoàn kết, liên minh với nông dân làm cách mạng ruộng đất; công nông là gốc cách mạng, là hai động lực chính của cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc. Với các tầng lớp khác, như trí thức, trung nông phải tìm cách lôi kéo họ đứng về phía vô sản; với trung, tiểu địa chủ, phú nông, tư sản chưa lộ rõ bộ mặt phản cách mạng thì lợi dụng hoặc ít nhất trung lập họ. Người cảnh báo, trong quá trình liên minh tránh không được nhượng bộ một chút lợi ích nào của công nông, tránh đi theo đường lối thoả hiệp, thương lượng bất lợi cho cách mạng.

Nguyễn Ái Quốc đã xây dựng được liên minh công nông, tranh thủ lực lượng cho cách mạng, cũng tức là cô lập tối đa lực lượng kẻ thù. Qua đây, ta thấy tính nhân văn, nhân đạo cao cả của Người: tập hợp mọi lực lượng để đoàn kết sức mạnh toàn dân.

Trước 1930, các nhà cách mạng chưa đánh giá đúng vai trò lực lượng đông đảo nhất của cách mạng là nông dân vì chưa chủ trương giành ruộng đất cho dân cày. Trong bản Luận cương tháng 10-1930, Trần Phú đã xác định lực lượng cách mạng, song chưa đánh giá đầy đủ vai trò cách mạng của các tầng lớp trung gian, tuyệt đối hoá vai trò cách mạng của công nông, chưa tạo ra sức mạnh lớn cho cách mạng.

Nhận thức được đoàn kết toàn dân sẽ đem lại sức mạnh cho cách mạng, sau này Đảng ta đã thành lập Mặt trận Việt Minh trong thời kỳ Cách mạng tháng Tám, Mặt trận Liên Việt trong kháng chiến chống Pháp; trong cuộc kháng chiến chống Mỹ có Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Sau khi giành được độc lập, thống nhất có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Công tác hậu phương (lực lượng chiến đấu gián tiếp) cũng được quan tâm, hậu phương vững chắc, tiền tuyến mới mạnh.

Thứ tư, về phương pháp cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng sáng tạo *quan điểm bạo lực cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin ở một nước thuộc địa nửa phong kiến*. Bạo lực cách mạng là sức mạnh mọi mặt của quần chúng, chứ không phải bằng con đường thoả hiệp, khủng bố cá nhân, manh động. Bởi vì, lịch sử đã để lại nhiều bài học: Phan Bội Châu dùng vũ lực nhưng lại đi cầu viện Nhật; Phan Châu Trinh cầu mong thực dân Pháp rủ lòng thương. Các chiến sĩ Cần Vương tuy khởi nghĩa vũ trang nhưng diễn ra lẻ tẻ từng nơi, nên dễ bị bao vây, cô lập. Tất cả các biện pháp, chủ trương đó đều thất bại. Do vậy, chỉ có bạo lực cách mạng: xây dựng và sử dụng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang mới đưa cách mạng giành thắng lợi. Nguyễn Ái Quốc thật sáng suốt trong việc vận dụng phương pháp cách mạng cho dân tộc.

Thứ năm, Người *khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam* lã điều kiện tiên quyết, cốt tử của cách mạng, nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng, tập hợp đại bộ phận giai cấp mình, liên hệ với tầng lớp, giai cấp khác để làm cách mạng. Đảng phải là một khối thống nhất về ý chí và hành động, đảng viên hăng hái hy sinh và phục tùng mệnh lệnh của Đảng...

Trước 1930, các phong trào yêu nước diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ nhưng chưa có sự thống nhất vì chưa có một chính đảng lãnh đạo. Năm 1929, xuất hiện ba tổ chức Đảng, nhưng chưa thống nhất, làm ảnh hưởng đến cách mạng (nếu tình trạng này kéo dài). Sau khi ra đời (1930), Đảng đã đưa phong trào cách mạng phát triển theo hướng mới, giành nhiều thắng lợi. Sự chỉ đạo của Đảng qua mỗi thời kỳ quyết định sự thắng lợi của cách mạng: Thời kỳ Cách mạng tháng Tám, Đảng ta đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu; thời kỳ 1945-1946, Đảng có đường lối đối nội đúng đắn, ngoại giao mềm dẻo theo nguyên tắc hoà để tiến, đưa cách mạng thoát khỏi tình thế "ngàn cân treo sợi tóc". Thời kỳ 1946-1954, Đảng đề ra đường lối kháng chiến "Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh" đã đánh bại âm mưu xâm lược của Pháp và can thiệp của đế quốc Mỹ. Những năm 1954-1975, Đảng chỉ đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, đã đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào. Sau đó, 1975-1979, Đảng lãnh đạo nhân dân khôi phục, phát triển kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, đánh bại bọn phản động, xâm lược ở biên giới phía Bắc và Tây Nam. Nhờ vậy, đất nước đã vượt qua cơn khủng hoảng, từng bước tiến lên, Đảng đề ra đường lối đổi mới (12-1986)... Tất cả những sự kiện trên đã khẳng định vai trò quyết định của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

Thứ sáu, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: *Cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới*, cách mạng Việt Nam phải đoàn kết, liên minh với các dân tộc bị áp bức, giai cấp vô sản các nước, đặc biệt là vô sản Pháp.

Trước 1930, nhiều nhà cách mạng Việt Nam đi ra nước ngoài tìm con đường cứu nước, nhưng chưa ai tìm đúng bạn. Họ không phân biệt được thực dân Pháp với giai cấp công nhân và nhân dân tiến bộ Pháp, như Phan Châu Trinh, muốn dựa vào Pháp đánh đổ phong kiến; Phan Bội Châu lại dựa vào Nhật để dùng đế quốc đánh đế quốc.... Bản Cương lĩnh tháng 2-1930, đã giúp ta tìm được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân và loài người tiến bộ... Tuy vậy, ta phải dựa vào sức mình là chính, quan hệ với nước ngoài chỉ là tăng thêm bạn, bớt kẻ thù.

Đây là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, mặc dù vắn tắt nhưng nó là đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo, chứa đựng tính dân tộc, tính nhân văn, quan điểm giai cấp; là sự kết hợp sáng tạo chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả với chủ nghĩa yêu nước chân chính. Bản Cương lĩnh ra đời chấm dứt sự khủng hoảng đường lối của cách mạng. Nếu không có nó thì không biết bao lâu nữa cách mạng Việt Nam mới thoát khỏi tình trạng đen tối... Vậy, trên thực tế, bản Luận cương này được tiến hành ở Việt Nam như thế nào? Trong thời gian dài 9 năm, từ 1930 đến 11-1939, ta vận dụng bản Luận cương của Trần Phú. Đây là bản Luận cương còn tồn tại nhiều hạn chế do học tập một cách máy móc, giáo điều về lý luận có tính chất kinh điển của Cách mạng tháng Mười Nga, nên sau một thời gian đấu tranh, cách mạng chưa đạt được kết quả. Tháng 11-1939, tại Hội nghị Trung ương lần thứ VI, Đảng ta đã khắc phục sai lầm trên, vận dụng đường lối cứu nước đúng đắn của Nguyễn Ái Quốc, đặc biệt vấn đề dân tộc luôn được đặt lên hàng đầu trong Hội nghị trung ương VIII, thành lập các Mặt trận... và cách mạng giành thắng lợi vẻ vang đầu tiên: Cách mạng tháng Tám 1945. Theo em, nếu ngay từ đầu, Đảng ta vận dụng quan điểm đúng đắn của Nguyễn Ái Quốc thì có thể cách mạng Việt Nam sẽ thắng lợi sớm hơn. Sau này, Đảng ta vẫn kiên trì con đường đó, dù phải trải qua khó khăn, gian khổ để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nước ta sánh vai với bè bạn năm châu.

Thông qua con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện tầm nhìn mới, sáng tạo... đưa cách mạng Việt Nam đi đến bến bờ vinh quang. Công lao của Người mãi được ghi vào lịch sử dân tộc. Lớp trẻ hôm nay cố gắng học tập, lao động để kế thừa những tinh hoa đó.

Câu 2

STT	Tên tổ chức Mặt trận	Thời gian hoạt động	Chủ trương lớn	Kết quả hoạt động
1	Hội Phản đế đồng minh Đông Dương	1930-1931	"Dân tộc độc lập, Người cày có ruộng".	Cao trào 1930-1931 với đỉnh cao Xô Viết Nghệ - Tĩnh, tuy thất bại nhưng đã thể hiện khả năng cách mạng của quần chúng khi được Đảng lãnh đạo.
2	Mặt trận Dân chủ Đông Dương (Mặt trận nhân dân phản đế)	1936-1939	Tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình, đánh đổ bọn phản động thuộc địa Pháp và tay sai.	Cao trào 1936-1939 với các phong trào đấu tranh chính trị, công khai, bí mật, hợp pháp, bất hợp pháp, nửa công khai, nửa hợp pháp đã giành nhiều thắng lợi, đòi tự do, dân chủ cho nhân dân Đông Dương.
3	Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương	11-1939 đến 1941	Đánh đổ thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc, chống phong kiến, giành ruộng đất cho nông dân. Nhưng vấn đề dân tộc vẫn đặt lên hàng đầu.	Lãnh đạo nhân dân chống Pháp – Nhật với khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Binh biến Đô Lương, chống lại chính sách bóc lột, lừa bịp của Pháp – Nhật.
4	Mặt trận Việt Minh	19-5-1941 đến 1950	Đánh đuổi phát xít Pháp	Thắng lợi rực rỡ của Cách mạng tháng Tám

			– Nhật, tạm gác khẩu hiệu “tịch thu ruộng đất” của địa chủ, phong kiến. Đoàn kết toàn dân giải phóng dân tộc .	có Mặt trận Việt Minh tập hợp, nhằm mục đích đánh đuổi Pháp – Nhật.
5	Mặt trận Liên Việt (Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam)	29-5-1946	Chủ trương chống thực dân Pháp.	Giành thắng lợi với cuộc chiến đấu trong các đô thị, Việt Bắc (1947)..., làm thất bại “âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp.
6	Mặt trận Liên Việt (thống nhất Việt Minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam)	Đầu 1950	Đánh đuổi thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, giành độc lập dân tộc.	Thắng lợi trong chiến dịch Biên Giới (1950), Điện Biên Phủ (1954).

Nhìn chung, các Mặt trận đều đoàn kết toàn dân, không kể lứa tuổi, tôn giáo, giai cấp để giải phóng dân tộc.

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1

Vào khoảng cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ tư bản tự do cạnh tranh sang tư bản độc quyền (tức chủ nghĩa tư bản đế quốc). Vì thế, chúng mở rộng xâm chiếm thuộc địa nhằm tìm kiếm tài nguyên, nhân công, thị trường phục vụ cho nền kinh tế tư bản. Nhiều nước ở châu Á, châu Phi trở thành thuộc địa hoặc phụ thuộc của chúng, trong đó có Đông Nam Á - một khu vực có nhiều ưu thế về các mặt trên, cũng bị chủ nghĩa tư bản đặt ách thống trị hoặc chịu ảnh hưởng của chúng.

Từ trước Chiến tranh thế giới thứ hai và sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, các nước khu vực Đông Nam Á đã có nhiều biến đổi về các mặt chính trị, xã hội. Đông Nam Á gồm 10 nước: Việt Nam, Lào, Cămpuchia, Thái Lan, Inđônêxia, Philippin, Malaixia, Mianma, Brunây, Xingapo.

Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước đều vùng dậy chống lại chủ nghĩa đế quốc: Anh, Pháp, Tây Ban Nha... nhưng hầu hết đều chưa giành được độc lập do thiếu một chính đảng lãnh đạo, một đường lối đúng.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, với thắng lợi của Hồng quân Liên Xô, chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống, đã cổ vũ các dân tộc Đông Nam Á đấu tranh giành độc lập. Việt Nam, Lào, Cămpuchia đã đánh thắng Nhật. Việt Nam có Cách mạng tháng Tám 1945, Lào có Cách mạng tháng Mười 1945, Cămpuchia có đấu tranh ngoại giao... Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời (2-9-1945); Lào tuyên bố độc lập (12-10-1945); Inđônêxia là thuộc địa của Hà Lan, trong Chiến tranh thế giới thứ hai là thuộc địa của Nhật, đã giành được độc lập (17-8-1945); Thái Lan là nước chịu ảnh hưởng của nhiều đế quốc, đặc biệt là Anh, sau chiến tranh, Mỹ can thiệp sâu vào Thái Lan, đường lối ngoại giao từ "đối đầu" với các nước Đông Dương, sang "đối thoại"; Malaixia và Xingapo là thuộc địa của Anh cũng giành độc lập (1957); Philippin buộc Mỹ công nhận độc lập (7-1946); Mianma giành độc lập từ tay Anh (4-1-1948), Brunây độc lập 1984.

Như vậy, phong trào cách mạng với những thắng lợi lớn đã đưa các nước Đông Nam Á lên địa vị làm chủ đất nước mình, góp phần làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, thực dân.

Đến nay, các nước Đông Nam Á đã cùng bắt tay nhau trong một tổ chức, đoàn kết, liên minh kinh tế – chính trị, xã hội - ASEAN. Các quốc gia Đông Nam Á cùng nhau giải quyết các vấn đề khó khăn, hợp tác trên nhiều lĩnh vực: Brunây (1984), Việt Nam gia nhập ASEAN (28-7-1995), Lào (1997), Mianma (1997), Cămpuchia (1999).

Như vậy, tình hình chính trị, xã hội của các nước Đông Nam Á có nhiều thay đổi lớn chỉ trong một thời gian, thúc đẩy xu thế đối thoại, hợp tác trên thế giới.

Câu 2

Việt Nam là một quốc gia thành viên của mười nước Đông Nam Á. Việc Việt Nam gia nhập ASEAN có một ý nghĩa rất quan trọng. Đó là một quá trình phấn đấu vươn lên, với những thời cơ, thách thức để phù hợp với xu thế quốc tế hoá của thế giới.

Trước năm 1979, quan hệ Việt Nam – ASEAN có lúc hoà dịu, lúc căng thẳng, đối đầu. Bởi lúc này, quan hệ quốc tế phát triển rất phức tạp. Trong số 5 nước thành viên ban đầu của ASEAN: Philippin, Thái Lan, Xingapo, Malaixia, Inđônêxia, có một số nước như Thái Lan, Philipin đối đầu với ba nước Đông Dương, là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Sau 1979, với thắng lợi của cách mạng Đông Dương, chiến tranh lạnh kết thúc (1989), vấn đề Cămpuchia được giải quyết về cơ bản thì xu thế đối đầu chuyển sang đối thoại, quan hệ Việt Nam – ASEAN tốt đẹp hơn. Năm 1995, Việt Nam gia nhập ASEAN đã thực sự chứng minh điều đó. Đồng thời những thời cơ, thách thức đặt ra cũng nhiều. Về thời cơ, Việt Nam có cơ hội tiếp thu, học hỏi các mặt của các nước trong khu vực, giảm khoảng cách giữa Việt Nam và các nước trên thế giới. Về thách thức, nếu biết tận dụng cơ hội, Việt Nam phát triển huy hoàng, nếu không, Việt Nam sẽ bị tụt hậu; hoặc hoà nhập hoặc là hoà tan. Trên thực tế, Việt Nam đã biết tận dụng những thuận lợi để cùng hoà nhập vào khu vực và thế giới về khoa học, tri thức...,trong các kỳ thi quốc tế: Toán học, Tin học..., thành công trong lĩnh vực thụ tinh nhân tạo (Bệnh viện Từ Dũ).

ASEAN hiện nay có uy tín lớn trên thế giới, Việt Nam gia nhập ASEAN sẽ tăng thêm tiếng nói của dân tộc ta trên trường quốc tế. Theo em, nếu Việt Nam không gia nhập ASEAN thì có thể chúng ta bây giờ gặp rất nhiều khó khăn, lạc hậu.

NHẬN XÉT BÀI THI

- Hiểu rõ vấn đề đặt ra ở các câu hỏi về Lịch sử Việt Nam và Lịch sử thế giới, thí sinh đã lựa chọn những kiến thức cơ bản để tập trung giải các vấn đề được đặt ra.
- Diễn đạt rõ, chặt chẽ, không có gì sai sót lớn.

Bài đạt 16 điểm, giải nhì.

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA – 2002
BẢNG A

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

Câu 1 **(3 điểm)**

Lập bảng thống kê về các anh hùng dân tộc trong các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa chống ngoại xâm từ thế kỷ X đến năm 1975, theo yêu cầu sau:

Số thứ tự	Anh hùng dân tộc	Thời gian	Chiến công nổi bật

Câu 2 **(6 điểm)**

Qua một cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (tự chọn) của nhân dân ta trong thời gian từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII, anh (chị) hãy nêu một bài học lịch sử đã trở thành truyền thống quí báu của dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

Câu 3 **(5 điểm)**

Bài học lịch sử nêu ở câu 2 đã được vận dụng sáng tạo như thế nào trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954 (Hoặc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975).

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

Câu 1 **(3 điểm)**

Qua những sự kiện lịch sử cụ thể, hãy nêu những biến đổi to lớn về mặt chính trị và xã hội của các nước Đông Nam Á trước và sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945).

Câu 2 **(3 điểm)**

Trình bày những thành tựu chủ yếu của công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu từ 1945 đến nửa đầu những năm 70, và nêu những nhận xét.

HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM (14 ĐIỂM)

Câu 1 **(3 điểm)**

Bảng thống kê các anh hùng dân tộc trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm...

STT	Anh hùng dân tộc	Thời gian	Chiến công nổi bật
1	Ngô Quyền	938	Chiến thắng Bạch Đằng năm 938.
2	Đinh Bộ Lĩnh	967	Dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước.
3	Lê Hoàn	981	Đánh thắng quân xâm lược Tống.
4	Lý Thường Kiệt	1075-1077	Chiến thắng Như Nguyệt.
5	Trần Hưng Đạo	1258-1288	Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.

6	Lê Lợi	1418-1427	Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang năm 1427.
7	Quang Trung	1789	Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.
8	Hồ Chí Minh	1945-1975	Chiến thắng quân xâm lược Pháp – Mỹ.

Chú ý, có thể nêu thêm một vài anh hùng dân tộc khác, nhưng là những người tiêu biểu,có công lao lớn với dân tộc.

Câu 2 **(6 điểm)**

Nội dung bài làm:

+ Một trong những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân ta từ thế kỷ thứ X đến nay.

+ Việc nêu bài học có thể là một trong những bài học lịch sử lớn sau:

- Đoàn kết toàn dân, đây chính là cội nguồn sức mạnh của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. (Mọi lợi quyền của cá nhân, dòng họ, bộ phận, giai cấp phải được đặt sau lợi ích của toàn thể dân tộc).

- "Tiến công để phòng thủ" và "Phòng thủ để tiến công". (Những cuộc rút lui chiến thuật để bảo toàn lực lượng, chờ đợi thời cơ phản công giành thắng lợi quyết định) là những nét nổi bật trong nghệ thuật tiến hành các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm để có thể "Lấy ít thắng nhiều; lấy yếu thắng mạnh", giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh.

- "Giảng hoà trong thế thắng" để kết thúc chiến tranh một cách có lợi nhất cho dân tộc.

- Ý chí đấu tranh bất khuất, dù hy sinh gian khổ đến đâu cũng kiên quyết tiến hành đấu tranh đến thắng lợi cuối cùng.

- Có thể thí sinh nêu ra những bài học khác, tùy tình hình cụ thể, giám khảo sẽ thảo luận với Hội đồng để quyết định.

+ Yêu cầu chính khi trình bày, phân tích một bài học lịch sử :

- Phải trình bày đủ những diễn biến chính của cuộc kháng chiến đã chọn.

- Sự kiện dùng làm căn cứ để rút ra bài học phải được phân tích đầy đủ và sâu sắc.

- Phải chứng minh được bài học đó đã được các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân ta trước và sau cuộc kháng chiến đó tiếp nối, bổ sung và hoàn chỉnh để trở thành truyền thống quí báu của dân tộc ta.

Câu 3 **(5 Điểm)**

Trình bày việc vận dụng sáng tạo bài học đã nêu ở câu 2 vào cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954 (hoặc cuộc kháng chiến chống Mỹ 1954- 1975). Cần:

- Trình bày nét chính về những nguyên nhân thành công của cuộc kháng chiến chống Pháp (hoặc chống Mỹ).

- Phân tích kỹ nguyên nhân do vận dụng bài học lịch sử đã nêu ở câu 2.

- Nêu những điểm sáng tạo.

PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 ĐIỂM)

Câu 1 **(3 Điểm)**

Nêu những điểm chính của tình hình chính trị, xã hội các nước Đông Nam Á trước và sau Chiến tranh thế giới thứ hai để thấy được những biến đổi to lớn:

+ Tình hình trước Chiến tranh thế giới thứ hai:

- Đều là thuộc địa, nửa thuộc địa hoặc lệ thuộc vào chủ nghĩa tư bản phương Tây: Việt Nam, Lào và Cămpuchia là thuộc địa của Pháp; Mianma là thuộc địa của Anh; Malaixia là thuộc địa của Anh; Inđônêxia là thuộc địa của Hà Lan; Thái Lan là nước lệ thuộc vào Anh- Mỹ; Philippin là thuộc địa của Mỹ...

- Đều bị chủ nghĩa tư bản phương Tây ra sức khai thác, bóc lột tàn bạo, đẩy nhân dân vào cảnh khốn cùng.

- Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc bùng lên ngay từ khi chủ nghĩa thực dân xâm lược, và phát triển mạnh khi chủ nghĩa tư bản tiến hành những cuộc khai thác, bóc lột, nhưng kết quả chung đều thất bại: Ở Việt Nam, các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần Vương thất bại; ở Lào...

+ Tình hình từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay:

- Các nước Đông Nam Á đều lần lượt giành được độc lập, thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân: 1945:Việt Nam, Lào, Inđônêxia; 1947: Miến Điện; 1954: Cămpuchia; 1957: Mã Lai, Xingapo...

- Từ sau khi giành được độc lập, các nước Đông Nam Á đều ra sức xây dựng và phát triển nền kinh tế, xã hội của mình, và đạt được nhiều thành tựu to lớn: Có nước trở thành nước công nghiệp mới, như Inđônêxia, Thái Lan; có nước "hoá rồng" như Xingapo...Điều đó chứng tỏ chỉ sau thời gian ngắn giành lại được độc lập, các nước Đông Nam Á đã rút ngắn được khoảng cách phát triển với các nước tư bản châu Âu và Bắc Mỹ.

- Mối quan hệ các nước Đông Nam Á vốn từ đối đầu đã dần dần chuyển sang đối thoại; hiện nay cả 10 nước Đông Nam Á đã cùng vào ASEAN...

Câu 2 **(3 Điểm)**

+ Thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô thời kỳ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến 1991:

- Hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946- 1950). Năm 1950, tổng sản lượng công nghiệp tăng 72%; chế tạo thành công bom nguyên tử...

- Từ 1951 đến 1975: Mức tăng trưởng công nghiệp hàng năm đạt 9,6%. Trong những thập kỷ 50,60 và nửa đầu 70, Liên Xô là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mỹ), chiếm khoảng 20% tổng sản lượng công nghiệp của toàn thế giới.

+ Thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu thời kỳ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến 1991:

- Anbani: Đến năm 1970, đã hoàn thành công cuộc điện khí hoá cả nước. Sản xuất nông nghiệp thoả mãn nhu cầu lương thực của nhân dân.

- Ba Lan: So với 1938, sản xuất công nghiệp đầu những năm 70 tăng 20 lần; sản xuất nông nghiệp tăng gấp đôi.

- Bungari: Sản phẩm công - nông nghiệp năm 1975 tăng 55 lần so với năm 1939.

- CHDC Đức: Sau 30 năm xây dựng chế độ mới, đã đạt mức sản xuất công nghiệp bằng cả nước Đức cũ năm 1939.

- Hunggari: Trở thành nước công - nông nghiệp,có nền văn hoá, khoa học – kỹ thuật tiên tiến.

- Tiệp Khắc: Được xếp vào hàng các nước công nghiệp thế giới.

+ Nhận xét:

- Thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội ở mọi lĩnh vực:Kinh tế, nâng cao đời sống, củng cố quốc phòng.

- Những thành tựu đó là vĩ đại, là sức mạnh thực sự của Liên Xô và các nước Đông Âu, nhờ đó mà có thể giữ được thế cân bằng trong "trật tự thế giới hai cực Ianta" suốt 40 năm qua.

- Thành tựu là vĩ đại, nhưng sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội Đông Âu và sự tan vỡ của nhà nước Liên Xô là sự đổ vỡ của một mô hình xã hội chủ nghĩa không phù hợp, chứ không phải là sự đổ vỡ của một lý tưởng, một phương thức sản xuất.

Một số chú ý:

1. Những nội dung nêu ở các câu chỉ là sự gợi ý những nội dung cơ bản,học sinh phải trả lời. Học sinh còn có thể có nhiều nội dung khác, tùy theo mức độ cần trao đổi với hội đồng để thống nhất đánh giá, cho điểm.

2. Việc cho điểm có thể cho nhỏ đến 0,25 điểm.

3. Việc làm tròn số chỉ làm sau khi đã cộng điểm toàn bài.

4. Cách làm tròn số, ví dụ:

- 10,25 làm tròn thành 10,5.
- 10,75 làm tròn thành 11,0.

BÀI LÀM*

A. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1

TT	Anh hùng dân tộc	Thời gian	Chiến công nổi bật
1	Ngô Quyền	938	Bạch Đằng 938 (chống Nam Hán).
2	Lê Hoàn	981	Bạch Đằng 981 (chống Tống lần1).
3	Lý Thường Kiệt	1075-1077	Như Nguyệt 1077 (chống Tống lần 2).
4	Trần Hưng Đạo	1258-1288	Bạch Đằng 1288 (chống Mông-Nguyên).
5	Lê Lợi và Nguyễn Trãi	1416-1427	Chi Lăng-Xương Giang 1427 (chống Minh).
6	Quang Trung (Nguyễn Huệ)	1785-1789	Rạch Gầm-Xoài Mút 1785 (chống Xiêm). Ngọc Hồi - Đống Đa 1789 (chống Thanh).
7	Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh		- Tìm ra con đường cứu nước. - Lãnh đạo thành công Cách mạng tháng Tám 1945, kháng chiến chống Pháp (1954).

---

* Nguyễn Thị Thu Hiền, trường Trung học phổ thông chuyên Vĩnh Phúc.

Câu 2

Lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử của quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước. Ngay từ buổi đầu dựng nước, nhân dân ta đã phải đương đầu với rất nhiều kẻ thù xâm lược hung bạo (Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh....). Những lần kháng chiến đầy gian lao ấy là những lần nhân dân ta viết nên những trang sử vẻ vang chói lọi . Những chiến thắng như Bạch Đằng, Chi Lăng, Xương Giang... đã trở thành niềm kiêu hãnh của biết bao thế hệ người Việt Nam. Để làm nên những chiến công ấy, ông cha ta đã biết vận dụng sáng tạo những bài học kinh nghiệm giữ nước, trong đó đặc biệt là bài học biết huy động sức mạnh toàn dân, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân độc đáo. Để thấy rõ được bài học này, em xin chọn cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên (dưới thời nhà Trần,thế kỷ XIII).

Dân tộc ta là một dân tộc nhỏ, đất không rộng, người không đông lại luôn luôn phải chống chọi với vô vàn khó khăn, thử thách. Đã có những thế lực hùng mạnh hơn ta gấp nhiều lần (binh lính đông, vũ khí nhiều...) đặt chân xâm lược nước ta. Để chống lại kẻ thù, chúng ta không chỉ lấy sức lực của mình để đánh lại, không thể đơn lẻ tiến hành kháng chiến. Điều độc đáo, sáng tạo mà ông cha ta đã làm được là đã biết phát huy cao độ sức mạnh của nhân dân. Với dân tộc ta, chỉ khi nào có sự đoàn kết toàn dân, trên dưới một lòng thì khi đó mới giành thắng lợi. Đây là một sức mạnh đã đưa đất nước ta vượt qua những khó khăn, thử thách để cuối cùng giành thắng lợi, “ta vẫn là ta”. Chính sự đoàn kết ấy đã giúp chúng ta đánh bại mọi âm mưu của kẻ thù, dù đó là những thế lực hung bạo nhất thời đại.

Thoát khỏi ách đô hộ của một nghìn năm Bắc thuộc, giành được nền tự chủ, song trong thời kỳ độc lập, không lúc nào nhân dân ta không đứng trước nguy cơ ngoại xâm. Bởi vì các triều đại phong kiến phương Bắc luôn nuôi ý đồ bành trướng, "bình thiên hạ", mà Đại Việt là một đối tượng dòm ngó của chúng. Với truyền thống của mình, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, nhân dân ta biết phát huy cao độ lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết để cùng triều đình tiến hành kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc. Trong cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên thời Trần thế kỷ XIII, điều này đã được thể hiện rõ.

Quân Mông – Nguyên là đội quân hùng mạnh nhất thời đại bấy giờ. Vó ngựa của chúng đi đến đâu là nhà cửa tan hoang, làng mạc đổ nát. Chúng đã tung hoành nhiều nơi trên thế giới; lãnh thổ của đế chế Nguyên kéo dài từ bờ Thái Bình Dương đến bờ Hắc Hải. Có thể nói, trong suốt quá trình bành trướng thế lực của mình, quân Mông - Nguyên chưa bao giờ biết đến hai chữ "thất bại". Vậy mà khi đến Đại Việt, chúng phải khuất phục trước sức mạnh đấu tranh của nhân dân Đại Việt. Cả ba lần tiến hành xâm lược nước ta (1258, 1285, 1288), chúng đều bị nhân dân Đại Việt ta đánh bại. Đó không phải là vì chúng yếu hơn ta mà vì chúng bị thất bại trước sức mạnh của chiến tranh nhân dân mà quân dân nhà Trần đã tiến hành.

Để huy động sức mạnh toàn dân, khơi dậy truyền thống quý báu của dân tộc, nhà Trần đã có những chính sách tiến bộ, vì lợi ích của nhân dân.

Ngay từ khi thành lập (1225), nhà Trần đã ý thức được vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân. Xuất phát từ đó, nhà Trần đã đề ra những chính sách nhằm "khoan thư sức dân", chăm lo sản xuất, xây dựng, cải tạo đê điều... Với những chính sách như vậy, nhà Trần đã lấy được niềm tin ở nhân dân. Người dân hiểu rõ mình kháng chiến vì ai và thái độ của triều đình ra sao? Do đó họ tích cực, tự nguyện chiến đấu. Đây là một cơ sở đầu tiên để nhà Trần phát động một cuộc chiến tranh nhân dân nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của dân tộc. Nó là kết quả của chính sách "khoan thư sức dân làm kế lâu bền".

Để chuẩn bị cho kháng chiến, nhà Trần đã biết khơi dậy ý thức dân tộc của nhân dân, làm cho họ thêm tin tưởng vào sức mạnh của chính mình. Nó trở thành cội nguồn sức mạnh để nhà Trần có thể thắng lợi trong cuộc kháng chiến đầy gian khổ này.

Trong suốt quá trình kháng chiến, nhà Trần đã tổ chức một cuộc chiến tranh nhân dân thực sự, rộng lớn, tạo thành một sức mạnh vô song, không gì có thể tiêu diệt được, đủ sức để đánh bại kẻ thù hung bạo.

Khi quân Mông-Nguyên sang xâm lược nước ta, nhà Trần đã kịp thời huy động toàn dân cùng tham gia kháng chiến.

Ở cuộc kháng chiến lần thứ nhất (1258), ba vạn quân Nguyên do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy kéo vào nước ta. Ngay sau khi đặt chân lên Đại Việt, chúng đã vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ của nhân dân ta. Trước sức mạnh ban đầu của kẻ thù khi chúng tiến xuống Bình Lệ Nguyên, quân ta đã quyết định rút lui để bảo toàn lực lượng, rút khỏi khỏi Thăng Long về vùng Thiên Mạc, thực hiện chính sách "thanh dã", làm vườn không nhà trống. Với kế sách này, nhà Trần đã đánh tan âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của giặc. Thực hiện kế sách này nếu không được nhân dân ủng hộ thì không thể thành công được. Điều đó thể hiện tính nhân dân của cuộc kháng chiến.

Đặc biệt trong cuộc kháng chiến lần hai và lần ba (1285-1288), tính chất ác liệt của cuộc chiến tranh càng tăng hơn.

Nhưng, với quyết tâm của nhân dân và tài nghệ tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân của nhà Trần, quân Mông - Nguyên đã từng bước thất bại.

Khi quân Mông - Nguyên kéo sang nước ta lần hai, nhà Trần đã có sự chuẩn bị rất đầy đủ, sẵn sàng. Hai Hội nghị Bình Than (1282) và Diên Hồng (1285) là biểu hiện cao nhất của sự thống nhất, đoàn kết toàn dân. Nó là cội nguồn sức mạnh, là điều làm nên mọi chiến thắng.

Trong kháng chiến, với những kế sách đánh giặc sáng tạo của nhà Trần mà tiêu biểu là Trần Hưng Đạo đã được nhân dân nhiệt liệt ủng hộ. Dưới ngọn cờ kháng chiến của triều đình, nhân dân đã tạm gác mọi mâu thuẫn để cùng nhau chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Khi nhà Trần thực hiện kế hoạch rút lui, tiến hành việc "thanh dã", hay khi xây dựng trận địa cọc ngầm trên sông Bạch Đằng 1288, nếu không có nhân dân ủng hộ, phối hợp thì làm sao có thể thực hiện được.

Có thể nói, trong cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên kéo dài 30 năm đầy gian khổ này, nhân dân là động lực mạnh mẽ, giúp nhà Trần tổ chức, lãnh đạo kháng chiến thành công. Nhân dân đã ý thức được nghĩa vụ của mình trong việc chiến đấu bảo vệ đất nước. Họ đứng lên tự vũ trang, ủng hộ triều đình chống giặc, cứu nước. Do đó, đội quân của Trần Quốc Toản, Nguyễn Khoái đánh bại kẻ thù, làm nên chiến thắng ở trận Tây Kết. Cũng nhờ nhân dân ủng hộ, Trần Nhật Duật mới có chiến thắng Hàm Tử, Trần Quang Khải lập chiến công Chương Dương lừng lẫy. Trong trận Bạch Đằng (1288), làm nên chiến thắng không phải chỉ có người lãnh đạo tài giỏi và đội quân triều đình dũng cảm mà còn là kết quả của sự ủng hộ nhiệt tình, đông đảo của quần chúng nhân dân.

Nói tóm lại, chiến thắng của ba lần kháng chiến chống Mông – Nguyên là chiến thắng của sự đoàn kết toàn dân: "Mới ngày nào Ô Mã Nhi, Toa Đô vây thành bốn mặt, nhưng nhờ có sự đoàn kết, vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục, cả nước góp sức nên giặc phải bó tay". Đó là lời tổng kết về nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mông Nguyên, đó cũng là bài học quý giá cho ngàn đời sau.

Nhìn lại lịch sử, ta thấy bài học này đã trở thành chân lý, trở thành truyền thống của dân tộc Việt Nam. Khi nào dân ta đoàn kết, tiến hành chiến tranh nhân dân thì khi ấy chúng ta thắng lợi. Còn ngược lại, khi nào không được nhân dân ủng hộ thì khi đó cuộc kháng chiến sẽ thất bại. Sự thất bại của nhà Hồ, nhà Nguyễn là một bằng chứng lịch sử chứng minh cho bài học này. Chính vì không tập hợp được nhân dân, không được dân ủng hộ nên nhà Hồ và nhà Nguyễn đã thất bại. Điều đó cho ta thấy tính đúng đắn của việc huy động toàn dân đánh giặc: "Đẩy thuyền cũng là dân mà lật thuyền cũng là dân". Bài học rút ra là muốn kháng chiến thắng lợi, phải biết dựa vào dân, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân. Chỉ có như vậy, chúng ta mới đủ sức đương đầu với mọi kẻ thù xâm lược, dù đó là những thế lực hùng mạnh và tàn bạo nhất. Bài học đoàn kết toàn dân trong cuộc đấu tranh dựng nước cũng như giữ nước vẫn còn nguyên giá trị, trở thành một truyền thống quý báu của dân tộc ta.

Câu 3

Lịch sử không bao giờ lặp lại, nhưng lịch sử luôn luôn có sự kế thừa và phát triển. Bài học về huy động sức mạnh toàn dân, tiến hành chiến tranh nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên trình bày ở trên được các thế hệ tiếp sau kế thừa và vận dụng sáng tạo, đặc biệt dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954).

Huy động sức mạnh toàn dân, tiến hành chiến tranh nhân dân là một trong những truyền thống quý báu của dân tộc ta, nó góp phần làm nên mọi thắng lợi của dân tộc, nó được xuất phát từ tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc của nhân dân ta.

Ngay sau khi ra đời, Đảng ta đã xác định, cuộc kháng chiến chống ngoại xâm,bảo vệ nền độc lập dân tộc của nhân dân ta là cuộc kháng chiến "toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh". Đây là sự kế thừa kinh nghiệm, bài học của ông cha, song trong quá trình lãnh đạo kháng chiến, Đảng ta đã rất nhạy bén, linh hoạt trong từng hoàn cảnh cụ thể.

Năm 1945, sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân ta đã là người làm chủ đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã từng bước giải quyết những khó khăn (thù trong, giặc ngoài), đưa đất nước thoát khỏi tình thế "ngàn cân treo sợi tóc". Với âm mưu trở lại xâm lược nước ta, lợi dụng tình hình khó khăn của ta sau cách mạng, thực dân Pháp đã nổ súng xâm lược nước ta lần thứ hai (23-9-1945). Trong thời gian đầu, chúng ta đấu tranh dũng cảm, song tranh thủ thương lượng hoà bình để giữ vững thành quả cách mạng. Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946 được ký kết. Nhưng thực dân Pháp đã trắng trợn phá hoại Hiệp định, khiêu khích vũ trang, vi phạm đến chủ quyền dân tộc.

Trước những hành động ấy, Đảng và nhân dân ta không còn con đường lựa chọn nào khác là cầm súng đấu tranh. Cuộc kháng chiến chống Pháp toàn quốc bùng nổ ngày 19-12-1946. Sau chín năm trường kỳ chiến đấu gian khổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã từng bước làm thất bại âm mưu của Pháp, giành thế chủ động trên chiến trường.

Những cố gắng, quyết tâm của nhân dân ta đã đưa đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954, kết thúc 9 năm kháng chiến. Thật là:

"Chín năm làm một Điện Biên,
Nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng".

Trong suốt cuộc kháng chiến đầy khó khăn, thử thách, Đảng ta đã không ngừng củng cố khối đoàn kết toàn dân, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân. Đó là điểm cốt lõi đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Ở đây, Đảng ta đã vận dụng bài học về huy động sức mạnh toàn dân một cách linh hoạt, sáng tạo. Ngay từ khi ra đời, trong bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã xác định rõ: kháng chiến phải thu hút hết thảy mọi tầng lớp trong đó liên minh công nông làm gốc; phải liên hệ các giai cấp khác, lôi kéo họ về với cách mạng; với giai cấp địa chủ, phú nông.. . phải làm cho họ trung lập. Có thể nói đây là bước định hình đầu tiên của chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đảng xác định đường lối của cuộc kháng chiến là toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh. Điều này thể hiện tư tưởng toàn dân của Đảng ta.

Trong suốt cuộc kháng chiến 9 năm, Đảng ta đã thực hiện nhiều chính sách chăm lo, bồi dưỡng sức dân, như giảm tô, giảm tức, lấy ruộng đất của địa chủ, Việt gian chia cho nông dân. Những việc làm này đã củng cố sức mạnh toàn dân, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng. Đảng còn đưa ra những chính sách khuyến khích nhân dân tăng gia sản xuất, thực hiện khẩu hiệu "thực túc binh cường", "ăn no đánh thắng"...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chiến tranh nhân dân được mở rộng hơn. Trước kia, nhân dân là lực lượng góp phần cổ vũ, tham gia kháng chiến cùng triều đình. Trong thời kỳ Đảng lãnh đạo kháng chiến đã gắn liền cuộc đấu tranh chính trị quần chúng với lực lượng vũ trang nhân dân; "mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm là một pháo đài", "nhà nông chắc tay cày, tay súng, công nhân chắc tay búa, tay súng"... Với chủ trương huy động sức dân tích cực đó, Đảng ta đã phát động được cuộc chiến tranh toàn dân: mọi giới, mọi giai cấp, mọi tầng lớp, không kể gái trai, già trẻ, tôn giáo, miễn là người Việt Nam phải cùng nhau đứng lên kháng chiến, chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Trong suốt chín năm kháng chiến trường kỳ, gian khổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng – chính Đảng của giai cấp vô sản Việt Nam theo chủ nghĩa Mác - Lênin, nhân dân ta đã không ngại khó, đã chiến đấu một cách anh dũng, "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Chính sức mạnh vô địch đó đã làm thất bại mọi âm mưu của thực dân Pháp, đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi hoàn toàn. Khi Đảng đề ra những chính sách, những đường lối đúng đắn, nhân dân cả nước đã nhiệt liệt ủng hộ, tham gia. Họ tập hợp trong các tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất: Mặt trận Việt Minh, Hội Liên Việt, rồi Mặt trận Liên Việt. Đây là khối thống nhất vững chắc nhất của dân tộc Việt Nam. Khi tạm rút lui trước sức mạnh ban đầu của giặc, nhân dân ta đồng lòng thực hiện tiêu thổ kháng chiến, ngăn chặn địch thực hiện "đánh mau, thắng mau", chuẩn bị lực lượng, chớp thời cơ, phản công. Sự đoàn kết, lòng quyết tâm chiến đấu, tạo nên một sức mạnh tổng hợp đánh bại mọi âm mưu của đế quốc.

Nói tóm lại, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, bài học về huy động sức mạnh nhân dân đã được Đảng ta kế thừa, vận dụng sáng tạo và phát triển cao độ. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới đất nước, bài học này tiếp tục được phát huy, đây là nguyên nhân của mọi thắng lợi của dân tộc ta trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1

Đông Nam Á là khu vực địa lý, lịch sử, văn hoá. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, khu vực Đông Nam Á đã có những biến đổi rất quan trọng về mặt chính trị và xã hội.

Đông Nam Á là một khu vực có vị trí chiến lược quan trọng trên thế giới, giàu tài nguyên thiên nhiên, do đó ngay từ rất sớm đã trở thành đối tượng dòm ngó của các nước tư bản phương Tây.

1. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á là thuộc địa của các nước tư bản phương Tây (trừ Thái Lan là nước phụ thuộc). Philippin là thuộc địa của Mỹ; Lào, Việt Nam, Cămpuchia thuộc địa của Pháp; Inđônêxia thuộc địa của Hà Lan...

Dưới ách thống trị và áp bức của các nước tư bản, đế quốc đời sống nhân dân các nước Đông Nam Á vô cùng khổ cực. Họ đã đứng lên đấu tranh để giành lại nền độc lập của mình, nhưng do nhiều yếu tố tác động nên chưa giành được thắng lợi. Các nước Đông Nam Á hoàn toàn lệ thuộc (cả về chính trị, xã hội) vào các nước đế quốc.

Những chính sách cai trị của thực dân làm cho đời sống nhân dân thuộc địa đã khổ cực lại càng lâm vào cảnh khốn cùng, đất nước đã lạc hậu lại càng lạc hậu hơn. Số phận các nước Đông Nam Á cũng giống như nhiều thuộc địa khác ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh, đều nằm dưới ách thống trị tàn bạo của chủ nghĩa tư bản và lâm vào một tình trạng tối tăm nhất cả về chính trị, xã hội và kinh tế.

Nhưng từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á lần lượt giành được độc lập với các hình thức và mức độ khác nhau, có nhiều biến đổi về chính trị và xã hội.

Sau thế chiến thứ hai, các nước phát xít đã hoàn toàn bại trận, chủ nghĩa tư bản có sự suy yếu trên trường quốc tế sau những cuộc chiến tranh lớn. Thêm vào đó là sự hình thành và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Đây là những điều kiện thuận lợi để các nước thuộc địa ở Đông Nam Á nói riêng và các nước thuộc địa trên thế giới nói chung đứng lên giải phóng dân tộc.

Hoà vào khí thế chung của phong trào cách mạng thế giới, phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á đã bùng lên mạnh mẽ và đạt nhiều thắng lợi. Nhiều nước giành độc lập, tiến hành xây dựng và phát triển đất nước: Việt Nam (2-9-1945), Inđônêxia (17-8-1945), Lào (10-1945)...

Sự ra đời của các nước độc lập đã làm thay đổi cục diện thế giới và khu vực. Tình hình chính trị các nước Đông Nam Á dần đi vào ổn định; văn hoá, giáo dục, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được nâng cao hơn về nhiều mặt. Các nước Đông Nam Á sau khi giành độc lập đều đi lên phát triển đất nước, chủ yếu theo con đường tư bản chủ nghĩa, như Thái Lan, Inđônêxia, Philippin; riêng Việt Nam và Lào đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Tuy có chế độ chính trị khác nhau, nhưng hiện nay, các nước Đông Nam Á vẫn có những mối quan hệ gắn bó với nhau. Đỉnh cao của mối quan hệ này là sự ra đời của *Hiệp hội các nước Đông Nam Á* (ASEAN) được thành lập ngày 8-8-1967. Đây là một tổ chức khu vực ổn định, năng động, thúc đẩy mối quan hệ hợp tác, giao lưu giữa các nước. Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995, là thành viên tích cực, quan trọng của tổ chức. Hiện nay, ASEAN đã tập hợp đầy đủ mười nước, tạo thành khối đoàn kết trong khu vực để cùng nhau phát triển, chống lại sự cạnh tranh của các nước trên thế giới.

Như vậy, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á hầu hết đã giành độc lập, ổn định về chính trị, phát triển kinh tế, xây dựng xã hội văn minh, tiến bộ hơn. Đây là sự cổ vũ lớn lao đối với nhân dân, cách mạng thế giới và góp phần làm thay đổi cục diện thế giới.

Câu 2

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga (1917), chủ nghĩa xã hội đã ra đời ở Liên Xô, phá vỡ thế độc quyền của chủ nghĩa tư bản trong sự thống trị thế giới. Trải qua nhiều năm phát triển, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội đã trở thành hệ thống thế giới và đạt được nhiều thành tựu đáng kể, đóng góp vào sự thay đổi cục diện thế giới, theo hướng hoà bình, tiến bộ.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu. Cũng trong thời gian này, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ra đời và bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và bước đầu có những thành tựu cụ thể (từ 1945 đến đầu những năm 70). Nhìn chung, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trong thời gian này đã đạt được nhiều thành tựu to lớn.

1. Thành tựu về kinh tế

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô bắt tay vào công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Với tinh thần tự lực, tự cường của nhân dân Liên Xô, dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Liên Xô, nhân dân Xô viết đã đạt được nhiều thành tựu về kinh tế: Sản lượng công nghiệp tăng 140%, sản lượng nông nghiệp tăng 25%. Năm 1973, sau 50 năm Liên bang Xô Viết ra đời, sản lượng công nghiệp tăng 321 lần, thu nhập quốc dân tăng 121 lần, đời sống nhân dân được cải thiện. Những năm đầu thập kỷ 70, sản lượng công nghiệp của Liên Xô chiếm 20% của toàn thế giới, trở thành nước công nghiệp, một cường quốc đứng thứ hai trên thế giới (sau Mỹ).

Cùng với Liên Xô, các nước Đông Âu cũng đạt được nhiều thành tựu đáng kể: công nghiệp phát triển mạnh, gấp nhiều lần trước chiến tranh; nông nghiệp được cơ giới hoá, hiện đại hoá, giải quyết được vấn đề lương thực, thực phẩm cho người dân.

Với những thành tựu này chủ nghĩa xã hội đủ sức chống lại âm mưu tiêu diệt của chủ nghĩa tư bản.

2. Thành tựu về khoa học - kỹ thuật và quân sự

Liên Xô vào thời gian này đạt nhiều thành tựu về khoa học: Năm 1957 phóng thành công vệ tinh nhân tạo; năm 1961 đưa nhà du hành Gagarin bay vòng quanh trái đất, mở đầu thời kỳ chinh phục vũ trụ của loài người.

Bằng các Hiệp ước ABM, SALT-1, SALT-2, Liên Xô đã đạt thế cân bằng về quân sự với Mỹ, phá vỡ thế độc quyền về khoa học - kỹ thuật và quân sự của Mỹ.

Các nước Đông Âu thời kỳ này cũng đạt được một số thành tựu về khoa học - kỹ thuật và quân sự, góp phần củng cố sức mạnh của chủ nghĩa xã hội trên trường quốc tế.

3. Thành tựu về chính trị, xã hội

Cả Liên Xô và Đông Âu đều có những bước phát triển về chính trị và xã hội. Thể chế chính trị theo con đường xã hội chủ nghĩa được nhân dân ủng hộ và dần đi vào ổn định, phát huy mọi tác dụng, khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Đời sống nhân dân (tinh thần và vật chất) đều được nâng cao, cải thiện. Điều này kích thích nhân dân hăng hái sản xuất, xây dựng xã hộ mới – xã hội chủ nghĩa tiến bộ.

Với những thành tựu to lớn, toàn diện trên, chủ nghĩa xã hội đứng vững trước vòng vây của chủ nghĩa tư bản. Liên Xô đã đủ khả năng để trở thành một cực đối trọng với Mỹ trong "trật tự hai cực Ianta"; đủ sức để trở thành điểm tựa, thành trì của phong trào cách mạng thế giới. Bằng những thành tựu này cho thấy tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội (chủ nghĩa tư bản ra đời, phát triển để trở thành hệ thống thế giới mất gần hai thế kỷ, trong khi đó chủ nghĩa xã hội chỉ cần gần 70 năm...): chính trị ổn định, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được nâng cao...

Ngày nay, chủ nghĩa xã hội đã sụp đổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu, nhưng đó chỉ là sự sụp đổ của một mô hình không phù hợp. Những thành tựu mà chủ nghĩa xã hội để lại, chúng ta không thể phủ nhận và nó là điều kiện cho nước Nga phát triển ngày nay.

Hiện nay trên thế giới chỉ có 5 nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa: Việt Nam, Lào, Triều Tiên, Cuba, Trung Quốc, nhưng với những thành tựu trong công cuộc đổi mới của những nước này cho ta khẳng định rằng: chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội lý tưởng nhất mà loài người muốn vươn tới, ở đó không còn sự bất công, không còn chế độ người bóc lột người. Đây là một trong những nhân tố góp phần hình thành trật tự thế giới mới.

Nhìn vào sự phát triển của Việt Nam hiện nay đi theo con đường chủ nghĩa xã hội, chúng ta tin rằng đất nước ta sẽ đi vào một tương lai tốt đẹp hơn, và chủ nghĩa xã hội dù có những bước thăng trầm song cuối cùng vẫn là một chế độ xã hội tốt đẹp nhất, lý tưởng nhất mà loài người đã, đang và sẽ vươn tới.

NHẬN XÉT BÀI THI

- Bài làm tốt, thể hiện ở chỗ nắm vững những sự kiện cơ bản và biết sử dụng vào giải quyết vấn đề được đặt ra trong đề thi. Điều này chứng tỏ thí sinh học sử thông minh, không chỉ nhớ đúng sự kiện, mà quan trọng hơn đã hiểu và vận dụng vào bài làm.
- Trong bài làm về Lịch sử thế giới, thí sinh đã theo dõi các nguồn thông tin để có thêm kiến thức cập nhật, không có trong sách giáo khoa, liên hệ được những sự kiện quá khứ với hiện tại.

Bài đạt 18,5 điểm, giải nhất.

BÀI LÀM*

I. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1

Lịch sử của dân tộc Việt Nam từ khi giành được độc lập đến nay là lịch sử của những chiến công chống ngoại xâm hiển hách. Gắn liền với những thắng lợi vẻ vang đó là tên tuổi của các vị anh hùng dân tộc, cũng là những nhà quân sự tài ba đã đem tài trí của mình cùng quân dân đánh giặc, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, quyền sống của nhân dân và nhân phẩm của con người.

Theo em, các anh hùng dân tộc tiêu biểu của dân tộc ta từ thế kỷ X đến năm 1975 là:

TT	Anh hùng dân tộc	Thời gian	Chiến công nổi bật
1	Khúc Thừa Dụ	Năm 905	Đánh đuổi ách đô hộ phong kiến nhà Đường, bước đầu giành lại độc lập, tự chủ cho dân tộc sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc.
2	Ngô Quyền (thời Ngô)	Năm 938	Lãnh đạo nhân dân trừng trị tên phản bội Kiều Công Tiễn, đập tan âm mưu xâm lược của nhà Nam Hán, đưa dân tộc bước vào kỷ nguyên mới: độc lập, tự chủ gắn

---

[*] Nguyễn Thị Thanh Tùng, trường Trung học phổ thông chuyên Hưng Yên.

			liền với chế độ phong kiến. Ngô Quyền được mệnh danh là "Ông tổ phục hưng"
3	Lê Hoàn (Lê Đại Hành, thời Tiền Lê).	981	Sau khi lên ngôi đã lãnh đạo nhân dân đập tan âm mưu xâm lược lần thứ nhất của nhà Tống, bảo vệ nền độc lập dân tộc.
4	Lý Thường Kiệt (thời nhà Lý).	1075-1077	Giữ chức Tổng chỉ huy quân đội dưới thời Lý Nhân Tông. Ông đã lãnh đạo nhân dân Đại Việt tiến hành cuộc tập kích sang đất Tống (1075-1076), và đánh bại 30 vạn quân Tống khi chúng sang xâm lược nước ta lần thứ hai trên phòng tuyến sông Như Nguyệt. Độc lập dân tộc được giữ vững.
5	Vua Trần Thái Tông (Trần Cảnh, thời Trần).	1258	Lãnh đạo nhân dân ta đánh bại 3 vạn quân xâm lược Mông Cổ do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy.
6	Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (thời Trần).	1285 và 1288	Giữ chức Tổng chỉ huy quân đội, viết sách "Binh thư yếu lược", "Hịch tướng sỹ", lãnh đạo nhân dân ta đánh bại lần xâm lược thứ hai (năm 1285) và lần xâm lược thứ ba (năm 1288) của quân Nguyên – Mông. Độc lập dân tộc được bảo vệ vẹn toàn. Công lao của ông còn có ý nghĩa to lớn đối với việc nước Nhật Bảnkhông bị quân Nguyên xâm lược. Nhờ có đức ngài đây mới có nước Nhật ngày nay". (Lời viên chỉ huy quân đội Nhật ở Đông Dương, năm 1940).

7	Lê Lợi và Nguyễn Trãi (khởi nghĩa Lam Sơn)	1418-1427	Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đập tan ách thống trị nhà Minh, giành lại độc lập dân tộc. Nguyễn Trãi không chỉ là anh hùng dân tộc mà còn là danh nhân văn hoá của thế giới.
8	Nguyễn Huệ (Quang Trung)	1785 và 1789	Một lãnh tụ khởi nghĩa nông dân Tây Sơn, cùng nhân dân đánh bại năm vạn quân Xiêm (năm 1785) và 29 vạn quân Thanh xâm lược (năm 1789), bảo vệ độc lập dân tộc; lập ra triều đại Tây Sơn, bước đầu xây dựng và củng cố nền thống nhất quốc gia, để ra những chính sách phát triển đất nước.
9	Hồ Chí Minh (1890-1969)	Từ 1911 đến 1969	- Tìm con đường cứu nước đúng cho dân tộc Việt Nam: con đường giải phóng dân tộc theo cách mạng vô sản. - Thành lập Đảng Cộng sản Việt nam – nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng trên cơ sở kết hợp phong trào yêu nước, phong trào công nhân, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin về nước và chuẩn bị những điều kiện về chính trị,tổ chức và cán bộ. - Lãnh đạo quá trình chuyển hướng chỉ đạo chiến lược qua Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII – 1941 và chuẩn bị Tổng khởi nghĩa tháng Tám thắng lợi (1945). - Viết Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, ngày 2-9-1945.

			- Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954) thắng lợi. - Cùng Đảng Lao động Việt Nam, đề ra chiến lược cách mạng hai miền (1954-1975), chống Mỹ xâm lược và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Năm 1969, Người ra đi để lại niềm tiếc thương cho toàn dân tộc và nhân loại yêu hoà bình.

Câu 2

Xâm lược và chống xâm lược là hai mặt của một cuộc chiến tranh. Cũng là đổ máu và nước mắt, cuộc chiến tranh có tính chất phi nghĩa của những tên đi xâm lược hiếu chiến; đối với nước bị xâm lược, cuộc chiến tranh lại mang tính chất chính nghĩa, nhằm bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia. Lịch sử Việt Nam hàng ngàn năm nay là lịch sử dựng nước và giữ nước vĩ đại – lịch sử của một dân tộc:

"Đem đại nghĩa thắng hung tàn,
Lấy chí nhân thay cường bạo".

Cho nên, kẻ thù dù mạnh đến đâu, nhân dân ta vẫn đánh thắng. Từ trong giông bão của cuộc chiến tranh, nhân dân Việt Nam đã viết lên bản anh hùng ca về truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Để giải quyết đề bài, em xin chọn cuộc kháng chiến chống quân Nguyên của quân dân nhà Trần, nổi bật là tinh thần đoàn kết và chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Bước sang thế kỷ XIII, loài người kinh hoàng trước vó ngựa xâm lăng của đế chế Mông Cổ. Với tài cưỡi ngựa và bắn cung phi thường, với tính cách cương nghị của người dân du mục, chúng đã làm chủ một vùng đất đai rộng lớn từ Thái

Bình Dương đến bờ biển Hắc Hải. Thực hiện âm mưu bành trướng xuống phía Nam, năm 1271? quân Mông Cổ tiến đánh Nam Tống. Một đạo quân do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy đã tiến vào biên giới Đại Việt, hòng tạo thế gọng kìm, vây nhà Tống. Nền độc lập của dân tộc ta đứng trước cơn thử thách gay gắt.

Trong thời gian này, đất nước ta dưới chế độ phong kiến nhà Trần, đã có hơn ba mươi năm phát triển cường thịnh. Với ý thức dân tộc sâu sắc và tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, nhân dân Đại Việt kiên quyết chống lại kẻ thù.

Năm 1258, ba vạn quân Mông Cổ do tướng Ngột Lương Hợp Thai chính thức tiến đánh Đại Việt. Lấy uy danh một đế quốc phong kiến hùng mạnh nhất thế giới, sứ giả Mông Cổ đã sang gặp triều đình nhà Trần, yêu cầu nhân dân ta hạ vũ khí đầu hàng giặc. Với tinh thần kiên quyết kháng chiến, vua Trần đã sai bắt giam sứ giả và kêu gọi toàn dân đánh giặc. Ngày 17-1-1258, quân giặc kéo xuống Bình Lệ Nguyên. Trước thế giặc mạnh, quân dân ta đã chủ động thực hiện "vườn không nhà trống", rút lui về vùng Thiên Mạc (Nam Định). Quân Mông Cổ tiến vào Thăng Long chỉ thấy một toà thành trống vắng nên không khỏi sợ hãi, lo lắng. Quân dân ta tiến hành chiến tranh du kích, tiêu hao lực lượng địch. Ngày 29-1-1258, khi thời cơ đã đến, quân đội đã phối hợp cùng nhân dân mở trận quyết chiến chiến lược tại Đông Bộ Đầu, đập tan ba vạn quân Mông Cổ. Số tàn quân hoảng hốt tháo chạy, bị đạo quân của tù trưởng Hà Bổng chặn đánh cho tan tác. Quân giặc không còn nghĩ đến cướp bóc nữa, chỉ lo chạy thoát thân. Nhân dân ta mỉa mai gọi chúng là "giặc Phật". Âm mưu của nhà Nguyên muốn biến nước ta làm bàn đạp đánh Nam Tống bị thất bại.

Sau thắng lợi, nhân dân ta tiến hành công cuộc xây dựng đất nước, đồng thời mở mặt trận ngoại giao với kẻ thù. Triều đình nhà Trần kiên quyết không nhân nhượng trước những yêu cầu, hạch sách của sứ giả, xâm phạm đến quyền lợi, danh dự dân tộc. Đồng thời, triều đình vẫn thi hành chế độ cống nạp, cầu phong để kéo dài thời gian hoà hoãn, củng cố lực lượng. Năm 1282, quân Nguyên đánh Chămpa, hòng biến Chămpa thành bàn đạp đánh Đại Việt. Quân dân Chămpa đã kiên quyết đánh trả. Biết trước kẻ thù sớm muộn cũng tiến đánh nên triều đình đã gấp rút chuẩn bị kháng chiến.

Năm 1282, Hội nghị Bình Than gồm các vương hầu, quý tộc đã họp để bàn kế sách đánh giặc. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn giữ chức Tổng chỉ huy, đã viết sách "Binh thư yếu lược" nêu kế sách đánh giặc. Năm 1285, Hội nghị Diên Hồng gồm các bô lão đại diện cho nhân dân, đã được triệu tập để đoàn kết toàn dân đánh giặc. Quân dân một ý chí, cả nước một lòng sôi nổi không khí chuẩn bị chống xâm lược. Các binh sĩ tự khắc vào tay hai chữ "Sát Thát", khẳng định quyết tâm đánh giặc.

Năm 1285, nhà Nguyên dốc 50 vạn quân đánh Đại Việt. Thế giặc mạnh chưa từng thấy, dưới sự chỉ huy của Thoát Hoan, quân Nguyên đánh vào nước ta. Một cánh quân do Toa Đô chỉ huy hành quân từ phía nam lên, hòng tiêu diệt lực lượng, đè bẹp ý chí chống xâm lược của quân dân nhà Trần. Để tránh thế mạnh của giặc, nhân dân ta tiếp tục thực hiện "vườn không nhà trống", rút lui về Thiên Trường và Trường Yên. Cuộc rút lui kỳ diệu đó đã tạo cho ta giữ gìn lực lượng. Một lần nữa quân giặc tiến vào Thăng Long, rồi lâm vào thế hoang mang, bị động. Tháng 5-1285, quân ta mở cuộc phản công địch, giành những thắng lợi to lớn tại Hàm Tử, Chương Dương, Tây Kết, Vạn Kiếp. Thoát Hoan phải chui vào ống đồng thoát về nước. Toàn bộ 50 vạn quân xâm lược và âm mưu của kẻ thù đã bị quân dân ta đánh bại.

Vua Nguyên nghe tin đó, hết sức tức giận, lập tức hoãn xâm lược Nhật Bản, sai Thoát Hoan chỉ huy 30 vạn quân xâm lược nước ta lần thứ ba. Cuối năm 1287, quân giặc tràn vào Đại Việt, theo các mũi thuỷ và bộ. Quân dân ta tiếp tục thực hiện kế "thanh dã" (vườn không nhà trống), tránh thế mạnh của giặc. Không đánh vào đạo quân chủ lực như hai lần trước, đạo quân của ta do Trần Khánh Dư chỉ huy đã đánh tan đoàn thuyền lương của giặc. Âm mưu đánh lâu dài của địch bị thất bại. Sau khi tiến vào Thăng Long gặp quang cảnh như lần trước, Thoát Hoan không dám đóng quân ở đây mà lui về Vạn Kiếp. Nghe tin đoàn thuyền lương đã bị quân ta đánh chiếm, quân giặc càng hoang mang, hoảng sợ, vội vã rút lui. Ngày 9-4-1288, Trần Hưng Đạo đích thân chỉ huy trận quyết chiến lược trên sông Bạch Đằng, đập tan đạo quân thủy của giặc do Ô Mã Nhi chỉ huy. Đạo quân bộ liên tục bị tập kích trên đường rút chạy, khó khăn lắm chúng mới rút được về nước. Kể từ đó, quân Nguyên - Mông không dám sang đánh nước ta nữa.

Cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhà Trần đã kết thúc thắng lợi. Độc lập dân tộc được giữ vững. Truyền thống đấu tranh anh hùng của dân tộc thêm một lần nữa được tô thắm.

Để làm nên ba lần chiến thắng oanh liệt này, trong rất nhiều nguyên nhân khác nhau, truyền thống đoàn kết toàn dân là yếu tố quyết định. Vì sao vậy? Trước một kẻ thù xâm lược hùng mạnh, nếu không phát huy cao độ tinh thần đoàn kết toàn dân thì không thể làm nên thắng lợi vĩ đại.

Từ cổ chí kim, đoàn kết luôn được coi là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thành bại của cuộc chiến tranh. Kế thừa và phát huy truyền thống đó, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã không chỉ nhận thấy mà còn khai thác tinh thần đoàn kết của nhân dân ta và vận dụng trong chiến đấu.

Đoàn kết chính là sự hoà hợp sức mạnh của các tầng lớp nhân dân. Không phát huy được tinh thần đoàn kết thì không thể đánh trận, không xuất quân, quân dân không quyết thắng. Và như vậy thì cuộc chiến đấu sẽ không thể giành thắng lợi.

Ngay từ trước chiến tranh bùng nổ, nhà Trần đã thi hành chính sách đoàn kết để xây dựng đất nước thông qua hình thức huy động nhân dân đắp đê, khai hoang, bồi dưỡng sức dân, tăng cường an ninh quốc gia. Trong kháng chiến, tinh thần đoàn kết đã trở thành bức tường vững chắc để bảo vệ độc lập dân tộc mà kẻ thù không thể công phá nổi. Nó thể hiện sự thống nhất nội bộ quý tộc, thống nhất nhân dân, tạo thành sức mạnh trong bộ chỉ huy, tìm ra kế sách đánh giặc. Tiếng hô vang "Đánh!" của các bô lão trong hội nghị Diên Hồng đã khẳng định vững chắc khối đoàn kết toàn dân và quyết tâm chống kẻ thù xâm lược. Nhờ đó mà chiến tranh nhân dân đã được phát huy cao độ. Kẻ thù mạnh, quân dân nhà Trần đã thực hiện rút lui chiến thuật, bảo toàn lực lượng, chờ thời cơ mở trận quyết định. Kế "thanh dã" sẽ không thành công nếu không có sự giúp sức của các tầng lớp nhân dân. Đoàn kết đã trở thành sức mạnh, là sức sống để nhân dân ta đánh bại quân Nguyên và mọi thế lực xâm lược tàn bạo khác nói chung. Những chiến thắng vang dội nơi tiền tuyến, như Đông Bộ Đầu, Vạn Kiếp, Bạch Đằng đã minh chứng cho khối đoàn kết từ hậu phương đến tiền tuyến. Truyền thống cả nước đánh giặc, toàn dân chiến đấu, binh sĩ một lòng đánh giặc là động lực, là nguyên lý quan trọng hàng đầu đưa cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên giành thắng lợi hoàn toàn.

Vì vậy, hiểu vì sao khi giải thích về nguyên nhân thắng lợi, Trần Quốc Tuấn lại khẳng khái trả lời: "Đó là nhờ vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục, cả nước góp sức". "Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc" là chính sách đại đoàn kết dân tộc của vương triều Trần mà các triều đại về sau luôn phát huy để bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng đất nước. Đó là bài học lớn mà các đời sau cần học tập, phát huy cao hơn, đặc biệt trong thời kỳ Đảng lãnh đạo.

Câu 3

Trải qua các thời đại, đặc biệt trong thời đại Hồ Chí Minh, truyền thống đoàn kết, bài học quyết định mọi thắng lợi đã được Đảng ta kế thừa và phát huy một cách sáng tạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh – con người của mọi bước ngoặt vĩ đại của lịch sử, kết tinh sức mạnh dân tộc, sức mạnh thời đại, đã từng nói:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,
Thành công, thành công, đại thành công".

Đoàn kết là sức mạnh, nhưng trong cảnh đất nước còn dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, nhân dân một cổ hai tròng – vừa chịu áp bức của thực dân, vừa bị giai cấp phong kiến thống trị; rồi khi nước nhà độc lập, tiến hành cuộc kháng chiến 30 năm (1945-1975) thì chính sách đại đoàn kết dân tộc, đường lối kháng chiến toàn dân phải xây dựng và thực hiện như thế nào, là sự kế thừa và phát triển sáng tạo của Đảng để giành thắng lợi. Ngay từ khi ra đời, dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã đề ra các hình thức Mặt trận dân tộc thống nhất. Tuỳ từng thời điểm lịch sử khác nhau, tên gọi Mặt trận cũng có sự thay đổi phù hợp, nhưng nội dung, mục tiêu không thay đổi. Ví như, trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954), có Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt, sau hợp thành Mặt trận Liên Việt là nơi hội tụ ỹ chí chống Pháp của toàn dân. Tiếp nối truyền thống của cha ông, đồng thời phát huy đường lối chiến tranh nhân dân trong một hoàn cảnh mới, nhân dân ta đã tiến hành xây dựng hậu phương vững chắc, chuẩn bị mọi yếu tố cho thắng lợi ở tiền tuyến. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta là cuộc chiến tranh toàn dân, với tinh thần quân dân một ý chí, "mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, cả nước là chiến trường tiêu diệt giặc". Nhân dân cả nước đã từng bước đánh bại âm mưu của thực dân Pháp, giành những thắng lợi to lớn mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ 1954 công nhận độc lập, chủ quyền của ba nước Đông Dương. Phải chăng khí thế "Tất cả đàn ông, đàn bà, tất cả già, trẻ, trai, gái, không phân biệt tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm"... chính là sự kết tinh, thể hiện truyền thống đoàn kết của dân tộc từ ngàn xưa, từ các cuộc kháng chiến chống Tống, Mông-Nguyên, Minh, Thanh, cho tới hôm nay, ngày càng toả sáng rực rỡ.

Có thể nhận thấy rằng, xuyên suốt tiến trình đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, không có một lần nào, đoàn kết mà nhân dân ta không giành được thắng lợi. Đó là bài học quý giá, là truyền thống vẻ vang để hôm nay trong công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tiếp tục kế thừa và phát huy cao hơn.

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Câu 1

Đông Nam Á là một trong những cái nôi văn minh của lịch sử loài người. Với vị trí chiến lược, tài nguyên phong phú, nhân lực dồi dào nên đến cuối thế kỷ XIX, các quốc gia Đông Nam Á đã bị biến thành thuộc địa của các đế quốc lớn như Anh, Pháp, Hà Lan. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các quốc gia Đông Nam Á đã bắt đầu những biến đổi to lớn về mọi mặt.

Ngày 14-8-1945, Chiến tranh thế giới hai kết thúc với thắng lợi thuộc về phe Đồng minh, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào giải phóng dân tộc bùng lên mạnh mẽ. Tiếp đó, hệ thống xã hội chủ nghĩa ra đời, làm chỗ dựa cho các dân tộc giành độc lập, khẳng định tiếng nói của mình trên trường quốc tế. Ngay trong năm 1945, đã có ba nước ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập là Inđônêxia (17-8-1945), Việt Nam (2-9-1945), Lào (12-10-1945).

Chủ nghĩa thực dân cũ tìm mọi cách khôi phục quyền thống trị của chúng ở các thuộc địa trước đây. Pháp quay trở lại đặt nền thống trị ở các quốc gia Đông Dương. Dưới danh nghĩa Đồng minh, quân Anh đặt ách thống trị lên các nước Mã Lai, Xingapo, Mianma... Với truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất, các quốc gia Đông Nam Á đã vùng lên đập tan âm mưu xâm lược của kẻ thù. Ngày 4-1-1948, nhân dân Mianma tuyên bố độc lập. Tháng 7-1946, Mỹ công nhận nền độc lập của Philipin. Với chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, thực dân Pháp đã phải ký Hiệp định Giơnevơ, công nhận độc lập, chủ quyền của ba nước Đông Dương. Lần lượt sau đó Malaixia, Xingapo cũng tuyên bố độc lập. Có thể nói đến năm 1975, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân mới, trực tiếp là Mỹ của Việt Nam, Lào, Cămpuchia, nhân dân Đông Nam Á đã giành lại được quyền tự do. Hầu hết các quốc gia Đông Nam Á đã giành được độc lập.

Nếu như trước Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), ách thống trị của chủ nghĩa thực dân làm bùng lên ngọn lửa đấu tranh quyết liệt nhưng đều thất bại, thì sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở các quốc gia Đông Nam Á đã lần lượt giành thắng lợi to lớn, làm sụp đổ từng mảng chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Nếu như khi bọn thực dân phương Tây đến xâm lược, các quốc gia Đông Nam Á đang tồn tại chế độ phong kiến lạc hậu, suy yếu, rồi trở thành nước thuộc địa, nửa phong kiến hay phụ thuộc, thì sau khi giành được độc lập, các quốc gia này phát triển theo thể chế chính trị, tổ chức sản xuất khác nhau nhưng đều ngày một giàu mạnh. Việt Nam, Lào, kiên trì đi theo con đường xã hội chủ nghĩa; Inđônêxia, Malaixia, Xingapo, Brunây phát triển theo hướng tư bản; Cămpuchia thực hiện thể chế trung lập.

Có thể nói, từ sau Chiến tranh thế giới hai là quá trình phát triển không ngừng của các quốc gia Đông Nam Á. Sau khi giành độc lập, các quốc gia Đông Nam Á có xu thế liên kết với nhau cùng phát triển. Ngày 8-8-1967, tổ chức ASEAN ra đời, trở thành tổ chức chính trị chung của khu vực. Đến nay, cả 10 nước Đông Nam Á đều đã gia nhập ASEAN, hoà chung vào xu hướng hoà nhập thế giới. Với các chính sách cải cách, phát triển kinh tế, xã hội, các quốc gia này không ngừng phát triển nhằm nâng cao đời sống nhân dân, nâng cao trình độ học vấn...

Đông Nam Á đang có xu thế trở thành một trung tâm phát triển sôi động của thế giới. Là một thành viên của ASEAN, Việt Nam đang phấn đấu hết mình để bằng kịp các nước trong khu vực và hoà chung vào bước đi của toàn nhân loại.

Câu 2

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một trong những sự kiện quan trọng của loài người, đó là sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa, gồm Liên Xô, Đông Âu và các nước khác. Để có thể cân bằng "trật tự hai cực Ianta", các quốc gia Đông Âu và Liên Xô đã không ngừng vươn lên, đạt những thành tựu to lớn trong giai đoạn 1945-1970.

Bước ra từ cuộc chiến tranh vệ quốc, với tư cách là lực lượng đi đầu của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, nhân dân Liên Xô đứng trước hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh. Để khôi phục kinh tế, phát triển đất nước, chống âm mưu bao vây, tiêu diệt của đế quốc Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với phong trào giải phóng dân tộc, phong trào hoà bình, nhân dân Liên Xô đã tự lực, tự cường, thực hiện liên tiếp các kế hoạch 5 năm. Trải qua gần 30 năm sau chiến tranh, nhân dân Liên Xô đã đạt được những thành tựu to lớn.

Về kinh tế, tốc độ tăng trưởng nhanh, trong đó ngành công nghiệp đạt 9,6% một năm. Thu nhập quốc dân tăng 321 lần (1972 so với 1922), có nhiều ngành công nghiệp đứng hàng đầu thế giới. Liên Xô trở thành cường quốc thứ hai thế giới,sau Mỹ.

Về khoa học - kỹ thuật, Liên Xô đã thành công trong chế tạo bom nguyên tử (1949), phóng tàu vũ trụ thám hiểm mặt trăng (1961), đã phá thế độc quyền của Mỹ.

Đời sống nhân dân Liên Xô ngày một nâng cao. Cả nước có 50% số người có trình độ đại học và trung học. Chính trị – xã hội ổn định. Liên Xô đã trở thành thành trì của hoà bình thế giới, là chỗ dựa cho phong trào giải phóng dân tộc phát triển.

Song song với sự phát triển của Liên Xô, là những thành tựu to lớn của các nước Đông Âu. Sau khi thành lập, các nước dân chủ nhân dân Đông Âu đã hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ (1945-1949). Trong những năm 1950-1970, các quốc gia Đông Âu đã tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội: Cải cách ruộng đất, tập thể hoá nông nghiệp, quốc hữu hoá nhà máy, xí nghiệp, đề ra cải cách dân chủ, đảm bảo quyền lợi nhân dân. Đây là những thắng lợi tiêu biểu của các nước Đông Âu. Hệ thống nhà máy, xí nghiệp tăng, đời sống chính trị – xã hội ổn định, có nước vươn lên trở thành nước công nghiệp phát triển như Tiệp Khắc (sản lượng công nghiệp chiếm 1,75% công nghiệp thế giới...).

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Liên Xô và Đông Âu đã hợp tác về mọi mặt: thành lập khối SEV, khối Vacxava, tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội.

Có thể khẳng định rằng, những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu từ 1945-1970 là có thực. Nhờ đó mà các nước xã hội chủ nghĩa có thể chống lại cực Mỹ...

Tuy Liên Xô và Đông Âu sụp đổ (1991), nhưng Nga đã kế thừa những thành tựu mà Liên Xô đã đạt, sẽ tiếp tục phát triển, góp phần xây dựng thế giới hoà bình, tốt đẹp. Nhân loại sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội.

NHẬN XÉT BÀI THI

- Bài làm thể hiện thí sinh hiểu rõ những yêu cầu của đề thi, không rơi vào việc trình bày sự kiện mà biết chọn kiến thức cơ bản để giải quyết vấn đề được đặt ra. Ví như, đối với câu 2, câu 3 của Lịch sử Việt Nam, thí sinh trình bày ngắn gọn, đầy đủ cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông thời Trần (thế kỷ XIII) để tập trung vào một bài học lịch sử, vừa mang tính truyền thống, nghĩa là những sự kiện đã xảy ra trước, được "lặp lại" và tiếp diễn, vừa có ý nghĩa, tác động lớn đối với sự phát triển lịch sử. Bài học được chọn là bài học đoàn kết dân tộc.

Qua đó, thí sinh đã thể hiện nhận thức của mình về đặc trưng, nội dung và chức năng, nhiệm vụ của sử học trong việc "ôn cố nhi tri tân", "lấy xưa phục vụ nay".

- Về Lịch sử thế giới, thí sinh không trình bày về lịch sử các nước Đông Nam Á, mà tập trung làm rõ sự biến đổi của khu vực này trước và sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Khi nêu sự biến đổi này, thí sinh đã trình bày đầy đủ các mặt và nhấn mạnh những điểm chung (giành độc lập, phát triển kinh tế...), những điểm riêng của mỗi nước (theo chế độ chính trị khác nhau...) và cùng nhau đoàn kết, hướng tới tương lai.

Ở câu 2, khi trình bày những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, thí sinh dành sự chú ý đến việc nêu nguyên nhân đạt thành tựu và những sai lầm thiếu sót.

Bài đạt 18 điểm, giải nhất.

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: **NGUYỄN VĂN THỎA**
Tổng biên tập: **NGUYỄN THIỆN GIÁP**

Biên tập và sửa bản in: **TRƯƠNG VŨ XƯƠNG**
Trình bày bìa: NGỌC ANH

NHỮNG BÀI ĐẠT GIẢI TRONG KỲ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA MÔN LỊCH SỬ
Mã số: 02. 189. ĐL. 2002
In 1000 cuốn. Tại Nhà in ĐHQG Hà Nội. Số xuất bản: 25/1247/CXB.
Số trích ngang 291 KH/XB. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2002.